N°153 Août 1930

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ HIẾN-PHÁP NHẬT-BẢN

Các nước Á-châu, theo lẽ tiến-hóa tự-nhiên, tất phải có ngày cải-cách những chế-độ về chính-trị cùng xã - hội. Ở Nhật-bản thời về khoảng thế-kỷ thứ 19, tư-tưởng cùng phong-tục trong dân-gian đã thay đổi đi lắm, khiến cho các đẳng-cấp trong xã-hội, nhất là hạng võ - sĩ (*samourai*), đều tỏ lòng ước-ao cho chính-phủ ân-cần xem-xét đến sự yếu-cần cùng lòng nguyện-vọng của kẻ bình-dân. Cái phong-trào lập-hiến bèn khởi-xướng lên từ đó. Quốc-dân đều khao-khát muốn được một cái hiến-pháp *Kempô* 憲法 = *constitution*) để định rõ chỗ quan-hệ quyền vua với quyền dân thế nào.

Nay ta thử xét xem cái phong-trào lập-hiến ở Nhật-bản do duyên-do thế nào mà kết quả thế nào.

Phàm chính-thể lập-hiến có hai phần cốt-yếu : một là quyền tự-do của cá - nhân ; hai là chế-độ đại-nghị (*système représentatif*), nghĩa là chế-độ cho người dân có quyền bầu kẻ thay mặt mình để bàn việc nước.

Nước Nhật vốn sinh-trưởng trong cái chế-độ gia-tộc của Khổng-giáo, lại thêm cái chế-độ phong-kiến nó ràng-buộc người ta một cách bền-chặt quá, nếu không tiếp-thụ được cái ảnh-hưởng tự ngoại - dương vào, thời tưởng cũng khó lòng nẩy ra được cái quan niệm về nhân-quyền cùng dân-quyền. Tuy-nhiên cái chế-độ gia-tộc về thế-kỷ thứ 19 xem ra cũng đã giảm bớt cái tính-cách nghiêm-khắc đi rồi. Tỉ như một việc vua MUTSUHITO (tức là vua Minh - trị) ra chỉ-dụ nói rằng từ nay phàm thống-kê dân-số phải tính từng đầu người chứ không tính từng nhà từng họ như trước nữa, xem đó thì đủ biết vậy. Lại ngay trong chế-độ phong-kiến cũng có cái tục-thượng trọng về cá-nhân, phái quí-tộc thời vẫn có thói tự-cao tự-trọng, hạng võ-sĩ thời sùng-thượng một cái Khổng-giáo duy-tân, lại thêm thuyết «võ-sĩ-đạo» (*bushidô* 武士道), học Vương Dương-Minh (*Ôyômei*, 王陽明) do đảng cách-mệnh truyền-bá ra, bấy nhiêu duyên-cớ khiến cho kẻ võ sĩ đời bấy giờ nghiêm-nhiên có tính tự-cao tự-đại, có lòng khẳng - khái không muốn phục - tòng chánh - phủ đương-thời, lại có cái chí ma - lệ muốn trau-dồi nhân-cách mình cho được vững-vàng gan-góc, dường như đã manh-nha ra cái chủ-nghĩa cá-nhân rồi vậy. Vẫn biết rằng nhà võ-sĩ đối với cha, đối với chúa, thủy-chung vẫn phải trung-thành kính-cẩn, khó lòng tự mình mà có thể biểu - lộ được cái cá-nhân chủ-nghĩa ấy ra một cách rõ-ràng; nhưng trong nước bấy giờ đương loạn, lại những tư-tưởng khai-phóng ở Âu Mĩ truyền sang làm cho sôi - nổi cả nhân-tâm, khiến cho cái phong-trào đó cũng dễ bành-trướng ra được : đảng võ-sĩ đất *Yezo* khởi-nghĩa chẳng tự xưng là muốn lập Dân-quốc đó dư? Vả lại ở Nhật bản cũng như ở các nước khác, nhân-cách thành-lập là bởi cái trí đoàn-thể : phần nhiều người

trở nên có tư-cách kiến-nghị là chỉ bởi thấy những tư tưởng, tình-ý, lòng tín-ngưỡng, lòng dục-vọng của mình được những kẻ thân yêu ở quanh mình đều cho là hay là phải và đều biểu-đồng-tình với mình. Bao giờ kỷ-luật của xã-hội đã khiến cho người ta biết tự-chế tự-chủ, biết kiên-gan nhẫn-nại mà theo đuổi cho cùng cái mục-đích của mình đã định, đó là cái tư-cách đặc-biệt của các dân-tộc văn-minh, những dân dã-man, dân bán-khai không thể có được, bao giờ được như thế thời cái trật-tự của xã-hội có thể bớt nghiêm đi mà những nhân-vật lỗi-lạc mới xuất đầu lộ diện ra được, và bấy giờ mới qua được cái thời-kỳ nhân-cách hỗn-hợp với đoàn-thể mà đến cái thời kỳ nhân-cách xuất-hiện ra cá-nhân vậy.

Đến như chế-độ đại-nghị, thời nước Nhật vẫn có xưa nay ; có thể nói không có nước nào đã tập-quán cái chế-độ ấy bằng nước Nhật. Trước khi lập quận-huyện theo nước Tàu, thời quần-đảo Phù-tang vẫn chia ra từng nước độc-lập ; trong đất *Yamato* (Đại-hòa, 大和, tên nước Nhật), vua thiên-hoàng (*mikado*) chẳng qua là ông chúa bang (*uji*) lớn nhất mà thôi. Sau cuộc cải-cách về thế-kỷ thứ 8, thời các chính-sự của thiên-hoàng đều do những nhà đại-phu thế-tập kiểm-đốc, và chính-sự của đại-phu thời lại do những người đàn anh trong phiên mình kiểm-đốc : các chức-vụ công không phải là của riêng của người đương chức, thực là của chung của cả phiên vậy. Lại cái tục thoái-vị, nhượng-vị, làm cho các phiên càng có thế-lực lắm : những chức thiên-hoàng, nhiếp-chính, đại-phu, thường thường là vào tay những kẻ ấu-trĩ. Đến khi đặt ra cái chế-độ quân-phiệt thời chính-phủ thành ra một cái cơ-quan vô-danh. Lịch-sử bấy giờ chỉ nói đến « mạc-phủ » (*bakufu* 幕府) mà không nói đến tên vua nữa. Những bậc thiên-hoàng hiển-hách như MINAMOTO YORITOMO, HÔJÔ TOKIYORI, ASHIKAGA YOSHIMITSU, thường vẫn phải hỏi ý-kiến những chúa các phiên khác cùng những bậc đàn anh (*karô*) trong phiên mình, tức như vua nước Anh, phải tư-vấn các họ tử-tước (*barons*) vậy. Họ TOKUGAWA (德川) đặt ra chính-thể chuyên-chế, nhưng kỳ-thực cũng chỉ có một vua IEMITSU là thực-hành được cái quyền chuyên-chế đó mà thôi. IEYASU và HIDETADA thời thường-thường bị các chư-hầu không phục-tòng, phải điều-đình chấm chước luôn. Vua IEMITSU mất thời lấy lẽ quốc-thị của Nhà-nước thay vào quyền tự-nhiên của nhà vua, và chức « tướng quân » (*shôgun*), tức là tướng-quốc, thường bị Mạc phủ lung-lạc. Về thế-kỷ thứ 17 và thế-kỷ thứ 18 thời các giai-cấp xã-hội đều có chế-độ đại-nghị cả. Mạc-phủ là hội-đồng chính-phủ cao nhất trong nước thời là gồm hai hội-nghị, tòa Thương-viện cùng các quan-liêu ; các nhà qui-tộc vào hạng *daimiô* và *hatamoto* cũng thường họp nhau lại thành hội-nghị ; ở các phiên thời bậc hào-trưởng (*karô*), bậc võ-sĩ là chủ-trương cả các công-việc ; ở thành-thị thời có hội-đồng kỹ-mục ; ở các xã-thôn (*mura*) thời có thôn-trưởng do dân bầu-cử cùng những hội-đồng các nông-dân. Các hội-nghị đó vẫn là những hội-nghị đại-biểu cho các giai-cấp ; nhưng đến cuộc Duy-tân nổi lên thời bãi bỏ cả các phiên các cấp, và dự-bị đặt ra các hội-nghị đại-biểu cho cá-nhân vậy.

* *

Vậy thời sau cuộc Duy-tân, phái *samourai* (võ-sĩ) yêu-cầu đặt Nghị-viện lập-pháp chẳng qua cũng là noi theo cái chế-độ đại-nghị sẵn có từ trước. Các nhà sáng-lập ra chính-thể mới cũng hiểu biết như thế, nên mới khuyên Thiên-hoàng làm lễ tuyên-thệ ở *Nijô*, định các chức quốc-vụ khanh phải do các phiên bầu cử ra và đặt

một hội đồng « phiên-biểu » (*koshi*). Nhưng được ít lâu, nhân thấy phái *samourai* có ý chống-cự không chịu phục-tòng, các tay lĩnh-tụ về đầu đời Minh-trị (*Meiji*) bèn không chiêu-tập hội-đồng phiên-biểu nữa, không thiết đến việc các phiên nữa, và công-nhiên thay vì quốc-vương cầm quyền chuyên-chế. Bấy giờ trong nước mới nổi lên một cái phong-trào lớn về chủ-nghĩa dân-chủ.

Đối với phong trào đó, Chính-phủ không thể không nhượng-bộ. Tháng ba năm 1875 đặt một ban ủy-viên để biên-tập hiến-pháp, ủy-viên có bốn người, là OKUBO, KIDO, ITO và ITAGAKI, nhưng sau OKUBO và KIDO chết mà ITAGAKI thì từ chức, chỉ còn lại có một ITO, chuyên quyền tuyệt-đối. Ngày 22 tháng 7 năm 1878 ban luật đặt các hội-đồng hàng quận, luật này mười năm sau lại có luật về các thị-tỉnh năm 1889 bổ-khuyết. Ngày 12 tháng 10 năm 1881, thời Thiên-hoàng hạ chỉ-dụ hứa đến năm 1890 sẽ ban cho dân một đạo hiến-pháp.

Lời dụ đại-khái như sau này :

« Trẫm nối ngôi hoàng-cực đã di-truyền tự hai nghìn năm trăm năm tới nay, thi-hành cái quyền chúa-tể của Liệt-thánh để lại, lâu nay vẫn đã có cái chí muốn đặt một chính-phủ lập-hiến, để làm phương-châm cho kẻ theo sau. . .

« Bởi thế nên Trẫm định đến năm Minh-trị thứ 23 (1890) sẽ đặt một Nghị-viện để cho đạt được cái chí đã nói ở trên. Trẫm truyền cho kẻ hữu-tư từ nay đến bấy giờ phải chuẩn - bị mọi điều để thi-hành việc đó.

« Còn như quyền hạn của Vua cùng cách tổ-chức Nghị-viện thế nào, thời lâm-thời Trẫm sẽ quyết - định và sẽ tuyên-bố.

« Xét ra quốc - dân ta đương có cái khuynh-hướng muốn cấp - tiến quá, không biết rằng phàm tiến-bộ phải có suy-nghĩ, phải có thận-trọng mới được lâu bền. Bởi thế nên Trẫm khuyên các thần-tử, kẻ lớn người nhỏ, nên nhớ lấy một điều như sau này: Kẻ nào muốn bạo động mà đổi sự biến-cách ngay, làm nhiễu loạn cuộc trị-an trong nước, là kẻ ấy có lỗi làm trái ý Trẫm. Khâm thử!

« Theo lệnh Thiên-hoàng : SANJÔ SANETOMI tuyên-bố cho quốc-dân đều biết. »

Ngày 11 tháng 2 năm 1889, Thiên-hoàng tuyên-bố Hiến-pháp, hồi ấy thủ-tướng KURODA đương cầm quyền Nội-các. Thiên-hoàng làm lễ trong Nội, tuyên-thệ xin tuân hiến - pháp. Lời tuyên-thệ như sau :

« Trẫm nay nối ngôi hoàng-cực của các tiên-thánh truyền lại, xin cúc-cung kính-cẩn, trước linh-vị đấng Thủy-tổ cùng các Liệt-thánh, thề rằng sẽ thi-hành một cái chính-sách rộng-rãi như Trời như Đất, để bảo-tồn lấy quốc-tộ cho vĩnh-viễn khỏi suy-đồi.

« Nay xét phong-hội mở-mang, văn-minh tiến-hóa, chính là lúc nên đem những lời di-chiếu của đấng Thủy-tổ cùng các Liệt-thánh mà ban-bố ra cho rõ-ràng, biên ra hiến-pháp, đặt thành điều-mục, để cho nhất-diện thời các con cháu nối ngôi sau này có cái phương-châm đích-đáng mà theo, nhất-diện thời các thần - dân trong nước được hưởng quyền tự-do rộng hơn và ra sức giúp Trẫm trong việc nước, khiến cho phép nước đời đời tôn-trọng vậy.

« Thế là làm cho chế-độ quốc-gia được vững bền, hạnh-phúc quốc-dân được đầy đủ, trong khắp lĩnh-thổ nước nhà. Vậy nay tuyên-bố đạo luật về hoàng-tộc cùng Hiến-pháp cho cả nước. Các luật - pháp đó chính là suy-diễn những lời di-huấn của đấng Thủy-tổ cùng các Liệt-thánh truyền lại. Nay Trẫm may-mắn mà thuận theo cái khuynh-hướng của thời-thế làm nên được việc nay, thật cũng là nhờ cái

đức thiêng-liêng của đấng Thủy-tổ cùng các Liệt-thánh phù-hộ cho vậy.

« Vậy Trẫm xin cầu-nguyện Liệt-thánh cùng đứng Tiên-đế, xin các ngài linh-giáng ủng-hộ cho, lại xin trân-trọng thề-nguyền vĩnh-viễn không bao giờ làm sai các luật-pháp tuyên-bố đây, để làm gương cho quốc-dân.

« Lời thề trịnh-trọng, xin Thần-minh chứng-giám ! »

Thiên-hoàng đã tuyên-thệ trước tổ-tiên rồi, bèn tuyên-cáo cho quốc-dân như sau này :

« Trẫm trông thấy cái cảnh-tượng quốc-gia phú-cường, quốc-dân an-lạc, lòng Trẫm vẻ-vang vui-vầy biết bao nhiêu ! Nay Trẫm thừa cái oai-quyền của Liệt-thánh để lại, tuyên-bố đạo Hiến-pháp này, vĩnh-viễn cho muôn đời về sau.

« Các Liệt-thánh trong hoàng-tộc cùng với các tiên-dân trong nước ta, đã gây dựng ra cơ-sở quốc-gia này bền chặt biết dường nào. Sự-nghiệp vẻ-vang đó làm rực-rỡ cả sử-sách, ấy cũng là nhờ công-đức của Liệt-thánh ta, cùng tấm lòng trung-thành, tru-ái, hiếu-nghĩa, can-đảm của quốc-dân ta. Nay thần-dân ta chính là miêu-duệ những bầy-tôi trung-thành của Liệt-thánh ta, vậy ta chắc rằng sẽ theo lời ta và giúp công ta, đồng-tâm hiệp-lực với ta, để cho cả sáng thanh-danh nước nhà, trong ngoài rực-rỡ, và củng-cố mãi mãi cái sự-nghiệp lớn-lao của Liệt-thánh đã di-truyền lại. »

* *

Hiến-pháp Nhật-bản có bảy chương: 1° Nói về vua ; 2° Nói về quyền-lợi nghĩa-vụ của dân ; 3° Nói về Đế-quốc nghị-hội ; 4° Nói về chức quốc-vụ khanh (*ministres d'Etat*) và Cơ-mật viện (*Conseil privé*) ; 5° Nói về quyền tư-pháp ; 6° Nói về tài-chính ; 7° Các điều-khoản dự-bị

Chương thứ I. — Điều thứ 1 tuyên-bố rằng Đế-quốc Nhật-bản là do một họ thiên-hoàng đời đời kế-tiếp chủ-trương thống-trị. Điều thứ 2 nói rằng việc kế-vị đã định trong luật về hoàng-tộc. Các điều sau thời giải rõ cái quyền-lực của Thiên-hoàng. Thiên-hoàng là thần-thánh bất-khả xâm-phạm (điều thứ 3), gồm cả chủ-quyền trong nước, nhưng phải thi-hành theo hiến-pháp (điều thứ 4). Có quyền tuyên-chiến, có quyền giảng-hòa, có quyền ký ước (điều thứ 13), có quyền thống-suý cả các quân-lực trong nước (điều thứ 11), định phương-pháp tổ-chức quân-đội và số-ngạch lúc bình-thời (điều thứ 12). Lại có quyền định cách tổ-chức các công-cuộc hành-chính, bổ-nhiệm cùng cách chức các quan-lại, trừ những trường hợp đặc-biệt đã định trong Hiến-pháp cùng các luật-pháp riêng (điều thứ 10). Có quyền tuyên-thiết quân-luật (điều thứ 14), ban các chức-tước, phẩm-hàm cùng huy-chương (điều thứ 15), ban ân-xá cùng đại-xá. Xem các điều đó thì biết quyền hành-chính của vua vẫn là quyền tuyệt-đối. Các quân-quan cùng viên-chức do vua bổ-nhiệm, chỉ thuộc quyền vua và chỉ có trách-nhiệm đối với vua mà thôi.

Nhưng quyền lập-pháp của vua thì có hạn-chế. Phải có Nghị-viện bằng lòng mới thi-hành được (điều thứ 5). Song luật của Nghị-viện làm ra, lại phải có vua chuẩn-phê mới có hiệu-lực thi-hành, mà Vua có thể không chuẩn-phê được (điều thứ 6). Vua lại tuyên sắc-lệnh để định cách thi-hành các luật-pháp (điều thứ 9). Khi Nghị viện không họp, có việc cần-cấp, Vua có thể lâm-thời hạ sắc-lệnh cũng có hiệu-lực như pháp-luật ; đến khi Nghị-viện họp thì những sắc-lệnh ấy phải đem ra cho Nghị-viện duyệt-y, nếu không thì các quan quốc-vụ phải tuyên-bố là không thi-hành được nữa (điều thứ 8). Sau hết, Vua có quyền triệu-tập Nghị-viện, gia-hạn hoặc giải-tán (điều thứ 7).

Chương thứ II. — Chương này định quyền-lợi nghĩa-vụ của người dân. Kể ra cũng rộng-rãi chẳng kém gì hiến-pháp của các nước Âu-Tây.

Quyền - lợi có thể chia ra hai mục : quyền tự-do, quyền bình-đẳng. Vua đảm - bảo cho dân được hưởng các quyền tự-do về tín-ngưỡng (điều thứ 28), về dân-sự (điều thứ 29), về chính-trị ; đảm-bảo cho quyền sở-hữu được người ngoài tôn-trọng (điều thứ 27), cho nơi trụ - cư không được ai xâm - phạm (điều 25), cho có quyền muốn trụ-cư ở đâu cũng được (điều 22), có quyền chỉ được bị bắt bị xử theo pháp-luật mà thôi (điều 23 và 24), có quyền thư-trát vãng-lai được giữ bí-mật (điều 26). Lại quyền tự-do lập-hội cũng định phân-minh (điều 29). Các chức văn võ, phàm người dân Nhật-bản đều có thể sung được, miễn là hợp thể-lệ đã định (điều 19).

Về nghĩa-vụ thì người dân có hai nghĩa-vụ chính: một là phải cung binh-dịch, hai là phải nộp tô-thuế.

Chương thứ III. — Nghị-hội có hai viện : Qui - tộc - viện và Chúng-nghị - viện. Nhưng mỗi viện tổ-chức theo luật-lệ riêng (điều 34 và 35). Một người không thể có chân cả hai viện. Hai viện đều có quyền đề-khởi các luật-án. Một bản luật-án đã bị bác ở một viện nào, thì trong khóa ấy không thể lại đem ra bàn nữa (điều 39). Nghị-hội mỗi năm ít ra phải họp ba tháng (điều 41 và 42). Hai viện phải họp đồng-thời với nhau (điều 44). Nếu Chúng-Nghị-viện bị giải-tán, thì phải mở cuộc tổng-tuyển-cử, và Nghị - viện mới họp trong hạn năm tháng sau khi giải-tán (điều 45). Bao giờ chia ba một phần nghị viên có mặt thì Nghị-viện mới họp được (điều 46). Khi bỏ vé quyết - nghị thì hễ được quá nửa số phiếu là được thắng, và nếu số phiếu ngang nhau thì phiếu nghị - trưởng về bên nào bên ấy được (điều 47). Cuộc hội - nghị là công-đồng (điều 48). Nghị - viện đều có thể-lệ định cách hành-động trong viện (điều 51). Nghị viện có thể chấp đơn thỉnh của người ngoài (điều 50) và đệ biểu-trần lên Hoàng - thượng (điều 49). Nghị viên không thể đem ra tố-cáo ở tòa án vì lời diễn thuyết hay vì việc quyết-nghị ở Nghị viện (điều 52); trừ khi phạm tội đương-trường, còn thời giữa khi Nghị-viện họp, muốn nã bắt hay muốn truy-tố một nghị-viện nào, phải xin phép Nghị - viện bằng lòng mới được. Các quan quốc - vụ tổng-trưởng cùng đại biểu của chính-phủ được quyền ra mặt và được quyền biện-thuyết ở Nghị-viện (điều 54).

Chương thứ IV — Chương này chỉ có hai điều : điều 55 về các quan quốc-vụ-khanh, và điều 56 về Cơ-mật-viện.

Điều 55 nói rằng : « Các quan quốc-vụ-khanh (tức là thượng-thư hay tổng-trưởng các bộ) phải bày tỏ ý-kiến cho Hoàng-thượng và phải có trách-nhiệm về ý-kiến đó.

« Phàm các luật-pháp, chỉ-dụ cùng sắc lệnh của Hoàng đế thuộc về các việc quốc-chính đều phải có một quan quốc-vụ-khanh phụ ký. »

Điều này lời-lẽ mập-mờ, khiến cho thiên-hạ dị-nghị nhiều lắm. Nói rằng các quan quốc - vụ - khanh có trách-nhiệm, nhưng trách-nhiệm đối với ai? Phải tự-do thì cho là đối với Nghị-viện ; phải đế-quốc thì cho là đối với Hoàng-đế. Công-tước Ito là người biên-tập hiến-pháp thì khuynh-hướng về ý-kiến của phái đế-quốc.

Viện Cơ-mật hay là Tư-mật (*Sumitsuin*) thời có một viện-trưởng, một phó-viện-trưởng, 27 chức cố - vấn, 1 viên tổng-thư-ký và 5 viên phó thư-ký. Các thân vương cùng quốc-vụ-khanh có quyền dự Tư-mật-viện. Chức-quyền của viện là giải-nghĩa Hiến-pháp và lâm-thời bàn sửa-đổi cho hợp-thời,

uyên-thiết quân-luật và tuyên-bố sắc-ệnh khi Nghị-viện vắng mặt, xét các liền-ước với nước ngoài.

Chương thứ V.— Chương này nói về quyền tư-pháp có định ba điều cốt-yếu như sau : một là quyền tư-pháp với quyền hành-chính phải tuyệt-đối phân-biệt nhau (điều 57), trừ những trường-hợp thuộc về các tòa-án cai-trị không kể (điều 61) ; hai là việc xử án phải công đồng (điều 59) ; ba là phẩm chức tư-pháp là chức bất-dịch (quan trên không thể tùy ý cách bãi được (điều 58).

Chương thứ VI. —Nói về quyền-hạn Nghị-viện về việc tài-chính. Phẩm đặt ra thuế mới, đổi lại thuế cũ, mở cuộc công-thải, phải có Nghị-viện bỏ vé quyết-nghị mới được (điều 62). Sổ dự-toán chi-thu mỗi năm phải do Nghị-viện quyết-nghị (điều 64), và đệ cho Chúng-nghị-viện xét trước. Sổ ngân-sách của Hoàng-tộc không phải đệ Nghị-viện xét, nhưng khi nào tăng-gia khoản nào thì phải có Nghị-viện duyệt-y mới được (điều 66). Những khoản chi về các công sở do trong Hiến-pháp hay luật-pháp đã định, thì Nghị-viện không được quyền bãi đi hay giảm đi, phải có Chính-phủ thuận-nhận mới được (điều 67). Nếu Nghị-viện bác bỏ sổ dự toán, thời Chính-phủ thi-hành sổ dự-toán năm trước (điều 71). Khi nào hoặc vì chiến-tranh, hoặc vì nội-loạn mà không họp Nghị-viện được, thì những khoản chi có thể do sắc-lệnh Hoàng-đế quyết định được, nhưng đến khi Nghị-viện triệu-tập thì phải đem ra trình cho Nghị-viện xét (điều 70). Các sổ kết-toán thì do Viện Kế-toán xét duyệt (điều 72).

Chương thứ VII. — Chương này định cái thủ-tục phải theo khi sửa đổi Hiến-pháp. Để-khởi việc sửa đổi là tự Hoàng-đế. Các quan Quốc-vụ-khanh thừa mệnh Hoàng-đế thảo một bản dự-án đệ trình cho Nghị-viện. Có đủ hai phần ba nghị-viên có mặt thì Nghị-viện mới họp được. Và sửa đổi điều nào thì phải hai phần ba nghị-viên có mặt ở hai viện bỏ vé ưng thuận mới được (điều 73).

***

Đó là kể qua về nội-dung Hiến-pháp tuyên-bố ngày 11 tháng 2 năm 1889. Bổ cho hiến-pháp đó, lại còn mấy đạo luật cốt-yếu nữa, cũng xin lược kê nội-dung như sau này.

Chia ra ba mục : luật về Hoàng-gia ; luật về Nghị-viện ; luật về Tài-chính.

A — *Luật về Hoàng-gia*

Luật này cũng tuyên-bố ngày 11 tháng 2 năm 1889, gồm 12 chương : 1° Nói về việc kế-vị ; 2° Nói về lễ đăng-quang và lễ gia-miện ; 3° Nói về tuổi trưởng-thành của Hoàng-đế, về lễ tấn-tôn Hoàng-hậu cùng Hoàng-trữ (con vua thì là *Kôtaishi* = thái-tử, cháu vua thì là *Kôtaison* = hoàng-thái-tôn); 4° Các tôn-danh mĩ-hiệu ; 5° Quyền nhiếp-chính ; 6° Chức phụ-đạo cho vua còn nhỏ tuổi ; 7° Nói về hoàng-tộc ; 8° Tài-sản của Hoàng-đế ; 9° Việc chi-tiêu trong Hoàng-gia ; 10° Nói về việc phân-tranh trong các Hoàng-thân, cùng các thể-lệ phân-xử thế nào ; 11° Nói về Tôn nhân-phủ ; 12° Các điều linh-tinh.

Chương thứ nhất về luật kế-vị, thời định rằng đàn bà không được làm vua, điều này có trái với cổ-tục Nhật-bản, ngày xưa đã từng có chín vị nữ-hoàng cầm quyền trị nước (điều 1). Lại định quyền kế-vị thuộc con trưởng (điều 2 và 3), nhưng không nói rõ về lệ đặt con nuôi thế nào. Về hàng nào cũng vậy, con vợ chính đứng trước con vợ thứ (điều 4 và 8

Hoàng-đế, Hoàng thái-tử (*Kôtaishi*) và Hoàng thái-tôn (*Kôtaison*), đến 18 tuổi là trưởng-thành (điều thứ 13), còn các hoàng-tử hoàng-tôn khác thì 20 tuổi mới trưởng-thành (điều thứ 14).

Hoàng-đế còn ấu-trĩ, thời phải đặt Nhiếp-chính. Nếu Hoàng-đế vì cớ gì không tri-vì được, thời Tôn-nhân-phủ cùng với Tư-mật-viện hiệp nhau thương-lượng mà đặt Nhiếp-chính (điều 19).

Những người có thể đương-quyền Nhiếp-chính được, thời theo thứ-tự quyền-vị như sau này : Hoàng thái-tử (*Kôtaishi*) đã trưởng-thành, Hoàng thái-tôn (*Kôtaison*) đã trưởng-thành (điều 20), các thân-vương, các hoàng-thân, Hoàng-hậu, Hoàng thái-hậu (*Kôtaikô*), Hoàng-thái hoàng-hậu (*Kôtai Kôgô*), các hoàng-nữ, các nữ-thân-vương (điều 21). Cứ lệ thì thế, nhưng cứ thực thì đàn bà không được giữ quyền Nhiếp-chính. Họ FUJIWARA trước kia vẫn có cái đặc-quyền đời đời gả con gái cho vua, nay cái đặc-quyền ấy không được nữa. Song tuy trong luật không nói rõ các thân-vương có thể kén vợ được ở những họ nào, nhưng theo tục thì Hoàng-thái-tử thường thường vẫn lấy vợ ở họ FUJIWARA.

Nay muốn cho biết rõ cái vị-trí của hoàng-gia ở trong nước thế nào, thời cũng nên biết sổ ngân-sách cùng số tài-sản của nhà vua được bao nhiêu. Vào khoảng năm 1911 thì sổ ngân-sách của nhà vua mỗi năm ước trên dưới 5 triệu viên (*yen*), còn tài-sản thì ước hơn một ngàn triệu phật-lăng Pháp (là tính theo giá phật-lăng trước khi Âu-chiến). Theo sách «Nhật-bản niên-thư» (*Japon year book*) năm 1914, thời tài-sản của nhà vua kê ra như sau này :

Bất-động-sản bằng nhà-cửa.	4.854	đinh (1)
Bất-động-sản bằng ruộng, đất, vườn, rừng. . .	2.208.000	đinh
Cổ-phần ở nhà « Nhật-bản ngân-hàng »	9,660	cổ-phần
Cổ-phần ở nhà *Specie bank*.	60.400	»
Cổ-phần ở nhà Khuyến-nghiệp nông-hàng. . . .	10.000	»
Cổ-phần ở nhà Đài-loan ngân-hàng.	2.521	»
Cổ-phần ở nhà *Nippon Yûsen Kaisha*.	80.550	»
Cổ-phần ở công-ty đèn khí thành *Tokio*.	2.000	»
Cổ-phần ở công-ty đèn điện *Tokio*.	5.839	»
Cổ-phần ở công-ty làm giấy *Fuji*.	10.000	»
Cổ-phần ở công-ty đánh cá *Nippon*.	500	»
Cổ-phần ở công-ty Hưng-nghiệp Triều-tiên (Cao-ly)	5.000	»
Cổ-phần ở công-ty xe lửa cũ *Nippon*.	27.422	»
Cổ-phần ở công-ty xe lửa cũ ở mỏ *Hokkaidô*. . .	27.690	»
Trái-phiếu về trận Nhật-Nga.	20.000.000	yen
Tiền trích ở bồi-khoản của nước Tàu.	20.000.000	»

Các tài-sản đó, quản-lý theo những thể-lệ đã định từ năm 1911.

B. — Luật về Nghị-viện

1. — Thượng-du về Qui-tộc-viện (*Kizoku in = Chambre des pairs*), cũng tuyên bố ngày 11 tháng 2 năm 1889 như Hiến-pháp.

Điều thứ nhất định về cách tổ chức viện ấy, có hai hạng. Hạng thứ nhất là những nghị-viên thế-tập, là : 1° Các người trong Hoàng-gia, tức là Hoàng-thân Tôn-thất đã trưởng-thành (điều thứ 2); 2° Các công-tước hầu-tước tự 25 tuổi trở lên (điều thứ 3) ; 3° Những đại-biểu của tước bá, tước tử, tước nam, tước nào do người tước ấy

(1) *Đinh* 町 (*chô*) là mẫu Nhật-bản cũng hơi ngang bằng một *hectare*.

bầu ra; những đại-biểu ấy phải ít ra là 25 tuổi, và số không được quá một phần năm tổng-số những người cùng tước với mình (điều thứ 4).

Hạng thứ nhì là hạng những nghị-viên không thế-tập, số không được quá số nghị-viên thế tập (điều thứ 7). Hạng này thời có một phần là nghị-viên vĩnh-viễn do Hoàng-đế đặc-cử trong những người có tài-học có công-cán, mà tuổi ít ra phải ba-mươi, còn một phần thời là nghị-viên bầu ra một hạn 7 năm, mỗi quận bầu một người, mà cách bầu là kén chọn khắp trong hàng quận lấy 15 người tuổi ít ra là ba-mươi mà đóng thuế trực-tiếp nhiều hơn cả, rồi trong 15 người ấy chọn lấy một người; những nghị-viên bầu-cử đó thời phải do Hoàng-đế ban chức qui-tộc mới được dự vào Qui-tộc-viện.

Qui-tộc-viện chiêu-tập lần thứ nhất năm 1890 có 252 người, trong số đó thời 10 vị hoàng-thân, 10 vị công-tước trong tổng-số 11 vị, 21 vị hầu-tước trong tổng-số 24 vị, 15 vị bá-tước do 76 người bầu ra, 70 vị tử-tước do 324 người bầu ra, 20 vị nam-tước do 74 người bầu ra, 45 người đại-biểu vào số đóng-góp nhiều nhất trong nước được cử ra một hạn 7 năm, và 61 người do Hoàng-đế đặc-cử vĩnh-viễn (trong số đó thời có 3 chức cố-vấn của nhà vua, 27 người ở Nguyên-lão-viện cũ, 2 người ở hội-nghị lập-pháp, 6 người giáo-sư trường đại-học, 10 viên quan to, và 13 người không làm chức gì.) Đến năm 1908 thời Qui-tộc-viện có 367 người, trong số đó thời có 16 thân-vương, 13 công-tước trong tổng-số 15, 29 hầu-tước trong tổng-số 37, 17 bá-tước trong tổng-số một trăm, 70 tử-tước trong tổng-số 375, 56 nam-tước trong tổng-số 376, 45 người đại-biểu những nhà tư-bản to và 123 người do Hoàng-đế đặc-cử vĩnh-viễn.

Viện-trưởng và phó viện-trưởng Qui-tộc-viện do Hoàng-đế bổ-nhiệm, kỳ-hạn 7 năm.

Cách tổ-chức Qui-tộc-viện như thế, muốn thay đổi gì phải có đồng-viện bằng lòng mới được.

II. — Viện thứ hai là Chúng-nghị-viện (*Shugi-in*). Luật định cách bầu-cử viện này cũng tuyên-bố ngày 11 tháng 2 năm 1889; lại có một đạo luật ngày 29 tháng 3 năm 1900 sửa đổi lại, đến năm 1902 lại có 2 bản tu-chỉnh lại lần nữa, hiện vẫn thi-hành. Nay tóm-tắt lại là bằng-cứ ở luật ngày 29 tháng 3 năm 1900, còn luật ngày 11 tháng 2 năm 1889 thời chỉ nhắc lại những điều cốt-yếu, cho rõ cái chủ-nghĩa dân-chủ trong 10 năm đã tấn-tới là dường nào.

Luật năm 1900 có 13 thiên, nói về các khu bầu-cử, về những người có quyền bầu-cử và có quyền ứng-cử, về các sổ bầu-cử, về thể-thức bầu-cử, về trật-tự ở nơi bầu-cử, về cách kiểm-điểm các phiếu bầu, về cách tuyên-bố các số phiếu, về những người trúng-cử, về kỳ-hạn làm nghị-viên, về các cuộc bầu-cử thêm, về những lời dị-nghị về việc bầu-cử, về những hình-phạt đối với các kẻ phạm luật bầu-cử, rồi mấy thiên sau cùng thì là những tạp-lệ linh-tinh.

Luật năm 1889, thì có 14 chương, đại-khái phân ra các mục cũng sâm-si như thế.

Cách bầu-cử là theo lối hợp-sách tuyển-cử (*scrutin de liste*). Trong 2 đạo luật không có điều nào nói về mỗi hạt dân-số bao nhiêu thì được bầu bao nhiêu nghị-viên; chỉ nói mỗi phủ hay mỗi quận được bầu bao nhiêu nghị-viên theo số đã định trong cái biểu đính theo với đạo luật. Luật năm 1889 thì định số dân-biểu là 300 người; luật này đại-khái không lợi cho các nơi thị-thành mấy. Luật năm 1900, do 2 bản phụ sửa lại năm 1902 thời tăng

số nghị-viên lên 381; các thị-tỉnh như *Tokio* được 11 người *Kioto*, được 3 người, *Osaka* được 6 người, *Nagoya*, *Yokohama* và *Kobé* được mỗi nơi 2 người, *Nagasaki*, *Niigata*, vân-vân, được mỗi nơi một người, thế là các thị-tỉnh được cả thảy 75 người. Đó là cách bầu-cử theo lối nước Anh, các quận (*comtés*) với các thành (*bourgs*) lập thành khu bầu-cử khác nhau. Cứ thực thì mỗi nơi thành-thị dân-số hơn 3 vạn người và mỗ quận đều được bầu một người, trừ những nơi thành-thị lớn có đến mấy mươi vạn người, thời cứ 13 vạn người lại được bầu thêm một chân nghị-viên nữa.

Có quyền đi bầu thì phải là người đàn ông, làm dân Nhật-bản, ít ra 25 tuổi, ở cái hạt mình ở đó được hơn một năm, hơn một năm nộp thuế điền-thổ hay thuế trực-tiếp cho Nhà-nước ít ra là 10 *yen*, hay là trong hạn hai năm đã nộp một phần thuế trực-tiếp và một phần thuế điền-thổ ít ra là 10 *yen*; giữa năm mà người nào quá-cố đi thì cái số thuế của người ấy đã nộp tính vào cho người ăn kế-thừa.

Luật năm 1889 điều thứ 6 định số thuế được quyền đi bầu là 15 *yen*, và bắt người nào không nộp thuế trực-tiếp, chỉ nộp thuế lợi-tức mà thôi, phải trong hạn 3 năm mỗi năm nộp ít ra là 15 *yen* mới có quyền bầu-cử.

Mỗi người bầu-cử chỉ được bỏ một phiếu.

Phàm người dân trong nước tự 30 tuổi trở lên có quyền được ứng-cử. Đó là điều thứ 10 trong luật năm 1900, có rộng hơn điều thứ 8 luật năm 1889, điều này bắt người ứng-cử cũng phải đủ tư-cách như người bầu-cử. Luật Nhật-bản cũng như luật nước Anh không cho các hộ-chủ (*koshu*), cùng những người trưởng các họ Hoa-tộc (*kazoku*), được quyền bầu-cử và ứng-cử, cũng như các quân-nhân vậy. Lại những giáo-sĩ các đạo, giáo-viên tiểu-học, những người có ký khế ước với chính-phủ, những quan-lại trong bộ Hoàng-thất, những quan chưởng-lý cùng quan tư-pháp, những chức viện-trưởng và cố-vấn viện Cao-đẳng Thẩm-phán và viện Kế-toán, những viên-chức cảnh-sát và tài-chính, đều không được quyền ứng-cử; còn những quan-lại khác thì làm việc ở hạt nào không được ứng-cử ở hạt ấy.

Một người không thể kiêm cả chức hội-viên hàng quận với nghị-viên Chúng-nghị-viện được.

Theo luật năm 1889, thì cứ hễ được quá nửa số phiếu bầu là được trúng cử; theo luật năm 1900 điều thứ 30 thì lại phải được một phần năm số người bầu-cử chia với số nghị-viên phải bầu cho từng hạt mới được.

Luật năm 1889, điều thứ 38 bắt-buộc rằng trong phiếu bầu cho ai đề tên người ấy, lại phải ký tên hay đóng dấu của mình xuống dưới nữa. Điều thứ 36 luật năm 1900 thì bỏ cái lệ ấy đi mà cho phiếu bầu không phải ký tên nữa. Đó cũng là một điều nhượng-bộ to cho phái dân-chủ.

Luật lại kể rõ các thể-thức thuộc về cách làm sổ bầu-cử, về cách khai-bế cuộc đầu-phiếu, về cách kiểm-điểm các số phiếu. Các thể-thức ấy cũng phiền-phức lắm, nhưng đại-khái không khác gì những thể-thức thi-hành ở các nước Âu-châu. Việc điểm phiếu thời ở các tỉnh-thành làm hôm sau ngày đầu-phiếu, ở các quận thì vào hôm sau ngày ở sở-tại nhận được những hộp phiếu các nơi gửi lại.

Luật năm 1889 (điều 30), định rằng nếu Nghị-viện không bị giải-tán thì ngày tổng-tuyển-cử vào ngày mồng 1 tháng 7. Luật năm 1900 thì đổi lại mà định rằng ngày tổng-tuyển-cử sẽ do sắc-lệnh Hoàng-đế tuyên-bố 30 hôm trước.

Kỳ-hạn Chúng-nghị-viện là bốn năm.

III.— Nhà lập-pháp Nhật-bản đã dự-định mọi điều một cách rất chu-đáo. Đồng-thời với hiến-pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1889, Hoàng-đế lại châu-phê một đạo luật riêng về Nghị-viện.

Luật này có 18 thiên nói về cách chiêu-tập, tổ-chức và khai-mạc Nghị-viện, về chức nghị-trưởng, chức thư-ký và các khoản chi-tiêu trong Nghị-viện, về lương-bổng các nghị-viên, về các ban ủy-viên, về các kỳ hội-đồng, về cách gia-hạn và bế-mạc Nghị-viện, về cách họp kín, về việc quyết-nghị số dự-toán, về tổng-trưởng các bộ và ủy-viên Chính-phủ ra Nghị-viện, về cách chất-vấn, về cách biểu-trần lên Hoàng-đế, về sự quan-hệ hai viện với nhau, về các đơn thỉnh-cầu, về sự giao-thiệp Nghị-viện với dân, về các tờ-tâu biện-sự, về các hội-nghị địa-phương, về sự từ chức và mất chức, về lệ xin nghỉ, lệ từ chức và lệ bầu-cử một phần Nghị-viện, về kỷ-luật và cảnh-sát trong Nghị-viện, về các cách trừng-phạt thuộc kỷ-luật.

Nghị-viện chiêu-tập do sắc-dụ Hoàng-đế, phải tuyên-bố ít ra bốn mươi hôm trước ngày họp (điều thứ 1)

Chánh và phó nghị-trưởng Chúng-nghị-viện do nghị-viện kê ra một cái sổ ba người, rồi tự Hoàng-đế lựa chọn (điều thứ 3).

Điều thứ 19 định lương-bổng của nghị-trưởng hai viện là 4000 *yen*, phó nghị-trưởng 2000 *yen*, và nghị-viên Chúng-nghị-viện cùng nghị-viên không thế-tập của Qui-tộc-viện là 800 *yen*. Bản bổ-chính năm 1899 thời tăng số lương ấy lên 5000, 3000 và 2000 *yen*, lại đặt lệ cho nghị-viên nào không muốn nhận tiền lương cũng được. Nghị-viên khi vãng-phản được tiêu lộ-phí.

Cách tổ-chức ở trong viện thời phỏng theo chế-độ của nhiều nước. Điều thứ 4 chia trong viện ra từng ban giống như phần nhiều các Nghị-viện Âu-châu; cử các ban do cách rút thăm, nhưng ban-trưởng thời do đồng-ban bầu. Thiên thứ IV (điều 20 đến 25) thời lại phỏng theo cách làm việc của Nghị-viện Anh đặt ra từng ban ủy-viên của cả viện, ban ủy-viên thường-trực và ban ủy-viên đặc-biệt.

Khi hội-đồng thì đã định lệ rằng phàm các dự-án của chính-phủ đã trình phải đặt ngay đầu chương-trình thảo-luận (điều 26).

Trừ khi tuyên-bố là cần-cấp, phàm dự-án phải đem ra đọc ba lần rồi mới đầu-phiếu quyết-nghị (điều 27).

Một bản dự-án luật đã do hai viện quyết-nghị rồi, thời viện-trưởng viện nào đã quyết-nghị sau cùng chuyển lên quan quốc-vụ-khanh để đệ-trình Hoàng-thượng chuẩn-y. Hoàng-thượng có khi chuẩn cũng có khi không chuẩn. Nếu chuẩn thì luật phải tuyên-bố trước kỳ Nghị-viện họp sau (điều 31 và 32).

Một bản dự-án luật kỳ này đã không quyết-nghị thời không đem ra thảo-luận kỳ sau nữa (điều 35), trừ khi viện nào thảo-luận luật ấy thương-thuyết với chính-phủ thuận-nhận đặt một hội-đồng nghiên-cứu trong khoảng hai kỳ Nghị-viện họp (điều 24).

Chính-phủ có quyền gia-hạn họp Nghị-viện, duy không được quá 15 ngày (điều 33).

Kỳ bế-mạc Nghị-viện thời hai viện đều họp làm một (điều 36).

Hai viện đều có thể họp kín, do Chính-phủ yêu-cầu, do Nghị-trưởng chiếu ý-kiến đồng-viện quyết-nghị, hay do mười nghị-viên ký giấy thỉnh-cầu (điều 38).

Ban xét sổ dự-toán ở Chúng-nghị-viện được hạn 15 ngày để xét bản dự-án của chính-phủ và làm tờ trình cho Nghị-viện. (điều 40).

Muốn sửa đổi điều gì về sổ dự-toán, thời bản dự-án cải-bổ phải ít ra 30 người ký mới đem ra thảo-luận được. (điều 41).

Các quan quốc-vụ-khanh cùng các ủy-viên của Chính-phủ bao giờ cũng được quyền nói ở giữa Nghị-viện cùng ở các tiểu-ban (điều 42 và 43). Khi nào lại vừa có chân ở Nghị-viện nào thời được quyền đầu-phiếu ở viện đó. (điều 45).

Một nghị-viên ở viện nào muốn làm giấy chất-vấn Chính-phủ về việc gì phải được ba mươi người cùng ký mới được (điều 48). Lại muốn biểu-trần lên Hoàng-đế hay đàn-hạch chính-phủ, cũng phải được ba mươi người ký. Phàm đàn-hạch phải bằng giấy. Biểu trần thời hoặc viết, hoặc do nghị-trưởng chuyển đệ lên Hoàng-đế cũng được (điều 51, 52).

Sổ dự-toán chi thu phải đệ cho Chúng-nghị-viện trước, các dự-án luật khác thì do các quan quốc-vụ-khanh đệ cho viện nào trước cũng được (điều 53).

Bản dự-án nào đã do một viện quyết-nghị rồi thời chuyển-đệ sang viện kia, viện này muốn bác hẳn, muốn thừa nhận hay muốn cải-bổ cũng được. Nhưng quyết-nghị thế nào phải trình cho Hoàng-đế và cho viện đã xét trước biết. Khi viện đã xét trước đó không nhận những điều cải-bổ của viện xét sau, thời viện nọ hay viện kia có thể yêu-cầu họp một hội-nghị mỗi bên cử ra ít là mười người; nếu hội-nghị ấy đã ưng-thuận rồi thời khi đem ra Nghị-viện quyết-nghị chỉ có ưng với không ưng, chứ không được cải-bổ gì nữa (điều 53 đến 59).

Hai viện đều có thể nhận được những đơn thỉnh-cầu của dân-gian, nhưng những đơn thỉnh-cầu ấy không được đả-động đến Hiến-pháp (điều 62 đến 71). Không viện nào được quyền hiểu cáo cho quốc-dân (điều 72), đòi chứng-nhân đến trước viện (điều 73), cũng không được thư-từ gì với các hội-nghị địa-phương cùng các quan-lại khác, trừ các quan quốc-vụ-khanh cùng các ủy-viên của chính-phủ (điều 75). Quyền cảnh-sát trong viện là thuộc viện-trưởng (điều 85). Một nghị-viên nào không tuân kỷ-luật trong viện thời lệ trừng-phạt nặng nhất là phải trục-xuất ra ngoài viện, nhưng phải do quá hai phần ba nghị-viên quyết-nghị mới được. Nếu người bị trục-xuất đó lại được tái-cử thời không trục-xuất người ta được nữa (điều 96-97).

C.— *Luật về tài-chính*

Đạo luật sau cùng phụ-tiếp với Hiến-pháp ngày 11 tháng 2 năm 1889 là luật về tài-chính. Luật này có năm thiên (tổng-tắc, sổ dự-toán, phần dự-thu, phần dự-chi, sổ kết-toán).

Thiên thứ nhất định bốn điều cốt-yếu, để kiểu-chỉnh lại cái tình-hình hỗn-độn về tài-chính tự trước cho đến năm 1881. Điều thứ 1 định rằng «năm tài-chính» là bắt đầu ngày mồng một tháng 4 mà cùng-tận ngày 31 tháng 3 năm sau. Điều thứ 2 là hết thảy các khoản thu-nhập, bất-cứ là khoản gì, phải biên vào phần thu, và hết thảy các khoản chi-xuất, bất-cứ là khoản gì, phải biên vào phần chi. Điều thứ 3 là phàm khoản thu-nhập một năm không thể trích ra một số nào mà biên vào khoản thu-nhập năm sau được. Điều thứ 4 là không có công-sở cùng bộ-thự nào được có khoản chi-thu đặc-biệt, trừ có quốc-luật hay có sắc-lệnh chuẩn cho không kể.

Mỗi năm Chính-phủ đệ-trình Nghị-viện sổ dự-toán năm sau, vào ngay đầu khóa họp (điều thứ 5). Sổ dự-toán chia làm hai phần, dự-toán thường

và dự-toán phi-thường, mỗi phần lại chia ra từng chương từng tiết, và có định theo các công-văn phụ-thuộc (điều thứ 6).

Số những trái-phiếu của công-khố phát-hành mỗi năm, phải do Nghị-viện định (Điều thứ 9).

Phàm tô-thuế phải có luật nhà-nước định mới được thu, và những quan-viên nào thu thuế cũng phải có sắc-lệnh chỉ rõ mới được (điều thứ 9).

Các khoản chi-thu chuyển-dịch năm nọ sang năm kia hay sổ này sang sổ khác không được (điều 11 và 12)

Các bộ quốc-vụ, bộ nào thu-nhập khoản gì, cũng phải nộp vào công-khố (điều 12).

Sổ kết-toán, phải giao cho viện Kế-toán kiểm-điểm, rồi trình cho Nghị-viện xét.

. . .

Trở lên là lược-khảo về hiến-pháp Nhật-bản cùng những luật ban-bố để thi-hành hiến-pháp ấy. Nay thử tổng-quát mà bình-phẩm qua về chế-độ hiến-pháp ấy đối với nước Nhật-bản thế nào. Nên chia ra hai phần, một phần nói về quyền tự-do của cá-nhân, một phần nói về quyền tự-do chính-trị.

Định cho dân được hoàn-toàn hưởng các quyền tự-do về cá-nhân, là một cái chính-sách cao-thượng, hợp với nhân-đạo, hợp với văn-minh. Dù tạm-thời có phải hạn-chế một đôi chút, nhưng cái lý là đương-nhiên, cần phải tuyên-bố ra cho ai cũng biết. Nước Nhật-bản là một cố-quốc Á-châu, mà phàm các dân-tộc Á-châu theo về Khổng-giáo, thì ngoài cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế, coi quyền vua trong nước như quyền người gia-trưởng trong nhà, ngoài chính-thể đó không hề quan-niệm tới một cái chính-thể nào khác nữa, vậy mà nước Nhật thuận theo phong-trào mới, công-nhiên xướng lên cái nghĩa nhân-quyền, thật cũng là một sự biến-cách lớn-lao vậy.

Đến như vấn-đề quyền tự-do về chính-trị, thì có phiền-phức hơn. Hoặc có người bình-phẩm hiến-pháp Nhật-bản nói rằng hiến-pháp này có lẽ khi sớm quá, khiến cho thi-hành không được thành-thực, đối với quốc-dân cũng như đối với Liệt-cường ở ngoài, các nhà đương-đạo hồi bấy giờ muốn tỏ ra theo phong-trào mới mà ban-bố cho dân lắm cái quyền chưa thể thi-hành được, tự các nhà ấy cũng biết như thế, nên điều-luật tuyên-bố ra, có nhiều điều không được rõ-ràng, hiểu ra nghĩa rộng hay nghĩa hẹp cũng được lại có nhiều điều hạn-chế, khiến cho cái ý-nghĩa hay của luật không thể diễn ra sự thực. Dân Nhật-bản hồi 40 năm trước, phần nhiều hãy còn là một dân nghèo, chưa có giáo-dục gì mấy, quen sinh-trưởng dưới cái chế độ gia-trưởng, trên là quyền chuyên-chế tuyệt-đối của nhà vua, dưới là quyền chuyên-chế trực-tiếp của các phiên, kể cứ thực ra thì chưa đủ tư cách tự-trị. Lại chế-độ phong-kiến bãi bỏ đi, thì phái võ-sĩ không có quyền gì nữa, mà phái này thì cổ-lai vẫn là kẻ hướng-đạo tự-nhiên của nhân-dân, dân nhất-dân mất người dìu-dắt, cũng không thể một mình tự-chủ ngay được.

Xét về phương-diện khác thì bấy giờ cuộc cách-mệnh duy-tân vừa xong, cái không-khí trong xã-hội hãy còn là cái không-khí cách-mệnh, vậy mà tuyên-bố ngay những quyền tự-do ngôn luận, tự-do kết-đảng lập-xã, thì chẳng phải là không hợp-thời dư? Tuyên-bố như vậy mà nào có thi-hành được đâu, còn phải hoãn đến 20 năm, thì đã vội tuyên-bố làm gì.

Lại Chúng nghị-viện thì chỉ có hai cách tổ-chức: một là làm một Nghị-hội bầu-cử làm hai đợt mà quyền-hạn có hạn-chế, thì thích-hợp với trình-độ

dân hơn; hai là làm hẳn một cái nghị-viện chân-chính, thực là đại-biểu được cho cả nhân-dân, mà có đủ quyền-hạn để làm việc. Nay Chúng-nghị-viện ở nước Nhật thì thế nào? Nghị-viện này không thể cho là đại-biểu cho cả dân được, vì hồi năm 1890 dân-số Nhật-bản có 40 triệu người mà số người đi bầu chỉ có 40 vạn mà thôi. Lại số người có quyền bầu-cử là tùy theo với số thuế mà tăng lên, thành ra một phần tư hay một phần ba người đi bầu chỉ là miễn-cưỡng mà thi-hành cái quyền đó mà thôi, và bầu ai ra thì tựa-hồ chỉ ấy cho người đó một việc, là làm sao giảm bớt thuế cho dân, thế có khác gì như tự mình lại hạn-chế quyền bầu-cử của mình không. Lại phái võ-sĩ cổ-lai vẫn là phái thượng-lưu hướng-đạo cho quốc-dân, tự khi cách-mệnh thì mất cả quyền-vị, thành ra theo cái chế-độ bầu-cử lấy số đóng thuế làm chuẩn, bọn này không có quyền gì ở Nghị-viện cả. Không những thế, ở Nghị-viện thì phái võ-sĩ chỉ là một tối-thiểu-số, mà trong hàng quan-liêu thì phái này lại đông lắm, vào khoảng năm 1890 hầu hết các quan-chức là ở trong tay họ cả, mà hiện nay phần nhiều cũng vẫn còn thế, thành ra Chính-phủ với Nghị-viện dường như tương phản với nhau. Chúng-nghị-viện đã không đại-biểu được cho phái võ sĩ, lại cũng không đại-biểu được cho phái tư-bản: những nhà giàu-có, nộp thuế với nhà nước nhiều thì lại cử đại-biểu lên Qui-tộc-viện kia. Chúng-nghị-viện cũng lại không đại-biểu được cho phái cổ-điển nữa: những danh-gia thế-tộc cùng những giáo-hội đạo Phật đạo Thần, đều cử người lên Qui-tộc-viện cả. Chúng-nghị-viện lại không đại-biểu được cho phái huân-nghiệp nữa: bao nhiêu những người có công về đời Minh-trị, như Okuma, Goto, Itagaki, Togo, Nozu, Kuroki đều có chân Qui-tộc-viện cả. Chúng-nghị-viện lại không đại-biểu được cho phái tài-năng. Bao nhiêu những người có tài-danh trong nước thì cũng có chân ở Qui-tộc-viện cả, hoặc là chân nghị-viên thế-tập, hoặc là chân nghị-viên vĩnh-viễn, do Hoàng-đế cử ra. Không những thế: Ở Chúng-nghị-viện mỗi khi có một người nào xuất-sắc đột-khởi lên, thì dù chính-kiến người ấy thế nào mặc lòng, liền được cử lên Qui-tộc-viện ngay. Như thế thì không khác gì như chủ-ý làm giảm mất giá-trị của Chúng-nghị-viện đi, trong viện có người nào khá thì đem lên viện trên mất cả. Vậy thì Chúng-nghị-viện còn đại-biểu cho ai nữa, chẳng qua là đại-biểu cho một hạng trung-lưu vô-quyền-vị, cho một hạng tiểu-tư-bản không có thế-lực gì, thế mà thôi. Vì nước Nhật cổ-lai không có một hạng trung-lưu có cốt-cách như các nước Âu-châu khác, dân kẻ chợ thì không có học-thức, không có tư-tưởng bằng dân các thành-thị ở Pháp, ở Đức, ở Anh, còn dân nhà quê thì cũng không có những hạng tiểu-điền-chủ, đủ có tư-bản khá-khá, đủ có tư-cách độc-lập, cha truyền con nối, làm hào-trưởng chốn dân-thôn, như ở nước Anh về thế-kỷ thứ 17, ở nước Pháp cũng còn nhiều nơi bây giờ, hay ở mấy hạt nước Thụy-sĩ ngày nay.

Thành ra đại-để có thể nói rằng Chúng-nghị-viện đã ít có liên-lạc với phần linh-hồn trong nước là bọn thượng-lưu, lại cũng ít liên-lạc với phần thân-thể trong nước là hạng bình-dân. Bởi thế nên trong viện chỉ đảng nọ phái kia cạnh tranh nhau vô-ích, mà cái phong hối-lộ hủ-lại thường nhiễm đến cả phái đại-biểu vậy.

Đó là những lời bình-phẩm của kẻ cho hiến-pháp là không hợp-thời. Đối với những kẻ phản-đối đó, có thể trả lời rằng cái phong-trào dân-chủ mỗi ngày một bành-trướng, muốn hạn-chế lại thì cũng phải nhượng-bộ nhiều,

Các nước văn - minh ngày nay được hưởng quyền tự do đã lâu, coi như là một sự tự-nhiên; lại những quyền tự-do ấy có khi bị lạm-dụng khiến cho nhiều người nghe nói đến mà đã chán thay; nhưng phải nhớ đến cái lúc chưa được hưởng những quyền-lợi ấy thì khát-khao mong-mỏi biết dường nào, đã bao phen cạnh-tranh khó-nhọc mới thu-hoạch được.

Vả lại, đó là những lời dị-nghị ngay sau khi mới ban hiến-pháp năm 1890, chứ ngày nay thì không đúng nữa rồi. Vạn-sự khởi-đầu nan: lúc mới thi-hành thì làm sao cho hoàn-toàn được ngay, tất phải qua một thời-kỳ hỗn-độn. Các đảng-phái ở Nghị-viện, tuy cũng có những-nhiễu thật, nhưng xét ra cũng không có ngăn-trở gì cho việc nước cả. Những việc cải-cách rộng-rãi có lẽ trong năm 1890 làm thời khi sớm, nhưng giá bấy giờ không làm thì sau này cũng phải làm. Lại trình-độ dân mỗi ngày một cao lên, kẻ học-thức, người tư-bản càng nhiều ra, thì quyền bầu-cử lại càng mở rộng, những tay nghị - viên có tư-cách cũng càng ngày càng nhiều.

Cứ bình-tĩnh mà xét thì hiến-pháp Nhật-bản còn có một điều khuyết-điểm như sau này: là các khoản định về quyền - lợi nghĩa - vụ của quân - chủ, hình như dập theo cái hình-ảnh của vua Minh-trị cả. Vua Minh-trị là một vị anh-quân, cử quốc tự bậc sĩ-phu cho đến kẻ bình-dân, đều một lòng tôn-trọng như thần như thánh. Đối với vua không ai còn dị-nghị được một điều gì. Vua lại là một người siêng-năng mẫn-cán, các việc quốc-chính, có thể xem xét đến hết cả được. Vậy mà lại có cái đức-tính khiêm-tốn, có cái tài khéo chọn người, đã ủy-thác cho ai công-việc gì, thì một lòng tin để cho người ta làm việc, không muốn thời - thường can-thiệp đến luôn. Nhưng vua Minh-trị có cái oai - quyền đặc-biệt, có những đức-tính cao-siêu như thế, chứ các vua kế-nghiệp sau phỏng có được như thế không? Hiến-pháp định quyền-hạn cho vua rộng quá, lại trách nhiệm cũng nặng quá, gặp ông vua bình-thường thì dương làm sao nổi? Lại phàm vua quyết-định điều gì thì một quan quốc-vụ-khanh phải phụ-ký vào lời sắc, mà vua quyết-định có khi trái ý cả các quan quốc-vụ khanh cũng được. Như vậy thì sự quan-hệ vua với các quan đó sẽ thế nào? Bao nhiêu các quan văn - võ, bao nhiêu các chức-quyền lớn là một mình vua trực-tiếp bổ-nhiệm cả, vậy thì các quan quốc-vụ còn có quyền gì nữa? Có người nói hiến-pháp của Nhật-bản là hiến-pháp để cho vua Minh - trị thi-hành mới được, cũng như hiến-pháp của Tể-tướng BISMARCK nước Đức, dày Tể-tướng mới thi-hành được, người kế-nghiệp sau vị-tất đã làm nổi.

Song dù hiến-pháp này cũng có điều dị-nghị được, nhưng rút lại cân nhắc cho kỹ, việc ban-bố hiến - pháp năm 1890 thật là một cái đại-sự-nghiệp, đáng ghi truyền trong lịch-sử Nhật-bản đời đời. Một dân-tộc cổ-lai vẫn chưa được hưởng cái mùi tự-do là gì, ước-ao mong-mỏi mãi không được, mà nhất-đán được trông thấy hình-ảnh tự-do ở trước mắt, thì khoan-khoái biết dường nào! Nhưng cái tự-do đã khó-nhọc mới thu hoạch được đó, chẳng hay có biết khéo dùng để lợi-ích cho mình không? Cứ xét lịch-sử văn-minh thì biết phàm của báu ở đời, như tài-sản, như học-thức, như đạo đức, là phải qua đào-thải mới thành được, nghĩa là chỉ có những hạng người đặc-biệt mới được hưởng mà thôi, rồi sau mới khuếch-trương ban-bố mãi ra mà phổ - cập đến cả dân-chúng. Bởi thế nên muốn cho quyền tự-do thật có ích-lợi cho toàn-thể quốc-

gia, thì phải truyền-bá văn-minh trong công-chúng để cho kẻ bình-dân hiểu biết những chế-độ luật-pháp từ trước đến nay vẫn miễn cưỡng mà phải theo, từ nay về sau sẽ tự-nhiên khuynh-hướng mà theo vậy. Những chế-độ đó trước kia có lẽ không hiểu mà phản-đối, từ nay đã biết thì sẽ ra tay mà chống giữ vậy. Kẻ bình-dân rồi tự mình bắt-buộc mình phải giữ-gìn trật-tự, phải phục-tòng công nghĩa cùng đạo-đức, phải tôn-trọng quyền-lợi cùng tài sản của kẻ khác, và tự mình sẽ biết rõ quyền-lợi của mình về chính-trị, về xã-hội, về kinh-tế, và sẽ có phương-kế để bảo-thủ lấy. Ở Nhật-bản thì lại có một điều khác các nước khác: là những cái chế-độ mà từ nay giao cho kẻ bình-dân quản-cố lấy, thì là những chế-độ phỏng-chép của ngoại-quốc cả. Ban hiến-pháp cho dân Nhật-bản, tức là thử xem người dân có hiểu tinh-thần những sự cải-cách đó không, có biết cái giá-trị nó thế nào không, và có biết thiết-tha mà trân-trọng không.

Việc ban hiến-pháp Nhật-bản năm 1889, lại là một việc lớn đáng kỷ-niệm trong lịch-sử Á-châu nữa, vì là một sự thí nghiệm cho biết người Á-châu có tư-cách lập được một chánh-phủ tự do, dựng được một quốc-gia chân chính, như các nước Âu-Mĩ đời nay không. Nhật bản đối với các dân-tộc Á-đông khác, có nhiều chỗ giống nhau, thật là đại-đồng tiểu-dị, vậy việc thí nghiệm của nước Nhật-bản cũng là cái bài học hay cho các nước khác. Nhật-bản đối với Ấn-độ cùng các nước Hồi-giáo ở Tiểu-Á-tế-á thì không được giống lắm bằng các nước Á-đông. Nhưng đại-đề thì văn-minh Á-châu tuy không được thuần-nhất như văn-minh Âu-châu, nhưng kể ra cũng cho là có một cái văn-minh chung cho cả Á-châu, và nước Nhật-bản là nước Á-châu trước nhất đã theo về đường lập-hiến như Âu-châu, thì các nước Á-châu khác cũng có thể lấy làm gương mà bắt-chước vậy.

T. - C. *biên-dịch*

CHẾ-ĐỘ ĐỒNG-TỬ-QUÂN

Khởi-xướng ra chế-độ đồng-tử-quân (*boy scouts*) là một vị tướng-quân nước Anh tên là PADEN-POWELL, hồi ông tòng-quân ở thuộc-địa đã lâu năm mới về nước.

Ông nói rằng: « Những người tòng-quân với tôi ở thuộc-địa, họ hăng-hái, mạnh-mẽ quả-cảm, vì cái cách sinh-hoạt của họ nhẫn-nại và mạo-hiểm; ở đây là đất văn-minh, con trai cũng phải sinh-hoạt theo cách đó mới trở nên người hảo-hạng được. »

Như vậy thời cái chế-độ đồng-tử-quân chủ-ý trước hết là giúp cho sự giáo-dục của kẻ con trai đương tuổi thanh-niên, để cải-hóa tính-chất cho hay hơn lên.

Tướng-quân BADEN-POWELL chủ-trương cái phép gọi là « phương-pháp hoạt-động » (*méthode active*) cho rằng người ta ai cũng vậy, ít ra cũng có được 5 phần trăm cái tính tốt, phải làm thế nào khai-đạo và phát-siển nó ra.

∴

Năm 1908 tướng-quân BADEN-POWELL mới lập ra ở đảo *Brownsee* cái trại đồng-tử quân thứ nhất, bấy giờ hãy còn nhỏ bẹp. Ông có xuất-bản một quyển

sách đề là « Sách chỉ-nam của đồng-tử-quân» (*Scouting for boys*). in thành cuốn nhỏ phát ra, cách mấy tháng sau, hàng nghìn kẻ thanh-niên kéo đến.

Năm 1911 có 3 vạn đồng-tử - quân đến họp ở *Windsor*, chính Hoàng-đế nước Anh ra chứng-giám.

Cũng vào hồi bấy giờ, chế-độ đồng-tử - quân mới xuất-hiện ra ở nước Pháp. Có hai hội lập lên : một hội tên là « Liên-hiệp Đồng-tử-quân (*Eclaireurs unionistes*), do các « Cơ - đốc thanh-niên liên-đoàn » (*Union chrétienne de jeunes gens*) chủ-trương ; một hội tên là « Pháp quốc Đồng-tử-quân» (*Eclaireurs de France*).

Năm 1920, lại lập một hội thứ ba nữa, thuộc về phái Gia-tô, cũng đặt tên là « Pháp-quốc Đồng-tử-quân » (*Scouts de France*).

Cùng năm 1920 đó, ở *Londres* họp tổng-hội thứ nhất (*Jamboree*) đồng-tử-quân cả thế-giới, tới 10 vạn người đến họp, do 35 nước phái đến.

Năm 1922, ở *Paris*, họp Hội - nghị Quốc - tế thứ nhất những nhà chủ-trương các hội đồng-tử-quân, do 30 nước phái đại - biểu đến họp trong một tuần-lễ,

Năm 1924 ở *Copenhague* là kinh-đô nước Đan-mạch họp tổng-hội (*jamboree*) thứ nhì, có đại - biểu 40 nước đến, lập ra một cái trại rất lớn họp trong 8 ngày.

Năm 1926 họp Hội - nghị Quốc-tế các nhà chủ-trương đồng-tử-quân lần thứ nhì ở *Kandersteg* (nước Anh).

Sau đến năm 1929, từ ngày mồng 1 đến ngày 15 tháng 8, có 5 vạn đồng-tử-quân của 60 nước đến lập trại họp ở *Birkenhead* (nước Anh), để làm lễ khánh-hạ chế - độ đồng-tử-quân đã đến ngày « trưởng-thành ». Phái-bộ Pháp đến dự hội đông lắm, có đến 2 nghìn người.

Chế-độ đồng - tử - quân đã bành-trướng khắp trong thế - giới, mà ở nước Pháp cũng phát-đạt lắm.

Ba hội đồng-tử ở nước Pháp, mỗi hội có một cái khuynh - hướng riêng về phương-pháp giáo-dục, và không có cạnh - tranh cản-trở gì nhau cả. Các nhà có con được tự-do kén chọn, muốn cho con vào hội nào là hợp-ý với mình cũng được.

Hội « Liên-hiệp Đồng-tử-quân » là thuộc về phái tân-giáo, chương-trình hành - động là in theo như lời dạy trong kinh Phúc-âm cả. Nhưng không phải là một hội về tôn-giáo, các hội-viên vẫn được tự-do muốn tin-tưởng gì cũng được.

Hội Pháp-quốc đồng-tử-quân, thời cách tổ-chức cũng theo như chế - độ các học-đường thông-tục trong nước, về đường tín-ngưỡng là đứng trung-lập hẳn, không lấy tư-cách hội mà dạy gì các hội - viên về tôn giáo cả. Hội Pháp-quốc đồng-tử-quân của phái Gia-giáo, thì công-nhiên có tính-cách về tôn-giáo. Quản - đốc toàn là những tay chuyên-môn, mà người đứng đầu là một vị giáo-sĩ chuyên-chủ về phần hồn.

Có một hội-đồng tri-sự chung cho cả ba hội, mà danh-dự hội-trưởng là quan Thống-chế LYAUTEY, hội-đồng này đứng giữa mà liên-lạc cả ba hội, cùng giải-quyết các việc chung cho ba hội.

* *

Chế-độ đồng-tử-quân là muốn lợi-dụng cái tính mạo-hiểm của con trẻ cùng cái tính sở - thích của con trẻ muốn thuộc vào một cái đoàn-thể nào, nên tổ-chức ra một cái cơ - cục thích-hợp với tâm-lý của con trẻ.

Cách tổ - chức lấy quân-đội làm mẫu, chia ra từng đội, mỗi đội có ba bốn tiểu-đội, mỗi tiểu - đội có 8 tên quân « gọi là quân tiên phong » (*éclaireurs*),

Mỗi đội có một người lớn cai-quản, chọn người nào có tư cách dạy bảo được lũ trẻ.

Tiểu-đội thì để cho trẻ tự-trị lấy nhau, tiểu-đội nào cũng chọn lấy một con giống để làm hiệu riêng cho mình (gọi là *totem*). Trưởng đội là kén-chọn ở trong quân ra, cùng một tuổi với nhau, để cho tập biết đương lấy cái trách-nhiệm cai-quản.

Đã kinh-nghiệm thời thấy rằng cách làm như thế đủ gây ra một cái hoàn-cảnh tốt về tinh-thần. Đứa con trai cho vào đấy, tự khắc nhiễm lấy cái không-khí tốt và biết có cái mục-đích phải đạt tới.

Đó chính là một cách gián-tiếp để phá những cái thói ưu-du dật-lạc, làm cho con trẻ hư-hoại tính-tình.

Người chủ-trương trước nhất phải đem lòng tin kẻ thiếu-niên, và phải khuyên-bảo những điều thực-sự phải làm, chứ không phải dùng cách tiêu-cực mà chỉ cấm-đoán mà thôi.

Như thế thời đứa con trẻ vào trong một cái hoàn-cảnh cổ-vũ dũng-dược, bên vui-vẻ phấn-chấn mà tinh-tiến lên, thiệt là có cái ích-lợi bổ-trợ cho sự giáo-dục ở gia-đình.

.˙.

Tướng-quân BADEN-POWELL sáng-lập ra cái chế-độ đồng-tử-quân, đã nghĩ ra chung-đúc lại mấy điều cốt-yếu, để làm như cái hiến-pháp chung cho cả đồng-tử-quân trong thế-giới. Có 12 điều như sau này, hoặc mỗi nơi cũng có khác một đôi chút, nhưng cũng là đại-đồng tiểu-dị cả:

1.— Kẻ đồng-tử-quân chỉ nói một lời.

2.— Kẻ đồng-tử-quân một lòng trung-tín.

3.— Kẻ đồng-tử-quân sẵn lòng giúp người.

4.— Kẻ đồng-tử-quân là bạn với mọi người và là anh em với hết thảy các kẻ đồng-tử-quân khác.

5.— Kẻ đồng-tử-quân biết giữ lễ-nhượng.

6.— Kẻ đồng-tử quân biết thương giống vật.

7.— Kẻ đồng-tử-quân biết tuân kỷ-luật.

8.— Kẻ đồng tử-quân biết giữ hòa-khí.

9.— Kẻ đồng-tử-quân biết can-đảm, biết quả-quyết, biết tháo-vát (*débrouillard*).

10.— Kẻ đồng-tử-quân biết kiên-tâm nhẫn-nại.

11.— Kẻ đồng-tử-quân biết chăm-chỉ, cần-kiệm, phòng xa.

12.— Kẻ đồng-tử-quân biết giữ tinh-khiết trong thân-thể, trong tư-tưởng, trong lời nói, trong việc làm.

Đứa con trai vào trong hội đồng-tử-quân là tự nguyện cam-đoan tuân-hành và phụng-sự cái hiến-pháp đó.

Khi đã nhập-đội rồi thời cứ tuần-tự theo cái chương-trình ấy mà sửa tính-nết cho hay hơn, mà cố gia-công nỗ-lực thêm, trong cái « biểu kê » đó, mỗi ngày làm được khoản nào là có thể tự kiểm-điểm ngay được.

Cái kỷ-luật đó là cái kỷ-luật tích-cực, không hề cấm-đoán điều gì, chỉ khuyên-nhủ cho những việc thực-sự nên làm, kẻ tiểu-tốt mới nhập-đội, nhờ anh em chỉ bảo, không mấy nỗi mà nhiễm được cái không-khí tốt.

Xem một truyện nhỏ như sau này, — truyện đích-thực có xảy ra như thế, — thì đủ biết:

Một đồng-tử-quân đã cam hứa với viên quản-lĩnh một điều, cách đấy mấy tháng gặp viên quản-lĩnh. Thấy trên ngực không có cái dấu hiệu phải đeo. Viên quản-lĩnh lấy làm lạ hỏi.

Bấy giờ tên đồng-tử tỏ ra mặt buồn rầu mà nói một cách thiết-tha rằng : « Thưa hôm nay tôi không đeo, là vì tôi xét mình không đáng đeo ! »

Tên đồng-tử đó đã có phạm một điều lỗi với kỷ-luật, thì tự mình phạt mình như cách đó...

Đồng-tử-quân được đeo dấu hiệu là lấy làm danh-giá lắm, vậy mà cậu kia tự phạt mình không được đeo, thời cũng là một cách trừng-phạt nặng-nề vậy.

. .

Từ 8 tuổi đến 12 tuổi thì bé đồng-tử chưa được vào đội tiên-phong, mới được vào đội « tiểu-lang » (tiểu-lang là con lang nhỏ (*louveteau*)

Làm sao lại đặt tên là tiểu-lang ? Là lấy tích trong sách tiểu-thuyết của nhà danh-sĩ Anh KIPLING, tả cái cảnh sinh-hoạt của các giống mãnh-thú ở chốn sơn-lâm, những sách này con trẻ ham đọc lắm. Đặt tên là tiểu-lang là muốn cho có cái khí-phách mãnh-liệt như con hổ con lang vậy.

Con trẻ hay mơ-màng những truyện la thường, nên lấy truyện tiểu-thuyết mà ảnh-hưởng đến cái trí tưởng-tượng của chúng. Quản-lĩnh những đội « tiểu-lang » thời chọn những tay thiếu-nữ có tư-cách dễ dễ cảm-hóa được bọn đó.

Kỷ-luật của đội tiểu lang thì giản-dị hơn kỷ-luật của đội tiên-phong và chỉ cốt dạy cho giốc lòng tin kẻ quản-đốc mình. Kỷ luật ấy chỉ tóm lại hai câu như sau này :

1. — Tiểu-lang phải nghe lời lão-lang.

2. — Tiểu-lang không bao giờ được tự ý mình.

Con gái tự 8 tuổi đến 12 tuổi thời đặt ra những đội « cánh tiên » (*les ailes*) và lớn hơn thì có đội « nữ-tiên-phong » (*éclaireuses*), ở nước Pháp mấy năm nay tổ-chức đã chỉnh đốn lắm,

Hội liên-đoàn các nữ-đồng tử quân nước Pháp chia ra nhiều ban ban thì theo chủ-nghĩa tôn-giáo hội liên-hiệp đồng-tử-quân con trai, ban thời giữ cái thái-độ trung-lập về tôn giáo như hội Pháp-quốc đồng-tử quân.

Lại mới đây phái Gia-tô lập ra một hội đặt tên là « Pháp-quốc nữ-hướng-đạo quân » (*les guides de France*).

Cách hành-động của các hội nữ-đồng-tử có khác các hội nam-đồng-tử nhiều, nhưng cũng là chủ luyện-tập cho tính-chất kẻ thanh-niên cả.

Phương-pháp thời riêng cho con gái và muốn lợi-dụng những điều phát-minh mới của khoa giáo-dục cùng khoa tâm-lý đời nay.

Nhất là các thủ-công, các cuộc xuất-du, cách lập trại, cách hội-đồng ở hội-sở, đều khuynh-hướng về mặt gia-chính-giáo-dục cả, muốn dạy cho con trẻ biết yêu-mến chốn gia-đình.

. .

Cách hành-động của đồng-tử-quân có hai phần : một phần là xuất-du và lập trại, một phần là họp-tập ở nhà hội-sở. Tên đồng tử đã nhập-đội thời phải theo một cái chương-trình tập-luyện, hễ tấn-tới thì được thăng-trật và được bằng-cấp, có đẳng-hạng sai-biệt.

Mùa đông giá lạnh thì phần nhiều làm công-việc ở hội-sở.

Công-việc ấy thế nào, xem trong « Nhật-ký » của một tên đồng-tử-quân lược-dịch sau này thì đủ biết :

« Bước chân vào trong hội-sở, lấy làm lạ thấy trên tường treo không biết bao nhiêu thứ.

« Ở góc kia, là tiểu-đội « Con Thát » (*patrouille des Castors*). Trên tường có yết cái sổ những đồng-tử-quân thuộc về tiểu-đội, mỗi tên hễ có mặt buổi nào thì dán một cái vòng đỏ bên cạnh.... nhưng hễ vắng buổi nào thời viên quản-lĩnh tiểu-đội dán một cái vòng đen ...

« Nhìn lên bảng thì thấy trong tám người có bốn người không có cái vòng đen nào Đó là những tay « cừ » (*des as*)

« Trong cái góc của tiểu-đội « Con thát », lại còn có một cái như cái mái nhà bằng vải bọc, thường-thường gấp lại luôn, bao giờ tiểu-đội họp hội-đồng thì mới mở ra, làm thành như cái túp, ngồi trui giúc cả trong đó.

« Tiểu-đội «Con yến» (*patrouille des Hirondelles*) thì dựng một cái kiểu trại nhỏ. Họ hí-hoáy làm không biết bao nhiêu tối mới xong, nhưng nay đã hoàn-thành rồi : nào bản-đồ đắp nổi lên, nào cây, nào sông, nào nhà màu, nào bếp nước, nào hố đổ rác . đủ hết cả, mà chỗ nào ra chỗ nấy cả. Trông thấy hình-ảnh cái trại như thế mà lại muốn về ở.

« Tiểu-đội này lại có cả một bộ vẽ chim yến, tranh, ảnh, của mỗi cậu đồng-tử sưu - tập lấy. Họ lại đương chế ra những cái tổ để mùa đông này đặt lên cây cho chim ở.

«Tiểu-đội «Lợn rừng» (*patrouille des Sangliers*) thời sành đò biết dấu vết các giống thú rừng. Biết nặn hình thú bằng đất vôi, sưu-tập được một bộ con giống rất phong-phú : nào là hươu đực, hươu cái, chó, bò, cừu, chim... Tiểu-đội cố-nhiên là có một cái lều, và có dấu hiệu riêng tìm được trong khi xuất-du ở các chốn sâm-lâm.

« Tiểu-đội này lại có một bộ gậy đẹp, sơn, chạm, do tay các đồng - tử-quân khắc lấy.

« Còn tiểu-đội của chúng tôi là tiểu-đội « Con cò» (*patrouille des Cigognes*). Chúng tôi cũng muốn làm một cái « tổ » cho lịch-sự Mỗi người có một cái ghế ngồi, tự tay làm lấy. Lại tự chế lấy những cái bao bì để nằm ngủ khi đi lập trại, có gối nhồi lông, tiện lắm, vì nhẹ nhàng »

Xem những lời tả-cảnh một nơi hội-sở đó thời biết mỗi tiểu-đội đều có một cách hoạt-động riêng, thường-thường là do toàn-hội đầu-phiếu quyết-nghị mà chỉ định cho.

Người quản-lĩnh cũng thường can-thiệp vào, và những khi họp ở hội-sở là dịp bày ra các trò chơi chung, như tập diễn những cách cấp cứu người ta, những cách dò-thám quan-sát, để vừa nô đùa cho vui mà vừa khải-phát được các năng-lực của con trẻ.

Vì cách hành-động của đồng-tử-quân cũng có phương - pháp lắm, Những cuộc bày ra là định theo tuổi cùng sức mạnh của con trẻ, nhưng đều chủ một cái mục-đích như sau : là giúp đỡ kẻ khác

Ngay tự khi mới nhập-hội, kẻ đồng-tử đã phải hứa nguyện « bao giờ cũng phải sẵn lòng giúp người », và trong luật bắt buộc mỗi ngày phải làm được một việc tốt.

Rồi mỗi ngày một học thêm lên : đến lớp thứ nhì thì học các phương-pháp cấp-cứu người bị nguy-hiểm : như các cách buộc nhịt thường, cách rửa những chỗ thương, cách khiêng người bị thương, v. v .

Đến khi lên tới lớp nhất, thời đã có tư-cách rồi, gặp khi hoạn-nạn cần-cấp, như cháy, ngã, bỏng, đắm, có thể tức-khắc cấp-cứu ngay, không có luống-cuống hoặc bối-rối chút nào.

Xem cái biểu danh-dự của đồng-tử - quân, thấy biết bao nhiêu tên những thiếu - niên đã cứu được cho người ta bị nguy-hiểm,có khi can-đảm đến liều cả tính-mệnh vậy.

Cả cuộc hoạt-động của đồng - tử - quân là chú-trọng về cái nghĩa « giúp người » đó cả.

Kẻ đồng-tử phải tập làm-lụng bằng chân tay, tập thám - hiểm, tập quan-sát sự vật,tập tìm định phương-hướng, tập thực-hành các công - việc, v. v., cũng là chỉ để dự - bị khi nào có ai cầu-cứu đến mình thời có thể sẵn-sàng mà ra giúp ngay.

Cái lý-tưởng giúp người đó, làm cho kẻ thanh-niên phấn-phát cổ-võ, càng ngày càng vui lòng làm được những việc hay việc tốt.

. . .

Nhưng cái chương-trình hành-động của đồng-tử-quân quan-trọng nhất là khi đi lập trại.

Cái trại đây tức là một cách thực-hành cái đời mạo hiểm của kẻ thanh-niên thường mộng-tưởng những khi đọc tiểu-thuyết. Nó đã có cái phong-vị xa-xôi man-mác, huyền-diệu lạ-kỳ. Khiến cho con trẻ được tạm-thời thoát ra khỏi cái cảnh phồn-hoa náo-nhiệt những nơi thành-thị, mà tha-hồ được ngạc-du những chốn rừng xanh suối mát... bấy giờ tưởng như mình đã thênh-thênh hưởng cái thú tự-do rồi...

Tưởng-tượng như thế mà thôi, chứ trong khi lập trại ở giữa nơi đồng rộng rừng sâu, vẫn có kỷ-luật nghiêm, mà vẫn có người coi-sóc luôn.

Trong chương-trình sắp-đặt các cuộc làm cuộc chơi, tựa-hồ như để cho con trẻ được tùy-thích muốn gì thì gì, nhưng kỳ-thực các tay quản-đốc vẫn thường để mắt đến luôn, không lúc nào dời.

Bởi thế nên chế-độ đồng-tử-quân rất kỵ một điều: là lập trại to quá và họp-tập đông quá.

Muốn cho cách giáo-dục được chu đáo thì số con trẻ không nên đông quá, cho người quản-đốc có thể trông nom được.

Trong việc giáo-dục không thể làm nắm làm mớ được, người dạy-dỗ đối với con trẻ, phải có thể thực-lực ảnh-hưởng sâu-xa được, như vậy mà cai-quản những trại tới mấy trăm người thì thế nào cho chu-tất được.

Đồng-tử-quân cũng như là quân-đội vậy, mỗi trại chỉ hạn chừng 35, 40 kẻ mà thôi.

Vì trại đây không phải là một đoàn học-trò đi nghỉ mát, thực là một nơi thực-hành giáo-dục vậy.

Mỗi kẻ đồng-tử-quân phải có một cái túi, đựng đủ các thứ cần dùng, như: cái bao làm đệm để nằm, chăn đắp, áo ngủ, quần áo lót mình, đồ dùng rửa mặt, bít-tất, giầy, dép, bát đĩa, một bộ đồ khâu, mũ đội .., sắp-sửa đồ-lề đâu vào đấy rồi, bèn kéo nhau ra ga, họp cả bên thềm đường xe lửa. Đông đủ cả rồi, liền kéo ồ lên xe, mỗi người chiếm lấy một chỗ ngồi. Tiếng reo tiếng hát ồn-ào, dường như không có trật-tự gì, nhưng có cái vẻ hoan-hỉ tự-do,

Đó là cái cảnh-tượng một đội đồng-tử-quân đi du-lịch vậy.

Xe lửa đi cả đêm, hôm sau đến một nhà ga xa xa nào, ở miền núi hay ở miền bể, hay ở một chỗ nhà quê cùng-tịch Bấy giờ các cậu, tay nải vắt vai, xuống xe đi bộ.

Trại định đặt ở đâu gần đó, đi một lát tới nơi. Đến thì thấy một khoảng đồng rộng chưa có gì cả. Người quản-đốc đứng giữa cầm cái gậy xuống làm mốc để định trung-tâm-điểm, rồi các tiểu-đội quây-quần cả chung-quanh, nghiêm-chỉnh đứng một lúc, rồi đội nào đội nấy đi chiếm lấy một khu tùy thích để lập trại.

Mỗi đội dựng lên một cái nhà màn, đồ lề đã sẵn-sàng cả, chỉ mấy phút là làm xong. Bao bì tay nải xếp vào trong, rồi ai nấy đều đổi mặc quần áo trại cả. Giầy, tất, mũ, xếp cả một nơi, chỉ đi dép không và đội cái «mũ nồi» (*béret basque*) mà thôi, nhiều khi chỉ mặc một cái áo nịt tắm (*maillot*).

Sắp đặt đâu đấy rồi, người nào làm công việc của người nấy. Vì tối đến là phải chỉnh-tề hết. Bếp thì đặt bằng mấy miếng gạch hay miếng đá. Bàn ăn thì lấy cành cây đóng cọc mà bắc ngang. Lại chung-quanh lều có hiên để nghỉ mát. Đồ ăn thời treo lên cây.

Mười một giờ trưa thời tận-suất ra sông ra hồ tắm. Kẻ bơi, kẻ lội, tùy sức tùy tài, tha-hồ mà vẫy-vùng cho phỉ-chí. Nhưng theo luật, bao giờ ở trên bờ cũng có ba bốn người đàn anh chực sẵn, toàn là những tay lặn tài, để có sự nguy-hiểm gì thì tức-khắc nhảy xuống nước ngay.

Song cuộc bơi-lội, đến bữa ăn trưa. Ăn đoạn thời đánh một giấc ngủ trưa một hai giờ đồng-hồ để nghỉ-ngơi thần-xác.

Tự bấy giờ cho đến tối là bày ra đủ cuộc chơi-bời làm-lụng: nào là bắc cầu, nào là lợp túp, nào đi du-lịch, nào trèo núi cao, nào thám-hiểm các nơi cổ-tích, nào đuổi theo những kẻ trộm rừng, nào nghiên-cứu các giống cầm-thú thảo-mộc, nào giở địa-đồ ra dò thăm đường lối, trắc-lượng phương-hướng, vân-vân.

Một cái chương-trình hoạt-động như thế, thời ngày giờ vùn-vụt, hết tuần ấy đến tuần khác, mau chóng lắm.

Tuy-nhiên cách hoạt-động tự-do mà không phải là không có phép-tắc; trong một ngày, mấy lần các viên quản-đốc, các bậc đàn anh đi thanh-tra xem xét luôn. Sáng ngày, khi thức dậy thời ra họp-tập đông đủ cả, diễn một cuộc thể-thao minh trần, chín giờ quản-đốc đi khám các lều, đâu đấy phải chỉnh-bị cả. Rồi đến lễ chào cờ, phải ăn mặc chỉnh-tề, đầu mũ tay gậy. Bữa cơm trưa cũng phải ăn mặc cho sạch-sẽ, và chiều đến phải mặc cái áo nịt cho ấm.

Nhưng cuộc khoái-lạc nhất cho các đồng-tử-quân, là tối đến đốt đình-liệu trong trại. Ở ngoài cảnh-vật êm-đềm cả, đồng-điền yên-lặng, bấy giờ mới họp cả lại mà đốt lửa sáng rực lên, heo như tục các rợ Ấn-độ ở Mĩ-châu ngày xưa, rồi bày ra một cuộc vui, như diễn-kịch, như khiêu-vũ, cho ai nấy được hết sức khoái-lạc.

Đêm khuya, lửa đã tàn, than gần lụi, bấy giờ viên quản-lĩnh mới đứng lên, giảng dụ mấy lời, khuyên cho ai nấy nên bình-tâm tĩnh-trí mà suy-nghĩ, cầu-nguyện, tùy theo sự ín-ngưỡng của mỗi người.

Cuộc đình-liệu buổi tối đó, thật là một cái động-lực rất mạnh về đường giáo-dục.

* *

Trong chế-độ đồng-tử-quân, có lập ra một hạng gọi là hạng đàn anh, gồm những người từ mười-bảy đến hai-mươi.

Hạng này là đã sở-đắc ở cách giáo-dục trong quân rồi, thành thực phụng-sự một cái chủ-nghĩa cao về đạo-đức hay về tôn-giáo, đối với nhau có cái tình bạn-bè thiết-tha, họp thành từng đội (*équipes*) từ sáu người đến mười người, lấy câu « Thờ Nghĩa-vụ » (*Servir*) làm mệnh lệnh.

Chủ-ý tướng-quân BADEN-POWELL là muốn khôi-phục lại cái võ-sĩ đạo đời xưa, mà đặt ra một hạng gọi là « Lữ-hành quân » (*routiers*), tức là một hạng võ-sĩ mới của thế-kỷ thứ hai-mươi này.

Nhưng cách hành-động đây đã ra ngoài cái giới-hạn của chế-độ đồng-tử quân rồi. Các bộ-binh nhiện đã có những đội tiền-lang, độ tiên-phong, lại có đội lữ-hành nữa, thời thường dùng những bậc đàn anh này làm tay phụ-tá trong việc tổ-chức cùng quản-đốc các tiểu-đội.

Chế-độ đồng-tử-quân, không phải đã được kết-quả hoàn-toàn cả, nhưng hiện nay thành-hiệu đã rõ-ràng thấy. Những con trẻ đã qua các đội đồng-tử-quân, thời sau này ra đời, dẫu chiếm cái địa-vị nào cũng tỏ ra con người xứng-đáng, có tư-cách cần-cù, can-đảm, thành-thực, công-chính.

Không dám nói rằng chế-độ đồng-tử-quân có hề cải-hóa được thế-giới, nhưng cũng là một cách giáo-dục kẻ

thanh niên cho trở nên người hữu dụng. Ông bác-sĩ TOULOUSE có nói một câu rằng: «Một thằng du-côn ở ngoại-ô với một người lương-thiện có danh-giá hoàn đáng chỉ khác nhau ở cách giáo-dục mà thôi.» Chế-độ đồng tử quân có thể giúp cho sự giáo dục đó được nhiều.

Họp-tập những kẻ thanh-niên thuộc về các giai-cấp, các đẳng hạng khác nhau trong xã-hội, để cho cùng nhau tụ-tập mà hoạt-động theo một cái phương-pháp chung, khiến cho con trẻ có phương-châm có kỷ-luật, mà lại vừa có cách phát-siển được nhân-cách của mình; ấy cái tôn-chỉ của chế-độ đồng-tử-quân là ở đó.

HỒNG NHÂN

NGƯỜI ĐIÊN

Vụ hè năm 192..., tiết trời nóng bức, vả ở giữa chốn thị-thành cũng không có chút thú-vui gì thanh-nhã giải-trí, khả-dĩ khoan-khoái được tinh-thần, suốt một năm trời cặm-cụi miệt-mài đống văn bài sách vở, tôi vào nghỉ mát Sầm-sơn; vừa để bồi dưỡng lại sức khỏe, vừa để xem ngắm cái cảnh bể rộng trời cao, mây vàng sóng bạc là cái cảnh-trí thiên-nhiên của Tạo-hóa, vì vẫn thấy nói ở Sầm-sơn phong-cảnh có vẻ xinh-đẹp rất nên thơ mà đẹp một cách tự-nhiên, chứ không có vẻ náo-nhiệt phồn-hoa, nhân-công tô-điểm như ở Đồ-sơn ngoài Bắc.

Vào đến nơi, thuê một căn nhà mái tranh vách ván, chỉ để làm nơi ăn chốn ngủ, còn suốt ngày chỉ nô nghịch ngoài bờ bể, cùng các nơi núi đá rừng thông lân-cận. Trên giải cát trắng dài hơn năm ki-lô-mét, phẳng lì như tấm lụa, chỗ khuỳnh ra, chỗ uốn vào, có nơi những mỏm đá chìa ra tận bờ bể, mỗi khi trận gió ngoài khơi đuổi nước vào bờ, thì hằng-hà sa-số những ngọn sóng bạc đầu đập tung vào đá, bọt nước trắng phau, như đầu những con ngựa bạch tung bờm rẽ nước tự dưới chồm lên, rất là ngoạn-mục.

Hôm nào cũng vào quãng 4, 5 giờ chiều là lúc bóng nắng đã dịu, là đã thấy trên bãi cát tấp-nập những người ra tắm, kẻ lội người bơi dưới nước, người đi kẻ lại trên bờ, rất là vui-vẻ. Tắm-táp chơi-bời cho đến khi bóng tà-dương dần dần lặn khuất hết vào đàng sau núi, chút dáng hồng thừa còn xuyên qua dặng liễu như những tấm rèm the, ngoài khơi những mảng đánh cá đã lũ lượt kéo nhau về, trên bãi cát mới dần dần thưa vắng, những tiếng ồn-ỹ cười đùa ban nãy đều theo với tiếng nước trào hôm đập bãi mà lui cả về những nơi quán thấp lầu cao...

Hôm sau, sáng sớm tinh sương đã ra. Nước thủy-triều một đêm dâng lên, qua sáng ngày lui xuống, hình như đã quét rửa lại thật phẳng-phiu sạch-sẽ cái bãi cát cho bọn người đời, để lại có nơi chơi đùa xem ngắm.... Cảnh-trí lúc bấy giờ thanh-quang mát-mẻ, quạnh-quẽ mà đìu-hiu như những cảnh thần-tiên trong mộng vậy.

Cũng vì hay ra chơi bể sớm như thế mà tình-cờ một hôm tôi gặp anh Thủy-Hồ, bạn học cũ của tôi. Anh Thủy-Hồ, người điềm-đạm, ít ăn ít nói, gia-đình hòa-thuận, cảnh-ngộ hanh-thông, mà lúc nào anh cũng có vẻ nghĩ-ngợi băn-

khoăn như có điều gì phiền-bực, và đối với đời, anh thường có vẻ bi-quan. Sau khi tốt-nghiệp ở năm thứ tư trường Bảo-hộ ra, anh em tùy theo mỗi người một cảnh-ngộ riêng, mà cùng nhau chia đường thân-thế. Tôi công-danh trắc-trở, sự-nghiệp chênh-vênh, trong mấy năm mây nước bôn-ba, mà thân-thế vẫn chưa nơi đâu là định-sở. Anh Thủy-Hồ sau khi đỗ, lại theo đuổi con đường học-vấn trong trường Đại-học. Thấy vậy, tôi cũng mừng cho bạn cửa trời nhẹ bước thang mây, mà có lẽ tiền-đồ sẽ tốt-tươi như hoa như gấm. Có ngờ đâu những sự xảy ra về sau thật không ai là người liệu trước được, mà vật đổi sao dời, bể thay dâu biến, âu cũng câu số-mệnh lẽ Trời !

Anh Thủy-Hồ tòng-học được hơn nửa năm trời thì tai-biến bất-kỳ, ông thân-sinh ra anh ở nhà quê không rõ vì sao bỗng dưng bị quan trên truyền bắt. Ông vốn là một chân nho-sĩ, bẩm-tính hiền-lành phúc-hậu, chỉ ở nhà vui thú điền-viên, đem đạo-lý giáo-hóa bọn con em trong thôn-lý, không hề làm điều gì ác - bạc hoặc gây sự oán-thù, nên cái tin ông bị bắt, người quen thuộc họ hàng, kẻ xóm diềng làng mạc, không ai là không sửng-sốt ngạc-nhiên.

Anh Thủy-Hồ tiếp được tin ấy như sét đánh ngang tai, không hiểu duyên-cớ ra sao, liền xin phép nghỉ vài ngày về hỏi ra mới rõ rằng ông thân-sinh sở-dĩ bị bắt là vì bị-cáo có những ý-tưởng phản-nghịch, hiện ông còn bị giam tại tỉnh, và bao nhiêu sách-vở giấy-má ở nhà đều bị tịch-biên mất cả. Lúc bấy giờ cũng không còn biết tính sao, anh Thủy-Hồ phải cùng với bà thân-mẫu nhặt - nhạnh tiền-nong cùng cầm-cố bán-chác ruộng vườn đồ-đạc để lấy tiền lo cho ông khỏi tội. Trong khi ấy anh cũng lại lên Hà-nội theo học như thường. Lần-lữa mấy tháng trời chạy-chọt đó đây, gia-tư đã hầu cạn, mà việc của ông vẫn chưa xét-xử ra sao, bà thân-mẫu anh phần lo sợ, phần thương chồng, phần xót của, nghĩ-ngợi quá hóa mắc bệnh, chả bao lâu thì mất... Cảnh nhà điên-bái đến thế, đến gỗ đá cũng phải tan lòng, huống-chi anh Thủy - Hồ vốn là người con có hiếu ? Anh nghĩ quá đâm ốm, đến khi khỏi ốm thì anh mắc bệnh thần - kinh. Chẳng hay vì anh thương cha xót mẹ, áo-não về cảnh - ngộ gia-đình, hay vì anh quá cố quá chăm trong việc học — vì rạo ấy lại gần tới kỳ thi lên lớp —, mà anh đâm ra mất trí khôn, lẩn-thẩn lẩn-thẩn, lúc cười lúc khóc, khi hát nhảm khi đập đổ, không biết ai là quen là lạ, chẳng còn nhớ gì đến những việc đã qua !.. Anh điên rồi ! Phải, thần-trí anh lẫn lắm rồi ! Ông Đốc trường Cao-đẳng phải cho anh vào tĩnh-dưỡng trong nhà thương, bắt xa những sách-truyện, thư-từ, báo-chí, họa trí khôn có hồi lại được chăng ! Trong hai tháng trời nằm trong bệnh-viện, anh vẫn lúc tỉnh lúc mê, có khi suốt ngày không cười không nói, lại có khi hò - hét om-xòm làm kinh-khủng cả các bệnh-nhân phòng cạnh. Vì vậy mà xong hai tháng trời, bệnh thần-kinh của anh thấy không bề thuyên-giảm, ông Đốc phải cho anh ra, và giao-phó anh cho người nhà đem về trông giữ ; mà cái ngày anh bước chân ở bệnh-viện ra tức là ngày tên anh trong sổ học - đường bị xóa, và cũng tức là ngày ông thân-sinh anh giã-từ cố-thổ, từ đây góc biển chân trời, — vì vụ án của ông cũng vừa xử xong : ông phải mười năm phát-vãng....

Cái tin ấy đưa đến tai anh Thủy-Hồ, anh cũng không có cảm biết gì sốt cả, vì anh đã mất hẳn cái bản - năng ký-ức, không hiểu không nhớ truyện gì nữa ; anh chỉ còn biết lúc đói đòi ăn, lúc khát đòi uống, lúc nào cơn điên kéo đến óc anh thì anh lại hò-hồng nghêu-ngao, xé quần xé áo.

Ngoài một ông cậu nhận anh về, trông nom săn-sóc cho anh, thì họ-mạc gần xa, người quen kẻ thuộc, bây giờ ai nấy đối với anh không những coi như người dưng nước lã, lại còn muốn lần-tránh chẳng ai dám tới gần. Người vị-hôn-thê của anh là con một nhà gia-thế ở tỉnh Nam, song-thân anh giạm hỏi cho từ khi anh còn học ở trường Bảo-hộ, chỉ đợi sau khi công thành danh toại là sẽ nghênh-hôn, bây giờ thấy cảnh-ngộ nhà anh như thế, thân-hình anh như thế, cũng khước-hôn mà ôm cầm thuyền khác. Anh em đồng-học khi trước, trừ một vài người bạn thân thỉnh-thoảng qua lại hỏi thăm, còn ai ngày nay thấy anh như thế cũng đem lòng khinh-bỉ mà chẳng muốn gặp muốn nhìn, e mang tiếng bạn với thằng điên thằng dại...

Hơn 5 năm trời xa cách, anh Thủy-Hồ cận-huống ra sao tôi không được rõ, vì sau khi từ biệt Hà-thành, anh theo chân ông cậu đi đâu tôi không biết. Tình bạn-hữu, thấy tình-cảnh anh, tôi cũng ái-ngại ngậm-ngùi, nhưng cũng không làm sao được, vì tôi còn bổn-phận của tôi, không thể theo anh cho được; thành-thử quả đất quay đã quá năm vòng, mà hình-ảnh anh, tên anh, cũng dần dần theo với thời giờ mà phai-lạt quên đi,...

Tình-cờ mùa hè năm ấy tôi lại gặp anh ở bãi bể Sầm-sơn.

Sáng hôm ấy tôi ra bể sớm lắm. Cái cảnh-trí ngoài bể buổi bình-minh là một cái cảnh-trí rất nên thơ. Chiều trời quang đãng, không có mây, rất là rực-rỡ sáng-sủa. Mặt bể không sóng gió, phẳng li như một tấm gương to, bao-la bát-ngát, in vào với góc trời hung-hung đỏ là nơi vầng thái-dương đương từ-từ rẽ nước vượt lên... Ngoài xa lốm-đốm những buồm thuyền cá, cái gần cái xa, tựa như một đàn bướm trắng đậu trên một tấm thảm vàng... Nhìn sang bên rừng liễu, hạt sương gieo còn đầm-đìa lấp-lánh, thướt-tha trên đám mành thưa, ánh sáng trời đông chiếu vào nhấp-nhoáng long-lanh như những lệ vàng châu bạc của mấy ngành liễu yếu cảm khóc, tiếc khoảng đêm hè quá ngắn!...

Đứng trước cái cảnh trời nước bao-la vĩ-đại của tạo-hóa, tôi bỗng có cái cảm-giác tôn-nghiêm trang-trọng, mà trong lòng thấy lâng-lâng khoan-khoái, rũ sạch trần-tâm, tưởng đặt mình vào nơi bồng-lai cực-lạc, tâm-thần mê-mẩn say-sưa, nhẹ-nhàng thư-xướng vô cùng. Tôi vui chân quá bước, cứ theo lần cát bể mà đi mãi đến chân núi Cổ-giải.

Ở trên mặt nước có hai ba chiếc mảng đánh cá đã cắm chờ sẵn đó, mà bên sườn núi đá mấp-mô, tôi thấy một bọn 5,6 người quần nâu áo vải đương cùng nhau khiêng lưới ở trên đi xuống: tôi biết đó là bọn ngư-nhân sắp-sửa thả mảng ra khơi chài cá. Họ làm ăn vất-vả quá, sáng sớm tinh-sương đã phải đi ra bể, đến sâm-sẩm tối mới về, hôm nào cũng thế; âu cũng chỉ vì hai chữ mưu-sinh mà không quản gì khi giông-tố lúc phong-ba, mưa rầu nắng rãi, đem cả tính-mệnh tài-sản phó-thác cho sự rủi may của số-phận. Trong cái lúc mát-mẻ quí-báu này, trước cái cảnh rực-rỡ tốt-tươi tôi đương ngắm trông một cách thỏa-thuê vui-sướng này, những người ngư-phủ kia có được trông ngắm đâu, có được hưởng cái phong-vị của cảnh đẹp đâu, họ còn phải để tâm lo-lắng vào sự làm-ăn hồ-khẩu, mong sao chuyến hôm nay về được nhiều tôm cá, bán lấy tiền nuôi vợ nuôi con, nên cảnh bên ngoài dù xinh dù đẹp đến đâu, đối với mắt họ cũng vô-tình, vô cảm... Nghĩ như vậy mà tôi ngậm-ngùi thương cho cách sống của đời người quá!

Tôi ngẩng lên trông bọn ngư-nhân, bỗng thấy một người trẻ tuổi, mặt-mũi

sáng-sủa, trông quen mặt lắm, mà không nhớ ngay được là ai. Tôi nhìn người ấy, người ấy cũng cau hai mắt nhìn tôi, mà không nói-năng chi cả. Bỗng-nhiên một tia sáng chiếu qua trong trí nhớ của tôi, tôi bất giác gọi lên :

— Anh Thủy-Hồ đấy phải không?

Bạn nhoẻn miệng cười :

— Hi, phải ; ông là ai ?

Tôi không kịp trả lời câu ấy, mà trong lòng bất-nhẫn, vị cay chua ở đáu bỗng đưa lên mũi, nhìn anh Thủy-Hồ mà nước mắt chạy quanh, miệng lưỡi cứng cả lại, không nói được câu gì, mà cũng không biết hỏi câu gì... Bao nhiêu những tình - trạng quá-khứ của đời anh, lúc bấy giờ lại hiển-hiện rõ-ràng trong ký-ức tôi. Tôi vẫn nhớ hồi 5 năm về trước, anh theo ông cậu đi đâu tôi không rõ. Người anh bây giờ cũng không khác lắm, chỉ có đen sạm đi thôi, song thấy anh ăn mặc tiều-tụy, làm ăn lam-lũ với bọn đánh cá, tôi không hiểu mấy năm trời nay trạng-huống ra sao, mà điều linh đến thế, liền hỏi :

— Anh quên tôi rồi ư ? Ái-tha đây mà ! Bây giờ anh làm gì ở đây mà trông người lạ thế ? Từ ngày xa cách chả thấy tin-tức gì cả, sự-tình ra sao, nói cho tôi biết với.

Tôi nói với anh Thủy-Hồ thế hình như khi còn đồng học một trường, chứ không có cái cảm-tưởng rằng anh đã mất trí khôn.

Anh thấy tôi hỏi nhìn tôi, lại nhìn bọn đánh cá, ngơ-ngác một hồi rồi cười phá lên rất là ngộ-nghĩnh.

Thấy vậy, mấy người đánh cá bảo tôi :

— Thầy quen anh ta đấy ư ? Anh ta điên đấy mà, chả hiểu biết gì đâu ! ..

Lúc đó, lưới đã đem xuống để dưới mảng, bọn ngư - nhân quay mũi nhồ sào, dần dần bơi ra bể cả. Ở trên mỏm đá chỉ còn có anh Thủy-Hồ với tôi. Hai người đứng lặng như hai pho tượng đá, tôi chú-mục nhìn anh mà anh thì chú-mục nhìn ra bể, trông theo đoàn mảng cá, văng-vẳng còn có tiếng người gọi với lên rằng : « Thôi, về đi, về buộc nốt cái mảng lắm hôm qua đi !...» Anh gật đầu ngảnh lại trông tôi điềm-nhiên như không, đoạn quay đầu cắm cổ chạy một mạch lên núi Sầm, tôi gọi to lên rằng : « Anh Thủy-Hồ, anh Thủy-Hồ, tôi bảo cái này ! .. Anh không quay cổ lại, vẫn chạy thật nhanh một loáng đã khuất hẳn vào những bụi cây rậm-rạp sau đền Độc-cước, có lẽ trong đó là xóm ngư-nhân. Tôi cũng lần bước trèo lên, đi quanh quất mãi mới tìm được vào trong xóm. Trong này chỉ rặt người câu cá ở tụ-họp quây-quần với nhau trong một nơi hẻo-lánh, rừng rậm đồi cao, trước mặt trông ra bể, sau lưng dựa vào núi, sinh-hoạt trong những túp nhà tranh thấp bé. Thoáng trông đủ biết trong đám rừng thông dặng liễu này, trải bao nhiêu lâu nay vẫn chan-chứa riêng một bầu không-khí an-lạc êm-đềm, dân-tình chất-phác, sống một cách giản-dị tự-nhiên như đời hồng-hoang thái-cổ vậy.

Khi đó, bao nhiêu những đàn ông con trai trong xóm đều ra bể đánh cá cả rồi, chỉ còn những đàn-bà con trẻ ở nhà hoặc đan lưới vá lưới, hoặc buộc tre đóng mảng, chăm-chỉ người nào việc ấy, cái khí-vị bình-tĩnh vẫn có cái vẻ sinh-hoạt ở trong. Tôi nhớn-nhác tìm anh Thủy - Hồ vừa vào đây, mà không thấy ; chợt trông thấy một người đàn - bà đã đứng tuổi, mắt mũi phúc-hậu, đương ngồi dưới gốc cây đan lưới, tôi liền đến gần kiếm câu truyện han-hỏi dò la. Sau khi tôi hỏi đến truyện anh Thủy-Hồ, thì người ấy nói rằng :

—À, thầy hỏi cái anh điên kia ấy à? — vừa nói vừa lấy tay chỉ một người đàn ông quần sắn đến gối, cổi trần,

đương dẫn tre ở phía xa xa trước mặt ; tôi nhìn kỹ thì quả con người gặp bên sườn Cổ-giải thật. — Anh ta đâu là cháu gọi ông phán Lâm bằng cậu. Rồi 5, 6 năm nay, ông ta ở đâu đổi vào làm Thanh-hóa, có đem anh ta vào. Anh ta cũng con nhà khá, học-hành khá, nhưng có bệnh điên. Ông cậu cho cháu ra đây hóng gió bể để tĩnh-dưỡng, vì thế nên anh ta thường hay tha-thẩn vào đây chơi-bời trò-chuyện với chúng tôi. Chẳng may năm kia, ông cậu phải bệnh mất, bà mợ đem lòng ghẻ lạnh ; muốn ruồng bỏ đứa cháu điên đồ ; sau khi chôn cất cho chồng, liền cuốn gói dắt con ra Bắc. Anh ta thành ra bơ-vơ lưu lạc, chúng tôi thương tình bảo ở đây với chúng tôi làm ăn cho qua ngày tháng, rồi bao giờ gặp ai quen thuộc họ-hàng, sẽ theo về. Từ bấy đến nay, anh ta vẫn ở với chúng tôi, được cái biền-lành chịu khó, nên chúng tôi đều có bụng mến. Vả anh ta cũng quyến luyến chúng tôi, không muốn đi đâu nữa. Tuy anh ta điên, song tính-nết cũng thuần lắm, chỉ lúc nào cơn lên thì ngớ-ngẩn ngây ngô, cười nói chẳng đâu vào đâu ; còn thì cũng chiều lúc tỉnh-tao, song chỉ phải cái trí khôn thì lẩn-thẩn, chả nhớ biết gì cả... Chúng tôi để anh ta làm những công việc nhẹ, hoặc dẫu tre chẻ lạt, hoặc vá lưới khâu bao, có sáng theo người nhà chúng tôi vác lưới ra bãi rồi lại về, chứ cũng ít khi dám cho anh ta ra bể, vì sợ cơn điên nổi lên mà đâm dầu xuống nước thì khốn...

Tôi nghe nói trong lòng thương-cảm quá, không sao tự-chủ được hai hàng nước mắt. Thế mới biết cái sự cùng thông đắc táng của người ta thật không biết đâu mà nói trước. Anh Thủy-Hồ kia, cái tuổi thanh-niên đương tốt tươi như hoa như gấm, chan chứa biết bao hi-vọng về bạnh-phúc tương lai kia, nào có ai ngờ đâu thân này mà thế ấy ? Gia-đình tan-tác, mẹ mất, bố chẳng mất mà vò-võ phương xa thì cũng thảm hơn mất, anh trên chẳng có, em dưới thì không, họ-hàng ruồng-rẫy, bè-bạn lảng xa, tấm thân ngà ngọc nơi gác rộng lầu cao, học-thức cao sâu những tưởng thỏa nam-nhi chí chí, mà vì đâu nay phải điêu-linh đầy-ải vào chốn quê mùa hẻo-lánh này, đầu trần chân đất, ăn mặc rách rưới, làm lụng vất vả với bọn ngư-nhân ? Trí khôn mất, học-thức có cũng như không, thần-thơ như thằng Mường thằng Mán, cái thân tuy chưa hết song có khác gì câu : « Cướp công cha mẹ thiệt đời thông-minh » ? Trời xanh thăm thẳm kia, sao nỡ khắt-khe ? Vì đâu nên nỗi nước này ?...

Tôi càng nghĩ càng ái-ngại, càng thương-xót cho bạn, trong lòng đau-đớn bồi-hồi, muốn lại làm giúp anh một vài việc mà chẳng biết giúp việc gì ; muốn gọi anh lại tư-giúp anh ít tiền nong, nhưng bây giờ đời anh như thế, anh cần dùng gì đến tiền ; muốn rủ anh ra Bắc với tôi, nhưng mấy năm trời người quen cảnh mến, chứa chắc anh đã chịu rời bỏ chốn này ; muốn lại chuyện-trò than-thở cùng anh, đem lời an-ủy ấy-lạo anh, nhưng anh cũng chẳng còn nhớ tôi là ai, mà cũng chẳng biết truyện gì để đối-đáp với tôi ; còn như thở-than an-ủy anh, thì — tôi dám chắc thế — anh cũng chẳng có điều gì đáng an-ủy thở-than. Vì lòng anh bây giờ cũng không có sự gì đau-đớn, mà vì có sự đau-đớn, anh cũng không hay, không cảm biết chút gì. Mà phải, có lẽ bao nhiêu những sự buồn phiền đau xót, anh đã thoát-ly được hết cả rồi.

Bỗng-nhiên đương khi yên-lặng, tiếng khánh đá bên đền Độc-cước giục-

rã mấy hồi. Tiếng khánh lanh-lảnh trong vắt như tiếng hạc lưng trời, dư-âm phồ vào tiếng nước reo sườn đá, âm-ỷ theo làn trào bể, tựa tiếng chim thủy-kê đuổi sóng ma bay... Anh Thủy-Hồ đương dẫn tre nghe thấy tiếng khánh liền bỏ thõng tay đứng thẳng người ra ngẩng cái mặt ngây-ngô nhìn ra ngoài bể, như để hưởng cái tiếng thần-tiên man-mác, điều-độ dịp-dàng với mầu trời sắc nước như khúc nhạc Quân-thiên. Tinh-thần sảng-khái, trên mặt anh có vẻ hả-hê vui sướng vô-cùng. Không, trên bộ mặt kia, không có vết giăn của sự lo phiền đau đớn như thủa xưa, mà là cái mặt vui-vẻ của một người biết an-phận mình, biết hưởng những mỹ-cảnh lương-thời của vũ-trụ; ngoài sự hoan-lạc trong lòng, không còn hệ-luyến gì với những nỗi khổ-não đắng-cay trên cõi đời này nữa.

Anh Thủy-Hồ không có gì là phiền-não cả. Vì đâu gia-đình anh điên-bái tan-tành, anh cũng không cần biết đến. Họ hàng anh bỏ anh, vợ anh bỏ anh, bạn bè anh bỏ anh, cho đến cả nhân-loại bỏ anh, anh cũng không chút quan-tâm — vì anh có biết gì đâu mà anh quan-tâm kia chứ! — Công danh phú-quí anh cũng không thiết, vì đối với anh, chức trọng quyền cao, tiền rừng bạc bể, chỉ như một giấc mộng vàng. Trước cái cảnh trời bể bao-la này, vũ-trụ mang mang, sắc không bát-ngát, anh chẳng hề bận đến cái cảm-giác rằng thân anh yếu hèn bé mọn, đời anh là bào-ảnh phù-vân. Anh chỉ biết mọi sự đều thoát-ly ra khỏi ngoài tâm-giới anh, chỗ anh ở là chỗ phong-cảnh thuần-nhiên tuyệt-mỹ, có nước có trời, có rừng có núi, anh ăn mặc chỉ cốt đủ che thân, thân anh tuy làm ăn vất-vả song tâm anh được nhàn, nhàn vì không phải bận nghĩ đến những sự phiền-toái của cuộc đời ô-hợp nó cứ bắt người ta phải nghĩ...

Nếu vậy thì thật không người nào sung sướng như anh, đời anh gọi là đời thần-tiên cũng đáng. Mà phải, ở trên đời này, sống mà phải lo nghĩ, phải đau-đớn lòng vì những điều trông thấy, đau-đớn lòng vì cái nhẽ tử-sinh mông-ảo, đau-đớn lòng vì cái thời-thế ngửa-ngang, đau-đớn lòng vì cảnh gia-đình tan-tác, đau-đớn lòng vì thế-thái nhân-tình, những nỗi đau khổ không bao giờ khuây cho được, thì đối với anh, cái bệnh « điên » kia há chẳng nên mong cầu ước muốn lắm sao? Anh điên, không những không biết đau khổ là gì, anh lại còn tránh được bao nhiêu điều lầm khác nữa, những điều lầm về tình đời ấm lạnh, trò thế đảo-điên... Anh không biết đau khổ là anh sung-sướng rồi. Chứ như thân tôi thì lúc nào cũng thấy đau khổ, đau khổ suốt đời; giàm danh khóa lợi, bể ái sông tình, từng đã là những nguyên-nhân sự đau khổ của tôi. Đời phen, không chịu được những nỗi ê-chề khốn-đốn của đời, tôi đã tính đem thân gửi vào một nơi rừng sâu hang thẳm, cách biệt hẳn với đời, song lại nghĩ sợ không sao thoát được cái cảnh lửa cơ dao hàn, nên thành tôi có cái óc khác người mà vẫn không sống được một cách khác người, vẫn phải bon-chen hi-hục, một cách nhỏ nhen hạ-tiện trong đám bụi trần mù-mịt cho tới ngày nay.. Lại có khi trông thấy trò đời ấm lạnh, tôi những muốn làm cho hỏng hai con mắt đi, để khỏi phải thấy những tấn kịch giả-dối bạc đen trình bày ra trước mắt, song tuy mắt tôi có mù, mà óc tôi còn biết nghĩ, biết xét, biết cảm, thì tôi vị-tất đã thoát được những sự đau-đớn...

Vì vậy mà ngày nay đứng trước anh Thủy-Hồ, tôi nhìn anh mà ao-ước được như anh, muốn anh dủ lòng thương đến thân tôi, an-ủy kêu cầu cho linh-hồn tôi được hả-hê thư-thái, cho những nỗi đau-khổ trong lòng tôi họa

chăng có giải-thoát được một vài, vì tôi với anh, tôi khổ hơn anh nhiều lắm, tôi khổ mà tôi biết rằng tôi khổ, nên tôi lại càng khổ vô-cùng...

Tôi nhìn anh Thủy Hồ, anh nhìn tôi, anh thì nhoẻn miệng cười mà trên má tôi bỗng từ-từ có hai dòng nước mắt, song cái nước mắt này không phải là nước mắt ái-ngại khóc cho anh như lúc nẫy, mà là cái nước mắt khóc thương cho thân mình..

Tôi trở về. Mấy hôm sau, tôi lại ra sườn núi Cổ-giải, nhưng cũng không gặp anh Thủy-Hồ nữa.

Cách đó ít lâu tôi lại về Hà-nội.

*

Từ đó về sau, mỗi khi tôi đi qua phố Trảng-thi, nghe thấy những tiếng hát nghêu-ngao tiếng kêu lanh lảnh của một bọn người bị giam cầm — giam cầm về vật-thể — trong một gian nhà riêng trong nhà thương Bảo-hộ, tôi không còn thấy có cái vẻ ai-oán thiết-tha, mà thương cảm ngậm-ngùi như trước nữa, vì đối với tôi, những tiếng kêu hát đó là tiêu-biểu của sự khoái-hoạt vô-lo vô-lự ở đời.

SONG-MAI

LẬP-HIẾN LÀ GÌ? (1)

Tôi là một ông quan già đã về hưu, đối với thời-cục không còn có cái tư-tưởng thiết-tha như người đương-cục nữa. Nhưng một bầu nhiệt-huyết không phải vì thân già chí mỏi mà đã nguội lạnh ngay đi được. Cho nên tuy đã về vui cảnh điền-viên mà vẫn thường đem con mắt khách-quan xem xét thời-thế.

Gần đây, vấn-đề lập-hiến khởi lên trong nước. Các báo hàng ngày nói đến việc ấy. Nhưng ngoài những lời bình-phẩm về cá-nhân ông Phạm Quỳnh, là người khởi-xướng ra vấn-đề lập-hiến, chưa thấy có mấy bài là nghị-luận xác-đáng.

Tôi tưởng việc lập-hiến là việc quan-hệ cho quốc-gia, nên gác bỏ câu chuyện cá-nhân ra ngoài, mà chỉ nên xét cái lý-thuyết hay hay là dở. Vậy hà-tất ta phải bình-phẩm người ông Quỳnh mà chỉ nên nói ngay đến cái chương-trình cải-cách chánh-trị mới của ông đã tuyên-bố. Ta nên đem ra mà xét cho kỹ: phải thì ta theo, quấy thì ta bác; theo cũng phải biết vì lẽ gì mà theo, bác cũng phải nói vì cớ gì mà bác.

Người mình phải nên tập lấy cái lối nghị-luận như người Tây; bỏ câu chuyện riêng, mà chỉ bàn về lẽ chung; bỏ lòng yêu ghét về cá-nhân, mà chỉ cầu khám-phá lấy lẽ phải.

Nay tôi cũng muốn noi theo cách nghị-luận đó, gác bỏ cái cảm-tình riêng đối với ông Phạm Quỳnh ra một nơi, mà chỉ đem cái lý-thuyết lập-hiến của ông bàn giải mấy lời như sau này..

Trước hết xin giải nghĩa hiến-pháp là gì?

Hiến-pháp là phép lớn trong một nước để định rõ quyền-hạn của Chánh phủ và của quốc-dân. Phàm nước văn-

(1) Nhân bản-chí chủ-bút khởi-xướng lên vấn-đề lập-hiến, thiên-hạ bàn đi nói lại cũng nhiều. Nhưng ngoài những lời bình-phẩm về cá-nhân, không thấy mấy bài nghị-luận đích-đáng. Trong *Hà-thành Ngọ-báo* mới đây có một bài giải nghĩa lập-hiến, của quan Tổng-đốc hưu-trí Nguyễn Năng-Quốc, lời-lẽ rõ-ràng, vậy xin lục-đăng ra đây để công-lãm. — N. P.

minh, nước nào cũng có hiến-pháp cả. Nước quân-chủ có hiến-pháp quân chủ, nước dân-chủ có hiến-pháp dân-chủ, nước quân-dân cộng-chủ có hiến-pháp quân-dân công-chủ. Nước Anh-cát-lợi có hiến-pháp tự thế-kỷ thứ 13; nước Pháp thì bản hiến-pháp sau cùng lập ra Dân-quốc là năm 1875. Nước Nhật có hiến-pháp tự 1889. Cho đến những nước thuộc quyền bảo-hộ một nước khác cũng có hiến-pháp, như nước *Syrie*, mới mấy tháng đây cũng được Chánh-phủ Pháp ban cho hiến-pháp. Chỉ có những nước nào chánh-trị còn hỗ-đồ, quyền-hạn chửa phân-minh, thì mới không cần đến hiến-pháp mà thôi. Nước Nam ta, nhờ Đại-Pháp bảo-hộ, quyết không phải một nước như thế.

Vậy hiến-pháp cũng là cần cho ta và yêu-cầu lập hiến cho nước Nam là việc chánh-đáng, không phải là việc hoang-đường. Lại việc là hợp-thời nữa, vì cơ-hội này là cơ-hội cần phải định quyền-hạn chánh-trị cho phân-minh.

Nay nước ta Nam-kỳ là thuộc địa, Trung, Bắc-kỳ là đất bảo hộ.

Thuộc-địa thì theo về cái chế-độ trực-trị, nghĩa là quan Đại-Pháp trực-tiếp cai-trị dân. Ở Nam-kỳ đã lâu nay, ông Bùi Quang-Chiêu có lập ra một đảng đặt tên là « đảng lập-hiến », ý cũng là muốn xin Chánh-phủ Pháp ban cho một cái hiến-pháp để định rõ quyền Chánh-phủ và quyền dân.

Đất bảo-hộ thì theo cái chế-độ «giám-trị», nghĩa là nước Bảo-hộ giám-đốc việc cai-trị của người bản-dân, chứ không can-thiệp hẳn vào việc cai-trị ấy. Đó là cái chế-độ của Trung, Bắc-kỳ, theo như điều-ước bảo-hộ năm Kiến-phúc nguyên-niên (6 Juin 1884). Điều-ước này vì tình-thế thay đổi mà bấy lâu không tuân hành được đúng. Nhưng đối với Vạn-quốc công-pháp thì không xóa bỏ đi được, vẫn phải coi là cái nền-tảng chánh-trị của xứ này.

Nay muốn yêu-cầu lập-hiến cho Trung, Bắc-kỳ thì phải làm thế nào ?

Chỉ có hai cách : Một là xin bỏ điều-ước đi mà theo chế-độ trực-trị như Nam-kỳ. Cứ thiển-ý tôi thì Đại-Pháp là một nước lượng cả trí cao, muốn dìu-dắt cho ta có ngày thành một quốc-gia chân-chính, chứ không có chi kiêm-tính ta vào bản-đồ của mình, điều đó quyết nước Pháp không chịu làm. Nước Pháp không chịu làm, mà ta cũng không nỡ để làm như thế. Tức cũng như câu chuyện người Nam nhập Pháp-tịch vậy, tôi rất kính-trọng nước Pháp, nhưng tôi không bao giờ nghĩ đến xin « vào lăng tây ».

Hai là xin giữ chế-độ bảo-hộ. Giữ chế-độ bảo-hộ thì phải theo như điều-ước.

Nhưng điều-ước ký tự năm 1884, Nước Nam ngày nay không giống nước Nam 50 năm trước. Theo đúng như điều-ước thì chẳng hóa ra đi giật lùi ư ? Bởi thế nên mới phải cần có hiến pháp.

Trong bài bàn về lập-hiến của ông Phạm Quỳnh, đoạn này có lẽ nói khí sơ-lược, nên có người hiểu lầm.

Nhưng ai đọc kỹ thì tôi tưởng cũng lý-hội được ngay. Vậy tôi xin thừa-ý tác giả mà suy-diễn ra như sau :

Cớ sao lại phải vin lấy cái điều-ước cũ đã 50 năm đó ? Là vì ngoài điều ước đó không còn có giấy tờ gì làm bằng cho quyền-hạn nước Pháp đối với nước Nam nữa.

Điều-ước đó là nước Pháp ký với vua An-Nam, không phải ký với dân An-Nam. Vậy nói đến điều-ước không thể không nói đến vua được.

Theo điều-ước thì vua còn có quyền thống-trị trong nước, Bảo-hộ chỉ giám-đốc kiểm-soát mà thôi.

Nay muốn lập-hiến thì trước phải xin bảo hộ theo đúng như điều-ước, nghĩa là giao cho vua quyền nội-trị, rồi xin với vua ban hiến-pháp cho dân, nghĩa là nhường cho dân, một phần quyền đó.

Một việc mà thực là hai việc, phải có việc trên mới thành việc dưới được :

Hoặc-giả nói : Thì việc gì phải nghiêu-khê như thế ? Chánh-phủ Pháp đã cầm cả quyền-chính trong nước, thì nay muốn xin mở rộng quyền cho dân, cứ việc trực-tiếp mà xin với nước Pháp, hà-tất phải qua đến vua làm gì ? Ngộ vua không cho thì làm gì ? Ngộ vua không cho thì làm sao ? Nay vua lấy lại được quyền rồi, lại lạm-dụng cái quyền ấy mà hại dân thì làm sao ?

Cứ pháp-luật không thể thế được. Trung, Bắc-kỳ là đất bảo-hộ, chủ-quyền bao giờ cũng vẫn là ở vua, chủ-quyền ấy có thể tạm-thời chuyển cho Chánh-phủ Bảo-hộ, nhưng bao giờ lấy về thì phải vua lấy về, chứ dân không lấy về được. Vì dân trực-tiếp mà xin với Bảo-hộ mở rộng dân-quyền thì Bảo-hộ đã không có cái chi kiêm-tính nước Nam, tất trả lời rằng : « Không được, nếu có trả quyền thì trả cho vua, chứ không trả cho dân được. » Mà Bảo-hộ nói như thế là có lý lắm. Nhưng Bảo-hộ không có quyền chúa tể mà có quyền giám-đốc. Nếu xét ra nên trả quyền lại cho vua thì Bảo-hộ sẽ trả quyền lại đúng như điều-ước. Nhưng nước Nam ngày nay không phải là nước Nam 50 năm trước. Vua đời nay không thể là vua chuyên-chế như xưa được. Bảo-hộ đã trả quyền cho vua rồi, sẽ khuyên vua ban cho dân một hiến pháp để cho dân cũng có quyền được dự vào việc nước. Nói tóm lại thì quyền cho hay không cho thủy-chung vẫn ở Bảo-hộ cả, nhưng cái cách cho phải theo đường lối như thế mới là phải phép. Tức cũng như việc ban tân-luật cho Bắc-kỳ năm nọ, vẫn là Bảo-hộ khởi-xướng mà phải có chỉ-dụ của vua mới ban hành được, vì quyền lập-pháp vẫn thuộc ở vua. Nay nếu có hiến-pháp thì quyền lập-pháp ấy sẽ nhường cho Nghị-viện vậy.

Tôi không biết tôi cắt nghĩa thế đã rõ-ràng chưa, theo ý tôi thì chỗ này là chỗ khổ-tâm của tác-giả, tất đã phải nghĩ kỹ lắm mới bàn ra như thế. Mà cứ lý đương-nhiên thì không có cách nào làm khác được nữa.

Người không suy xét kỹ thì nói ngay rằng : lập-hiến như thế thì chỉ tăng quyền cho vua quan để áp-chế dân mà thôi.

Nhưng đã có hiến-pháp thì quyền-hạn phân-minh, vua quan có quyền của vua quan, quốc-dân có quyền của quốc-dân, Bảo-hộ có quyền của Bảo-hộ không thể nào mà lấn-láp lẫn nhau được.

Hoặc-giả lại nói : — Thế thì ra có ba quyền ; nay ngộ hai quyền vua quan và bảo-hộ hiệp lại với nhau mà lung-lạc quyền thứ ba là quyền dân thì quyền dân còn gì nữa ?

Nếu quả như thế mà quyền dân đều bị thiệt-hại thì vẫn có thể tố-cáo ở Pháp-đình được. Ông Phạm Quỳnh dự-định rằng sẽ có một phái-bộ An-Nam thường-trực ở *Paris*, đó tôi cho là một chỗ diệu-xứ trong hiến-pháp của ông. Nhưng ông chỉ nói phái bộ ấy thay mặt cho Chính-phủ Việt-Nam mà thôi, điều đó còn khuyết : phái-bộ ấy phải thay mặt cho cả Chính-phủ, cả Nghị-viện, hoặc là đặt ra một phái-bộ của Chính-phủ một phái-bộ của Nghị-viện cũng được.

Tôi đọc kỹ bài lập-hiến của Phạm tiên-sinh, thấy về phần dân-quyền xếp-đặt đã chu-đáo lắm : mỗi một bậc quan-lại cầm quyền cai-trị, đều có một hội-đồng dân-cử để giám-đốc.

Dưới cùng là xã-thôn tự-trị thì làng nào có hương-hội làng ấy, rồi đến huyện thì có hội-đồng hàng huyện, phủ có hội-đồng hàng phủ, tỉnh có hội-đồng hàng tỉnh, rồi toàn-quốc thì có Nghị-viện, mà Nghị-viện có quyền chất-vấn quan bộ-trưởng, đâu có quan cầm quyền là có dân kèm bên cả, tưởng thế cũng đã là chu-chí lắm rồi, còn muốn thế nào nữa ?. . .

NGUYỄN NĂNG-QUỐC

TRUYỆN ÔNG NGHÈ TÂN

Tự bé tinh nghịch

Ông nghe Tân, họ Nguyễn tên là Đình-Tân, người làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, cũng thuộc về bậc « Hải-dông thất-quân hào-kiệt .» Ông thi đỗ Tiến-sĩ vào khoảng Minh-mệnh Thiệu-trị triều nhà Nguyễn ta ; ông tự-hiệu là Đỉnh-trai, người có tài lỗi-lạc, mà tính thẳng-thích, văn-chương rất quật-kỳ, hay viết lối phá-cách, mà lời chênh-lệch, giọng danh-thép, nói móc-máy mà chua-chát, nghe mát-mẻ giòn-giã, khiến cho người ta bật cười, cũng nhiều câu nói mai-mỉa khêu gợi châm-chọc, khiến cho người ta căm-tức mà không căm-tức nổi, phải răn đời những thói tục thường, thế mới gọi là văn-chương trào-phúng, có ích cho nhân-quần xã-hội lắm sao !

Văn-chương cười cợt mỉa chê,
Làm gương cho nước làm bia cho đời.

Kể truyện ông từ khi mới lên sáu tuổi, tính hay tinh-nghịch, đang ngồi chơi ở ngoài ngõ, tuốt nõn tre câu cống, xếp gạch vỡ làm nghè, chợt có ông Cống Cát đi qua, trông thấy cậu bé con khôi-ngô đẹp-đẽ, biết là vẻ con nhà học trò, ông Cống đang say rượu, liền gọi mà bảo rằng : « Này thằng bé kia, ta tức-cảnh ra cho mày một câu đối ba chữ *ông Cống-Cát*, mày đối với câu gì cho thật hay và hợp-cảnh thì ta thưởng cho mày mấy đồng tiền mà ăn quà, chớ mày cứ nghịch bẩn làm chi thế ? » Cậu bé con chưa kịp trả lời, chợt có con bọ hung, bay vù-vù ở đâu đến, làm bặng-nhặng cả lên, cậu bé con liền ứng-khẩu đối rằng : *con bọ hung*, rồi nói rằng : « *Ông* đối với *con*, con *cống* đối với con *bọ*, *cát* đối với *hung*, hay lắm rồi, ông phải thưởng tiền đi cho tôi. » Ông Cống Cát biết là đối xỏ, nhưng khờ tự mình, cũng phải chịu nín, móc túi thưởng 18 đồng tiền, mà ngậm cay như ớt, nuốt đắng như bồ hòn !

Khéo sao ông Cống chịu khờ,
Rõ tên là Cát không ngờ biến hung.

Tự đó ông Cống về nghĩ mới đau, tịt từ rầy không dám giở ngón chữ ra câu đối hách với bọn trẻ con nữa.

Khi ông Tân 11, 12 tuổi, người càng lớn càng tinh-nghịch, văn-chương càng sắc-sói, ông có rủ một bọn trẻ con gái hàng xóm, lập một ngôi đền con bằng gạch vỡ, để thờ các bà các cô chư-vị, tảng lên đồng bóng nhảy-nhót cho vui bọn thiếu-niên. Trước đền ông có sửa một đôi câu đối viết bằng giấy đỏ dán ở cửa rằng :

Bà long bà tong, ông ;
Cô lô cô lốc, ốc.

Các văn-sĩ đi qua đi lại, ai cũng chịu là câu đối hay, và có ý trào-phúng. Sau bọn trẻ con gái, hiểu biết sự đồng bóng là một sự nghịch đùa lúc trẻ bé, thật là nhảm-nhí, không ai tin về sự mê-hoặc ấy nữa, cũng là vì câu văn của ông chế-nhạo mà làm cho bọn trẻ con gái biết tỉnh-ngộ, khi lớn lên thành ra bậc đứng-đắn, không mê-tín về sự điên cuồng nhảy-nhót ấy chi, thì lại là một sự nay cho gia-đình xã-hội về nữ-giới.

Văn-chương tự bé khác đời,
Con ong cái ốc ngụ lời khuyên răn.

Đến khi ông Tân 17, 18 tuổi, văn-sách nôm viết đã danh thép, ông có ra một đầu bài văn-sách hỏi cớ, rồi tự soạn trả lời như sau này :

Đầu bài hỏi :

Con gái nằm ngủ, chuột hà vi nhi tha ? bà cốt lên đồng, ông hà vi nhi đốt ?

Bài làm :

Con gái mười ba mười bảy, đang độ hớ-hênh, nguyên dĩ động chú chi chú chủ chi thỏm-lẻm, huống giờ tí canh ba, cậy gan có mẹ, nhất là cờ chi phanh kỳ phách, tức ngửa mép giả ư-thị-hồ tha ; bà cốt nhảy xuống nhảy lên, đang cơn ngửa - ngáy, nguyên dĩ động anh bầu anh mướp chi vo - ve, huống ngày rằm mồng một, đội bóng các bà, nhất tiếng trống chi giục-kỳ-giùng, tức hằng nọc giả ư-thị-hồ nhói.

Bài văn-sách này tức là bài đoan hai vế, mà gỡ mẹo trả lời rất là danh-thép già-giặn, văn viết nhất-khí, chỉ lấy ba chữ *nguyên dĩ động* chuyển xuống một chữ *huống*, một chữ *tức* đến ba chữ *ư-thị-hồ* là xong, lời mạnh-mẽ, văn gọn-gàng và đối chọi nhau từng chữ rất chua-chát, dù văn - sách chữ nho, viết đến thế cũng là già-giặn, không lép một chữ nào. Đó là lối văn - sách cối-xay, viết cọ - xương mà thép lắm, và bài này cũng cốt ý trào-phúng, văn như tiếu như mạ, thế mới là văn tuyệt-tác, có ích cho thiên-hạ, cải-dịch được phong-tục mê-muội lắm lắm.

Đã nên con gái dàn bà,
Phải gờm chú chuột chớ mà chồng ong.

Câu đối nôm của ông Tân, cũng lắm câu đắng-cay nồng mặn, mà tả hết tình-cảnh cho người ta. Xưa có người vợ lính, chồng lên thủ Lạng, không may chết, vợ xin đôi câu đối để khóc chồng, ông vẫy bút thảo cho một câu rằng :

Đi lên thủ Lạng cùng anh, công-cán ấy dã-tràng xe cát bể ;
Nhắn nhủ nàng Tô cho chị, nông-nổi này cái cò lội bờ sông.

Đôi câu đối này là chính ở câu phong-dao mà viết tẩu bút cho xong việc, nhưng những lời *công-cán ấy dã-tràng xe cát bể, nông-nổi này cái cò lội bờ sông*, thì tình-cảnh đau-đớn, biết là bao nhiêu, như vẽ ra một người vợ lính khóc chồng, lời lẽ lai-láng, khiến người nghe tiếng khóc cũng phải vẫy nước mắt thương vay, và *dã-tràng* đối với *cái cò*, *xe cát bể* đối với *lội bờ sông*, nghe hình như lệch - lạc, mà thực là đối chọi, thế mới là văn đại-bút viết lạo-thảo nghe hời-hợt, mà ý-vị thâm-trường, nói không hết :

Văn nghe như khóc như than,
Thân cò lặn lội xiết nỗi gian-nan con [dã-tràng.

Lại có một người vợ anh lò rèn, chồng chết sớm, con còn bé, vợ góa trẻ, đến xin đôi câu đối khóc chồng, ông nghĩ cho một câu rằng :

Nhà cửa lầm than, con thơ đỏ lấy ai [rèn cặp ;
Cơ-đồ bỏ bễ, vợ xuân xanh lắm kẻ đe [loi.

Đôi câu đối này vẽ ra tình-cảnh nhà lò rèn, và lại dùng chữ *lầm than* đối với *bỏ bễ*, *rèn cặp* đối với *đe loi*, mà tình-cảnh con thơ vợ dại, lai-láng ở ngoài lời nói, nghe cũng rất chua cay nồng đậm, khiến cho người nghe câu đối, thương nỗi con không ai rèn thì phải nên rèn, vợ lắm kẻ đe mà không nỡ đe.

Lầm than bỏ bễ thương ai,
Con ai rèn cặp vợ người đe loi.
Lời văn tả hết khúc-nhôi,
Đoái thương vợ góa con côi anh lò rèn!

II

Viết hộ đơn trâu

Sau đến khi ông Tân vào thi Đình đỗ Tiến - sĩ, ông nghĩ mình là người khái-khẳng, tính thẳng-thích, nết lỗi-cỗi, không có thể mài bỏ cạnh góc mà giao-thiệp được với bọn quan-trường

nên ông vào bệ-kiến, dâng biểu tạ chỉ tâu xin bào-hốt, về nơi tư-dệ, cho rạng vẻ trâm-anh, còn như sự giảm danh khóa lợi, áo xiêm gò buộc, ông quyết xin từ chối cả. Nhà vua thấy ông là người thanh-giới, thích khoáng-đạt, không chịu chen chân vào vòng làm quan, nên cũng rộng ban cho ông một chức rất nhân-khoáng, cấp cho về tư-dệ, và được liêm-sát cả quan tỉnh phủ huyện đường ngoài, nếu có ai tham-lộng điều gì, thì ông được có quyền hặc-tấu, cũng như ông Lý Thái-Bạch đời Đường, khi được vua Minh-hoàng đặc-tứ tiến-sĩ, rồi làm chức thanh-tra, đi khắp cả châu quận, thế là :

Vì ông rất mực thanh-liêm,
Ban quyền phỏng-sát xét xem đường ngoài.

Từ khi ông phụng-chỉ ra về, đi khắp cõi Bắc-thành và hết Hải-đông thất-quận để kê-tra mọi việc chính-trị và phong-tục, rồi điều-tấu về kinh.

Một hôm trời mùa hè nắng bức, ông mặc bộ nho-phục, cưỡi một cái xe hai con ngựa kéo, với vài tên đầy-tớ theo hầu, đi qua phủ hạt Bình-giang, đến phố công phủ, vừa ghé vào ngồi nghỉ mát ở hàng cơm,

Ngựa hồ lẻo-đẻo một đôi,
Chiếc xe lồng bánh tới lui giang-hồ.

Trời nắng chang-chang, gió chiều hây-hẩy, ông vừa ngồi uống nước, bỗng thấy một mụ đàn bà thở hồn-hển đi tự đàng xa lại, đến trước ông thỉnh-cầu nói rằng : « Khốn-nạn tôi là một người đàn bà góa, nhà có một con trâu quấy nước làm ruộng, không may nó chết nắng, tôi đã nói với thầy lý làm hộ cái đơn, tôi lo mấy quan tiền lên trình quan Tri, ngài cho phép về chôn, thế nào tôi đi mải-mốt, hất-ha hất-hởi, vội đánh rơi mất lá đơn, giờ tôi cạy ông viết lại hộ tôi cái đơn, để tôi vào buổi hầu quan cho kịp, thì tôi cám ơn lắm.

Thương thay mụ góa vội vàng,
Chết trâu hỏi khách qua đàng xin đơn.

Ông ngồi hỏi rỏm, biết quan Tri là người đường trong làm việc quan tham-nghiệt, mỗi con trâu chết phải trình năm quan quí, bò thì ba quan, lại còn tiền sở hầu, nhà chè, lính lệ, không kể, dân đó lấy làm ta-thán, gặp mỗi vụ dịch trâu bò, thì dân mất vô-vạn là tiền trình báo nộp lệ, mà của phủ tiền vào từng vác, vừa mất trâu vừa mất của, đau cho nhà làm ruộng biết bao.

Con trâu chết cũng không xong,
Chạy tiền con phải long-đong đi trình.

Ông bèn liền mở tráp lấy bút giấy mài mực, thảo hộ là đơn nôm. Đơn rằng :

Mỗ niên nguyệt nhật, mỗ phủ huyện lồng xã, thị mỗ,
Tôi là phận gái nữ-nhi,
Có con trâu chết tôi đi trình ngài.
Vội-vàng vấy trụt đơn rơi,
Tôi mượn một người mần cái đơn ni :
Quan Tri kia hỡi quan Tri,
Xin quan chấp lấy đơn ni mần bằng.
Dù quan có hỏi mần răng,
Rồi quan cần cỏ lạy thằng mần đơn.

Ông viết xong đưa cho mụ đàn bà, mụ mừng quá cám ơn, vội cũng không bảo ông đọc lại cho nghe, hấp-tấp mượn nhà hàng cái mâm, đựng năm quan tiền đội đơn vào sân quì lạy. Quan phủ ngồi trên công-đường, sai cậu lính ra cầm lá đơn, đưa lên bàn giấy, quan phủ mở xem, chữ thảo tốt như cắt, tươi như hoa, ngài vừa liếc con mắt coi đã giật mình sởn gáy : — « Chà chà ! dân đâu có tay viết chữ tốt thế này, lạ quá lạ quá ! » Xem đến lời trong đơn thì ra giọng láo-xược, chắc là nhà văn-sĩ lũa-lạc, lại có ý hống-hách mình rằng : « Dù quan có hỏi mần răng, rồi quan cần cỏ lạy thằng mần đơn », thì chắc người này có cái quyền-thế

sao đây, mới dám nói như thế. Quan phủ cầm lá đơn trên tay, lật đi lập lại, ngẫm-nghĩa ngẫm-nghĩ đôi ba lần, càng nghĩ càng cay như cắn phải quả ớt, chết tê chết dại mà không dám xít-xa.

Làm quan ngồi chấp lá đơn,
Ngẫm câu nói chát cay hơn ăn gừng.

Song quan phủ là người vốn thâm-trầm, nghĩ sâu-sắc, dù việc quan có lúc nóng như lửa mà cũng coi người như tro, lạnh như nước lã ngay được. Vả ngài nghĩ mình là đèn trời, có lẽ không soi xét, mà quở phạt con mụ đàn bà ngu dốt kia, cũng không có thể đập chết nó được, chẳng thà ta nhân nó mà xét tìm manh-mối, xem đích tay nào làm lá đơn này trêu cợt ta, rồi sẽ ghép vào luật hống-đường cũng có phép, chớ vội gì mà nóng, cho việc vỡ-lở ra, thêm mang điều.

Việc quan như lửa nóng sôi,
Lòng như nước mát tuyệt vời sâu-xa.

Quan phủ ngồi nghĩ thế rồi ngài mới đặt lá đơn xuống bàn giấy, mà hỏi con mụ đàn bà rằng: « Con mụ kia, chớ ai làm đơn cho mày? » Mụ thưa rằng: « Dạ, bẩm quan lớn, con trước cày thầy lý làm đơn, con vội-vàng đánh rơi mất, con phải nhờ ông khách ngồi ở ngoài hàng phố viết hộ cho con. » Quan phủ gọi lính theo con mụ này ra phố hỏi xem ai viết cái đơn trâu cho mụ, có còn ngồi đó không, sẽ về trình ngay. Cậu lính vâng lời, giục mụ đàn bà cùng chạy ra phố cổng phủ, vừa tới cửa hàng, thấy một cái xe song-mã dừng ở cửa, với vài tên tiểu-đồng; trong hàng một ông tuổi trẻ ngồi, bộ khăn áo học-trò, đang uống nước, hỏi dò ra thì là quan Nghè Thượng-cốc đi thanh-tra quan đó.

Hay đâu câu chuyện bỡ-lờ,
Ông dừng xe ngựa thảo tờ đơn trâu.

Cậu lính chạy về báo. Quan phủ nghe rồi trống ngực đánh thòm-thòm, nhưng cũng phải ra bộ oai-nghiêm cứng-cỏi, thét lính dọn công-đường mình ra đón quan Thanh-tra. Tới cửa hàng chào hỏi, mừng mặt bắt tay, tỏ ra ý thân-mật, mời rước về công-đường làm tiệc, gọi ả-đào hát, thết-đãi rất long-trọng.

Quan nghè thong-thả mà cười rằng: Bổng-lộc nhà quan là dầu mỡ của dân nước, trâu chết bác lấy năm quan, bò chết bác lấy ba quan, thì thật là cay-đắng cho nhà làm ruộng, gương trời xa cách, lộc nước vô-ngần. Làm quan biết thương dân, mà tỉnh-giảm những đường hư-phí là phải, chớ cần chi bón nơi khố-quanh mà dãi nơi quần hồng, cho đục mất bầu ngọc thanh-trong của quan-giới, a bác!

Quan phủ lặng nghe lấy làm khâm-phục, xin sức cho hạt-hạ, từ rày có trâu bò chết giao cho lý-trưởng sai tuần tráng đem chôn, sau sẽ trình chiếu, mà không phải mất tiền gì cả. Năm quan tiền của mụ đàn bà góa, quan phủ cũng cho gọi trả.

Một lời bầu ngọc thanh trong,
Quan-trường rạng tỏ tấc lòng in băng.

III

Quăng cáng xuống bùn

Kể lại ông Tản từ khi đỗ tiến-sĩ, về tư-đệ, phụng mệnh đi thanh-tra, khắp cõi Bắc-kỳ, vùng Hải-dương thất-quán, đâu cũng tiếng tăm thét-lẹt, oai-quyền lừng-lẫy, song ông dẫu ngang tàng thiên-thẳng, vẫn một nết thanh-liêm, chưa từng có tham-hặc một viên quan nào, chỉ lấy lời lẽ ngăn bảo, mà ai ai cũng phải sợ. Khi đó huyện Gia-lộc, có quan huyện mới bổ về, chưa được nghe biết tiếng ông Tản, bởi chưa nghe thấy ông tham-hặc ai, tưởng cũng như ông nghè về tại-quán, có dự gì đến quan-trường. Vả mình làm quan huyện, ai đâu có siêng cọ, cáng võng, lọng xanh, loa đồng, trống khẩu, hèo hoa, gươm bạc, túi roi, nếu quan

nghè có đến chơi với mình, thì Tể-tướng còn phải bái huyện-quan, huống chi là tiến-sĩ, mình có cần chi, mà phải đến tận nhà giao-thiệp với ông ấy. Vả chữ nghĩa việc quan, thì mình đã thạo, chứ nói đến sự văn thơ mùa - mép, thì hơi đâu tui-thố được với ông nghè, nếu đến nhà lại thành ra nước lép, không chơi.

Việc quan đã rác nước đời,
Văn thơ mùa mép thì hơi làm gì?

Quan huyện nghĩ thế, nên từ khi đề-lý đã một hai tháng cũng chưa qua đến làng Thượng - cốc và cũng chưa biết mặt-mũi quan nghè Tân thế nào. Một buổi chiều trời thanh-mát, luồng gió hắt-hiu, quan huyện nhân đi việc quan ở xã trên, phải đi qua địa-phận làng Thượng-cốc, sức giấy về cho lý-dịch bắt dân-phu phải đón ở địa - đầu, cờ tàn án thư, phải sắp ra ứng-trực ở quán ngói. Quan nghè Tân khi ngày thường về tư - đệ, vẫn hay đội khăn xéo mặc áo mát, ra hàng quán ngồi chơi, nói chuyện việc dân làng với bà con lý-dịch cùng tôi tớ, bảo ban những sự công-ích cho dân làng; hôm ấy quan nghè vừa ra ngồi một lát, thì tiếp được giấy sức của quan huyện trấy qua làng mình, mà hình như không biết có mình là ai cả, quái lạ sao, con mắt tinh đời hay tấm lòng nạt chúng, ừ đã giỏi thế, hôm nay dãi cho một mẻ rõ thật đau, để cho bọn họ bớt những điều lòe nạt dân đen mới được.

Chớ quen lòe nạt ngu-si,
Trêu làng nho lỡ có khi bẹp đầu.

Ông vừa nói xong, thì nghe thấy tiếng trống khẩu quan huyện trấy, long-bong tự đường xa lại, ông vội-vàng cởi áo thắt đai lưng làm ra bộ kẻ đình-phu đứng trực, một lát nghe thấy tiếng loa đồng thét gọi: « Bớ lý - trưởng làng Thượng-cốc, bắt dân phu ra trực hầu.» Rồi dần dần thấy lính vác túi roi đến, bắt phu khênh siêng cọ đi trước, rồi đến bọn lính đeo gươm bạc hèo hoa đi giàn hai bên, chính giữa đường là cáng quan huyện, bốn tên phu cáng ỷ-ạch, trên mui cáng mai-luyện, hai bên diễn mảnh-mảnh cánh sao, phấp-phới như hoa bay, trong nằm một quan huyện béo xù, mặt đen như sắt, mắt sắc như gươm, mà rỗ sù rỗ sịt, rỗ sứt rỗ sẹo, coi ra bộ miệng hùm mặt cọp. Quan nghè Tân đã bảo trước với lý-trưởng cắt ba tên đình phu với mình là bốn, cùng vào nâng cáng, ghé vai cáng quan huyện.

Tài trai nâng gánh nước non,
Giản mình lại phải khênh đòn đỡ dân.

Đi được một quãng vài mươi bước, đến chỗ lội, cỏ dầm nước vần, bèo thối bùn lầy, quan nghè gắt với lý-trưởng sao không trình quan vát dân-phu đắp đường, để lội - lặm thế này, lỡ xầy chân một cái, thì ngài nằm trên cáng có nguy không!

Quan huyện nghe biết là đình-phu chửi xỏ, nhưng không lẽ mình ra điều với đứa đình phu, bèn thét quở lý-trưởng, để rồi ta cách cổ nó đi.

Nói chưa dứt câu, quan nghè tẩng toại chân làm hiệu, bốn người cùng quăng cáng xuống giữa chỗ lội một cái thật mạnh.

Quan huyện nằm trong cáng, tưởng như thiên - lôi đả, và lại đòn cáng đè, lá mành quấn, lúng-túng như ếch nằm trong xiếc, cỏ nước rối phè, bèo bùn lấm lủi, khăn nhiễu áo gấm, coi nhọ-nhỉnh như ma lem.

Khéo sao lắm sự bất-thần,
Đang nằm trong võng mà lăn xuống bùn.

Đang khi bất-thình-lình, quân lính đem hèo hoa gươm bạc, đã tót lội sang trước bên kia rồi, chợt quay lại ngơ-ngác, chưa biết ra làm sao, quan nghè vội lên tiếng mà dức rằng: « Từ khi ông đỗ tiến-sĩ, đi thanh tra khắp Bắc-kỳ ông chưa cáng thằng nào béo nặng như thằng này! Xác nó phỏng

bốn con hùm ăn không hết thịt, mà nó đi đâu, bắt bốn người cáng, thì ai khênh nổi, đinh-phu chúng bay trói lại, xỏ đòn vào lưng khố, mà khênh lên trả tỉnh cho ông! »

Đinh-phu dạ ran. Quan huyện nghe thấy tiếng hai chữ thanh-tra, sợ run cầm-cập, hai mắt dồn một, mở miệng không ra lời, chỉ tay vuốt mặt bùn mà vái. Quân lính thấy bảo là quan nghè, đều bỏ chạy tán-loạn, không đứa nào còn dám ngảnh cổ lại.

Lạ chi thầy mặt tớ ruồi,
Quan sa chỗ lội lính chui bờ rào.

Quan nghè sai đinh-phu đưa quan huyện về đình, đánh trống việc làng, và bắt lý-trưởng bắt tuần-phu sửa lại cáng võng, rồi cáng quan huyện lên trả tỉnh. Thế là ngài còn giữ thể-diện cho quan-trường, nên ngài lại lên nói với quan Tổng-đốc và tư tờ về bộ hặc-tấu qua một vài điều quá tệ mà thôi, nên quan huyện cách chức diệu-dụng, chưa đến nỗi phải về đuổi gà, thì cũng còn là hạnh-phúc lắm.

Từ đó quan huyện khác đổi về Gia-lộc, ắt phải đến yết-kiến quan nghè Thượng-cốc, để hỏi han mọi điều chính-trị, và những sự quan trảy bắt dân phu khênh võng cáng siêng cọ cũng bớt, sau các quan chỉ dùng xe ngựa nhiều, nên dân đen đỡ khổ về khênh gánh, mà cái nghề cáng đều ở trong nước cũng ngày dần bớt.

Mỗi ngày phong-hóa văn-minh,
Cùng loài chi để kẻ khênh người nằm.

IV

Đóng cối đề thơ

Từ khi quan nghè Tân đã hặc - tấu quan huyện Gia-lộc phải cách - chức, các quan phủ huyện đều ngơm - ngớp, sợ hãi oai-quyền, sởn ghê tăm tiếng, thành ra việc chính-trị ngoài Bắc, quan nào cũng giữ được thanh-liêm, phong-tục ở các hạt cũng càng ngày càng tiến-hóa.

Cách sau một vài năm, quan Tổng-đốc Hải-dương được thăng chức về bộ, quan Tổng-đốc ở đường trong ra thay, ngài vẫn nghe tiếng ông nghè Tân, nhưng chưa được biết người. Một hôm quan nghè Tân lên tỉnh, cũng toan vào tiếp-kiến quan Tổng-đốc, song tính hay thư-từ thanh-thả, còn dạo xem phong-cảnh chỗ hoàn-thành ở đó, xem nhân-dân có được phong-thu phồn-thịnh và vui-vẻ hay không, có ai ca-tụng về chính-trị hay oán-thoán điều gì chăng.

Trải xem phong-tục nhân-dân,
Biết là chính-trị mấy phần giỏi hay.

Tình-cờ ông đang đứng một mình ở ngả đường dưới bóng cây bàng hòng mát, trời xanh ngắn - ngặt, bóng nắng chang-chang, chợt thấy một anh chàng gánh chạy hồn - hển, quẳng một đôi bồ dăm tre và mấy cái cưa dao đủi-đục, búa vồ nện đất, coi ra anh đóng cối. Ông lên tiếng mà hỏi rằng: « À bác phó cối, bác đi làm ở đâu, mà tất-tả thế? hãy ngồi nghỉ mát tý đã. » Anh phó cối vừa hạ quẳng bồ, vừa thở vừa nói: « Giấu gì bác, trong bà lớn Thượng cho người về tìm lên đóng cối, mà hôm nay trời nắng quá, đi mệt, phải nghỉ vai một tí. »

Làm nghề nào cũng phải chăm,
Làm nghề đóng cối bồ dăm không rời.

Quan nghè chợt nghe thấy nói vào bà lớn Thượng đóng cối, chính hiệp lòng mình toan vào thử trêu cợt quan Tổng-đốc, mà lại gặp cơ-hội tiện-nghi thế này thì may cho mình quá, bèn bảo rằng: « Này bác phó, em là người con nhà học-trò nghèo, mấy hôm nay lên tỉnh tìm việc làm mà không được, thành ra lỡ độ đường, đứng vơ-vẩn ở đây, giờ may gặp bác vào trong bà Thượng đóng cối, chi bằng bác cho em quẳng bồ, vào đập đất cho bác, để kiếm bữa cơm trưa, tôi không dám lấy tiền công gì cả. » Anh phó cối gật gật mà nói

rằng : « Tôi đi làm việc thì cơm xơi tiền lấy, nếu anh đi quảy bồ đập đất đỡ tôi, mà lại chỉ ăn cơm không lấy tiền, thì trong quan lớn Thượng thiếu gì, mà tôi bẹp anh bữa cơm, vậy thì anh quảy đi với tôi. » Ông Tân xoay cởi áo dài trắng vo tròn bỏ bồ, chỉ để mỗi cái áo cộc và cái quần rỉ, xắn móng lợn, quảy bồ cùng đi.

Chen vai quảy cáng đã từng,
Quảy bồ đóng cối tếch chừng vào quan.

Anh phó cối đi trước, ông quảy bồ lẻo-đẻo theo sau, vào tới sau đình quan Thượng, ông xoay trần ra đóng khố lên đất hi-ha hi-hoáy, đến 12 giờ trưa, quan Tổng-đốc đã tan buổi hầu đi giấc, mà cơm anh phó cối chưa được ăn. Vả khi đó trời nắng chang - chang, gió im phăng - phắc, ông đập đất miệt đất đã mét, bồ-hôi ra như mưa, liền bảo anh phó cối nghỉ ra tắm; tắm xong, ông lấp ló ra cửa công - đường, thấy tranh treo bức vách, hai bên đồ bát-bửu bày sáng choang, giữa có cái sập ngự gỗ gụ khảm xà-cừ coi rất nhã, mặt sập bào trơn đánh bóng, nhẵn như tấm lụa, trơn như mỡ, coi mát quá, ông lẻn xuống thó cái dùi-đục dem lên làm gối gối đầu, nằm ngả lên giữa sập, bắt chân chữ ngũ, ngáy như lôi.

Buồn ngủ mà gặp chiếu manh,
Sẵn nơi sập ngự tạm anh ngả mình.

Các cậu linh tuần, chạy ra chạy vào lố-nhố, chợt nom thấy một thằng bé cởi trần trùng-trục, đóng khố một nhai, nằm vắt tréo trên sập ngự quan-lớn, ai nấy rùng mình sởn gáy, ngỡ là thằng điên, chạy đến tận nơi coi, thì thấy đầu gối dùi-đục, chân vắt tréo khoeo, à ra thằng cu phó cối! Đập gọi từng hồi, nó vẫn ngáy như sấm, gọi phó cối lên hỏi, phó cối cũng run sợ hết hồn, nói là thằng va đường, nó đi va vào với tôi, không biết nó dỗ dại thế nào. Cậu cai-tuần tức giận quá, chỉ sợ phải quở phạt, bèn chạy vào cố sức lôi bật dậy.

Ông Tân ngồi phắt lên tay vớ lấy dùi-đục, vẫn cởi trần đóng khố, ngồi chồm-chỗm trên sập ngự mà mắng rằng : « Quái những quân ngu-hèn đại dột, trời nắng như thét, nóng như lửa, có cái sập mát bỏ rồi, mình nghỉ mát một tí, mà chúng cứ bặng-nhặng làm sao, hay muốn mỗi thằng mấy cái dùi đục ? »

Đang khi nắng lửa đốt trời,
Tiện nơi nghỉ mát thảnh-thơi hẹp gì.

Cậu cai tuần và các cậu linh nghe ông nói cứng-cỏi, toan giở ngón võ, chỉ trông nhau mà ngơ-ngác, lấy làm lạ, bảo nhau có lẽ là thằng dỗ ương dở thế nào đây, chi bằng cùng vào kêu cụ lớn xem sao, chớ giằng kéo đòng đến mình nó bây giờ thì dở cả, vì nếu nó có kinh, đã chẳng dám ngồi chễm-chệ như thế.

Ông Tân thét mắng rằng : « Có chúng mày dỗ, chứ ông chẳng dỗ dại gì cả, trời bức thấy chỗ mát bỏ rồi thì ông nằm, cho chúng mày bẩm cụ lớn, cũng đến lẽ phải thì thôi, dẫu vua có bắt tội cũng bắt tội dứa làm hại dân, chứ không bắt tội anh đóng cối nằm nghỉ mát được. chúng mày cứ đi vào bẩm cụ lớn ra đây. »

Ai rằng ông dại ông dỗ,
Nằm khềnh nghỉ mát dẫu vua cũng chiều.

Khi đó quan Tổng-đốc vừa vào nằm lơ-mơ ngủ, màn loan mới dủ, giấc điệp chưa êm, bỗng nghe tiếng thét to ngoài công - đường, như vàng gieo sắt gỗ, sực lại thấy tên cai-tuần vào bẩm có thằng cu phó cối nó điên dồ, cởi trần đóng khố, gối dùi đục nằm lên sập ngự, đuổi không được, nó lại đe nọ kia, và lại bảo cứ mời cụ lớn ra, nó cũng không sợ, vậy không biết ra sao, xin chạy vào bẩm mệnh cụ lớn.

Quan Tổng-đốc nghe nói, ngồi bật dậy, đội khăn mặc áo, dân giầy ra công-đường.

Ông Tân nghe tiếng giầy lẹp-kẹp bước đến cửa tò-vò là lối cửa mạch tự nhà chè thông ra, biết chắc là cụ lớn Thượng, ông từ trên sập ngự bỏ cái đùi đục ra, đứng dậy vái chào.

Quan Tổng-đốc trông ông người khôi-ngô tuấn-nhã, biết không phải là con nhà phó cối.

Anh-hùng che mặt trần-ai,
Để lòe con mắt tình đời được ru!

Quan nghẻ coi quan Tổng-đốc, đầu phơ tóc bạc, cằm tủa râu đen, mắt sáng như gương, mặt đanh tựa sắt, cất tiếng vàng sang-sảng mà hỏi rằng: « Sao linh nó bẩm rằng anh điên dồ, mà còn biết giữ lễ-phép chào quan trên? »

Ông Tân bẩm rằng: « Bẩm cụ lớn, tôi con nhà học-trò, vì cùng kiết phải đi theo anh phó cối làm ăn, gặp buổi trời nóng nực, sẵn cái sập mát, nằm ngả lưng một chút, lính chúng nó cứ bặng-nhặng, tôi thiết nghĩ cụ lớn đại-tượng, như ông Đỗ Thiếu-Lăng, muốn có cái nhà to nghìn muôn gian, để che hết hàn-sĩ trong thiên-hạ, thì có hẹp gì một cái sập; dạ thưa cụ lớn. »

Chắc rằng cụ Đỗ Thiếu-Lăng,
Muốn che hàn-sĩ muôn tầng nhà to,
Huống là trời lúc nắng khô,
Sập vàng nỡ tiếc học trò ngả lưng.

Quan Tổng-đốc cười mà rằng: « Con nhà học-trò, thì hẳn biết đề thơ chứ? »

Ông Tân bẩm: « Vâng, thơ hay chữ thảo tốt, song đề thơ phải có rượu. »

Quan Tổng-đốc truyền đi làm rượu và bảo lấy bộ áo sa, khăn nhiễu, quần lụa bạch, giầy da của cậu ấm cả cho cậu học-trò thay, để ngồi tiếp quan Tổng-đốc.

Ông Tân xin phép vào buồng tắm rửa thay bộ.

Quan Tổng-đốc ngồi nghĩ thầm rằng chắc người học-trò này học cứng, nên mới nói lời lẽ hoạt-bát, và dám gan cả quyết như vậy; nếu quả người có tài-bộ, thì mình nuôi làm gia-khách, và gây dựng cho được thành tài, cũng là vì nhà nước gây người tài, lại càng hay lắm.

Quan trên lượng bể gương trời,
Những lo vì nước gây tài vun hoa.

Ông Tân vào buồng tắm rửa xong rồi thay bộ bước ra, vốn ông khi đóng khố cởi trần, coi cũng đã khôi-ngô tuấn-nhã khác thường, huống bây giờ lại ăn mặc chỉnh-tề, coi lại càng phong-thể bao nhiêu. Ông tự trong buồng tắm bước ra, ngồi dự tiệc rượu với quan Tổng-đốc, nét mặt tươi hồng, mày xanh mắt biếc, coi vạm-vỡ cứng-cỏi, như một quan Ngự-sử tại triều, quan Tổng-đốc lấy làm tôn-trọng. Chỉ những các cậu cai-tuần và lính-tráng, sợ le-lét như rắn mồng năm, mà nhất anh phó cối, thì lấp-ló ở dưới cửa nhà bếp, lại càng hú vía mất mật lắm.

Đời người tắm mát đeo hoa,
Đời người đóng cối cũng qua một đời.

Ông Tân khi lên kéo ghế ngồi dự tiệc rượu, liền bẩm quan Tổng-đốc mệnh-đề cho thảo thơ.

Quan Tổng-đốc trỏ lên bức tranh Ô-tước-đồ treo ở trên tường vách mà rằng: « Nhờ cậu học-trò đề bài thơ vào bức tranh kia, sao cho ra bức tranh nhà quan Tổng-đốc thì hay lắm. »

Ông Tân ngồi ngắm bức tranh trên vẽ một con quạ và một trăm con chim sẻ, tức là tranh *nhất-ô bách-tước* con bay, con nhảy, con chọi, con múa, nom như đàn chim sống, nhơ-nhởn ở trên không, nét mực đậm nồng phai nhạt, đều được vẻ thiên-nhiên, khác gì như đàn nhạn bay qua ngoài dẫy núi Hoành-sơn, vết trời in điểm mực. Ông bèn sai quân lính hạ bức tranh xuống, để căng lên mặt bàn, gần nơi trước mặt chỗ tiệc ngồi, và sai khua nghiên mài mực cho thật đượm, sửa ngọn bút tàu cho thật tốt, để ông sẽ đề thơ.

Muốn ông Lý Bạch đề thơ,
Kẻ nâng nghiên mực người đưa bút tàu.

Chợt khi ông Tân uống rượu, vừa cạn hết một chách con, bèn vẫy bút dầm mực đề lên khoảng giấy trắng ở trên mặt bức tranh hai chữ « *nhất-chích* – 隻 », nét sắc như cắt, tươi như hoa, so với thiếp *Lan-đình*, chữ ông Vương Hi-Chi nào kém.

Quan Tổng-đốc thấy ông vừa uống cạn một chách rượu thì viết hai chữ nhất-chích, biết ông còn đòi uống nữa, liền gọi lấy rượu thêm. Vả hai chữ nhất-chích, con chim sẻ tục vẫn gọi là con chim chích, nay thơ đề bức tranh *ô-tước* mà thoạt đầu đã thấy đếm tên chim, biết là văn thép, quan Tổng-đốc cũng phải rùng mình, đoạn rồi ông uống cạn chách rượu nữa, lại chỉ đề luôn hai chữ « *nhất-chích* — 隻 ». Quan Tổng-đốc lại gọi lấy rượu thêm, ông uống cạn chách nữa, lại đề luôn ba chữ « *hựu nhất-chích* 又 — 隻 ». Quan Tổng-đốc truyền lấy rõ nhiều rượu, ông uống liền-liền, rồi lại vẫy bút đề câu rằng: « *Tam tứ ngũ lục thất bát chích* 三四五六七八隻 », gác bút ngồi nói: « Đó đủ một trăm một con rồi đó. » Quan Tổng-đốc bấm ngón tay tính: « *nhất-chích nhất-chích hựu nhất chích*, thế là ba con chim; *tam tứ ngũ lục thất bát chích*, thế là ba bốn mười-hai, năm sáu ba mươi, bảy tám năm-mươi-sáu, tổng cộng là một trăm một con. Phải rồi. »

Ngài lấy làm cậu học trò hay chữ lạ lùng, đề thơ tranh chim, mà tính đủ từng con chim chích, thì văn thép đến đâu, và phép tính cũng nhanh như thế, ai mà không sợ.

Chích là chách rượu ông xơi,
Ngâm đàn chim chích lẻ ngoài trăm con.

Ông đề hai câu trên, rồi ngồi nghỉ uống rượu một lát, lại vẫy bút đề luôn hai câu dưới rằng: « *Hà ô chi thiểu điểu chi đa, thực tận nhân-gian thiên vạn thạch* 可烏之少鳥之多。食盡人間千萬石。» Nghĩa là sao quạ thì ít chim thì nhiều, ăn hết nghìn vạn hộc lương của đời người. Quan Tổng-đốc vỗ đùi mà rằng: « Cậu học trò hay chữ thật! Quạ là ví như quan, chim là ví như dân, quan bao giờ cũng ít, dân bao giờ cũng nhiều, nhưng trời sinh ra chim nhỏ quạ lớn, quạ phải nên thương xót chim, chớ đừng nên bắt nạt kẻ bé mọn, mà ăn hại lộc trời. Quan Tổng-đốc tức là quan nhị thiên-thạch ngày trước, mỗi năm ăn hai nghìn hộc lương đấy, vẫn là văn cậu học-trò sắc-sói, nói móc-máy ta, nhưng văn-chương có thế mới là văn mực thép, có thể phúng-thế cảnh-nhân được, có hề chi. »

Văn-chương sán-sắc nước đời,
Mượn đàn quạ sẻ khuyên người thế-gian.

Quan Tổng-đốc lại hỏi rằng: « Cậu học-trò từ bé học ai, mà sao mãi chưa đỗ? »

Ông Tân bẩm rằng: « Con từ bé nhà nghèo, chỉ theo học ông lý-đỗ trong làng, không có tiền đi thi, và sức con đã thi cử gì được. »

Quan Tổng-đốc phì cười mà rằng: « Bác cứ đùa tôi mãi, bác hẳn là ông nghè Tân Thượng-cốc đó ai, bác đã đỗ tiến-sĩ những bao giờ, rồi về làm quan Thanh-tra, đi hống-hách bà con đó chi. Tôi vẫn nghe tiếng bác mà chưa được biết người, từ hôm về đây, vẫn ao-ước xuống chơi với quan bác, mà bận việc quan chưa đi được, nên bác tảng làm thằng phó cối đến thử-thách mình đó chi, nhưng câu thơ bác trào-phúng thì phải lắm. » Cùng vỗ tay cả cười. Rồi quan Tổng-đốc cố lưu quan nghè lại mươi bữa, cho xe ngựa đưa tiễn về.

Văn-chương tri-kỷ gặp nhau,
Khéo còn che mặt công-hầu trần-ai.

V

Từ chức đi chơi

Sau đó vài mươi năm, quan nghè Tân đi tây về bắc, đi nam về đông, từng trải khắp non sông hồ-hải, khi thành-thị, khi lâm-tuyền, lịch-thiệp hết mọi nơi phồn-hoa danh-thắng, rồi lại trở về tư-đệ xem dã-thảo nhân-hoa, tự vì với ông Trần Đoàn, là một người ẩn-dật, nên sau ông từ chức thanh-tra đi dạo chơi sơn-thủy, không mảng chi việc đời, lúc ngày xuân nhàn rỗi, khi đêm thu thanh mát, chỉ dắt một vài cô đào non, và bốn tên tiểu-đồng, hoặc cưỡi ngựa đi chơi, như ông Tạ Thái-Phó, hoặc bơi thuyền đi thưởng trăng như ông Tô Đông-Pha, để tỏ cái tài lỗi-lạc, chí ngang-tàng, và câu văn sốc-nổi, hòa vào với tiếng đàn chênh-lệch, giọng hát mỉa-mai, cho thỏa chí làm trai ở nhân-thế.

Văn-chương sốc-nổi khác đời,
Ưa đàn chênh-lệch thích lời mỉa-mai.

Một hôm trời phô vẻ tạnh, bóng xế ban chiều, ngọn gió đìu-hiu, ngàn-hoa man-mác, ông cho gọi các cô đào năm bảy cô, dem tiểu-đồng ba bốn đứa cùng lên xe hai con ngựa kéo, ra bến sông thả một con thuyền, làm tiệc rượu chơi trăng, chợt đến lúc đêm xuân văng-vẳng, chén rượu tàng-tàng, nghe tiếng đàn tiếng phách len-lỏi với giọng hát chai-lơ, ông lấy làm thích chí, bèn vẫy bút mà thảo bài hát nói để tự thuật khí-phách của ông lúc sinh-bình như sau này :

Tài-sắc nhỉ quan Đình-trai Thượng-cốc, tuổi thanh-niên mà tai mắt thần-đồng; học lẫu thông thơ-họa cầm cung, thú trải khắp phong hoa tuyết nguyệt. Duy giang-thượng chi thanh-phong dữ sơn-gian chi minh-nguyệt, kho trời chung mà vô-tận của mình riêng ; câu thơ thần, chén rượu thánh, khúc ca tiên, kiều-nhi năm bảy môn, đồng-tử bốn ba tên, lẻo-đẻo đôi con ngựa, le-te một chiếc thuyền, khi thành-thị, lúc lâm-tuyền, phong-lưu này quen nết tự-nhiên, tiếng thảng-thích đã lừng miền Đông-quận. Chót sinh ra đứng trong trời đất, hỏi có danh gì với núi sông; hỏi long-vân quyết chí vẫy-vùng, bút một trận bằng rồng treo chói lói. Chữ phận bạc má hồng khôn tránh khỏi mà phong-lưu cho bõ lúc phong-trần, cũng tưởng rằng danh chẳng bằng thân, xăm-xăm vẫn giốc cân tư-đệ. Ra thảo-lý cân-đai nhẻ nhẹ, khúc nga tùng ngảnh mặt thong-dong; hoa đào năm ngoái còn cười gió đông, sực tưởng đến đào hoa nhân-diện. Gan anh-hùng mà cốt tiên-ông, khúc cầm khúc hạc nam đông bắc đoài. Khôn-ngoan rất mực làm trai!

Xét bài hát nói này là một lối văn-chương phá cách, không có chịu theo đúng như khổ-phách nào cả, nên có đào nào hát đã lõa-lạc quen biết giọng len-lỏi mới hát nổi, và bài này từ đầu đến cuối đều là lời tự khen lấy mình, cũng như ý đức Khổng-tử chép kinh *Xuân-thu*, mà tự bày công mình hội với vua Tề-hầu ở Giáp-cốc, mình quả có tài giỏi cũng nên phô-bày, chứ phép làm văn không có câu-nệ gì mới hay, nên bài này thoạt đầu tự khen mình là bậc tài-sắc và điểm tên hiệu tên làng, rồi nói đến tuổi thanh-niên, mắt thần-đồng, học mau chơi trải, trăng gió là của kho nhà trời, chúa để chơi chung, mà vô-tận là của mình riêng chơi mãi không hết, dầu nói đến thơ thần, rượu thánh, ca tiên, kiều-nhi, đồng-tử, đôi ngựa một thuyền, khi thành-thị lúc lâm-tuyền, phong-lưu này quen nết tự-nhiên, tiếng thảng-thích đã lừng miền Đông-quận, kéo đi một xốc thơ tam-ngôn, ngũ-ngôn lục thất ngôn đều gieo vần liên-châu đi một hơi mãi đến câu tám chữ mới dừng, nghe lốp-đốp như mưa sa ngọc rắc, cuồn-cuộn như nước chảy mây tuôn, đến nửa chừng mà dừng lại im phắc. Xong rồi lại nổi dợi

sóng khác, bởi mình chót sinh ra đứng trong trời đất, hỏi có tên gì với núi sông chăng, bèn nói đến khi đỗ, rồi than ngay má hồng phấn bạc mà phong lưu cho bõ lúc phong-trần. Sực lại chuyển đến câu cũng tưởng rằng danh chẳng bằng thân, nên chỉ muốn đội khăn tréo về nơi tư-đệ, khi về làng ở nơi thảo-dã, thì dẫu có cân đai song cũng được nhẹ-nhàng, nên bài khúc *nga-tùng-phong* mà ngảnh mặt trông lại, thì thật là thong-dong lắm, huống hoa đào năm ngoái lại còn cười gió đông, sực tưởng đến câu đào-hoa nhân-diện thì sao nỡ xa nhà, văn-chương quật-kỳ biến-ảo nảy ra những ý-tưởng lạ như thế. Cuối lại nói đến gan anh-hùng mà cốt tiền-ông, để đối-chiến lại với câu tuổi thanh-niên mắt thần đồng trên kia. Rồi lại nói khúc hạc, nam đông bắc đoài, để tỏ ý sinh-bình của mình vẫn ngang-tàng tự trước, nên kết câu rằng : *Khôn ngoan rất mực làm trai*, để gói lại là hết, mà hai chữ khôn-ngoan lại là gói hai chữ tài sắc trên kia, mới là văn có hồi-cố. Xét học-thức sự-nghiệp của ông lúc sinh-bình, thì bài hát này thật là một bộ tiểu-sử của ông đó.

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

ĐÔNG-SƠN HOÀI-CỔ

東山懷古

Thắng-tích danh-lam, chả phải là cái vật kỷ-niệm của giang-sơn tổ-quốc đấy ư. Ta sinh bốn nghìn năm sau, ta muốn nghiên-cứu những việc đời xưa, gì bằng sử-sách ; ta lại muốn mục-kích đến ghi dấu của đời trước, gì bằng thắng-tích danh-lam, vì dân-cư thành-quách theo thời-thế mà biến-thiên, duy có linh-tích của giang-sơn trải bao thu vẫn còn tự tại. Kia vết ngựa dấu xe có phải là chỗ danh-thắng của lịch-đại-đế-vương đã từng du-lãm đấy không ? Kia bia ghi đá tạc, có phải là bút-tích của các bậc danh-nhân chí-sĩ đã từng đề-vịnh đấy không ? Vậy thời cái cuộc hành-lạc của ta chơi núi xem động, thực cũng có bổ-ích về sự khảo-cứu cho ta ; nếu ta du-lịch mà chỉ biết núi kia cao, động kia sâu, đá kia xinh, khe kia đẹp, cỏ kia biếc, cây kia xanh, mà cái núi ấy tô-điểm tự đời nào, cái động ấy mở-mang tự người nào, ta không có quan-sát đến, thời sơn-thần động-chủ kia có thiêng nữa, tất cũng cười ta là vô-tình với giang-sơn tổ-quốc vậy.

Than ôi, nước chảy mây trôi, sao đời vật đổi, bể nổi dâu chìm. Nước có thịnh tất có suy, giang-sơn có hưng tất có phế, thịnh suy hưng phế là nhẽ thường. Tuy vậy suy mà lại khiến cho thịnh, phế mà lại khiến cho hưng, chính ở cái lòng hoài cổ lòng ái-quốc của ta vậy. Ta qua cảnh Đông-sơn mà ta vô-hạn cảm-tưởng. Đông-sơn thuộc về hạt nào ? Phát-hiện cái tên ấy tự thời-đại nào ? Nguyên trước nội-thuộc nhà Hán, gọi là huyện Vô-biên ; nhà Tùy nhà Đường gọi là huyện Cửu-chân ; nhà Trần nước ta mới gọi là Đông-sơn. Khi nhà Minh cai-trị, nhân cái tên ấy sáp vào phủ Thanh-hoa ; đến đời Quang-thuận nhà Lê mới cải thuộc về phủ Thuận-hóa Kể tự nhà

Hán đến nay hơn hai nghìn năm cái cảnh-tượng giản-hoặc cũng thay đổi ít nhiều, mà cái danh-thắng phô-bày ở trước mắt ta vẫn thường y-nhiên vô-dạng; nhân khi du-lịch mượn bút mực mà tả cái lòng hoài-cổ của ta.

Đông-sơn là một huyện nhiều danh-thắng ở đất Thanh-hoa vậy, núi Bàn-a ở phía bắc thuộc xã Đại-khánh, cao ước mười hai trượng, chu vi ước hai trăm trượng, thế núi quanh-co, kề bãi sông Lương, nước sông Mã đến đấy cũng hợp một phái. Tự núi ấy chia ra làm hai chi, một chi là núi La-sơn (thuộc huyện Nông-cống), một chi là núi Băng-tình (thuộc huyện Thụy-nguyên) sườn núi có động, dưới núi có chùa Đại-hùng, đằng sau chùa lấy núi làm vách, trong thời có tượng lớn cao hơn một trượng, không biết tượng ấy là thờ ông nào mà chế-tạo ra từ đời nào; chỉ nghe tục-truyền ông ấy sức khỏe hơn người không ai dám địch, thường cùng với ông Băng-sơn (tức là ông Lê Phụng-Hiểu) đánh nhau bằng tay vo, ông Băng-sơn lấy tay đè ngực ông ấy vào vách núi mà chết. Sau ông ấy hiển-linh, dân chỗ ấy bèn dựng chùa để thờ. Trước chùa có bia đá lâu ngày, bị mưa vùi gió rập, cỏ lấp rêu mờ, nét chữ tiêu-ma gần hết, chỉ còn có bốn chữ Thuận-thiên nhị niên 順天二年; Thuận-thiên tức là niên-hiệu vua Lý Thái-tổ vậy, trước vua Hiến-tôn nhà Lê thường ngự đến du-lịch có thơ để xưng là Lâm-tuyền ôn-thê 林泉穩棲. Triều Lê Cảnh-hưng, ông Ngô Thời-Sĩ, người Thanh-oai, đỗ Tiến-sĩ, làm quan hiến-sát-sứ ở tỉnh Thanh, khi việc quan rỗi thường ra chơi đó khắc ba chữ Bàn-a-sơn 盤阿山, chữ rất lớn; lại ở bên sườn núi có một cái lỗ hổng, khả-dung được chỗ ngồi để xem sóng nước, nhân-danh chỗ ấy là cư-sĩ-quan-lan sào 居士觀瀾巢, nghĩa là cái tổ để ngồi xem gợn sóng của người cư-sĩ vậy; chỗ ngồi gọi là nghinh-huân 迎薰 giếng chỗ ấy gọi là việt-tiên 越仙, lại vịnh núi ấy có mười cảnh đẹp:

1. — Khánh-Bằng liệt-chướng 慶鵬列障. Khánh là xã Đại-khánh, bằng là xã Bằng-trình, núi chỗ ấy bày hàng như là cái chấn-phong che trước vậy.

2. — Lương-mã giao-khâm 梁馬交襟. Nghĩa là sông Lương sông Mã, hai sông ấy hợp một dòng, coi như là hai cái vạt áo giao với nhau vậy.

3. — Thạch-tượng dục-hà 石象浴河. Nghĩa là tượng đá tắm ở dưới sông.

4. — Lĩnh-quy xuất-thủy 嶺龜出水. Nghĩa là núi Rùa mọc trên nước.

5. — Cổ-độ kỳ-đình 古渡旗亭. Nghĩa là đình dựng cái cờ ở bến đò cũ.

6. — Viễn-sầm yên-thụ 遠岑煙樹. Nghĩa là cây với khói um-tùm ở trên đỉnh núi xa.

7. — Cô-thôn mao-điếm 孤村茅店. Nghĩa là cái nhà cỏ ở chỗ cô-thôn bên bãi nước vậy.

8. — Cách-ngạn thuyền-lâm 隔岸禪林. Nghĩa là chùa phật ở chỗ rừng rậm cách bên kia sông vậy.

9. — Sơn-hạ ngư-cơ 山下漁磯. Nghĩa là cái hòn đá câu cá ở dưới chân núi vậy.

10. — Giang-trung mục-phố 江中牧浦. Nghĩa là cái bãi cỏ chăn trâu ở giữa sông vậy.

Ông lại có bài thơ tứ-tự khắc vào đá diễn ra thơ ngũ-ngôn cổ-phong dùng độc-vận như sau này:

Vượng-khí đất Thanh-hoa,
Đẹp thay cảnh rườm-rà
Non-sông thợ trời đúc,
Như gấm lại như hoa.
Khoảng sông Lương sông Mã,
Đẹp nhất núi Bàn-a.
Vừa nhỏ lại vừa khéo,
Sườn đá coi ngug-nga.
Không đắp mà cao nhỉ,

Thiên-nhiên sẵn một tòa,
Không cần gì điểm họa,
Muôn tượng đẹp bao-la.
Cỏ thơm nức bến cũ,
Thấp-thoáng bóng dương tà.
Đân-cư xa ngọn núi,
Lác-đác hạt mưa sa.
Núi cao như vách đứng,
Một giải nước quanh xa.
Sóng gió ngập cả đá,
Làn cao nước chảy qua.
Thuyền xuôi cùng lái ngược,
Rộn-rịp tiếng ngư-ca.
Cư-sĩ nhân ngày rỗi,
Ngồi ngắm vẻ thu-ba.
Tự thuở có trời đất,
Non-sông vẫn thế à!
Dấu chân khách du-lịch,
Cư-sĩ không một ta.
Cư-sĩ tính muốn lạ,
Tô-điểm ngày đẹp ra.
Sau này cuộc biến-cải,
Nào đã biết đâu là.
Cư-sĩ là ai đó,
Ghi tên đá cũng già.

Nguyên-văn chữ nho

清華旺氣。佳哉鬱忽。
錦山秀水。鬱忽所產。
馬嶺之間。盤回最好。
岩腰石窟。又小又巧。
匪架而高。天然一奧。
萬象吾觀。無點畫勞。
芳草浮洲。夕陽古渡。
弧村遠岑。隱約烟雨。
繡壁巖。斫。名流迴環。
濤翻蹴石。潮漲危灘。
鳴帆上下。漁舟往還。
居士乘閒。時觀其瀾。
自有天地。便有山水。
安幽覽勝。奚獨居士。
居士好奇。表而出之。
過此以往。亦非所知。
居士爲誰。姓名於碑。

Phía đông-bắc ở huyện ấy lại có núi Hàm-rồng, nhất-danh là Hộ-sơn, thuộc xã Đông-sơn; thế núi tự núi Bân-a qua xã Dương-xá, theo mé sông mà lại, quanh-co như con rồng đến đấy đột lên một ngọn núi rất cao, trên núi có động, trong động khả-dung được năm mươi người; xuyên qua động có một cái hang nhỏ, tục gọi là mắt rồng. Tự đấy dời về phía bên hữu đột lên một đỉnh núi gọi là mũi Rồng, tự chỗ đỉnh núi ấy dời xuống độ sáu bảy mươi bước, một sườn núi rẽ làm đôi, nửa trên đưa ra ngoài, nửa dưới thụt vào trong, dòm xuống dưới sông tựa-hồ như con rồng há miệng, nên tục gọi là hàm-rồng; dưới chỗ hàm rồng có đá mọc lan qua sông, bật lên một ngọn núi gọi là núi Châu-phong (Thuộc huyện Hoằng-hóa) dưới động Long-quang có năm ba dãy nhà tranh cũng thành thôn-lạc, khách đi lại rập-rìu, bóng tiều-phu thấp-thoáng mé sông, tiếng ngư-ca vang-lừng đỉnh núi, lúc trời trăng trong gió mát, một chiếc thuyền con đủng-đỉnh, ngồi ngắm hai bên bãi sông đá chen mây, cây bóng nước, thật là có cái quang-cảnh tự-nhiên, dầu tay mĩ-thuật cũng không thể đem bút mực mà vẽ cho đúng được.

Trước triều nhà Lê năm Hồng-đức thứ chín, ngày tháng hai, vua Thánh-tôn thường ngự chơi, có thơ đề ở đá, xưng là «Nam-thiên động-chủ. 南天洞主.» Niên-hiệu Cảnh-thống năm thứ tư, vua Hiến-tôn cũng có thơ đề tự, xưng là « Thượng-dương động-chủ 上陽洞主 ». Triều Thánh-thái năm thứ mười một, sau tiết đoan-ngọ, ông Vương Duy-Trinh làm tổng-đốc tỉnh ấy, nhân rỗi việc quan, qua núi Đông-sơn tìm vào chơi động, cửa động có mọc um-tùm, muốn vào không có lối, bèn sức người phát cỏ tìm đường vào tận trong động, thấy những thơ đã mờ-mịt trong đám rêu xanh, sai người bắt thang lau rửa sạch-sẽ mới trông rõ câu thơ đề-vịnh của vua Lê còn in ở vách đá, rồi mới biết cái động ấy trước xưa là nơi danh-thắng ở Tây-đô. Bèn mưu cùng với quan án-sát đồng-thành là

Cao Ngọc-Lễ bỏ tiền dựng cái đình nhỏ ở bên núi Hàm rồng, mà gần chỗ mũi rồng lại dựng một cái đình vuông, gọi hai cái là « võng châu thượng hạ đình 鴛珠上下亭 ». Ở phía bên tả có cái đình vuông ấy lại sửa một con đường nhỏ theo sườn núi chỗ cao chỗ thấp mà bạt cho bằng phẳng, để thông nối vào động Long-quang, mà trong động cũng sửa sang lại cho được sảng-khải, bạt đá phẳng để làm ghế ngồi, rồi lại để thơ để lưu dấu-tích của mình đã từng du-lịch ở đó; tự khi có ông Vương Duy-Trinh thưởng-thức đến, thời cái động ấy quang-cảnh có phần khởi-sắc hơn triều Lê ngày xưa. Nay về mùa hè các quan Bảo-hộ thường ra chơi đó để hứng mát ngựa, xe rộn-rịp ở trên bãi sông Lương, thành một chỗ Tiêu-đô-hội vậy.

Ông Hoàng Mậu đỗ phó-bảng (người huyện Quỳnh-lưu), tri-huyện Quảng-xương, qua chơi đó có bài thơ ngũ-ngôn cổ-phong tả-cảnh diễn ra quốc-văn như sau này :

Nhớ xưa ấp thang-mộc,
Đẹp thay cảnh lạ-lùng.
Muôn núi hình voi ngựa,
Chót-vót ngất trên không.
Khoảng giữa một dải xuống,
Chạy dài bên phía đông.
Chiếu-yêu có Ngọc-nữ (1),
Hộ-vệ có kim-đồng (2).
Núi ngất trên sông Mã,
Khí-thế coi cũng hùng.
Qua sông mạch chưa dứt,
Đột lên núi Châu-phong.
Tục truyền núi Long-hạm,
Ngọc châu ngậm bên trong.
Hình núi dáng như vậy,
Nên gọi là Hàm-rồng.
Linh-tích còn ghi mãi,
Nghìn năm dấu Lạc-Hồng.
Một sớm dựng đình mới,
Bối hạc múa bên sông.
Cảnh tiên coi cũng đẹp,
Nhờ có tay hóa-công.
Nhìn xem thích con mắt,
Vui thú cùng ai cùng.
Rửa hết lòng phiền-não,
Gió mát lại trăng trong.
Chả phải đùng lo-trắc,
Vang nức tiếng cây thông.
Chả phải đùng ca-xướng,
Reo rộ tiếng ngư-ông.
Lên cao nhìn xuống dưới,
Bốn mặt đường giao-thông.
Dân-cư ở liên-lạc,
Dâu lúa tốt đùng-đùng.
Non-sông lắm vẻ đẹp,
Vô-tận kho trời chung.
Riêng ta một cuộc thú,
Rượu chén với thơ đồng.
Trước xưa Vương Hữu-Quân,
Kế có Tạ tướng-công.
Lan-đình cùng nguyệt-quán,
Đến nay còn nhớ mong.

Nguyên thơ chữ nho

湯州古西京。佳氣何蔚然。
萬山如象馬。峭峭摩蒼穹。
中間一支下。直走大江東。
招邀以玉女。護衛以金童。
馬江江上峙。岩石峻而雄。
餘勢猶未已。過岸起圓峯。
相傳曰龍頷。明珠在抱中。
厥號揆所由。錫名本崇鴻。
千年留勝跡。石白隱奇蹤。
一朝廠新亭。鸞鶴舞晴空。
淋漓酒仙翰。雕刻殫良工。
遊覽縱所如。佳興與人同。
飄然塵煩惱。揚袂吹清風。
不用絲竹音。雅響奏幽松。
不用歌唱聲。款乃聽漁翁。
俯視原野間。縱橫驛交通。
閭閻互鱗比。桑竹遠翳蔚。
江山果信美。賞趣正雍容。
任攜歸酒盞。饒時入詩筒。
會稽王右軍。東山謝相公。
蘭亭與月館。遺韻長溯流。

Năm Thành-thái thứ ba, sở hỏa-xa muốn bạt cỏ cái núi Hàm-rồng, bắc

(1-2) Ngọc-nữ và Kim-đồng là tên hai cái núi.

cầu sắt qua sông, để đặt đường xe lửa chạy vào Nghệ-an, xin phép với quan Toàn-quyền DOUMER, ngài bảo quan công-sứ VILLIÉ rằng : « Việc đó không nên, tự khi các nước có cầu sắt đến nay, như chỗ Hàm-rồng ấy chỉ có ba chỗ, mà cái núi ấy lại có cái quang-cảnh ly-kỳ hơn, nỡ nào đang tay phá-hoại cho đành.» Việc bèn thôi. Bấy giờ sở hỏa-xa dời cầu sắt ra chỗ khác cách núi Hàm-rồng độ hai mươi trượng. Hiện nay đường xe lửa kẻ đi người lại ở trên cầu coi ra có phần vui-vẻ hơn cảnh-tượng ngày xưa.

Phía tây-bắc có núi Bạch-thạch (thuộc xã Thọ-sơn), sắc đá trắng như ngọc, cho nên lấy hai chữ bạch-thạch mà gọi tên. Dưới núi có mộ ông Thiều-Thốn và đền thờ, ông người xã Triệu-xá, tổng Thanh-khê, đương triều nhà Trần vua Dụ-tôn, làm chức phòng-ngự-sứ ở Lạng-giang, sau được phong là Đăng-quận-công, khi tại-chức, phủ-dụ dân-chúng, ai cũng được vui lòng. Sau ông can việc người em ngạo-ngược bị phải bãi chức ; thời bấy giờ ai cũng thân-tức, có câu rằng : « *Thiên bất tri oan, Thiều-công thất quan* 天不知冤韶公失官. » Kịp khi về làng, người ta có câu rằng : « *Thiều-công chi quy, sử ngã tâm bi* 韶公之歸使我心悲. » Ý nói ông bị oan, mà phải bãi về nhà nên có lòng thương tiếc. Triều-đình nghe tiếng biết ông Thiều có đức-chính cảm-động lòng người ta đến như thế, bèn chiếu cho phục-chức, người ta lại có câu rằng : « *Thiên tri kỳ oan, Thiều-công đắc quan* 天知其冤韶公得官. » Ý nói trời đã soi xét cái oan cho ông, khiến ông lại được quan-chức như trước. Tương-truyền khi trước ông sai dân lấy đá ở núi chỗ ấy làm nơi sinh-từ ở xã Ngọc-bội, vì sơn-thần chỗ ấy tối-linh, tựa-hồ như có ý giữ đá lại không cho lấy, nên làm mãi không thành, dân phu oán-vọng có câu rằng : *Cơm ăn một bữa một lưng, bao giờ gánh đá ông Đăng cho rồi.* (ông Đăng tức là Đăng-quận-công.) Nay dân-cư chỗ ấy thường thấy hòn đá quăng ở dưới ruộng, tương-truyền đá ấy là khi dân-phu gánh đá làm đền cho ông Thiều quăng ở chỗ ấy.

Phía tây-nam lại có núi Nhuệ-sơn, (thuộc xã An-hoạch) sắc đá vừa xanh vừa trắng, coi rất quang-nhuận, gõ có tiếng vang rền-rĩ, dùng làm khánh và làm đá bia cũng được kiên hảo. Đời nhà Tấn quan thai-thú Dự-chương là Phạm Nịnh 范甯 thường sai người lấy đá đem về làm khánh ; hiện nay dân-cư chỗ ấy thường lấy đá chế-tạo ra đồ dùng, nên nhiều người biết làm thợ đục đá. Núi Khế-sơn bên dưới có động rộng ước ba trượng, chùa làm ở trong động, giữa thờ tượng đức thánh Quan, bên tả thờ hai quan tướng là bộ-hạ đức thánh Quan, bên hữu thờ tượng ông Mãn-quận công 滿郡公, tượng đều tạc bằng đá Mãn-quận-công người thôn Nhuệ đương triều Lê Cảnh-hưng vào làm quan nội-giám, sau đem binh đi đánh giặc, lập được công lớn, phong cho chức Phụ-quốc thượng-tướng-quân, nhân có quyền-thế mới được làm quan ở bản hạt, rồi việc thường về chơi núi, thấy cái động ấy có quang-cảnh đẹp, nhân lập đền thờ đức thánh Quan để phụ thờ tượng mình ở đó. Ông Lê Quý-Đôn người Duyên-hà có bi-văn tán-tụng ông Mãn-quận-công có công-nghiệp, cũng cùng cái núi ấy lưu-truyền lâu dài triều vua Tự-đức, bố-chính Trương Quang-Đản có thơ vịnh núi ấy :

Thái khánh hà niên truyền cổ-sự ;
探磬何年傳故事
Minh chung bán dạ độ trường phong.
鳴鐘半夜度長風

Câu thơ ấy đọc lên có ưởng-lượng không khác gì chuông khánh bên tai. Diễn ra quốc-văn là :

Đục khánh năm nào non khuyết đá ;
Khua chuông đêm vắng gió lùa hang.

Đốc-học Nguyễn Ngu-Thụy cũng có thơ ký-sự :

Trường trai khách khứ kim thanh tại ;
齋客去金聲在
Huề tạc nhân lai thạch vưởng phi.
攜鑿人來石響飛

Hai câu ấy cũng không kém gì Đường-luật nên diễn ra để đọc cho tiện :

Tu chùa khách vắng chuông còn tiếng ;
Đục đá người qua khánh lại vang.

Núi Mật-sơn nhất-danh là núi Kỳ-lân, (thuộc phía nam huyện Đông-sơn) núi ấy thế tự núi La-hán chạy lại, lạc xuống bình-điền, đột lên một ngọn núi nhỏ, trông xa như hình nữ-nhân, cho nên tục gọi là núi Ngọc-nữ, cách bên sông lại có núi Kim-đồng, hai núi ấy trông đối nhau, ở khoảng giữa hai núi ấy có lăng Diễn-thụy 衍瑞, chính là lăng bà Minh-phi vua Anh-tôn nhà Lê, nhất-thuyết nói cái lăng ấy là đất tiếp-phúc của nhà Lê trung-hưng vậy. Kiểu đất có câu rằng : « *kim-đồng cùng bắc, ngọc-nữ triều nam* 金童拱北玉女朝南 » Chỗ lăng ấy có bi-kí, lâu ngày đã mòn mỏi gần hết, chỉ còn trông thấy chữ Quang-hưng nhị thập nhất niên 光興二十一年, còn ngoài ra không trông thấy chữ gì ; vua Thánh-tôn nhà Lê khi đi nam-tuần có ngự chế thơ quốc-âm vịnh núi Ngọc-nữ khắc ở đá rồi có lập chùa Đại-bi ở bên núi, giữa chùa đặt tượng thờ phật, bên cạnh có tượng truyền-thần, hiện nay dân sở-tại vẫn còn hương-đăng phụng-sự.

Thơ quốc-âm

Tòa núi ai đem đặt giữa đồng ?
Vẽ hình thiếu-nữ đứng mà trông ;
Phau-phau đá trắng pha màu phấn,
Phơn-phớt mưa xuân tuốt bụi hồng.
Sớm ngắm gương ngô soi dưới nước.
Tối kề hang thỏ rạng trên không ;
Xuân-thu vớm hỏi chừng bao tá ?
Chính chích bền gan chẳng lấy chồng.

Khen thay thợ tạo ai-bài rất là lý-kỳ rất là tinh-xảo, đá mà lại như hình người, tỉnh Thanh lấy cái núi Kim-đồng Ngọc-nữ làm tiền-án, hai núi cũng bức với nhau trạng như thư-hùng tương-đấu, xưa nay nhà phong-thủy kiêng những kiểu đất ấy không dùng đến, cho nên cửa thành tỉnh Thanh trước kia thường đóng không mở đến bao giờ. Người ta thường có câu : « *Thanh vô tiền, Nghệ vô hậu* 清無前又無後 » chính thủ nghĩa ấy.

Núi Xích-lộ ở phía tây-nam, thế núi khởi tự phía bắc huyện Nông-cống, qua sông đột lên thành một ngọn núi phía tây ; núi ấy có động Khiêu-sơn (thuộc thôn Đồng-đức) thế núi cao chót vót, tả long hữu hổ, coi rất chỉnh-tề, trước có một cái núi đất như hình nga-mi, núi có cái giếng tự-nhiên, sâu không biết mấy mà kể. Bên tả giếng có cái hang xuyên-sơn, khả-thông đến phận núi huyện Nông-cống, đàng trước giếng có lăng, bên tả lăng lại có cái chùa Thiên-đức, bên chùa có bia, nét chữ tiêu-ma gần hết, chỉ trông thấy hai chữ : Cảnh-trị 景治 mà thôi. núi ở phía hữu kề sông Hoàng-giang, khen thay có non có nước, chỗ ấy thực có thiên hiểm tự-nhiên. Tục truyền chỗ ấy có cái thành cũ của ông Lê Chích 黎隻 đến nay dấu tích hãy còn, ông Chích người huyện Đông-sơn vốn họ Nguyễn, còn bé mất cha, nhà nghèo thường đi chăn trâu ở khoảng núi Hoàng núi Khiêu, nhân gặp nhà Minh cai-trị, chính-lệnh phiền-hà, dân-sinh ta-oán, ông đem cái bụng nhiệt thành ái-quốc, chiêu-tập dũng-tốt, mưu dấy nghĩa-binh, bèn mượn hai núi ấy để

làm thành, chỗ nào khuyết thì đắp đất làm lũy để chống quân nhà Minh. Bấy giờ thanh-thế lừng lẫy khắp huyện Đông-sơn, huyện Ngọc-sơn, huyện Nông cống. Vua Lê Thái-tổ ở Lam-sơn nghe tiếng người có nghĩa-khí, sai sứ-giả mời đến để hỏi việc binh. Ông Chích nói : « Sự-thế ngày nay không gì bằng trước vào đánh Nghệ-an định được Thuận-hóa rồi sau sẽ đánh Đông-đô thời thiên hạ mới định được » Vua Thái-tổ theo lời, không bao lâu mà thu-phục được nước, chính nhờ có công ông Nguyễn Chích, nhân tứ-tính là họ Lê.

Xem thế thời biết giang-sơn có anh-hùng thì giang-sơn mới khai được mi-mục, anh-hùng có giang sơn thời anh-hùng mới ghi được tinh-danh; anh-hùng đối với giang-sơn có một cái quan-niệm rất mật-thiết vậy.

PHỤC - BA

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

III

Phạm Lệnh-công 范令公 (1)

Sử quên mất tên chỉ chép là Phạm Lệnh-công. Lệnh-công là một tôn-sưng cũng như qui-hầu vậy.

Lệnh-công sinh ở Trà-hương 茶鄉 (nay là huyện Kim-thành) Hải-dương, đời Ngô.

Vua Ngô-vương Quyền lập thành cái cơ-sở đế-quốc cho nước Việt-Nam ta rồi, được sáu năm thì ngài mất. Người anh bà Hoàng-hậu là Dương Tam-Kha bèn cướp lấy ngôi vua. Con trưởng của Ngô-vương là Xương-Ngập 昌岌 phải chạy về sống Nam-sách, trú ở nhà Phạm Lệnh-công. Được một hồi lâu, Tam-kha sai quan Chỉ-huy-sứ là Dương Cát-Lợi, Đỗ Cảnh-Thạc đem binh về nhà Phạm Lệnh-công đòi đem Xương-Ngập ra nộp. Phạm Lệnh-công không chịu. Binh bọn Dương Cát-Lợi về đến ba lần, Lệnh-công sợ phải đem Xương-Ngập giấu vào trong hang núi. Dương Tam-Kha cũng lại biết, lại sai về tìm bắt, nhưng cũng không được. Sau em Xương-Ngập là Xương Văn đánh được Tam-Kha, bèn đến Trà-hương rước anh về. Phạm Lệnh-công thực là một nhà trung-nghĩa ở đời Ngô.

Trần Khắc-Chung 陳克終

Khắc-Chung vốn họ là Đỗ 杜, vì có công to, vua nhà Trần ban cho được đổi tên họ nhà vua, nên mới gọi là Trần Khắc-Chung.

Trần Khắc-Chung sinh ở làng Hà-tràng 河場, huyện Hiệp-sơn, phủ Kinh-môn, Hải-dương, làm quan Kỳ-hậu cục-thủ 祇候局首 ở triều vua Trần Nhân-tôn. Bấy giờ giặc Nguyên bên Tàu vào ăn cướp nước ta. Quân giặc đã xâm-phạm vào đến xứ Vũ-ninh. Vua Nhân-tôn muốn cho người đến nơi giặc đóng mà trinh-thám xem cho biết cái thế hư-thực của giặc thế nào. Nhưng chưa tìm được người nào đương nổi việc ấy. Khắc-Chung liền ra tâu vua xin đi. Vua Nhân-tôn khen rằng : « Ai ngờ trong cái đàn ngựa kéo xe muối mà lại có con ngựa « kỳ » ngựa « kỳ » như thế này » Khắc-Chung bèn nhận lĩnh quốc-thư đến chỗ giặc đóng giả xin cầu-hòa.

---

(1) Vị này ở về đời Ngô, đáng đầu tập « Danh-nhân Hải-dương » này mới phải, đây đặt lầm, sau sẽ cải-chính.

Tướng giặc Nguyên là Ô-mã-nhi hỏi Khắc-Chung rằng : « Quốc-vương nước ngươi vô-lễ lắm, sao lại dám sai người thích mực hai chữ « sát Thát 殺 韃 » vào cánh tay, là nghĩa gì ? »

Khắc-Chung trả lời rằng : « Chó cắn người lạ là lẽ thường. Việc thích chữ là bởi cái bụng trung-phẫn của chúng nó, nên chúng nó tự thích lấy đấy, chứ ai xui. »

Ô-mã-nhi lại hỏi : « Đại-quân ta tới đây, sao các ngươi không bỏ giáo lai-hàng, mà lại còn ra chống chọi ? » *Giặc hỏi đến đâu, Khắc-Chung cứ đáp bẻ lại phàng-phàng đến đấy. Đến khi Khắc-Chung về rồi, Ô-mã-nhi nói với chư-tướng của nó rằng :* « Người này ứng đối rất giỏi, thật là bất-nhục quân-mệnh. Coi đó đủ biết nước nó còn có người, chưa có thể lấy được nước nó đâu. »

Đến khi giặc Nguyên tan về, Khắc-Chung có công to được thăng chức hành-khiển và được theo về họ nhà vua. Sau thăng đến Thượng-thư Tả-Bộc-sa ở đời Trần Anh-tôn. Trước Anh-tôn gả Công-chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm-thành là Chế Mân. Bây giờ Chế Mân mất, tục Chiêm hỏa-táng, vua chết thì người nào là yêu qui của vua cũng bị đốt để tuẫn-táng. Vua Trần bèn sai Khắc-Chung vượt bể sang Chiêm đánh lừa đưa Công-chúa Huyền-Trân về nước ta. Thuyền về lênh-đênh trên mặt bể. Khắc-Chung bèn tư-thông với Công-chúa. Vì thế từ đó quan-tước thì vẫn tiến mãi đến Quan-nội-hầu, Đồng-trung-thư Bình-chương sự, mà danh-giá thì kém dần đi.

Đỗ Thiên-Thư 杜天觀

Thiên-Thư là em ruột Khắc-Chung. Khắc-Chung đi sứ để do thám giặc Nguyên về có công lao, vua tin dùng. Năm Trùng-hưng thứ tư, nước ta lại thông-hiếu với nhà Nguyên, Khắc-Chung tiến em là Thiên-Thư lên để phụng-mệnh đi sứ. Lúc về Thiên-Thư được thăng chức Ân-phủ-sứ.

Đời Trần Anh-tôn năm Hưng-long 21, Chiêm-thành bị người Xiêm vào xâm-lược, vua sai Thiên-Thư đi kinh-lược xứ Nghệ-an, xứ Tân-bình rồi đem binh sang cứu Chiêm-thành. Sau vua Minh-tôn ủy cho Đỗ Thiên-Thư cả các việc trù-hoạch về mé tây-biên. Được ít lâu thì lại phải hồi-triều. Đời Trần Hiến-tôn năm Khai-hựu thứ bảy, Thượng-hoàng là Minh-tôn đi thân-chinh Ai-lao, bấy giờ Đỗ Thiên-Thư đang coi đạo quân Thần-sách 神策 và đang bị bệnh nặng, vua cho phép được ở lại điều-dưỡng. Thiên-Thư bèn sai người nhà khiêng ông đi theo đến cửa Vĩnh-an xin vào yết vua mà rằng : « Thần xin đi để chết ở ngoài cửa quân-doanh còn hơn là chết ở trong chỗ giường-chiếu. » *Thượng-hoàng khen là giỏi, và cho khiêng đi theo. Vào đến địa-giới của giặc thì Đỗ Thiên-Thư chết.*

Thượng-hoàng thương tiếc lắm, sai quan Thái-thường làm lễ tế viếng.

Đoàn Nhữ-Hài 段汝諧

Đoàn Nhữ-Hài sinh ở làng Tràng-tân 長津, nay là làng Mạnh-tân, huyện Gia-lộc, Hải-dương đời Trần.

Đời Trần Nhân-tôn, Nhữ-Hài đang du-học ở Tràng-an. Hôm ấy Thượng-hoàng là Nhân-tôn ở phủ Thiên-tràng về kinh, ngài đi xem xét khắp cả các cung điện mà vua Anh-tôn say rượu vẫn ngủ không biết. Thượng-hoàng giận lắm. Tức thì truyền xa-giá về Thiên-tràng, và xuống chiếu vời cả các quan văn võ về Thiên-tràng để ngài điểm.

Đến lúc Anh-tôn tỉnh dậy biết sự-thế ấy, sợ-hãi quá, liền chạy thẳng ra ngoài cửa đền. Đi qua cửa chùa Tư-phúc thấy Nhữ-Hài đứng ở cửa chùa, vua hỏi. Nhữ-Hài thưa rằng : « Tôi đi học lạc lối đến đây. » *Vua bèn dẫn Nhữ-Hài vào đền mà bảo rằng :* « Trẫm vừa mới rồi vì say rượu mà bị tội với đức

Thượng-hoàng. Nay trẫm định đến tạ tội ở trước mặt ngài, thì ngươi làm cho trẫm một bài biểu. » Đoàn Nhữ-Hài cầm bút viết thành ngay bài biểu. Vua Anh-tôn bèn cùng Nhữ-Hài về Thiên-trường tạ tội. Nhữ-Hài bưng tờ biểu, quỳ ở sân. Thượng-hoàng trông thấy hỏi tên nào. Viên nội-thị tâu là người dâng biểu của nhà quan (1) đó. Thượng-hoàng không hỏi gì đến Nhữ-Hài cứ bưng tờ biểu quỳ ở đấy đến chiều hôm, trời nổi cơn mưa gió to kéo đến, Nhữ-Hài cũng không nhúc-nhích. Thượng-hoàng mới hỏi đến rằng : « Tên dâng biểu còn đó không ? » Viên nội-thị tâu rằng còn. Thượng-hoàng sai cầm biểu vào ngài xem. Ngài thấy lời biểu có ý khẩn-thiết lắm, bèn triệu Anh-tôn vào mà xuống chiếu lại cho nhà quan được phụ đế-vị. Anh-tôn vẽ kinh liền phong cho Nhữ-Hài làm quan Ngự-sử Trung-tán.

Sau Đoàn Nhữ-Hài phụng-mệnh đi sứ Chiêm-thành, nhân đến bái-yết Thượng-hoàng ở chùa Sùng-nghiêm, được hầu truyện ngài đến hơn một giờ. Nhữ-Hài ra rồi, ngài nói rằng : « Nhữ-Hài là một kẻ tín-thiện, nhà quan dùng y cũng phải. »

Cựu-lệ sứ-thần ta sang Chiêm-thành đều phải bái-yết vua nước ấy rồi mới giở tờ chiếu-chỉ của vua nước ta ra đọc. Nay Nhữ-Hài bưng tờ chiếu đi thẳng ngay vào đặt lên trên cái án trước mặt vua Chiêm-thành ngồi, rồi mới lạy xuống. Ông làm như thế là tỏ ra rằng lạy tờ chiếu chứ không phải là lạy vua Chiêm. Từ đó sứ-thần ta sang Chiêm không phải lạy vua nước ấy nữa.

Năm Hưng-long thứ 15, triều-đình cắt hai xứ của Chiêm-thành dâng cho ta là châu Ô và châu Lý ra làm hai châu là Thuận-châu và Hóa-châu, tức là xứ Thuận huế bây giờ đó. Buổi đầu dân Chiêm còn chưa phục, triều-đình sai Nhữ-Hài tới nơi để tuyên-dương đức-ý của Đại-Việt ta mà yên-ủi cho dân mới thuộc ấy, thì họ tương-an ngay.

Năm thứ 20, Nhữ Hài theo vua đi đánh Chiêm thành. Ông lĩnh chức Chiêu-du sứ đến trại Cư-chiêm dụ được vua Chiêm-thành ra hàng. Thật là không mất một cái tên mà dẹp yên được nước Chiêm-thành.

Đời Trần Hiến-tôn, khoảng năm Khai-hựu, Thái-Thượng-hoàng là Minh-tôn đi thân-chinh Ai-lao, Nhữ-Hài làm Đốc-tướng. Ông khinh quân Lào hèn yếu, chỉ đem đội quân Thần-vũ và đội quân Nghệ-an sẵn vào đánh trước. Khi đang giao-chiến, bỗng cơn-cớ nổi lên mù-mịt cả lại, phục-binh của Lào bốn mặt đổ lại đánh ập vào, quân quân ta chết đuối quá nửa số, Đoàn Nhữ-Hài cũng bị trận-tử vào số đó. Minh-tôn được tin nói rằng : « Nhữ-Hài dùng được cái kế tất-thắng, thừa được cái thế tất-thắng, mà ngờ đâu sắp thành-công thì bị giặc lừa. Thật là dinh làm to quá mà hỏng, chứ không phải là không biết liệu giặc. »

Phạm Sư-Mạnh 范師孟

Phạm Sư-Mạnh hiệu là Ủy-trai 委齋 học trò cụ Chu An, sinh ở làng Dương-nham 暘巖, huyện Hiệp-sơn, phủ Kinh-môn, Hải-dương, đời Trần. Tiên-sinh đỗ Thái học sinh đời Trần Minh-tôn, bổ chức quan to trong triều ngay. Đến đời Trần Hiến-tôn 憲宗 làm đến Tham-tri chính-sự, trí viện Khu-mật ; rồi tiến lên chức Nhập-nội hữu Nạp-ngôn. Phụng chiếu đi điểm-duyệt số binh-lính ở ngũ-lộ 五路 là năm ngả đông quân trong nước, để sửa-sang lại các việc biên-phòng.

Làng Dương-nham có một cái núi đá xanh, gọi là núi Kinh-chủ ở liền bờ sông Bạch-đằng. Trên đỉnh núi có một

(1) Nhà quan hay là quan-gia 官家 = Tiếng huy-hiệu của vua con mà vua cha vẫn ở đến.

cái động gọi là động Dương-cốc 暘谷 *(hang mặt trời) hay là động Long-cung* 龍宮. *Phạm Sư-Mạnh tiên-sinh lúc còn là học-trò, vẫn ra đọc sách ở động ấy. Đến lúc đi điểm-duyệt binh-lính ngũ-lộ, về qua làng, lên thăm động Dương-cốc là nơi đọc sách trước, tiên-sinh có đề một bài thơ hán-văn thể ngũ-ngôn, chính tay mình viết đề khắc vào đá, nay hãy còn. Lời thơ thật hùng mà chữ rất tốt đi một lối riêng, nét nào cũng dẻo như cái lá lan. Tiên-sinh lại viết và sai khắc bốn chữ Vân-thạch thư-thất* 雲石書室 *vào cửa động.*

Năm Thiệu-phong thứ năm, người nhà Nguyên hỏi nước ta về cái cột đồng từ đời Mã-Viện. tiên-sinh cãi với họ rất phải lẽ, họ kính-trọng lắm.

Tiên-sinh thật là người tài-khí hùng-hào, lời văn lời thơ cuồn-cuộn như nước nguồn chảy ra. Đi chơi khắp các nơi non nước, chỗ nào cũng có thơ lưu đề, có tập thơ gọi là Hiệp-thạch-tập 峽石集 *trước vẫn lưu-hành ở đời.*

Bài thơ khắc ở động Long-cung như sau :

行役登家山。
Hành dịch đăng gia sơn,
矯首萬里天。
Kiều thủ vạn lý thiên.
視鴨兩溟外。
Đỗ bằng nam minh ngoại,
賓日東番前。
Tân nhật đông nhạc tiền.
安阜天一握。
An-phụ thiên nhất ốc,
象頭切九千。
Tượng-đầu nhận cửu-thiên.
層層紫霄雲。
Tầng-tầng tử-tiêu (tên ngọn núi đỉnh núi An-tử) vân,
會訪安期仙。
Hội phỏng An-kỳ tiên.
滔滔白鷺濤
Hung hung Bạch-đằng đào,
想像吳王船。
Tưởng-tượng Ngô-vương thuyền.
憶昔重興帝。
Ức tích Trùng-hưng-đế,
妙轉坤幹乾。
Diệu chuyển khôn cán kiền.
海浦千艨艟
Hải-phố thiên mông tràng,
陝門萬旌旗
Giáp-môn vạn tinh chiên.
反掌奠蒼極。
Phản trưởng điện ngao cực,
挽河洗腥膻
Vãn Hà tẩy tinh chiên.
至今四海民。
Chí kim tứ hải dân,
長跪擒胡年。
Trường kỳ cầm Hồ-niên.

Hàn Thuyên 韓詮

Hàn Thuyên tiên-sinh vốn họ là Nguyễn, sinh ở làng Lại-hạ 瀨下, *huyện Thanh-lâm, Hải-dương (nay làng ấy thuộc về huyện Lương-tài, Bắc-ninh), đời Trần. Tiên-sinh đỗ Thái-học-sinh đời Trần Thái-tôn. Làm quan đến đời Trần Nhân-tôn, thăng đến Hình-bộ Thượng-thư. Bấy giờ có một con cá sấu cực to vào sông Lô-giang. Giống cá này hình như con thạch-thùng mà to lớn lắm, rất nanh-ác, tức chữ Hán gọi là ngạc-ngư. Con cá sấu này thường lên bờ sông bắt người hoặc chó lợn trâu bò mà ăn thịt. Dân-sự ở đấy sợ hãi lắm, vì xứ ta không có thứ cá ấy bao giờ.*

Vua Nhân-tôn thấy trong sử nhà Đường Trung-quốc nói có một con cá sấu vào sông làm hại người và súc-vật nhiều lắm. Bấy giờ có một nhà văn-thần là Hàn Dũ làm bài văn-tế mà tiễn đuổi con cá sấu ấy đi, thì nó tự đi thật. Cho nên vua Nhân-tôn cũng sai Nguyễn Thuyên là một nhà văn-thần cực hay chữ làm bài văn để đuổi con cá sấu này đi. Tiên-sinh vâng mệnh làm văn vất xuống sông Lô thì con cá sấu này cũng tự đi ngay. Vua cho là việc giống Hàn

Dũ, nên ban cho họ là Hàn. Vì thế mới gọi là Hàn Thuyên.

Một nhà sử gần đây đối với việc này lấy làm hoài-nghi. Nghĩa là ngờ rằng một giống vật vô-tri sao lại cảm được lời văn mà phải đi. Nhưng tôi thì cho rằng việc ấy bất-tất phải hoài-nghi nữa. Việc ấy cả ở Tàu ở ta cũng vậy, có hai cái lý-do là: một là chỗ ấy không phải là chỗ sản-xuất của con cá sấu ấy thì sớm muộn rồi nó cũng phải đi; hai là từ khi con ác-vật ấy đến, người ta sợ hãi lánh xa, chưa ai dám đến mà đánh đuổi gì. Nay nhà văn - thần, phần thì tin ở oai-linh nhà vua, ở mệnh trời; phần thì tin ở sức mạnh mầu-nhiệm của lời văn hay, nên mới táo-bạo mà đến tận nơi, mà đến thì bao nhiêu binh-lính, cờ quạt chiêng trống, khí-giới và nghi-lễ đến theo làm cho râm-ran huyên-náo, khiến cho con ác-vật ấy phải kinh-hoàng mà cút, không đuổi mà tức là đuổi vậy. Vậy việc ấy tuy là mê-tín mà cũng là một câu giai-sự của văn-chương. Còn như sự-nghiệp bất-hủ của Hàn Thuyên tiên-sinh thì không phải ở việc làm văn đuổi cá sấu mà chính là ở như tiên-sinh bắt đầu lập ra lối và làm ra văn thơ quốc-âm ta, lại bắt đầu mượn chữ hán-tự mà đặt ra chữ nôm để viết những văn-thơ quốc-âm đó.

Nước ta từ khi phải thuộc về Tàu, học văn-tự Tàu, thì viết gì cũng dùng chữ Tàu cả. Đến Hàn Thuyên tiên-sinh mới làm ra văn-thơ bằng tiếng ta. Đời sau gọi thơ nôm là Hàn-luật, nghĩa là luật thơ của họ Hàn. Người ta truyền rằng chính bài văn đuổi cá ngạc, tiên-sinh cũng viết bằng lời văn nôm. Tiên-sinh thực là một vị khởi-tổ về quốc-văn quốc-học của Việt-Nam ta.

Văn của Hàn Thuyên tiên-sinh, sử chép có một quyển đề là Phi-xa-tập 披砂集 *trong có nhiều bài văn thơ nôm, nhưng nay chưa tìm thấy.*

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

Chú-giải về tập «Kim-thi» của phái Pythagore

V

Phải biết thật-thà, ngay thẳng, công-bằng. — *Đối với kẻ khác cũng như đối với riêng mình, phải nên thế nào cho không có điều gì tự-trách được. Mà trước hết phải biết tự-trọng mình. Nhất-thiết một đời, phàm mỗi câu nói phải theo cho đúng lẽ công-bằng.* — Có hai cái đủ làm hướng-đạo chắc-chắn cho sự tư-tưởng cùng sự hành-vi của người ta, là lòng ham chân-lý và ham công-nghĩa. Người ta đã quyết-chí dù gặp cơ-hội nào cũng cố giữ lấy chân-thực, giữ lấy công-bằng, bao giờ cũng biết khiến cho việc làm của mình thích-hợp với tư-tưởng của mình, thời bấy giờ có thể ngắm cái tiền-đồ không phải lo - ngại gì. PYTHAGORE thường nhắc đi nhắc lại rằng: «Người ta có biết chân-thực, có bụng nhân-từ, thời chắc có thể đạt tới cõi đạo-đức rất cao.»

Vậy thời những điều cần phải tránh đệ-nhất là sự nói dối, sự trộm cắp, sự bất-công và sự trá-ngụy.

Tự mình phải bắt-buộc mình lúc nào cũng phải nói thực, và về khoản đó không thể lấy lẽ gì mà châm-chước với cái lương-tâm mình được. Phàm việc gì cũng phải dốc lòng dốc trí mà

(1) Tiếp theo Nam-Phong số 151.

tìm cho ra cái chân-lý, đó phải coi là một điều cốt-yếu ở đời.

Lại bao giờ cũng phải rất mực thực-thà, giữ-gìn cho không khi nào xâm-phạm đến một cái mảy-may gì là của người, và không khi nào mưu kiếm một cái lợi gì là không chánh-đáng.

Không những không bao giờ nên ăn-ở xằng, mà lại cần là không bao giờ nên tư-tưởng bậy hay là nói-năng càn. Vì tư-tưởng cùng ngữ-ngôn vốn vẫn có một cái sức sáng-tạo rất mạnh. Những tư-tưởng còn tiềm-tàng hay đã xuất-lộ ra, thực là những sức mạnh, nó chung-đúc lại thành những nơi trung-tâm-điểm để thu-thập lấy những cái ảnh-hưởng đồng-loại, rồi sau đến xuất-hiện ra thực-tế, tùy cái ý-chí cùng cái thị-dục của người chủ-động vậy. Bởi thế nên cần phải xem xét cái đường lối của tư-tưởng mình, cùng cái tính-chất của lời nói mình, để cho bao nhiêu những tư-tưởng bất-lương, những lời nói độc-ác, những câu chuyện vô-vị, những tiếng nói tục-tằn là trừ bỏ đi được cả, và tự gây lấy cho mình một cái tâm-tính quả-quyết ngay-thẳng. Các người về phái PYTHAGORE ngày xưa đã hiểu rõ cả các lẽ đó, vì cứ như lời CICÉRON thuật lại, thì họ kiêng không dám nói những lời bất-tường, những tiếng ô-uế, sợ chiêu-tập lấy những cái ảnh-hưởng không hay cho mình.

Lại cần phải trung-chính đối với mình nữa, nghĩa là phải biết tự-trọng mình. Muốn cho được như vậy thì phải chăm-chỉ giữ-gìn cho không bao giờ trong lòng mình có một cái ý-tứ u-ẩn gì mà lộ cho công-chúng biết sợ có hổ-thẹn cho mình. Thế đã không nên, thời tự riêng mình đối với mình làm một việc gì xấu-xa nhơ-bẩn, giá đem ra chỗ thanh-thiên bạch-nhật phải ngần-ngại không dám làm, thì lại càng không nên lắm nữa. Cái tâm-thuật ở trong với cách biểu-lộ ra bề ngoài, hai bên phải không được phản-trái nhau, dù dụng tâm hay vô-ý mặc lòng. Người ta mà có hai lá mặt, trang-tác lấy một cái bề ngoài không thích-hợp với bề trong, giữ hai cái thái-độ khác nhau, một cái đối với mình, một cái đối với ngoài, hình như đeo lấy một cái mặt nạ để che đậy cái mặt thực lắm khi khả-ố, như thế thì không gì tai-hại bằng.

Thường những kẻ rỗng tuếch lại là những kẻ làm ra mặt hơn người, phô-trương cho quá cái giá-trị của mình. Trong bụng mình cong-queo mà ngoài miệng dám xưng là người ngay-thẳng, thì còn gì ghê-gớm bằng! Lại tự mình vốn có cái tính kiêu-căng không thể chừa được, mà ngoài mặt làm ra kẻ nhũn-nhặn, cũng là tự mình dối với mình nữa.

Vậy thời đối với mình cũng như đối với ngoài, phải cho thập-phần sáng-sủa, thập-phần chân-thực. Cái bản-sắc mình thế nào, phải lộ ra ngoài như thế, không nên ngần ngại gì.

Đời người mà hiểu biết như thế thì thật là một khoa-học. Là khoa-học nghĩa-vụ, dạy người ta phải vì điều thiện mà làm lành, vì chân-lý mà nói thực, không có nghĩ đến làm lành hay nói thực như thế thời có lợi hay có hại gì ngay cho mình. Đời người như thế thời cái tiếng của lương-tâm thúc-giục cho người ta làm việc nghĩa-vụ, sẽ áp được cái lòng tư-lợi nó cám dỗ người ta về đường vật-chất. Đời người như thế thì dù biết rằng mình vì chân-lý, vì công-nghĩa mà phải chịu đau-đớn thiệt-thòi ngay đấy, cũng không ngại, chắc rằng sẽ có một cái thưởng cao-thượng nó đợi mình về sau, càng chậm bao nhiêu thời lại càng sẽ được rực-rỡ bấy nhiêu. Vì rằng điều thiện cũng như điều ác, cũng cứ tích-lũy dần dần, rồi sau đến kỳ-hạn thành một cái số to vậy.

Cái khoa-học nghĩa-vụ đó, nếu biết rằng cái gốc nó là ở tự nơi Thượng-đế và sự - nghiệp ở đời là phải noi theo Thượng-đế, mà Thượng-đế là chân lý, là công-nghĩa tuyệt-đối, mỗi người ta trong mình đều có một phần tử cái tinh-thần của Thượng-đế, đáng cho ta phải tôn-trọng và phải làm thế nào cho nó thắng được hết thảy, khiến cho ta cũng đồng một tính-cách với Thượng - đế, nếu hiểu biết như thế thì cái khoa-học nghĩa-vụ cũng là dễ theo vậy.

Khi đã biết rằng đời người có một cái mục - đích thiêng - liêng như thế, đã khám-phá được những phép - tắc màu-nhiệm ở đời, đã quả - quyết chỉ làm nô - lệ cho chân-lý, cho công - nghĩa mà thôi, và đối với hết thảy mọi người cũng như đối với hết thảy vạn-vật chỉ một lòng khoan-nhân mà thôi, như thế thời cuộc nhân-sinh sẽ là một cuộc tốt-đẹp dễ-dàng biết dường nào.

Bấy giờ thì người ta sẽ là con người hảo-tâm hảo-ý, theo cái nghĩa cao như trong sách thánh đã dạy, và nhờ đó sẽ có đủ tư-cách chịu được cái ánh sáng của Bề Trên. Bấy giờ trong lương-tâm như có một cái tiếng âm-thầm, nó chỉ rõ cho biết điều thiện điều ác thế nào, và chỉ cho biết cái oai-quyền của Thượng-đế can-thiệp vào việc đời thế nào, tức là biết rằng đời người có một cái nghĩa thần bí vậy. Rồi thì dần dần tự - mình cũng tập được cái phép thần - thông. Thấy như có cái thần-lực gì nó run-rủi mình về đường thiện, mà tránh xa cho khỏi lối ác. Trong cái phạm - vi của mình, dường như có thể sai khiến được cả những việc xảy ra. Dù gặp cơ-hội nào cũng cứ vững-vàng yên-ổn mà hành-động, vì biết rằng có thần - lực chủ-trương phò-trợ ở trong. Sau nữa lại được hai cái của báu nhất ở đời : là lòng tin ở nhân-sinh và sự khoái-lạc biết rằng mình hành-động hợp với thiên-ý vậy.

Phải biết suy-nghĩ.— *Đừng có tập cái thói quen ù-lì gặp sao hay vậy.* — Biết bao nhiêu người hễ được ăn no, uống say, ngủ kỹ, thì đã lấy làm mãn - nguyện rồi ! Biết bao nhiêu người đi qua cõi đời như kẻ đui mù, không biết chống lại cái luồng sóng sinh - hoạt phù-phiếm, trái lẽ thiên-nhiên, ở các nơi tỉnh - thành lớn, không biết thoát mình ra ngoài những sự vật - dục về thân-thể, không biết tránh xa sự xung-đột của mối dục - tình cùng lòng danh-lợi ! Biết bao nhiêu người khổ vì không biết suy - nghĩ, chỉ theo thói thường, không có một cái mục-đích cao-thượng !

Trí-tuệ người ta còn có một cái trường-sở hành-động rộng hơn, một cái mục-đích theo đuổi cao hơn là sự tăng-tiến lấy cái khoái-lạc về nhục-thể mà thôi. Ta thử vùng con mắt mà nhìn lên khoảng vũ-trụ bao - la, nhìn lên bầu trời kia biết muôn-vàn vạn-mớ nào là những thế-giới đương luân-chuyển trong khoảng không, lại nhìn đến cái cảnh vạn-vật sâm-nghiêm trên mặt đất này, rồi nghĩ đến cái thân-phận người ta ở đời thế nào, bấy giờ trong lòng man-mác, biết bao nhiêu những tư tưởng bàn khoăn ! Sống là gì, chết là gì ? Cái luồng sóng sinh-hoạt nó chuyển - động các tinh-cầu kia, là ở đâu mà ra ? Trước cái đời hiện-tại này thì chúng ta ở đâu ? Sau cái đời hiện-tại này thì chúng ta đi đâu ? Biết bao nhiêu điều khiến cho ta phải ngẫm-nghĩ trong mình mà xem-xét ở ngoài ! Biết bao nhiêu những điều nhỏ-nhặt ta phải ghi-chép lấy, rồi mới sưu-tập thành loại, ngõ-hầu mới có thể khám-phá ra được những luật-phép của Vũ-trụ, rõ tỏ được cái qui-mô của Tạo-hóa, cùng những mối liên-lạc nó dàng-buộc các sinh - vật cùng các sự-vật với nhau ! Phải nghiên-cứu biết bao nhiêu mới đạt tới cái Lý-tưởng độc-nhất nó bao gồm được cả

thiên-hình vạn-trạng trong thế-gian! Biết bao nhiêu sự bí-mật của Tạo-vật có thể khám-phá ra được! Nhưng đến khi đã tìm được cái then máy của cuộc đời rồi, đã hiểu được cái lẽ cứu-cánh của Thiên-diễn rồi, thì bấy giờ khoái-lạc biết dường nào!

Có ngẫm-nghĩ những vấn-đề ấy thời mới thoát được ra ngoài cái cõi sống bần-tiện này, mới biết phá được những cái hiện-tượng huyền-hoặc mà tìm được cái chân-lý rõ-ràng. Bấy giờ mới hiểu rằng người ta không phải một mình mà sống được, nhưng là bởi cái sức mạnh thiêng-liêng của Vũ-trụ sáng-tạo ra, sức mạnh này là bao gồm hết thảy, chi-phối hết thảy, theo những phép-tắc rõ-ràng. Lại biết rằng người ta không phải là ngẫu-nhiên mà bị ném vào trong cái luồng sóng sinh-hoạt đâu, phải đã có can-thiệp đến từ trước rồi, vì cái bản-thân mình bây giờ là gồm biết bao nhiêu những tiền-duyên túc-nghiệp từ xưa. Đã biết thế, lại dự-tưởng được cái cuộc tương-lai tiến-hóa thế nào, cuộc tương-lai này theo phép chung của Vũ-trụ chính là bởi tiền-định cùng bởi ý-chí ta tạo thành cho ta vậy.

Khi đã hiểu rằng đời người là uyên-nguyên tự cái công tác-dụng chung của tạo-vật và cũng nhờ đó mới đủ phương-tiện mà phát-siển ra, thời mới rõ cái khoa-học giả-dối ngày nay là sai-lầm vậy, vì khoa-học ấy cho rằng người ta không có tiền-duyên hậu-quả gì, chỉ chọi có một cái khoảng hiện-tại này mà thôi, mà trong khoảng hiện-tại ấy cũng không có dính-dáng gì đến cái hoàn-cảnh thiên-nhiên cùng cái hoàn-cảnh sinh-lý ở chung quanh mình. Sau nữa, nếu đã hiểu đời người như thế thời có thể tự tổ-chức cái cuộc đời mình một cách đích-đáng hơn, vì đã hiểu cái lẽ thiêng-liêng ở đời, đã quyết chí hành-động để tinh-tiến cho mình chứ không phải để tích-lũy của đời, lại quyết-chí sinh-hoạt cho thập-phần thành-thực, thập-phần điều-hòa, chắc có thể đạt tới được cái mục-đích của nhân-sinh.

Nhưng phải biết nghĩ rằng cái số-phận chung của người đời là cái chết. — Đứng trước cái chết, thì bao nhiêu cái trật tự tôn-ti ở đời là mất hết cả. Cái chết là cái liềm nó phát bằng đi cả mọi sự phong-lưu phú-quí ở đời. Nó làm cho người cực giàu với kẻ cực nghèo bình-đẳng nhau cả. Người nào cả đời chỉ biết chăm-chút đến cái thân mình một cách duy-kỷ, chỉ biết tích-lũy lấy vàng bạc của-cải ở đời, thời người ấy chết là mất cả. Chứ người nào biết tu-luyện lấy thân mình, biết phù-trợ cho kẻ khác, biết phát-siển cái sức tinh-thần của mình, biết tiến-hóa lên cõi chí-thiện, thời người ấy khi đi là đem được cả cái của-cải vô-hình ấy đi theo, chỉ còn trút lại ở đời cái quần nâu áo vải, cái khu-xác hữu-hình, cùng những đồ dùng làm việc, những của-cải vật-chất mà thôi.

Vậy thời sự chết là một cái kỳ-hạn đáng ghê, và sự chết có thể thình-lình đến lúc nào cũng được, cho nên ta lúc nào cũng phải sẵn-sàng để mà đón-tiếp nó một cách điềm-nhiên bình-tĩnh, như người thợ thủy-chung vẫn làm việc chăm-chỉ dù lúc nào có người đến khám cũng là vững dạ mà không sợ-hãi gì.

Đến lúc chết thì hình như cái bình-phong nó đổ ụp xuống, cái xấu cái tốt gì ở trong cũng là lộ ra cả. Bấy giờ sẽ xuất-hiện ra một cái trật-tự mới, định cao thấp theo cái giá-trị thật chứ không phải theo giá-trị giả nữa. Bấy giờ thời người giàu, nếu dùng bậy cái thế-lực của mình, thời sẽ bị giáng trật xuống dưới người nghèo, vì trên cái trật-tự này địa-vị cao chỉ dành cho những kẻ có tâm-địa tốt, có sự-nghiệp hay mà thôi.

Và phàm tài-sản vật-chất, có rồi mất đi cũng dễ-dàng như không vậy. — Mưu cầu lấy của-cải vật-chất, chỉ nên coi là một cái phương-tiện, không nên coi là một cái mục-đích. Vì người ta cũng nên có chút phong-lưu để ăn-ở cho được xứng-đáng và làm việc khỏi phải lo-nghĩ. Nhưng nên giữ kỹ đừng tập lấy những thói xa-xỉ khoa-trương. Xét sự-vật, xét công-việc, không nên chỉ xét về cái kết-quả thực-lợi, hay về cái giá-trị giao-dịch mà thôi. Đã tập quen cái cách sinh-hoạt thanh-bạch bình-thường, thì chẳng việc gì phải lo đến cái tiền-đồ vật-chất sau này, vì người biết làm việc cần-cù, biết tư-tưởng chánh-đáng, biết hành-động ngay-thẳng, thì không khi nào đến nỗi thiếu-thốn những cái cần-dùng. Vả lại cứ nghĩ ngay thế này thì đủ yên tâm: là người nào ngoài sự cần-dùng cho cái đời thường của mình, còn có được món tiền dư-dật, thì người ấy đã có thể cho là người giàu được.

Khi đã biết quen gặp sao hay vậy, miễn là được đủ sự thiết-yếu thì thôi, thời sẽ thấy ngay rằng một cái đời giản-dị, theo phép thiên-nhiên, tức là một cái của lớn đó, vì khiến cho ta được vui-vẻ mạnh-khỏe. Lấy giờ mới rõ rằng cái nó làm cho người ta tổn-hại, đến đau-đớn khổ-sở, chính là sự mưu-cầu những cái thừa, tích-lũy những cái sướng quá. Vì không gì hại cho người bằng sự giàu-có quá. Không gì làm cho người ta xa-cách với cái chân-lý, với bụng hiếu-thảo, lòng bác-ái, bằng những cách sinh-hoạt dễ-dàng. Không gì phương-hại cho sức khỏe bằng sự nhiều tiền quá, vì nhiều tiền thời hay ăn những thứ cầu-kỳ, mà không thường tập đến cân-cốt, khiến cho sức khỏe giảm đi. Người ta còn có cái chức-vụ cao-thượng hơn là chỉ biết trì-trục ở trong vòng nhục-dục mà thôi, điều đó đã rõ-ràng lắm vậy.

Khi đã biết rõ những của-cải về vật-chất là không có cái giá trị chắc-bằng rồi, thời bấy giờ phải có thể tự nói rằng: nếu ngày mai gặp cái tai-nạn gì, mà bao nhiêu của-cải của ta bị phá sạch cả, thời thực ra ta vẫn giàu-có như xưa, vì ta vẫn giữ được y-nguyên trong người ta những cái của báu về học-hành, về tiến-hóa, những cái cớ sinh-hoạt nhiệt-thành tín-ngưỡng đã tích-lũy được từ trước đến nay. Mà những cái của ấy thời không ai cướp được của ta, ta đối với tương-lai vẫn cứ vững-vàng như không gặp sự gì trắc-trở cả.

Nói tóm lại người quân-tử đối với các của-cải ở đời, được hay mất, cũng cứ điềm-nhiên như không vậy. Được không có huyễn diệu gì cả; mất không có phiền-não gì cả. Vì tự mình biết rằng những của ấy là của phù-vân cả, thì bao giờ lại có làm nô-lệ cho nó được.

Phải biết vững lòng mà làm việc. — *Còn như cái thân phận tự lẽ trời bài-định, thì dù khó-nhọc thế nào mặc lòng, cũng đừng nên oán-trách, cứ bình-tâm mà chịu lấy, và cố gắng chỉnh-đốn cho được hơn lên* — Trên kia đã giải rõ, cái số-phận của ta là phải tiến lên trong con đường tiến-bộ, hạnh-phúc. Hoặc giữa đường có gặp sự không hay, thời không phải là tự trong vật-lý như thế, mà chính là tự cái trí tuệ, tự cái ý-chí ta còn khuyết-điểm, dần dần theo cuộc tiến-hóa chung mà ma-luyện cho sắc mạnh thêm lên. Vậy thời phàm cái gì xảy đến cũng là có lẽ cả, không cái gì là sự ngẫu-nhiên, không cái gì là không công-bằng. Muôn việc xảy đến đều là chánh-đáng cả, vì đều có duyên-cớ hẳn-hoi và có cái đức răn-dạy cho ta cả. Cái gì xảy đến không may cho ta, chẳng qua là một cách răn dạy ta đó, hay là cái kết-quả xa gần của những sự khuyết-điểm của ta vậy. Thực ra thời phàm cái gì

xảy đến cho ta là ta cũng có trách-nhiệm ở đó cả. Sự đắc-thắng, sự thất-bại của ta, cái nguồn nó là ở ta cả. Cho nên mỗi khi gặp sự gì phiền lòng, chỉ nên trách-cứ ở mình, vì những sự bực mình cho ta đó chính là kết-cấu bằng sự ngu-si hay lòng ác-cảm của ta cả. Ta phải biết rằng chính bởi những cái tội - lỗi xưa của ta, nghĩa là những sự ăn-ở không công, những sự nói-năng lừa-dối, những sự cay-nghiệt khắt-khe, những sự gièm-pha xàm-bậng, những sự lừa-lọc điên-đảo, những sự bảng-bổ xúc-phạm của ta, chính những cái đó nó làm cho số-phận ta ngày nay đến phải long-đong.

Vậy thời đem lòng oán - giận những sự mình cho là trái lẽ thiên - nhiên, căm tức những điều mình cho là số - phận khắt - khe, là vô - lý cả, oán thế tức là oán mình đó, vì tự mình là tay tạo-nghiệt cho mình vậy. Không những thế, mà lại là cái tội khinh-mạn Thần - minh nữa, vì đổ lỗi cho Thần - minh là không công - bằng, thật là trái với cái bản - thể của Thần - minh vậy. Xem như thế thời biết rằng người nào đem lòng oán - giận, chỉ tăng thêm cái nỗi khổ của mình lên, mà rút cục lại tự mình hủy - hoại mình, vì không những phải trả lại cái lỗi cũ, mà lại phản-đối với Tạo-vật, thời ắt phải chịu cái sức phản-động lại vậy.

Không có lấy cái cớ gì mà cho rằng mình không được cái địa-vị xứng-đáng, hay mình phải chịu những nông - nỗi thiệt-thòi ở trong cái hoàn-cảnh mình sinh-trưởng, vì thực ra cái địa-vị của người nào là đáng của người ấy vậy. Biết bao nhiêu kẻ không lượng tài lượng sức mình mà chỉ ngồi ghen những người hơn mình! Nếu những kẻ bất-đắc - chí đó, được tùy lòng sở - nguyện, thay vị đổi ngôi, thời sẽ lấy làm phiền ngay, và chẳng bao lâu lại tiếc cái thân-phận cũ của mình.

Vậy thời dù bề ngoài ngang trái thế nào mặc lòng, dù đời ta có khó-khăn trắc-trở mặc lòng, ta cũng phải biết rằng chính lẽ thiên nhiên, nghĩa là sự lợi riêng của ta với sự lợi chung của vạn-vật, bắt-buộc phải như thế. Ta lại nên phân-nàn những kẻ bất-hạnh kia, không từng phải chịu khổ-sở gì, được sống một cách dễ-dàng chót-lọt, vì những người ấy không có dịp thử cái nghị-lực cùng luyện cái ý-chí của mình. Đến khi phải đem sức ra đối chọi với đời, đem công ra học tập đạo lý, thời bấy giờ sẽ gặp những sự thất - vọng đau-đớn vậy.

Đối với cái cảnh nghịch ở đời, dù mình cho là không đáng, cũng phải cố nhẫn - nhục kiên-gan. Gặp sự chắc-trở mà biết can-đảm chịu thời nó tăng cái nhân-cách của mình lên; còn kẻ nào làm sự bất-công thời ắt phải chịu bào lại.

Đối với sự đau-đớn cũng phải có gan mà chịu, vì phàm cái đau-đớn mà mình còn biết được là còn ở trong phạm-vi những sự có thể chịu đựng được, cái không chịu được thời nó làm cho mình mất ý-thức đi, mà quá lắm đến chết, ấy cũng là may vậy.

Nhưng tuy vẫn điềm-nhiên mà chịu, mà cũng không nên đem một cái thái-độ thu-lòng cứng-cỏi mà đối lại, lại phải vững lòng gắng sức tìm cho ra cái duyên - cớ khổ-sở vì đâu, để mà thay đổi cho cái số - phận mình được khá lên.

Vì phàm sự đau-khổ là một cách của Thần-minh bảo - cáo cho ta biết rằng trong cách cư-xử của ta về đường vật-chất, về đường tinh - thần, đã có điều sai-lầm khuyết-điểm vậy. Mà cứ thực ra, nếu ta không phải gặp sự đau-đớn gì, không phải chịu sự tổn-hại gì, thời ta còn học biết được điều gì nữa?

Vậy thời khi đau-ốm khổ-sở, không nên kêu-ca than-vãn làm gì, chỉ nên

cố tìm lấy cái duyên-cớ sâu-xa vì đó mà mình phải đau khổ, để sửa mình về đường vật-chất tinh-thần thế nào cho khỏi nỗi đau khổ đó.

Nói tóm lại thời không có cái trở-lực gì ngăn được người tri-giả trong cuộc tinh-tiến lên cõi Thượng-đế, vì người ta biết rằng bài học càng khó thời học càng được nhiều, đường giốc càng khó thời lên càng được cao, và công-phu càng nhiều thời phần thưởng càng hậu vậy.

Vì kẻ đại-nhân quân-tử vẫn được thần-minh phù hộ cho khỏi phải chịu những cái tai to nạn lớn. — Trước hết người nào khinh thường cái bài học thiên-nhiên của sự đau-đớn cùng lòng vật-dục, mà cứ mải-miệt theo về con đường tà, thời chắc là phải những sự khốn-nạn to hơn là người biết cẩn-thận gắng sức mà sửa mình, điều đó đã cố-nhiên rồi. Người tinh-tinh u-nất, đặt mình vào cõi tiêu-cực, thời dã lầm lẫn cứ lầm lẫn mãi, cho đến sinh lòng chán-ngán; còn người có hảo-tâm hảo-ý thời không để cho những nỗi lo-phiền ngờ-hoặc nó vào trong lòng mình được, và cứ vững vàng mà đem con mắt lạc-quan đối với sự đời, tự khám-phá ra lẽ phải dễ-dàng lắm.

Vậy thời người đạt-nhân, hết sức ăn-ở cho phải đường, gặp sự không may, coi như là sự cảnh-cáo cho mình, không đem lòng oán giận, thời không phải chịu những cái đau-đớn lạ thường. Nếu chịu khó một chút, thời sẽ thắng được cái trở-lực đó, vì trong lòng mình đã hình như có người hướng-đạo, phù trợ rất mạnh, liền có đủ sức mà đối-phó với sự khó-khăn, đem hết trí khôn cùng chí muốn mà khuynh-hướng về một đường đó, chẳng bao lâu sẽ tìm được điều lỗi ở đâu và chữa sửa lại được.

Vả lại cái đời đạo-lý nó thường cho người ta có sức mạnh lạ thường biết trông xa sáng-suốt và biết tránh được sự chẳng lành. Vì cái đời người quân-tử là cái đời khắc-khổ ẩn độn như kẻ tu-hành, khiến cho thông tỏ cả các lẽ vật lẽ trời, biết những điều xa-xôi mà công-chúng không biết, lại có những phương điều-trị mà kẻ phàm-tục cho là kỳ-dị, không thể thi-hành được.

Phải nên khoan-dung và kiên-nhẫn. — *Trong ý-tưởng người ta thường là lẫn-lộn cả điều phải điều trái.* — Công-việc người ta, không có cái gì là toàn tốt, mà cũng không có cái gì là toàn xấu. Ý-tưởng người ta cũng không có cái nào là toàn phải, không có cái nào là toàn trái. Cái chủ-nghĩa rất chánh-đáng, tựu-trung tất có những điều chi-tiết không được đúng. Và những cái lý-thuyết rất sai lầm, tựu-trung vẫn có một phần sự thực. Vậy thời phàm công-phu của người ta, không có cái gì là đáng khen cả, mà cũng không có cái gì là đáng chê hết.

Vì chỉ có Thượng-đế mới được chí-thành, chí-thiện, chí-đức mà thôi. Còn cả vạn-vật trong thế-gian là gồm từng giống đặc-biệt, mỗi giống đều cố gắng cho tới được cõi chân-lý tuyệt-đối, và mỗi ngày cũng tiến lên được một bước vậy.

Đời người là một cuộc tấn-tới trên đường chân-lý. Bởi thế nên các đạo-giáo, các học-thuyết về cách-trí hay về triết-lý, chẳng qua là các phương-tiện khác nhau cho người ta học tập sự đời, và đạo nào, thuyết nào cũng vậy, đều có lẫn lộn điều phải điều trái, nhiều ít hơn kém khác nhau hẳn.

Vậy thời phàm cái gì do tay người ta cấu-tạo ra là cũng không thể tránh khỏi được cái luật tiến hóa, nghĩa là hiện nay tất phải khuyết-điểm, rồi sau này mới cải-lương dần. Đến các lễ-giáo, cũng có biến-thiên duyên-cách, vì dân-trí càng mở-mang, lẽ phải càng tấn-tới, thời những điều chân-lý mầu-nhiệm cũng dần dần chuyển-nhập vào các

hình-thức lễ-bái bề ngoài. Bởi thế nên lễ-giáo càng cổ thời càng nhiều những chất tà ở ngoài, nhiều những lề - lối không được thuần-túy.

Vậy thời không có cách lễ-bái nào về tôn-giáo mà tự-phụ là bất-di bất-dịch được, vì sự truyền dạy các điều chân-lý cốt-yếu về tôn-giáo, cùng sự thi-hành các lề-lối lễ-bái ở bề ngoài, tất phải cùng với tư-tưởng người ta mà tấn-tới vậy.

Vì hết thảy các tôn-giáo từ đời thượng-cổ đến giờ, là đều sống bằng một cái gốc bấy nhiêu điều chân-lý cốt-yếu, càng truyền đi thời càng mới ra, càng mới ra thời càng hay hơn vậy. Ng y như đạo Cơ-đốc, mà không có đạo Moise, không có đạo Cựu - ước (*Ancien Testament* làm gốc, thời ngày nay sẽ ra thế nào ?

Vì phàm các chế-độ của tôn-giáo đời ấy sang đời khác kế - tiếp nhau, cũng như các sự nghiên-cứu của khoa-học, tìm - tòi cho đến cùng, kết-quả chẳng qua cũng là phát-minh và truyền-bá ra bấy nhiêu cái chân-lý đại-đồng. Thí-dụ như khoa - học duy - vật nào tuyên-bố lên rằng cái khí trong trời đất là nhất-trí cả, và các giống sinh-vật là tiềm-tiệm biến - hóa cả, thời chẳng qua cũng là khôi-phục lại những cái luật tôn-giáo bí-truyền của Ai-cập ngày xưa, cùng những lời dạy mầu-nhiệm của các đạo Ấn-độ còn cổ hơn nữa.

Người tri-giả đã quan - niệm được cao-xa như thế, đã dung-hòa được cả các khoa-học, các tôn-giáo như thế, thời tức là thu-quát được cả các học-thuyết, các tôn-giáo, các ý-tưởng vậy, thu-quát lấy cái phần đích-xác, mà bãi - bỏ ra những điều khuyết-điểm. Người tri-giả nghe ai nói gì, ai bàn gì, ai cãi gì, cũng không giận-dữ, không nóng-nẩy, không ghen-ghét, vì sẵn lòng điều-hòa cả các cái khuynh-hướng tốt của mọi người, cho rằng mỗi người đi một đường khác nhau, nhưng đều là chủ tìm lấy cái lẽ tuyệt-đối, tìm lấy sự hạnh-phúc vậy.

(*Còn nữa*) T.-C. *dịch*

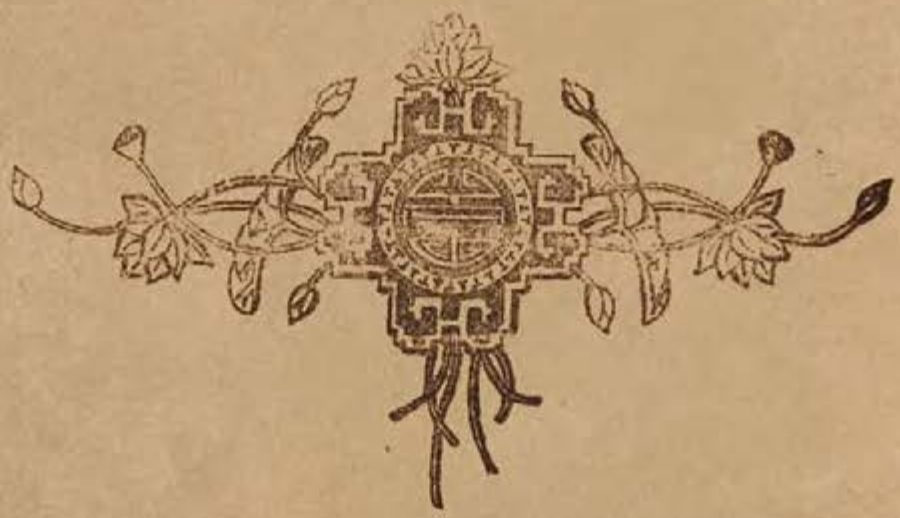

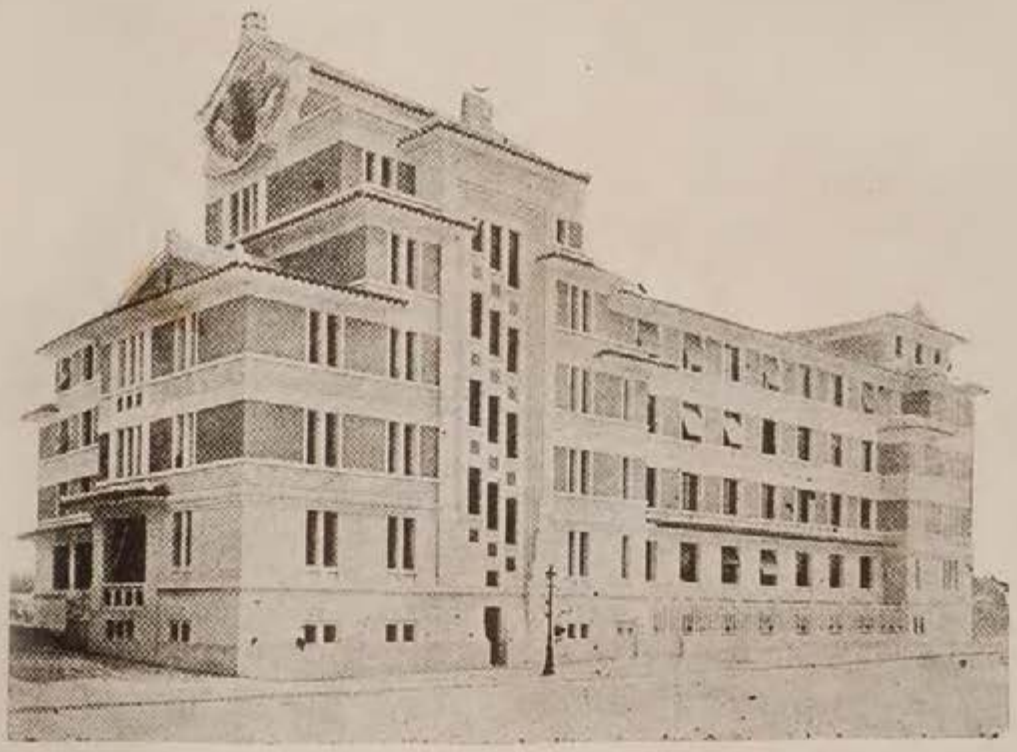

Nhà Học-sinh Đông-Pháp ở xóm Hạ-sinh Paris

VĂN CHIẾN-QUỐC SÁCH

II

Trang-Tân 莊辛 luận về những kẻ hạnh-thần

Trang-Tân nói với Sở Tương-vương 襄王 rằng : «Liền ở bên tả đấng quân-vương thì có Châu-hầu, bên hữu thì có Hạ-hầu; khi quân-vương đi xe thì có Yển-lăng-quân, Thọ-lăng-quân ngồi kèm. Quân-vương cùng bốn người ấy chỉ chăm làm những sự dâm-dật hoang-phí mà không nghĩ gì đến quốc-chính, thành Sinh-đô này nguy mất.»

Tương-vương nói : « Sao tiên-sinh lại nói điều quái-gở cho nước Sở làm vậy. Tiên-sinh già lẫn rồi ư ? »

Trang-Tân thưa : « Thần thấy tất-nhiên như thế, chứ không phải là thần dám cầu điều quái-gở cho nước đâu. Đấng quân-vương mà cứ yêu-đương mãi bốn người ấy thì nước Sở tất vong-diệt mất, thần xin lánh sang Triệu, nấn-ná ở lại đó để đợi xem thấy Sở bị mất nước.» Nói rồi Trang-Tân sang Triệu ở được năm tháng thì quả-nhiên Tần đánh Sở lấy mất một cõi đất ở vùng Yên-sinh, Vu-thượng và Sái-trần. Tương-vương phải chạy trốn ra Thành-dương, bèn sai sứ-giả đem ngựa ngự-mã sang Triệu đón Trang-Tân về.

Trang-Tân về đến nơi, Tương-vương nói : « Quả-nhân không biết nghe lời tiên-sinh, đến cơ-hội này, vậy làm thế nào bây giờ ? »

Trang-Tân thưa : « Ngạn-ngữ có câu: « Mất bò mới đo chuồng, cũng chưa là muộn. » Thần nghe nói ngày xưa vua Thang vua Vũ chỉ có độ trăm dặm đất mà làm nên, vua Kiệt vua Trụ thì có cả thiên-hạ mà bị diệt. Nay Sở tuy nhỏ, bớt chỗ dài bù cho chỗ ngắn, cũng còn được vài nghìn dặm, chứ có phải ít đâu.

Đấng quân-vương ngài có trông thấy con chuồn-chuồn không ? Con chuồn-chuồn nó sáu chân, bốn cánh, bay liệng ở trong trời đất. Cúi xuống ăn con ruồi, con muỗi, ngửa lên uống nước hạt sương, tự nghĩ chẳng lo lắng gì, vì nó không tranh-hành gì với người ta. Nhưng biết đâu thằng nhỏ kia đang bôi nhựa vào đầu cái que sẽ dính lấy con chuồn-chuồn ấy ở trên cao bốn trượng mà vất xuống cho kiến nó tha.

Con chuồn-chuồn còn là vật nhỏ, lại xem như con chim chích kia cúi xuống mổ hạt thóc, ngẩng lên đậu vào bụi rậm, rỉa lông rũ cánh, tự nghĩ chẳng lo lắng gì vì nó không tranh-hành gì với người ta. Nhưng biết đâu các cậu vương-tôn công-tử nọ đang tay cung tay tên, nhắm con chim chích ấy ở trên cao mười trượng, nháy mắt con chim chích ấy đã rơi xuống tay cậu công-tử. Thế là con chim chích ấy sáng còn nhởn-nhơ trên cành, chiều đã bị vớp muối.

Con chim chích còn là vật nhỏ, lại xem như con ngỗng trời kia, giong chơi nơi sông bể, ăn ở chốn chầm hồ. Cúi xuống nuốt con lươn con cá, ngẩng lên mổ lá cỏ thơm, vỗ cánh một cái theo làn gió mát phơi-phới lưng-chừng trời, tự nghĩ không lo-lắng gì, vì nó không tranh-hành gì với người ta. Nhưng biết đâu người đi bắn nọ đang ghè đá vát tên, sẽ giương cung thẳng giây bắn con ngỗng trời ấy ở trên làn gió mát trăm trượng mà rơi xuống. Thế là con ngỗng trời ấy ban ngày còn chơi ở ngoài bãi, chiều tối đã sáo ở trong nồi rồi.

Con ngỗng trời cũng còn là vật nhỏ, lại xem như việc Linh-hầu nước Sái kia. Linh-hầu đang khi sang nam chơi

ở gò Cao-lăng, khi vào bắc trèo lên đỉnh núi Vu-sơn, uống nước suối Nhự, ăn cá sông Tương. Bên dắt hầu non, bên ôm gái đẹp, cùng nhau giong-ruổi ở trong vùng Cao Sái mà không nghĩ gì đến việc quốc-gia. Nhưng biết đâu Tử-Phát đã vâng mệnh của Linh-vương nước Sở, sẽ đem giây sắt buộc chân Sái-hầu mà giải về.

Việc Sái-hầu cũng lại còn là nhỏ, lại xem như việc của đấng quân-vương mới đây. Nào lúc ngài vào thì Châu-hầu Hạ-hầu kèm hai bên cạnh, nào lúc ra thì Yên-lăng-quân Thọ-lăng-quân ngồi hai bên xe. Cơm gạo tám thơm, xẻ thiếp vàng nuột, cùng bốn gã ấy đang giong-ruổi ở trong vùng chẩm Vân-mộng mà không nghĩ gì đến việc thiên-hạ quốc-gia. Nhưng biết đâu, Nhương-hầu đang vâng mệnh của vua Tần, chẹn cửa Giang-tái mà đuổi đấng quân vương ra ngoài »

Tương-vương nghe nói tái mét mặt đi, mình run cầm-cập. Bèn ban ngay cho Trang-Tân cái hốt bằng ngọc đang cầm ở tay. Lại phong cho Trang-Tân làm Dương-lăng-quân và cho ở đất Hoài-bắc để mưu lo việc nước.

Tống Ngọc 宋玉 trả lời vua Sở,

Sở Tương-vương hỏi Tống Ngọc rằng : « Tiên-sinh có nết gì trái thói chăng, không thì sao bọn sĩ-dân chúng-thứ họ tuyệt không khen ngợi tiên-sinh điều gì ? »

Tống Ngọc thưa : « Vâng, có thế. Xin đại-vương tha thứ, cho tôi trình hết một lời. Số là có một người khách lạ đến hát ở thành-phố Sinh-đô này. Kỳ thủy người ấy hát khúc « Hạ-lý Ba-nhân » thì người trong nước này có đến vài nghìn người hát họa vần lại. Rồi người ấy hát khúc « Dương-a phi-lộ » thì người trong nước này có độ vài trăm người hát họa vần lại. Sau người ấy hát khúc « Dương-xuân bạch-tuyết » thì người trong nước này hát mà họa vần theo chỉ độ vài mươi người. Người khách ấy lại giở đến cung thương lầu bậc ngũ-âm thì người trong nước này hát mà họa vần theo chẳng qua chỉ độ vài người mà thôi.

Thế là khúc hát càng cao thì càng ít người họa vần được. Cho nên trong loài chim có chim phượng-hoàng, trong loài cá có cá côn.

Chim phượng-hoàng kia bay vụt lên chín nghìn dặm, vượt qua cả mây mưa. Lưng thì đội trời xanh, chân thì đạp lên đám tuyết mà bay liệng ở trên chỗ tuyệt mù. Ôi thế thì loài đi-sẻ ở trong bờ giậu nọ biết chi mà cùng con phượng-hoàng cùng suy tính chuyện trời đất rộng khơi kia được.

Cá côn sáng mới ở đảo Côn-lôn vượt đi, trưa đã phơi râu ở hòn Kệ-thạch, tối đã ngủ ở vụng Mạnh-chư. Ôi, như thế thì loài cá lẹp ở cái vũng chân trâu nọ biết đâu mà cùng cá côn cùng lường xét tầm hải-hà lớn-lao kia được.

Thế cho nên không những loài chim có phượng-hoàng, loài cá có cá côn, mà loài người cũng có thế. Như đấng thánh-nhân kia tức là người có ý hay nết quí khác hẳn người đời.

Vậy bọn dân thế-tục kia họ còn biết đâu được việc của tôi làm là thế nào nữa.

Lời bình của Trần Minh-Khanh Trung-quốc :

Bài này là tổ của lối văn thiết vấn đời sau. Ý-tứ cực cao mà lời điệu cực giản, thật là một bài văn hay nhất về thời Tiên Tần (trước nhà Tần).

Một người khuyên vua Sở theo chước « tung 從. »

Có một người bảo vua Sở rằng : « Thần nghe « tung » vốn là một kế hợp cả thiên-hạ lại để chầu đại vương. Vậy xin đại-vương cứ nghe theo kế ấy.

Kẻ dũng-giả có cái nghĩa-vụ phải nhân thế khuất làm ra thế thân, dán sự ưu-hoạn nên sự thành-công ; kẻ trí-giả, có cái quyền đổi việc họa làm ra việc phúc,

đem số ít làm ra số nhiều. Vả ở đời trả ơn lại được ơn, ở đen thì gặp mực. Mấy điều đó duy có đại-vương làm được.

Ngài biết cho rằng cái họa nó dính với cái phúc, cái sống nó ở liền với cái diệt-vong. Cho nên hễ không suýt chết, không suýt sống thì không có thể mang nổi cái danh tiếng to. Không ai thù hằn thì không hoành-hành ở đời được.

Ôi, nước Tàu họ bỏ cả đức-nghĩa, cái vận-mệnh của họ có cái cơ tuyệt-diệt đã lâu ngày rồi. Thế mà thiên-hạ không ai biết. Bây giờ kẻ chủ-trương thuyết « liên-hành » họ lem-lém cửa miệng khéo dùng mẹo lừa để trên thì lựa lòng vua, dưới thì lừa trăm họ. Làm việc công đó mà kiếm lấy lợi riêng. Ấy vì thế mà quốc-quyền thành nhẹ như cái lông mà tai-vạ chứa đầy như cái núi.

HÃN-MINH 韓明 YẾT-KIẾN XUÂN-THÂN-QUÂN.

Hãn-Minh đến yết-kiến Xuân-thân-quân nước Sở, chực hầu ba tháng mới được vào yết-kiến. Nói chuyện xong, Xuân-thân-quân bằng lòng lắm. Hãn-Minh còn muốn nói chuyện nữa, Xuân-thân-quân nói rằng : « Tôi đã biết tiên-sinh rồi, mời tiên-sinh hãng cứ đi nghỉ »

Hãn-Minh nhăn mặt lại nói rằng : Mình tôi muốn hỏi ngài một điều mà ngài lắm. Không hay ngài với vua Nghiêu thì ai thánh hơn ai ?»

Xuân-thân-quân nói : « Tiên-sinh hỏi câu ấy khi quá. Tôi ví với vua Nghiêu thế nào được »

Hãn-Minh lại hỏi : « Thế thì ngài liệu xem tôi với vua Thuấn thế nào?»

Xuân-thân-quân nói : « Tiên sinh là ông Thuấn đó. »

Hãn-Minh thưa : « Không phải thế. Tôi xin nói ngài hay. Thực ra thì ngài không thánh bằng ông Nghiêu mà tôi không tài bằng ông Thuấn. Lấy ông hiền Thuấn thờ ông thánh Nghiêu mà đến ba năm mới tương-tri nhau. Thế mà nay ngài mới một lát mà đã biết tôi, ấy là ngài thánh hơn ông Nghiêu mà tôi hiền hơn ông Thuấn đó. »

Xuân-thân-quân nói rằng : « Phải ». Bèn triệu kẻ môn-lại đem sổ khách-tịch để ghi tên Hãn tiên-sinh cứ năm ngày một lần được vào tiếp kiến

Hãn-Minh nói : « Ngài cũng đã biết con ngựa ký rồi đấy chứ. Có một con ngựa ký đã đến tuổi trưởng thành, phải kéo một cái xe muối đi lên núi Thái-hàng. Móng nó thì bai ra, đầu gối nó thì khuỵu lại. Đuôi nó thì quặp vào, da nó thì thối nát ra. Dớt-dãi và mồ-hôi rỏ xuống ướt át cả đất. Thế mà cái ván hòm xe nó cứ lúng-liếng vướng bụi gai không kéo đi lên được. Chợt có ông Bá-Nhạc đi đến. Ông bèn xuống xe đắt con ngựa ký ấy đi lên mà khóc. Ông lại cởi áo gai ra mà chuồn lên lưng cho con ngựa ký ấy. Con ngựa ký ấy bèn cúi đầu xuống mà hít rồi lại ngẩng mặt lên mà rít. Tiếng nó rít vang lên tận trời bằng nhường chuyển động cả loài kim loài thạch. Thế là con ngựa ký ấy nó thấy ông Bá-Nhạc là người tri kỷ của nó, nên nó rít lên như vậy đó.

Nay tôi bất-tài, bị khốn ách ở chốn thôn-quê, hang cùng ngõ hẹp, nhơ-bẩn tục-tần đã lâu ngày rồi. Ngài lại không có lòng chửi nhơ phẩy bụi đi cho tôi, cho tôi được vì ngài rít lên một tiếng thật to dư?

SỬ-TẬT 史疾 LUẬN VỀ SỰ CHÍNH CÓ THỂ TRỊ NƯỚC ĐƯỢC.

Sử-Tật vì nước Hàn đi sứ sang nước Sở.

Vua Sở hỏi: «Ông theo học thuật nào?»

Sử-Tật thưa : « Tôi theo học-thuyết của Liệt-tử Ngự-khấu.»

Vua lại hỏi: «Học-thuyết ấy qui sự gì?»

Sử-Tật thưa : « Qui sự chính.»

Vua lại hỏi : « Sự chính có thể cai-trị nước được ư ?»

Sử-Tật thưa : « Được chứ.»

Vua lại hỏi : « Nước Sở tôi nhiều trộm cướp lắm, có thể lấy sự chính mà ngăn-ngừa được không ?»

Sử-Tật thưa: « Được chứ. »

Vua lại hỏi: « Lấy sự chính ngăn-ngừa trộm cướp thì làm thế nào? »

Bấy giờ chợt có con choẹt đến đậu ở trên nóc nhà.

Sử-Tật hỏi: « Thưa ngài người Sở gọi con này là con gì? »

Vua nói: « Gọi là con choẹt. »

— Có thể gọi là con quạ được không? »

— Không được.

— Thế thì bên nước ngài đây nào là quan Trụ-quốc, quan Lệnh-doãn, nào là quan Tư-mã, quan Điền-lệnh. Lúc đặt ra các quan-lại như thế, ai không chắc là những chức ấy đều liêm-khiết và được việc cả. Thế mà bây giờ trộm cướp hoành-hành mà họ không ngăn-cấm gì được. Thế là choẹt chẳng phải choẹt mà quạ chẳng phải quạ đó.

Đ.-N.

CẢNH-VẬT HÀ-TIÊN

IV

18. — Trường học

Thuở tôi mới lên tám, thầy tôi bảo tôi đi học. Mới dẫn tôi đến xin vào học ở trường.

Làm người ở đời ai đã có ăn học chút ít tất phải đem lòng yêu-mến các nhà trường của mình. Ai ai cũng có chút cảm-tình riêng về chốn ra vào ăn học khi trước. Trường tôi không phải lầu-đài gì tráng-lệ cho lắm mà là hai tòa nhà giản-dị, một tòa nhà ngói, một tòa nhà tranh. Nhà ngói ba gian vừa không rộng không hẹp. Khi mới cất, định làm sở thương-chính, rồi định làm sở kho bạc; au định làm một cái trường tạm, và có sửa-sang thêm nhiều.

Trường học cất ở giữa một sở đất rộng-rãi độ vài mươi sào. Mặt tiền ngó về hướng đông, trước cửa ngõ có đường Hàng-dương, nhành cao tán rợp, phủ mát cả đường.

Muốn biết vuông đất này là chỗ gì, thì trước khi vô đã trông thấy bảng đề trên cửa. Cửa mở luôn luôn, ra vào bất-cấm, không hạn giờ chơi hay giờ học.

Cả khu đất có trồng keo, trồng me nước dài theo ranh để làm rào. Mé trong lại có phụ thêm vài đường dây kẽm có đóng chông. Trước trường có sân rộng, giữa có cây gáo thật to trồng cả 6, 7 mươi năm, tàn cao lá biếc, hoa-quả chen lẫn nhau. Các cuộc biến đổi từ hồi Pháp-Việt tranh-hùng, có lẽ cội cây này cũng ghi nhớ tất cả.

Hoa không thơm mà đẹp, quả không độc lại ngon. Thường đến giờ chơi hay trước giờ học, các cậu bé hay lân-la dưới gốc đua lượm trái chín. Mùa hè nóng nực, học trò cũng quanh-quẩn nơi đó chơi, đánh bong đánh đáo theo mùa, cười ó vang rầm nhỏn-nhơ vui thú.

Bên hữu (mé cửa bước vô) có cái nhà tranh không vách, chia làm hai gian rộng. Đó là cái trại cất trai-dân tháng bảy, mà hiện bấy giờ là lớp tôi đang học. Nhà này chẳng những dột-rách mà cột lại ngả xiêu ngang-ngửa, trông dễ sợ lạ thường.

Gặp khi dông gió, thầy trò phải lo kiếm chỗ đục nhờ phòng việc bất-tường. Nhưng dông cũng dông, mà tránh cũng cứ lo tránh chớ chưa hề nghe nói sập đổ bao giờ.

Cái nhà ấy còn, thì còn dạy mãi; ít lâu dột quá nên đành phải vỡ đi. Hai tòa nhà cộng cả gần mươi lớp, vừa nam vừa nữ hơn vài trăm học-trò.

Cũng là một lúc rủi thiếu thầy, nên tôi chưa được học với thầy mà phải học nhờ với mấy bạn lớp trên.

Bên hữu đất trống dư nhiều cỏ xanh tươi-tốt. Mỗi buổi chiều, học trò ra đó cùng tập-luyện thể-thao.

Nói về việc học, có điều này tôi lấy làm lạ-lùng chua xót, vì gọi là trường Pháp-Việt nhưng giờ Pháp-văn nhiều hơn giờ, học Việt-văn kể mấy mươi lần. Lẽ thì nên chia đôi ngày giờ, cho giờ dạy Việt-văn ít ra cũng được bằng giờ dạy Pháp-văn vậy. Nhà trường dạy Việt-văn ít quá, chúng tôi sẽ không nói tiếng Việt-Nam được sõi và lấy làm tủi-nhục quá.

« Làm người mà không biết nói sõi một thứ tiếng gì, kể ngay từ tiếng tổ-quốc của mình, thì không gì cực bằng, mà con người ấy cũng không ra giống gì ».

Nhà trường này kém thua các tỉnh khác, vì nghèo nên phải xấu. Nhưng các bạn cố công chăm học, vào các trường trên cũng đã học khá và cũng đã nên sự-nghiệp vẻ-vang.

Và tôi dầy dầu xa cách thế nào đi nữa, gặp cảnh tốt-đẹp hơn nay, cũng không phụ-bạc được cái cảnh này. Thường tôi hay tưởng nhớ cái cảnh ấy, mà mỗi lần tưởng-tượng ra, lại nhớ luôn cái điều sướng-khổ buổi thiếu-thời.

Ngày trước, vào năm 1912, nhà trường chỉ có hai lớp, ông Trần Minh-Đạo đưa đường cho học-sinh lên học tận trường Gia-định, để về sau có thể thi vào các trường trung-học.

Ông Lư Sanh-Nho vì cần-lao việc giáo-dục, vì tận-tâm về nghĩa-vụ mà phải bệnh nặng suýt nữa đã nguy.

Quan đốc-học Nguyễn Văn-Tình, ông Huỳnh Thoại-Bàng dạy được lâu năm hơn nhất. Quan đốc-học Nguyễn dạy được mười-lăm năm có lẽ. Ông giáo Huỳnh dạy gần ba mươi năm, chuyên về hai khoa Hán-văn và luân-lý. Hai ông là người thừa-hành của chính-phủ, bảo sao mà chẳng phải làm cho thật đúng theo đó. Tuy vậy, đối với việc dạy quốc-văn, đối với tiền-đồ dân ta, có lẽ hai ông cũng không phải là người lãnh-đạm.

Các nam-nữ học-sinh cảm-đội ân-đức cao-dày, đã đem tràng hoa, câu đối và thi-văn kính tặng hai ông như sau. Hai câu đối đều khắc vào bảng đồng để tỏ lòng không dời đổi được.

I. — Tặng ông Huỳnh Thoại-Bàng, người làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên, năm 1927 (Bảo-đại đinh-mão niên):

1° Câu đối:

Bảo-tồn nho-học nền xưa, non
Thạch dựng cao nêu đạo-đức;
Giáo-dục quốc-văn lối mới, Hồ-đông
khơi rộng mạch từ-chương.

2. Hát nói:

Rằng ân giáo-hóa dồi-dào,
Tấm lòng báo đáp biết sao cho vừa.
Bảo-tồn nho-học nền xưa,
Hoa-chào Đàn-hạnh, hương đưa Phương-thành.
Nhân sinh ư tam sự chi như nhất,
Đạo thờ cha chi khác đạo thờ thầy.
Đức cù-lao sinh-dưỡng ân dày,
Có giáo-dục sẽ nên người tri-thức.
Non Thạch dựng cao nêu đạo-đức,
Hồ Đông khơi rộng mạch từ-chương.
Nếp nho-phong nền Hán-học Đông-phương,
Gương luân-lý cang-thường tỏ-rõ.
Ba xuân sáng dễ đền bồi tấc cỏ,
Lượng trên xin cũng dủ lòng thương.
Cảm vì chút nghĩa cù-càng

II. — Tặng quan Đốc-học Nguyễn Văn-Tình, người làng Gò-dầu-hạ, tỉnh Tây-ninh, năm 1927:

1. Câu đối

Đất Hà ân giáo-hóa dồi-dào, mưa móc tưới ra đã khắp ;
Đàn Hạnh cỗi ngây-thơ vun quén, quả hoa càng được thêm tươi.

2. Thi-văn

Này đất Hà-tiên có cảnh vườn,
Cảnh vườn phong-cảnh thật u-nhàn.
Cỏ cây hoa lá chiều thanh-thú,
Trong ngoài bốn mặt đều trang-hoàng.

Vườn trồng đủ mọi thứ hoa-thảo,
Hồng tía xanh vàng khắp một vùng.
Thứ đẹp ở bông thứ ở lá,
Thứ vì xuân-hạ, thứ thu-đông.

Dòng ngang luống dọc từng-từng lớp,
Sắc đẹp hương thơm đủ mọi chiều.
Thứ thì rực-rỡ thứ đằm-thắm,
Thứ trông hùng-dũng thứ yêu-kiều.

Vườn có trồng sen có trồng trúc,
Có cả phù-dung lẫn mẫu-đơn.
Vườn trồng tùng-bá trồng đào-lý,
Lại trồng thược-dược, trồng mai-lan.

Vườn hoa cảnh-tượng được tươi tốt,
Tưới nước vun phân nhờ có người.
Chẳng ngại sớm trưa công khó-nhọc,
Sửa-sang săn-sóc khắp trong ngoài.

Cốt-cách tinh-thần tươi-tỉnh nét,
Thu-cúc xuân-lan vẻ mặn-mà.
Mấy khóm hoa hồng cành trúc biếc,
Dịu dàng sinh-sắn biết bao là.

Cây cảnh vườn nay đã cao mát,
Cán rợp cành la khắp bốn bề.
Gió bấc mưa dầm trời nắng hạ,
Đã nhiều tuyết chỏ cùng sương che.

Cảnh vườn xuân kia cảnh trường học,
Hoa cỏ này là bọn trẻ thơ.
Tưới nước vun phân người giáo-hóa,
Đằm-thắm dồi-dào ân móc-mưa.

Mùa xuân nở hoa, thu kết-quả,
Vườn xuân tri-thức càng thêm xuân.
Trông ra cảnh sắc trái bông ấy,
Cám ơn tô-điểm nghìn muôn lần.

Hái hoa đưa tặng người vun-tưới,
Hương hoa sực nức vị văn-chương.
Ba xuân tắc cỏ tình sư-đệ,
Một hội trăm năm nghĩa Hạnh-đàn.

19. Nhà thân-phụ tôi

Nhà thân phụ tôi mái tranh vách đất. Nhà không có vẻ lịch-sự lắm, nhưng có vẻ nghiêm - trang tĩnh-mịch. Nhà cất trên một miếng đất rộng vài mẫu, vừa gần Xóm-rẫy, vừa gần đường Lệnh-Mạc-Cửu.

Nhà phân làm năm gian. Giữa là nhà khách và giường thờ tổ-tiên, bên trái là phòng nghỉ để riêng cho khách, bên mặt là phòng văn, khoảng trống để tủ kính với một bộ ván gỗ.

Gian giữa, trước bàn thờ có để bàn ghế, trên bàn có một bình hoa nhỏ cắm mấy cành hoa sen hoa mai xinh-xinh. Phía trong là phòng ngủ phòng ăn.

Các đồ-đạc trong nhà toàn là bằng gỗ cả. Cách chưng-dọn đơn-giản trật-tự, không phải trang - hoàng rực - rỡ chi. Trong nhà có nhiều cửa nên lúc nào cũng được thoáng khí và mát-mẻ dễ chịu.

Phòng văn của tôi vừa rộng-rãi vừa quảng-khoát, cửa sổ cũng nhiều. Bốn bề dừng vách lá buôn, mỗi bề được cả 6, 7 thước. Giờ tôi đang đọc sách thì chẳng có ai đi vào.

Giữa phòng đặt một cái bàn lớn day mặt ra cửa sổ phía nam cho mát - mẻ. Bàn này để làm bàn viết, trên bàn bút nghiên giấy tập đủ cả mọi món cần dùng về việc học. Gần bên bàn viết ấy để một tủ kính, trong có vài bộ đèn nến và nhiều thơ sách Đông - Tây.

Bên cạnh tủ có một cái bàn nhỏ đặt trước cửa sổ ngó mặt ra vườn trên bàn có để bình hoa tươi tốt. Trông lên có bức địa-đồ tỉnh Hà-tiên, địa-đồ nước Việt-Nam Trung Nam Bắc ba kỳ ; lại có bức tranh vẽ cảnh tiêu-dương trên Đông-hồ. Đối với bức tranh ấy, bên kia tường có một bức vẽ cảnh sáng trăng trên ao sen, ao ở trước Trung-nghĩa-từ.

Kế đó thì có tranh-ảnh các bậc danh-nhân trong nước đời nay cùng là các bậc danh-nhân trong quốc-sử đời trước. Người xưa vào hạng xuất-sắc như Trưng-nữ-vương, Lê Thái-tổ, Phạm Sư-Mạnh, Chu Văn-An ; ngoài ra còn nhiều không kể xiết.

Đối với bàn đọc sách, bên kia thì có cái ghế mây dài, để khi nào đọc sách mệt mỏi thì nằm nghỉ. Gặp đêm trăng tỏ trời thanh thì mở cửa hóng gió xem hoa cho giải-trí.

Hai bên bàn đọc sách là tấm biển khắc mấy câu cách-ngôn của thánh-hiền để lại, nói về cái tư-cách và cái chí-thú của kẻ học trò, như câu :

— Cắn chặt răng để chịu thiệt, đứng vững gót để làm người ;

hay là câu :

— Có học-vấn mà không có đạo-đức là người ác, có đạo-đức mà không có học-vấn là người quê.

Trước nhà có sân rộng, mặt đất phẳng-phiu, có trồng đủ các thứ nhàn-hoa dã-thảo, ngoài vườn có các thứ cây trăm thước cành lá um-tùm.

Bên tay hữu là trại để xe bò cuốc thuồng, là vườn trầu, vườn mía là sân tập võ, là giàn trồng dây nho rừng, và một cái hồ dài rộng, để tập lội bơi.

Gần bên lại có một hồ nữa. Lá sen, cành bèo chen nhau, che phủ cả mặt nước và che phủ cả các bầy rồng cá, cần câu Lã Vọng biết tìm vào đâu. Thỉnh-thoảng, có điểm một vài cái hoa trắng trắng hồng hồng với mấy đám rau muống xanh xanh.

Quanh vườn, có hàng rào tre tầm-vông, có hàng rào xương-rồng, chỉ chừa lại một cái cửa ra vào.

Quanh nhà có trồng hoa thơm cỏ đẹp như trên đã nói, sở-dĩ phải có cỏ hoa như thế, chẳng phải là cuộc chơi vô-ích mà là cuộc chơi cao-thượng, có thể nuôi tâm-hồn người trần-thế được cao-siêu rộng-rãi hơn thêm.

20. — Đông-hồ và sông Hà-tiên

Đông-hồ ở gần thành-phố Hà-tiên. Ai đi đến Đông-hồ cũng đều cho cảnh ấy là đẹp.

Đông-hồ là một cảnh thiên-nhiên của tạo-hóa nung-đúc điểm-tô « rõ mồn-một như một bức tranh tuyệt đẹp, mà màu sơn nét bút tươi sáng biết dường nào. »

Đông-hồ không phải bể nước con-con, bên này trông rõ bên kia được. Đông-hồ không phải bể nước ở giữa đồng bằng vườn dâu ruộng lúa bao quanh, không vẻ chi hùng-dũng. Đông-hồ cũng không phải vũng nước hôi-tanh, cả mấy nghìn năm không thông-thương nơi nào được.

Đông-hồ không phải thế. Ba bề có bốn năm trái núi xanh rờn, lại có mấy đường nước nhỏ hẹp mà sâu xa tản đi các nơi, và có hai ngả sông, ngả đi ra biển, ngả đi Giang-thành.

Ghe buôn, tàu thủy qua lại dập-dều, có thuyền con con ngư-ông đánh lưới.

Bắt trên sông Giang-thành đi xuống vàm, thì trước nhất trông thấy mấy đống đất đồ theo mé cừ hai bên lạch, cây bần mọc xanh như rừng, và hai bên cừ đã thành như mấy cái cù-lao nho nhỏ ; chiều lại chim cò về ngủ tại đây. Khỏi mấy cù-lao là đến giữa hồ.

Bề dài chạy theo hướng nam bắc, đầu dưới chếch về mé tây một chút, mặt nước choáng cả mấy nghìn mẫu. Bờ bên này dòm bên kia mù-mù, dăng cây thâm-thấp. Mấy khi mưa lớn, sa mù, hay là ngày đốt cỏ năng ngoài đồng lối tháng ba tháng tư, thì không trông thấy chi cả.

Vào giữa hồ, mấy khi nước lớn, gió lớn, có sóng ầm-ầm ; nhưng có khi không có sóng gió, mặt nước tự-nhiên êm lặng, có hơi gợn tí nước reo gành. Tư bề lồng-lộng chỉ có cây xanh nước biếc màu mè xinh-sắn biết bao.

Mé tay hữu, có núi Thạch-động, xóm Thị-vạng, núi Ngũ-hổ nhành dương phơ-phất. Mé trước mặt là khúc sông Hà-tiên ra biển, rồi lần về tay trái, là núi Tiểu-Tô-châu, Đại-Tô-châu, xóm Cai mến, rừng tràm xóm củi Rạch-vượt, rừng tràm Trà-tiên.

Vàm Rạch-vượt đi vô xóm củi, có nhiều ghe lớn đang đậu chờ xuồng con lòi chở củi ra cho cả 9,10 ngày. Vàm Thị-vạng có ghe chở vôi đợi nước lớn mới vô xóm Cầu-giữa cho khỏi cạn.

Giữa hồ có chỗ đóng cây từng khóm như chiếc đệm, gọi là cấm chà. Cá vô trong đó, thì bao lưới bắt. Lại có 6,7 cái rớ, cái bắt cá nước lớn, cái chờ cá nước ròng, khiến cho không mất mảu tranh sơn-thủy của nước nhà.

Xóm Tô-châu là xóm nhà sàn, phân nửa cái nhà, phân nửa trên mặt nước. Xóm chạy quanh chân núi rất xa. Dài theo xóm, có nhiều ghe lưới, rượng lưới, có nhiều nhà lúp-xúp tận trong chân núi hay nửa triền núi, lại có mấy hàng dừa tha-thướt theo ngọn gió chiều.

Rượng đáy có chim nhạn, cò, diệc hay là chàng-nghịch, chàng-bè đang đứng chờ mồi.

Tiểu-Tô-châu nằm ngang theo bậc sông; ở sau là Đại-Tô-châu chạy theo hướng nam-bắc, núi dài, triền gần đứng sững như bờ tường. Tiểu-Tô-châu trông như hai con rùa nằm đầu mỏ. Trời chiều, mưa mới tạnh, núi dọa bóng dưới nước tối đen.

Tháng một, tháng chạp, nước ròng, cảnh hồ đẹp lắm.

Mỗi khi trời động, trong hồ sóng gió càng thêm dữ-dội, xuồng con không dám đi ra. Có lắm khi giọt nước dòng chảy quá mạnh, ghe vôi ghe củi gần chìm, còn chiếc đò ngang thì trôi gần ra biển.

« Đẹp nhất là trời về mặt tây, bóng dương đã xế, mây vàng vần-vơ ». Trông ra mặt hồ, thấy quang-cảnh đã đẹp lại vui, đã vui lại cảm, xa xa có chiếc tàu thủy từ từ vô bến, thỉnh-thoảng lại rúc còi làm rộn cho hành-khách dưới tàu.

Màu sắc càng xem càng đẹp, càng ngắm càng hay.

Cảnh hoàng-hôn ở đây chưa kém cảnh nào: tiều-phu về nhà, ngư-ông gác mái, trống chùa ai đánh thì-thùng.

Tháng hai, tháng ba, miền Trà-tiên, Phú-mỹ đốt đồng cho chết cỏ năng đặng làm ruộng. Xa xa có khóm lửa đỏ hồng-hồng, khói lên trắng-trắng. Mấy khi đốt đồng bắt được qui rùa thật nhiều. Lửa cháy cả đêm ngày.

Nhằm lúc trăng mới lên, ta đã thấy vàng gieo ngấn nước. Trăng đã lên cao soi sáng tỏ rạng, khắp cả hồ cũng như một mảnh gương của tạo-hóa đem để đó vậy. Có khi mây đen che cả mặt trăng, mặt nước cũng đen, thình-lình hé 1,2 chỗ, trăng vọi xuống như đèn vọi của chiến-thuyền giữa đêm tăm-tối.

Tiết Trung-thu, nào xuồng nào ghe ngồn-ngang trên mặt nước. Trên trại rớ nào thi-nhân mặc-khách du-thưởng thanh-nhàn. Biết đâu chẳng có kẻ trông trăng mà nhớ cái khổ-cảnh vong-quốc, có kẻ nhìn nước mà sợ cái thảm-trạng tiêu-hồn, lòng mình chỉ có cổ-nhân chứng biết.

Văng-vẳng lại nghe câu ngâm câu hát đưa vào bờ, có lẽ cũng vui-thú như tiếng « chuông chùa Hàn-sơn » vậy.

— Một hồ rờ-rỡ tiết thu-quang,
Giữa có vầng trăng nổi rỡ ràng,...
— Đưa em cho tới Đông-hồ,
Anh mua trái mít, em bồ trái thơm.

Thế mới hay cái cảnh hồ Đông, cái thú trăng thanh gió mát khiến cho người khách phải sinh mến sinh cảm biết dường nào.

Từ Đông-hồ ra gần biển, lại còn nhiều rớ nữa. Mấy thứ cá thường bắt là cá mai, cá cơm, tôm tép.

Hai bờ sông đều có nhà.

Mé sông bên tả có bến đò, có xóm bên sông, lại có cây mọc nhiều vì còn là rừng sát.

Bên hữu toàn là nhà ngói, có cái khít, có cái lại rời, tùy theo ranh đất. Có chợ buôn bán tấp-nập, có bến xe hơi, có đường quan-lộ.

Bên hữu, chỉ huốt chợ một chút thì thấy đường Hàng-dương đi thẳng đến tòa bố. Gần đường có cái cầu sở thương-chánh.

Ở chợ muốn qua bên sông, tất phải đi đò. Đò chèo một người tốn hai xu; đò xe hơi năm sáu người kéo, vừa xe vừa người đều khỏi tốn tiền.

Tháng nước đỏ, tháng 8, tháng 9, có lục-bình trôi xuống nhồi theo lượng sóng. Qua mùa bắc, bọt nước trôi mấy đường dài, không khác ở Cửu-long-giang.

Qua khỏi chợ, gặp nhiều cồn xấp theo mặt nước. Cồn Pháo-đài, người trong làng thường đến bắt cà-xiều, đập hào, cào nghêu, lặng vòm, bắt sò cũng là lượm chem-chép.

Ở bến chợ, có ghe đậu nhiều, ghe khoai, ghe bắp, ghe mía, ghe gạo. Mà ghe vôi, ghe củi là nhiều hơn hết.

Gần tết, thì ghe các tỉnh vô chở dưa hấu và rau cải. Ở cầu thương-chánh, có ghe bầu chở nước mắm hòn, ghe bầu chở cây vàng Phú-quốc. Có ghe Xiêm, tàu Hải - nam chở heo, cà-phê, dầu lửa, cùng các thứ ngoại-hóa.

Tàu Hải - nam thì hạ buồm xuống hết, chỉ có cột trơ-trọi như ghe chài, còn ghe bầu thì buồm cuốn lại và treo xiên-xiên đòng đưa theo cột.

Tàu Hải-nam khác hơn ghe chài mà lại lớn hơn thập-bội. Cách chèo tam-bản lại khác hơn nữa. Ghe tam-bản dùng cây chèo rất lớn để ngay tấm bổ phía sau, mà cả 6,7 người chèo, tam-bản đi rất chóng. Chiều chiều, họ đi tát nước quanh tàu, cho ướt mấy đường trét chai. Mỗi chiếc tàu chở 9, 10 nghìn tạ.

Về buổi trưa, các xuồng nhỏ ra bến chợ hay lên Đông - hồ chài tôm. Có ghe hai người ngồi, một người chèo, một người vãi chài. Có người lại chài bộ, đi bộ dọc theo mé sông chớ không đi ghe, họ vãi mồi cho cá ăn trước rồi mới chài sau.

Tối lại ghe nào ghé nấy phải thắp đèn treo trên cột buồm, xa xa thấy ngọn đèn cũng hiểu được là ghe đậu.

Nhằm mùa có sam, về tháng bảy tháng tám, nhiều người thắp đèn chài đi từ Pháo-đài dẫn tới Đông - hồ để, đem đi bán hay là trộn gỏi uống rượu

Đông - hồ nối liền với Vàm-hàng vàm sông Giang-thành; nơi ấy có dinh Cậu, tàu ghe qua lại rất cung-kính. Từ đó trở lên và tại bãi-Bùn, cá sấu rất nhiều. Chỗ vàm sông, có bỏ đá hàng lại, thuở có giặc Xiêm, nên chỗ ấy gọi là trên Hàng.

Cảnh Đông-hồ tốt đẹp; nhằm lúc trăng trong gió mát, tôi cùng các ông bạn ra bến Đông-hồ xem trăng hay là bơi chiếc thuyền con đùng-đỉnh giữa dòng cũng đủ vui thú mà tiêu-sầu thoát-khổ được.

21 — Cảnh Pháo-đài (1)

Ở Hà-tiên, có nhiều cảnh đẹp, nhưng tôi chỉ thích cảnh Pháo-đài hơn cả. Vì ở đó, trên có núi, dưới có biển, gồm cả màu trời sắc nước. Lại thêm có một ngọn gió nồm-nam mát-mẻ vô-cùng, êm-ái vô-cùng. «khiến cho người nóng-nảy thì mát-mẻ tấm lòng, người ngơ-ngẩn thì tỉnh-tươi giấc mộng». Bởi vậy mỗi buổi chiều, tôi thường cùng các chị em đến đó giải nồng và ngắm cảnh.

Trên chót núi, có cái nhà mát, đứng trên ấy ngó về phía thành-phố thì chỉ thấy lô-nhô mấy cái nóc nhà đỏ-đỏ mà thôi. Lúc trời xế tà-tà thì bóng vàng bảng-lảng, tha-thướt chiếu xuống

(1) N. - P. 118 — Tuyết-Mai nữ-sĩ.

mặt nước xanh-xanh, lấp-la lấp-lánh như một tấm gương to.

Ngoài mặt biển thì lô - nhô những làn sóng bạc phơ dầu, lớp nọ đuổi lớp kia chạy đến tận bên gành đánh ầm lên, bọt nước bắn tóe ra trắng sóa, như buông ra muôn ngàn hạt ngọc Kim-cương. Ngoài xa có vài bốn chiếc thuyền câu thấp-thoáng, cánh buồm trắng-trắng phất-phơ in vào bức da trời hung-hung đỏ.

Trông về phía đông-nam thì sừng-sực ngọn núi Tô-châu. Dưới chân núi lác-đác mấy xóm nhà lá nhà tranh cao cẳng ở dài theo mé nước nhấp-nhô trong bóng được dạng bần

Thiệt là một bức tranh sơn-thủy tuyệt đẹp của hóa-công đáng nên thơ nên mộng biết bao nhiêu.

Vậy những khi nhàn-hạ, ta cũng nên đến đó mà tần-ngần lặng ngắm, mà

Bốn bề bát-ngát xa trông,

để ghi lấy cảm-tình cùng non nước.

22 — Ao sen

Ao sen là một ao nước trước Trung-nghĩa-từ, sen mọc rất nhiều. Ao hình bán-nguyệt, chừng 200 thước bề quanh. Ao vừa sâu vừa lớn. Ông Mạc-Cửu đào ra để nuôi cá thả sen và để giữ cho đủ thế non thế nước gần ngôi mộ vậy. Cách ao chừng mươi thước là đền thờ ngài.

Bề sâu chừng 5, 6 thước, bề rộng hơn một tòa nhà. Chung quanh có hàng rào cây nẹp tre đi vòng theo. Phía nam có chừa hai khoảng, mỗi bên có nấc thang đá. Ngoài lại có tường đá xây cao lên 5 tấc, đặng chặn nước dơ trên đường chảy xuống.

Trước ao, ngay cửa ngõ Trung-nghĩa-từ có trồng hai cây điệp, bóng mát sum-sê, tàn cao tán rợp. Dựa bên tường đá có tấm bảng cây viết lời rao, cấm những kẻ phong-cùi không được xuống ao. Lời cấm rất chính-đáng, không ai dám cãi. Còn những xe bò đổ nước phải để cách xa năm thước.

Ở đời con người không gạo không cơm còn chịu nổi, chứ không nước thì phải chết. Ao này chín, mười năm cạn một lần, như năm 1916 đã cạn, phải vét lại, năm 1926 lại cạn nữa. Nước ít thì thiên-hạ dùng nước giếng chùa Ông, giếng cai Quít, giếng Tượng, giếng cai Mến. Giếng cai Quít ở bờ đồn nhỏ, giếng cai Mến ở gần Rạch-vượt. Tên Quít và tên Mến là tên tục hai người cai trong cơ lính, khi trước cất nhà ở gần giếng vậy.

Giếng chùa Ông và giếng cai Mến có nhiều chất vôi, nước đục - đục, nấu cháo rất ngon

Nước cạn, sen chết rụi. Nhưng có mưa thì mứt lên tươi tốt như xưa, vì củ sen ăn luồng dưới đất rất sâu.

Kề bậc ao, vài cộng cỏ mọc xơ-rơ và xương rồng thấp-thấp chờ chẳng có vật chi lạ. Gần bậc thang có đặt vòi rồng quáy nước, mà nay đã hư rồi.

Mỗi năm bắt đầu từ tháng giêng đến tháng chạp, lúc nào cũng có người đến xe, đến gánh về dùng. Nhưng từ tháng tư tháng năm đến tháng chín, tháng mười ít có người xe người gánh. Lại bắt từ tháng mười tháng mười một sắp dần đến tháng ba tháng tư, người xe kẻ gánh tấp-nập.

Người gánh thì chỉ có gánh về nhà dùng chứ không phải gánh đổi gánh mướn gì. Nhất-nhất mấy người đàn-bà chiều chiều hay hợp ba, hợp bảy để đi gánh nước. Gánh thì dùng thùng thiếc, người gánh giỏng, người gánh dây. Múc nước thì đi tận nấc thang dưới thấp, không cần phải đem gáo nhỏ.

Nước cạn, mỗi lần đem nước lên một đôi mệt đuối, người không quen xách lên không nổi. Gánh nước, đàn-bà thì hay dùng đòn gánh dịu vặt, còn đàn ông thì đòn gánh tre.

Xe nước rất nhiều là lúc gần tết, ai nấy cũng muốn chứa nước để dùng, mấy cái quán cà-phê, quán cơm cháo dùng nhiều hơn hết.

Gánh nước thì tảng sáng hay là từ xế chiều cho tới mặt trời lặn. Có trăng thì đầu hôm cũng gánh. Xe nước đi một ngày 2 buổi, như thầy thợ.

Xe nước đôi bò kéo. Xe đóng bề dài được một thước rưỡi, bề ngang chín tấc để vừa được ba thùng thiếc. Phía trước xe, để thùng cà-na, thùng đựng rượu vang, đựng được 13 thùng thiếc, sau để chín cái nữa là hai mươi hai thùng. Hai thùng lẻ để bù thêm mấy thùng đã đổ bớt khi xe dằng.

Có người dùng thùng vuông thì tiện hơn, vì đựng được nhiều nước và chỉ thêm 3, 4 thùng thiếc nữa mà thôi.

Dưới thùng xe có lót bao bố cho êm; trên mặt thùng tủ một ôm tàu chuối khô, mỗi bữa mỗi thay lớp mới.

Nhà nước dùng xe có thùng sắt tròn chứa hơn hai chục đôi, nước này đem phân-phát cho qui-quan và quí ông tổng-sự các công-sở, « ân-huệ biết bao ».

Tháng mưa, đổi hai cắc một xe, tháng hạn tăng thêm 5 chiêm, còn gần tết thì đến 3 cắc.

Mấy chủ xe muối là mấy người đổi nước cứ kêu một người ấy xe mãi. Gần tết, ai cũng lo chứa nước cho nhiều, nên xe nước đắt lắm. Lối ba, bốn giờ khuya đã rầng rầng những tiếng khua thùng và tiếng nói cười của mấy người làm việc. Vào tháng tư tháng năm, gặp khi muỗi mòng nhiều, thì trên ách có treo cái thùng thiếc un khói lên đen nghịt. Đến mười một giờ trưa mới nghỉ để thả bò cho ăn.

Đem xe đến ao, thì quày xe lại sẵn-sàng, cần xe thì có một cây to để chống lên cho khỏi nặng cổ bò. Xe bò thường làm bằng cây, vành sắt, căm to, để đi đường đá mới được bền. Phải nhét nút lù cho chặt cho khỏi hao nước. Lù thùng làm bằng ống đồng, nút cây quấn vải. Trên thùng có cái tiểu-lạo thiếc để đổ nước vào thùng. Có sắm tấm ván nhỏ, lót dưới đất, một thùng đầy thì nhắc để trên đó; đợi đầy một thùng thứ nhì, thì xách cả hai thùng vào nhà.

Mỗi một cái xe có hai người để xách cho lẹ; mấy người ấy xách nước xem ra nhẹ-nhàng lắm. Mỗi người hai tay hai thùng thiếc, xách chạy lên chạy xuống nấc thang như mình đi không, xách đến xe thì nhảy lên rót vào thùng. Làm như vậy mỗi người có năm đôi không đầy tàn điếu thuốc thì đã đầy xe. Một ngày xe ít nữa cũng mười chuyến. Xe nước rất nhiều, thường chừng bảy tám cỗ xe bò để chở nước đổi, nhưng còn không kịp cho chủ mối nước.

Xe nước muốn xe giờ nào tự-ý không ai ngăn-cản. Vì xe nước, gánh nước thường quá, nên phía ngoài đường đổ nước bầy lầy.

Người ở xa đến uống nước ao sen không bao giờ nghe nói chanh nước.

Nước ao trong lóng-lánh như gương, là về buổi sáng. Khi đó mặt trời, thì đã có thiên-hạ đến gánh hoài hoài nên nước bớt trong.

Tháng tư tháng năm là mùa mưa cầm chừng, trong ao đầy ngập khỏi cả mấy nấc thang, nhưng cũng có nhiều người đến gánh.

Trong ao, có nhiều mạch tủa rất lớn, nhờ vậy nước mới có thường. Mùa mưa, thì biết bao nhiêu đóa hoa sen xinh-sắn đỏ hồng lẫn-lộn nhiều khóm hoa xanh, lá sen nằm trải trên mặt nước trong, dường như muốn khoe cái sắc tươi xanh đẹp-đẽ.

Lá nào gần nấc thang, thì sao mấy chị gánh nước cũng quơ đòn gánh mà hái cho được, rồi bỏ vào thùng cho nước khỏi dọng ra ngoài. Khi hái hoa phải dùng xuồng con đi hái.

Nước lóng-lánh như gương, mùa nực thì mát, mùa lạnh thì ấm. Nước lại đủ cả mọi sắc, chỗ thì xanh như mây, chỗ thì trắng như ngọc, chỗ thì đỏ như son, tùy theo lá sen xanh hay cánh hoa đỏ dọi vào.

Muốn gọi hoa sen hay gương sen, thì các trẻ đó quanh đó quẩn: cần câu trúc, tam thập lục, tứ ngũ da, bè con lớn nhỏ một nhà, buồng ai nấy ở, là gương sen; hoa chi chi nằm trên mặt nước, hoa chi chi nở trước sân chầu, là hoa tai bèo hay là hoa sen vậy.

Rất tốt trong đời một giống sen,
Sánh vai tây-tử thế thường khen;
Ý nhờ nguyệt trắng giồi thêm trắng,
Tuy ở bùn đen nhuộm chẳng đen.

Nước trong leo - lẻo, cá lội ngắc-ngư. Mấy cánh hoa màu hồng phải gió trôi trên mặt nước trông lại càng đẹp lắm nữa:

Cánh thắm gió trôi làn nước biếc.

Mỗi lần cá đớp mặt hồ hay là mưa đổ xuống, nước đọng trên lá sen trông như muôn nghìn hạt ngọc:

Tàn xanh mưa điểm ngọc châu in.

Cảnh Ao-sen đẹp nhất là về mùa hạ, sen nở đầy ao, hương thơm ngào-ngạt.

Đêm trăng tỏ trời thanh, mặt nước yên lặng, trên mây lơ-lửng chị Hằng, dưới nước thảnh-thơi chàng Cuội.

Mùa hạ, trời nóng nhưng có mưa phùn.

Sang thu hoa đã tàn, chỉ còn mấy cánh hoa sen nở muộn, cánh đã rã chỉ còn trơ-trọi mấy gương sen.

Ao sen là nơi vui thú; chiều lại cơm nước đã xong, bóng dương đã xế, thì chị em kéo nhau đi gánh nước lũ-lượt, các cô mặt hoa da phấn cũng chen chân đi gánh, không nệ nhọc-nhằn.

NGUYỄN VĂN-KIỆM *biên-tập*

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

III

II. — Lập-chí

Tâm-thuật đã biện rành rồi, thế thì mình sở dĩ học thành hay là ngụy đã tự tin rồi. Song có người học tiến hoặc không tiến, thành hoặc không thành, là chỉ cốt xét tại cái chí mình nó thống-suất như thế nào, vậy thứ hai thuật đến lập-chí.

— Chí - hướng Chuyên về đạo - lý (*Luận-ngữ*).

— Nếu đã chí-hướng về điều nhân thì không làm sự ác nữa. (*Luận-ngữ*).

— Tâm chẳng bức-tức mong nghĩ cho thông thì không bao giờ khai được cái ý; miệng chẳng ấm-ức muốn nói cho trôi, thì không bao giờ đạt được ra lời. (*Luận-ngữ*).

— Chủ-súy của ba quân khá đánh cướp lấy được, cái chí của kẻ sất-phu thì không thể cướp được. (*Luận-ngữ*).

— Điều nhân vốn là đức tính ở trong tâm mình, có xa gì đâu, ta muốn tìm lấy điều nhân, thì điều nhân ở đó nó đến ngay, (*Luận-ngữ*).

— Kẻ sĩ phải nên khoan-hoằng và cương-nghị, vì rằng trách-nhiệm nặng

(1) Xem N. - P. từ số 151.

mà đường đi xa. Nhận lấy điều nhân làm trách nhiệm mình, chẳng là nặng lắm du, theo đuổi mãi cho đến khi chết mới thôi, chẳng là xa xôi lắm ru! (*Luận ngữ*)

— Kẻ sĩ làm việc gì? Thầy Mạnh nói rằng: « Kẻ sĩ trước phải cao-thượng cái chí-hướng của mình. (*Mạnh-tử*)

— Ôi, chí là ông tướng của Khí, mà khí là tên lính vốn sung-mãn cả ở thân-thể mình. Chí là bậc chí-cực mà thứ hai mới đến khí. Vậy nên phải kính giữ cái chí mình mà khéo nuôi cái khí mình đừng để cho bao-phát. (*Mạnh-tử*)

— Kẻ tự khí, chẳng đủ cùng làm việc gì được. Kẻ ấy bảo rằng như thân mình không hay ở vào điều nhân, noi theo điều nghĩa được, như thế gọi là tự-khí. (*Mạnh-tử*)

— Kẻ kia là kẻ trượng-phu, ta cũng là kẻ trượng-phu, ta có sợ gì kẻ kia! Ông Thuấn là người thế nào, ta là người thế nào, có chí làm ra thì cũng như thế mà thôi! (*Mạnh-tử*)

—Phải đợi đến vua Văn-vương giáo-hóa cho, rồi mới cảm-phát hưng-khởi, là kẻ thường-dân vậy. Còn như kẻ sĩ hào-kiệt, tuy không đợi giáo-hóa của vua Văn, mà cũng hay tự hưng-khởi lên được. (*Mạnh tử*)

— Ở hồ ty-thấp nặng-nề chậm-trễ, thì nên cao-thượng cái chí mình để chống lại. (*Tuân-tử*)

— Kẻ sĩ phải nên khoan-hoằng cương-nghị, vì là trách-nhiệm nặng mà đường thì xa. Gánh nặng thì phải cái người xương sống cứng mới gánh nổi. (Trình Minh-đạo).

— Người nào mà học không tấn-tới, chỉ vì là không có lòng dũng-cảm. (Trình Minh đạo)

— Dương-khí đã cảm-phát đến thì loài vàng đá cũng cảm-động; tinh-thần đã chú-ý đến thì việc gì mà chẳng xong. (Trình Minh-đạo)

— Việc gì hễ nói để đến ngày mai, thì chưa biết đến bao giờ. (Trình Minh-đạo.)

— Kẻ học-giả mà bị phải khí nó thắng, thói quen nó đoạt mất đi, chỉ trách tại cái chí mình mà thôi (Trình Y-Xuyên)

— Chớ nên nói nhường bậc đệ-nhất đẳng cho người khác, mà mình chỉ làm bậc đệ-nhị mà thôi. Nếu nói như thế thời tức là tự-khí. Dẫu cùng với hạng người nói không hay ở về điều nhân noi theo điều nghĩa, có hơi sai đẳng khác nhau, nhưng cũng là một hạng người tự coi nhỏ mình vậy. Vậy nên đã nói học thì phải chí ở đạo, đã nói làm người thì phải chí bằng bậc thánh. (Trình Y-xuyên)

— Người ta cũng có khi mỏi mệt, há phải là không lập-chí đâu? Đáp rằng: Đó là vì khí-thể, gặp khi nhọc thì phải quyền-đại; chớ như chí mình thì khí nào lại quyền-đại được. Người ta chỉ vì khí nó hay thắng được chí, nên mới hay bị phải khí nó sai-khiến; lúc còn nhỏ thì mạnh tợn, đến già thì khiếp-nhược; lúc nhỏ thì liêm, đến già thì hay tham; đó là vì tại khí nó sai khiến cả. Nếu hay để cho chí nó thắng được khí, chí đã nhất-định thì không thể di-dịch được nữa (Trình Y-xuyên).

— Người đi học như trèo lên núi, đương lúc còn đi quanh-co, thì ai cũng bước cố lên được, đến lúc lên chỗ cao vót thì mới chồn chân giật lùi (Trình Y-xuyên).

— Người có chí học thì không kể gì cái khí tốt hay xấu, chỉ cốt xem cái chí thế nào mà thôi. Cái chí kẻ sất-phu còn không thể cướp được, chỉ sợ cái chí kẻ học-giả không hay kiên-dũng mà thôi (Trương Hoành-cừ).

— Ta học phải nên phấn-chấu, phi người nào cường-hữu-lực lắm thì

không hay tự phấn-chấn lên được. (Trương Hoành-cử)

— Người ta trước phải lập-chí, đã lập được chí thì mới có côn-bản ; ví như giồng cây, phải trước cho vững côn-bản đã, rồi sau mới bồi-dưỡng nó lên cái cây to. Nếu không có côn-bản thì bồi-dưỡng lấy cái gì (Tạ Thượng-sái.)

— Đi học thì tất lấy đấng thánh-nhân làm mực ; chí về việc thiên-hạ thì phải lấy sự-nghiệp tể-tướng tự-kỳ ; nếu kém thế thì còn kể làm gì (Tạ Thượng-sái)

— Cái chí mình mà không sai-khiến được cái khí, thì công-phu gián-đoạn (Dương Qui-sơn)

— Sách chẳng nhớ, đọc kỹ đi thì khá nhớ ; nghĩa chẳng tinh, nghĩ kỹ đi thì khá tinh ; chỉ lo rằng chí chẳng lập, thì không còn biết cố sức vào đâu được. Ngay như người bây giờ chỉ biết tham lợi-lộc mà chẳng ham đạo-nghĩa ; chỉ mong làm người sang chớ không cần gì làm người tốt, đó đều là cái bệnh không lập-chí ; phải nên nghĩ đi nghĩ lại xét cho biết đích chỗ bệnh-thống, rồi hăng-hái mà nhảy vượt ra, đừng làm hạng người ấy nữa. Đã nhảy ra được rồi mới biết những lời nói của thánh-hiền thiên-ngôn vạn-ngữ, không điều gì chẳng phải là chân-thực, biết như thế mới hay lập được chí, rồi tích-lũy công-phu theo dần mãi mà làm mới thành-sự (Chu-Hy).

— Đi học dẫu có thứ bậc dần-dần, nhưng khi lập-chí cũng phải biết qua cái qui-mô đại khái về nghĩa-lý, rồi tự trong phương-thốn mình, hình như có cái chí thẹn-thò chột dạ hăng-hái phấn-chấn, rồi sau lại gia thêm cái công xem xét thảo-luận, cái sức tồn-dưỡng tỉnh-sát, mà mong cho có sở-đắc ; chính như Khổng-phu-tử bảo là chí-học, bảo là phát-phẫn là thế vậy (Chu-Hy)

— Phải nên cố-gắng tinh-thần, không nên dần-dộn ; phải như cứu-hỏa, như trị bệnh cấp-cứu, há nên qua loa ngày tháng (Chu-Hy)

— Người ta sở-dĩ hay lưu-chuyển đứng không vững, là vì gót chân không dính đến đất (Chu Hy)

— Đời kém đạo suy, nhân-dục hoành-lưu, không phải người cương-nghị lắm, thì không thể đứng vững chân được (Chu Hy)

— Khổng-phu-tử nói rằng : « Ta mười lăm tuổi đã chí về việc học » Nay trong trăm nghìn người không một người nào có chí, chẳng phải quái-lạ gì, họ còn biết chí cái gì, phải là người có tri-thức rồi sau mới có chí-nguyện (Lục-Tượng sơn)

— Người ta phải cốt có đại-chí, kẻ tầm-thường say đắm ở trong vòng thanh-sắc phú-qui, lương-tâm thiên tính đều che tối đi mất cả, còn biết thế nào là hữu-chí, phải trước có tri-thức thì mới biết được (Lục Tượng-sơn)

— Kẻ học-giả đại-ước chia ra có bốn hạng ; Một là dẫu biết đường học mà tứ-tình túng-dục không chịu làm ; hai là sợ cái việc lớn-lao khó-khăn mà chẳng dám làm ; ba là muốn cầu học mà không biết đường ; bốn là chửa biết đường học mà tự bảo là đã biết rồi (Lục Tượng-sơn)

— Cái kẻ chí về đường thanh sắc lợi-đạt vẫn là hèn-mạt nhỏ-nhen ; song những kẻ mô-phỏng ăn cắp lời văn giọng nói của người mà làm của mình, cũng là một hạng nhỏ nhen. (Lục Tượng-sơn)

— Đại-phàm đi học phải biết tự-thụ-lập Sách *Luận-ngữ* có câu rằng : « Mình muốn tự-lập rồi lại thành-lập cho người. » Người nào hay trác-nhiên tự-lập không bị phải lưu-tục nó chuyển-đi, thế mới là hay tự lập. Phải

biết rằng trời cho mình cái gì, có phải là cái để làm người không? Ai hay lý-hội xét biết được điều ấy rõ ràng thì mới gọi là học-vấn.

— Trên là trời, dưới là đất, người ở khoảng giữa, vậy nên phải thành ra con người mới không uổng

— Làm người phải nên phấn-phát hiên-ngang cố-gắng lên, chớ đừng có cam chịu chôn-vùi chìm-lỉm ở trong chốn hủ-lậu hèn-hạ (Trở lên đều Lục Tượng-sơn)

— Mây tự chôn-vùi, tự che tối, chìm-đắm ở trong hầm hố bẫy cạm, không còn biết những chốn cao-xa là gì. Phải nên phá tung bẫy cạm, giật bỏ chằng lưới đi.

— Cả ngày chỉ chăm chúi bậy-bịu về gà con lợn nái, không có cái ý-chí gì siêu-nhiên. Phải nên lấy dao chém đứt phăng đi, việc gì còn bận-bịu như thế, bận-bịu để làm gì. (Lục-Tượng-sơn)

— Kẻ học-giả không lập-chí, hễ gặp phải hoạn-nạn thì thấy chán-nản ngay, sở-dĩ trước phải lập-chí. (Lã-Đông-lai)

— Người ta không biết cái bệnh-thống mình thì thôi, biết mà chẳng mạnh-bạo trị đi, để cho nó càng tệ thì không nên. Sở-dĩ cổ-nhân nghiêm răn người ta không hay lập chí (Ngô Dữ-Bật)

— Phải nên phát cái tâm dũng-mãnh lẹ thường, mới làm được thành-tựu; nếu không chịu phát-phấn cố-gắng, chỉ muốn bình-thường làm cho xong đi, thì chắc là không thể thành-công được (Ngụy Trang-cử-hiệu).

— Kẻ nào không hay trị mình, là tại chí không thẳng được khi vậy (Tiết Kính-hiên)

— Học mà chẳng hay tấn-tới đều bởi tại hay lần-lữa (Tiết-kính-hiên).

— Người ta muốn học làm bậc thánh hiền thì phải nên cố gắng, như là cố uống cái thứ thuốc cay-đắng, để cho trừ cái bệnh cố-tật, thì không nên chậm-trễ (Tào Nguyệt-Xuyên).

— Người ta muốn học bậc thánh hiền, thì phải cứ học đi. Nếu chỉ nói là có lòng hâm-mộ, sợ rằng nông nổi không thấu đến được, rồi cũng đến bỏ trễ mà thôi (Trần Bạch-sa).

— Không thực có cái chí cầu học làm thánh-nhân, mà chuyên về đạo-học duy-tinh duy-nhất, thì chửa hay xét được chốn bệnh-căn mà biết tỏ được chốn thần-gian nó ẩn náu. (Vương Dương-minh)

— Hoàng Cửu-am khi mới yết-kiến Vương Dương-minh. Dương-minh hỏi rằng: « Đã dụng công-phu gì chưa? » Thưa rằng: « Tôi mới có chí, chứ chưa dụng công-phu học-hành gì cả ». Dương-minh nói: « Người ta chỉ lo vô-chí, chứ không lo gì chưa dụng công-phu.

— Kẻ học-giả đã phân-biện được điều nghĩa với điều lợi, mà biết đường kén chọn, thì cốt phải lập chí cho vững bền để mà theo. (Từ Hoành-sơn)

— Lập-chí không thực, thì dũng-lực không khỏi gián-đoạn, phải nên lý-hội cho đến cỗi-gốc, phàm những điều thị-hiếu, tham muốn, những nghề tài tinh-quái, những thói quen phàm-tục, đều đoạn-tuyệt hết đi cho sạch-sẽ, cái chí ấy đã lập-định chân thực rồi, thì mới bàn đến công-phu được. (Vương Long-khê)

— Đã đem cái thân mình gánh vác việc trong trời đất thì nhất-thiết tục-tình không thể nào nhiễm bẩn được.

— Người ta lập thân đứng về cái địa-bộ công-cộng trong khoảng trời đất, đứng vững bận một ly một tí tư-kỉ nào, mới là lập chí, chỉ vì ngày thường có cái thói quen nó đã mềm nhuyễn trơn tuột, lần lữa đã quen, nay phải nên nhất thiết trảm tuyệt; đừng nhãng bỏ lúc nào, cốt giữ lấy chí mình làm

chủ, đừng để cho một tí thói cũ nào vướng bận đến thân mới là công-phu, mới là lập mệnh (La Niêm-am)

— Kẻ học-giả không hẳn có cái chí học làm thánh-nhân, vậy nên mới tri-trục theo thời, tiêm-nhiễm thói xấu, bị nó làm chướng-ngại mãi, phải nên mạnh bạo tẩy-trừ, cố-gắng công-phu, người một phần mình trăm phần, người mười phần mình nghìn phần, thì dần-dà mới hay tiêu hết thói xấu đi được. (Lưu Lưỡng-phong Vân Mẫn)

— Trong các bè bạn cũng nhiều người có chí, mà không hay đại-thành, chỉ vì mắc phải trong vòng thế-tình không siêu thoát ra được. Phải nên giữ lấy tâm ta làm chủ-tể, nhất thiết những điều lợi-hại vinh nhục, không thể làm mờ ý kiến ta mà cướp mất tháo-thủ ta đi được (Lưu Lưỡng-phong)

— Nghìn việc muôn việc chỉ là một việc, vậy nên cổ-nhân tinh-thần không có dụng cần, chỉ cốt dùi mài ở chí mình mà thôi. (Lưu Lưỡng-phong)

— Kẻ học-giả nếu thực có cái lòng cầu làm bậc thánh-nhân, cứ một điều khởi-niệm ấy đã đủ cái nền bước lên bậc thánh, rồi cứ hăng-hái phấn-tấn mà bước đi, mới biết cái thân mình khác hẳn người cõi trần-hoàn, há chẳng phải sướng-khoái lắm thay!

— Phàm người nào công-phu học-hành còn gián-đoạn, chỉ tại là chưa lập được chí. Nhưng chí không phải là cái chí tầm-thường, phải là cái chí muốn học đến bậc thánh-nhân, nếu không phải là cái chí muốn học đến bậc thánh, thì cũng chưa phải là lập-chí. Nếu đã thực có cái chí học cho đến bậc thánh, thì dẫu làm được một việc gì tốt, cố gắng được một chút công-phu nào, cũng không kể chi vội.

Hễ mới khởi ra một ác-niệm, bụng lương-tri mình không phải là không biết. Có khi không biết, không phải là lại lương-tri, chỉ vì cái chí khí mình mê hôn nọa đấy mà thôi. Cổ-nhân đã có câu rằng: « Cái khí thanh-minh nó ở mình ta, thì chí-khí ta như thần », há lại có điều gì không biết, không biết là chỉ tại cái khí thanh-minh nó không ở mình ta mà thôi. Nếu ta biết trách tại cái chí ta, hễ hơi có manh bụng tư-dục một chút, thì chỉ trách tại mình không hay lập-chí, nếu hay lập-chí, thì tư-dục nó tự phải lui. (Trần Tự-sở)

— Học-giả đã có chí về đạo-học, thì phải thiết-thạch can-tráng cầm chí cho vững; trăm năm trong cõi đời người chỉ chớp mắt thôi, qui hồ phải tự-lập. (Trần Nam-cao Nguyên-tiêu)

— Bọn chúng ta không cứ gì là kẻ xuất hay người xử, đều có việc cả, nếu cứ chịu chôn vùi chìm-đắm vào trong vòng làm quan, thì nó chìm-đắm đi mất; nếu không chịu chìm đắm, thì dẫu rằng ở trong u-ám đến mười tầm trùng, cũng tự hay ngóc đầu lên trên mây xanh. Đời nào lại hay giam-hãm được người, chỉ tại người vô-chí mà thôi (Trần Nam-cao).

— Trong chốn tĩnh mà cái căn thị-dục nó vẫn khi khởi khi diệt không dứt hẳn, là bởi tại cái chí mình không hay lập-định. Người ta hễ đã chuyên chủ về một việc, thì tạp-niệm nó tự yên, như là người thích ưa thanh sắc, đương lúc nó diễm-dã mê lòng, thì còn có nghĩ gì việc khác nữa. Ví như người sợ chết, đương lúc dao gươm nó kề cổ sợ khiếp đi, thì còn nghĩ đến cái gì nữa (Vương Đường-nam).

— Đã đi học thì phải phát tâm đại nguyện chân-thiết nghiên-cầu, rồi nó ngày càng tấn tới mà không biết. Nếu đã để chí chịu tìm thì tức là đạo-lý ở đó, tìm mãi rồi nó dần dần hơi biết mùi không bỏ đi được, thế là có sở-đắc đấy (Cảnh Thiên-đài Định-Hướng)

— Châu Oánh học ở ông Ứng Nguyên-Trung, một hôm đến yết-kiến ông Vương Dương-minh. Dương-minh hỏi rằng: « Ngươi học ở thầy Ứng-tử lại đây ư? » Châu Oánh thưa phải. Dương-minh lại hỏi: « Ứng-tử bảo sao? » — « Ứng-tử bảo rằng học phải hi thánh hi hiền, chớ đắm trong vòng lưu-tục. Và bảo rằng ta nghe thầy Dương-minh bảo thế, nên tôi mới chẳng quản xa nghìn dặm mà lại yết-kiến đây. » — Ngươi lại đây còn có điều gì chưa tin chắc đấy ư? — « Thưa đã tin chắc rồi. — Đã tin sao lại còn tới đây làm gì? — Chưa biết rõ được phương-hướng. — Ngươi đã biết được phương-hướng rồi đó. — Vì Oánh này chưa biết phương-hướng, nên mới lại đây xin nhà thầy dạy bảo cho. — Ngươi đã biết rồi đó! Châu Oánh chột dạ đứng đây nghĩ buồng khuâng một lát. Dương-minh lại nói rằng: Nhà ngươi tự đất Vĩnh-khang lại đây, chẳng bao nhiêu đường đất? — Xa độ vạn trăm dặm đường. — Xa lắm nhỉ! — Đi thuyền lại đây đó ư? — Vừa đi thuyền lại vừa đi bộ. — Nhọc lắm đấy nhỉ! Đương độ tháng sau này nắng lắm đấy chứ? — Đi đường nắng lắm! — Khó nhọc lắm thay, phải mang đủ tư-lương và đầy tớ đi theo đấy ư? — Có đem một tên đầy tớ, đến nửa đường bị ốm phải trở lại, còn tôi phải vay thêm tiền lương ăn đường mà đi. — Thế thì lại càng khó nhọc lắm, nhà ngươi lại đây đã xa và lại khó nhọc, gian-nan như thế, sao chẳng trở về, hay là có cái gì bắt ép nhà ngươi đấy ư? — Oánh này đến được cửa nhà thầy tuy rằng vất vả gian-nan, nhưng thực lấy làm vui, lẽ nào vì thế lại trở về, mà có phải đợi ai bắt ép mình đâu. — Thế thì nhà ngươi đã biết được đường lối rồi đấy, cái chí nhà ngươi muốn đi đến cửa ta, thì cứ đi cho đến cửa ta, không cần phải người nào bắt ép; có khác gì nhà ngươi đã chí về học đấng thánh-hiền, thì cứ học cho đến bậc thánh-hiền, có phải người nào bắt ép đâu; nhà ngươi đi đường lúc thì đi thuyền lúc thì đi bộ, phải bỏ cả đầy tớ, phải vay tiền lương, xông pha nắng dữ mà đi, thế là nhà ngươi đã biết đường lối rồi đó. Châu-Oánh nghe lời dạy, đứng dậy vái mà rằng: « Thế là nhà thầy dạy cho đường lối đấy vậy. »

« Kẻ học-giả không cứ gì thảo-nghệ, phải định lấy phẩm-cách trước, phải có cái khí-tượng như con chim phượng-hoàng liệng trên cao nghìn nhận, rồi mới có thể xem xét được việc lớn; không thế thì tự thân mình đã sa vào trong vũng thế-tình, rồi cứ theo người mà vơ lấy danh-nhận lấy nghĩa, tự xưng rằng ta học đây, có khác gì là giặt khăn ở trong vũng bùn lầy, rũ áo ở trước đường bụi bặm, mà mong cho nó sạch nó trắng, có lẽ thế bao giờ. (Chúc Vô-công Thế-lộc)

— Lo chẳng gì lo hơn không hay tự phấn-chấn, thiên *Hồng-phạm* kể sáu cực mà tệ nhất là tội hèn yếu; vậy nên phải giữ lấy nhất-niệm tinh-cương mạnh-bạo phấn-chấn lên, như gió bay sấm động, hăng-hái khích-ngang, thì mọi điều ngờ tự mất đi, mọi lòng dục tự nén xuống, trăm nết điều hay cả.

— Cõi đời nó làm chìm đắm người đã lâu lắm, cái chí ta là dễ độ cho cái thân ta, đừng để cho phong-ba nó làm chìm đắm đi mất; kẻ bơi thuyền phải cầm lái luôn tay, kẻ học-trò đi học cũng phải giữ lấy cái chí mình cho vững. (Chúc Vô-công)

— Nhân-giới không khai ra được, là vì cốt-lực không kiên, cốt-lực không kiên thì nhân-giới lại càng không khai ra được (Lã Dự-thạch Duy Kỳ)

— Ai cũng là người cả, không học thánh thì thành ra cuồng, không thể

đứng vững được ; học thì phải học ngay đi, chứ trước đã bỏ qua nay lại còn dợi, thì còn ngày nào mới ngoảnh đầu lại. (Lã Dự-Thạch)

— Cái tâm mình thì nên vui mà cái hạnh thì phải chịu khổ, người nào đã theo về đường học-vấn, thì ai cũng phải đi qua con đường khổ mà ra. (Lưu Chất-Sơn)

.·.

Cần xét — *Trên này là sao-lục những cái thuyết của các bậc tiên-triết nói về lập-chí, lời lẽ đã rõ ràng cả rồi không cần phải giải-thích nữa. Nhưng tóm cả đại yếu thì một là phải lập-chí mới hay khác với kẻ lưu-tục, vì thường đem cái tâm-tư mong làm những hạng vĩ-đại nhân-vật, chứ không thèm sánh đôi với kẻ dung-lưu, mình đã biết tự xử lấy mình cho cao như thế, thì phải biết tự trách mình không khi nào trễ nải được, không có một tí gì tự tha-thứ cho mình, cố gắng mãi lên thì dẫu hèn nhát đến đâu rồi cũng đi đến nơi. Hai là phải lập-chí thì những sự khác nó không lay chuyển được lòng mình. Vương-Đường-nam đã bảo rằng : chí mình đã có chuyên-chủ thì những điều tạp-niệm nó tự dẹp đi. Khổng phu-tử cũng bảo rằng : Người nào đã chí về điều nhân thì không còn điều gì hơn nữa. Ngay như cái lòng ái-quốc, đã thực có lòng ái-quốc thì không còn cái gì hơn nữa. Chí-hướng đã định rồi thì dẫu bề ngoài nó có biến khác cũng không thể đổi được. Ba là phải lập-chí rồi sau học vấn mới không gián-đoạn, người ta chẳng lo gì bằng không có thường, như đương khi cái tâm-niệm mình hư-minh không khác gì bậc thánh-hiền, chợt một lúc lại hôn-mê đi sa vào vòng lưu-tục, đắm vào kiếp muông chim; thế cho nên phải nhờ về chí để cầm vững cho có thường ; thầy Trình bảo rằng : Không trách chí cái khí-tập, chỉ trách tại cái chí mình, thực là lời nói tâm-huyết. Người nào hay lập-chí được là nhờ về dũng-cảm, các đấng tiên-triết đều nói như thế cả. Duy thầy Lục-tử bảo rằng : Phải trước có tri-thức rồi sau mới hay có chí nguyện, đó thực là một lời nói khám-phá đến nơi. Ngay như lúc chúng ta trước kia chưa từng có cái chí ái-quốc, sau mới nghe được lời nói của các đấng tiên-giác, hoặc đi du-lịch nước ngoài, bấy giờ mới biết khởi-phát ra cái chí ái-quốc, đó là bởi cái tri-thức mình nó mới khai-thông vậy. Nay các nước văn-minh mở đường giáo dục, phải cho trẻ con học phổ-thông trước, để cho nó có điều thường thức, rồi sau mới học đến chuyên-môn, chọn lấy một nghề mà theo cũng là vì thế. Song tri-thức với chí-nguyện nó vẫn thay đổi nhau làm nhân-quả, nếu không có tri-thức thì chí-nguyện vốn không hay tự-lập được; nhưng nếu không có chí-nguyện thì tri-thức cũng không bởi đâu mà tăng-tiến lên được. Lã Dự-Thạch bảo rằng : Nhãn-giới không khai ra được, là vì cốt-lực không kiên ; cốt-lực không kiên thì nhãn-giới lại càng không khai ra được. Lời nói ấy khá cùng phát-minh với lời nói ông Lục-tử.*

Trở lên là dịch tóm những lời của các đấng tiên-triết, ý-tứ đã rõ ràng cả, để làm cái gương lập-chí cho mọi người.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH
孟子國文解釋

XXXVII

XVII

孟子曰。君子有所不欲。無所不爲也。如此而已矣。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết*: « *Vô vi kỳ sở bất vi, vô dục kỳ sở bất dục, như thử nhi dĩ hĩ* »

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: « Những điều mà mình cho là không nên làm thì chớ làm; những điều mà mình cho là không nên muốn, thì chớ muốn, cái đạo làm người như thế mà thôi vậy. »

Chú-giải. — Đây là nói người ta ai cũng có cái lòng hổ-thẹn, đã biết cho những điều không nên làm, không nên muốn là bất-nghĩa, mà lấy làm hổ thẹn, thì nhất-định lấy lễ-nghĩa hạn-chế mà chớ làm chớ muốn, tự trị như thế mới thành nhân-cách được.

XVIII

孟子曰。人之有德慧術知。恆存乎疾。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết*: « *Nhân chi hữu đức tuệ thuật tri giả, hằng tồn hồ sấn-tật.*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: « Người nào có đức sáng thuật khôn, thường ở về lúc tai-nạn mà sinh ra.

Chú-giải. — *Sấn-tật* = Tai-nạn.

Đây là nói người ta có gặp lúc khốn-cùng mới hay luyện nên tri đức.

∴

孟子曰。操存者。舜之所以爲舜也。操存者。無他。拔乎其萬物而已。故曰。舜之興也。聞善言。見善行。若決江河。沛然莫之能禦也。

Dịch-âm.— « *Độc cô-thần nghiệt-tử, kỳ thao tâm dã nguy, kỳ lự hoạn dã thâm, cố đạt* ».

Dịch-nghĩa. — « Chỉ những kẻ cô-thần nghiệt-tử, nó hay sợ-hãi cầm lòng nơm-nớp, lo nghĩ phòng nạn sâu-xa, nên hay đạt được sự-lý. »

Chú-giải. — *Cô-thần* = Kẻ bề tôi ở nơi xa lánh một mình. *Nghiệt-tử* = Kẻ con thứ phận hèn. *Đạt* = Thông-đạt sự-lý; tức là có đức-tuệ thuật-tri.

XIX

孟子曰。有君子人焉。其事君也。曰。君之所欲。則是者。君有不悅焉。則非者也。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết*: « *Hữu sự quân nhân giả, sự thị quân tắc vi dung-duyệt giả dã.*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: « Có hạng người chỉ biết thờ vua, thờ vua nào thì dua-nịnh cầu cho vua ưa thích bằng lòng.

Chú-giải. — *Dung-duyệt* = A-dua để cầu vua dung mình là *dung*; đưa đón để làm cho đẹp lòng vua là *duyệt*.

Toàn chương này là kể ra cái phẩm người có bốn hạng. Đây là hạng người bỉ-phu, rất là kém hèn.

∴

有安社稷臣者。曰。君之所以爲社稷也。悅安社稷者。

Dịch-âm. — « *Hữu an xã-tắc thần giả, dĩ an xã-tắc vi duyệt giả dã.*

Dịch-nghĩa. — « Có hạng bề-tôi yên nền xã tắc, chỉ lấy sự mưu-tính yên nền xã-tắc làm thỏa lòng.

Chú-giải. — *Xã-tắc* = Nền tế thần thổ-cốc. Khi xưa đi đánh diệt nước người, thì làm biến đổi nền xã-tắc nước ấy đi, nên quốc-gia cũng gọi là xã-tắc. *Duyệt* = Yên lòng, thỏa lòng, tức là tấm lòng trung-thành với xã-tắc.

Đây là hạng người trung-thần có lòng trung-thành với xã-tắc.

∴

有天民者。曰。達可行於天下者。而後行之。民天也。

Dịch-âm.— « *Hữu thiên-dân giả, đạt khả hành ư thiên-hạ nhi hậu hành chi giả dã.*

Dịch-nghĩa. — « Có hạng là bậc thiên-dân, đạt lên mà có thể làm được đạo mình ở trong thiên-hạ, rồi sau mới chịu ra làm vậy.

Chú-giải. — *Thiên-dân* = Người không có chức-vị mà hoàn-toàn hết được thiên-lý, gọi là thiên-dân, tức là bậc tiên-tri tiên-giác.

Đây là hạng người dân nhà trời, tài lớn đức lớn, không chịu đem đạo mình ra theo người dùng làm việc nhỏ-nhen, tất là có lập được công-nghiệp lớn-lao cho nhân-dân nhờ thì mới chịu ra giúp đời.

∴

也。正而正人有
者物已者。大

Dịch-âm. — « *Hữu đại-nhân giả, chính kỷ nhi vật chính giả dã* ».

Dịch-nghĩa. — « Có hạng là bậc đại-nhân, chính mình mà người chính vậy.»

Chú-giải. — *Đại-nhân* = Người có thịnh-đức, tức là bậc thánh-nhân. *Chính kỷ* = Đức thịnh ở mình đoan-chính. *Vật* = Khiêm trỏ cả kẻ trên người dưới, tức là cả dân với vua. *Vật-chính* = Mọi người đều tự-nhiên cảm hóa.

Đây là bậc thánh-nhân hơn cả bậc xã-tắc-thần, bậc thiên-dân, đạo tôn đức thịnh mà tự-nhiên cảm-hóa cả mọi người.

XX

存不天而三子曰。孟
焉。興下王樂。有君子

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết*: « *Quân-tử hữu tam lạc, nhi vương thiên-hạ bất dự tồn yên.*

Dịch-nghĩa,— Thầy Mạnh nói rằng: « Người quân-tử có ba sự vui trong tính-phận của mình, dẫu đến đại-phú-quí như làm vua trị thiên-hạ, cũng chẳng thấm vào đâu với ba điều vui ấy.

Chú-giải. — *Bất-dự-tồn* = Ý là nói sự vui làm vua không bằng ba điều vui kia mới là chân-lạc.

∴

也。一無兄俱父
樂故。弟存。母

Dịch-âm.— « *Phụ mẫu câu tồn, huynh đệ vô cố, nhất lạc dã.*

Dịch-nghĩa.— « Trời cho mình được cha mẹ đều song-toàn mạnh khoẻ, anh em không có cớ gì phải lo, là một sự vui vậy.

∴

也。二於不天。愧仰
樂人。怍俯於不

Dịch-âm.— « *Ngưỡng bất qui ư thiên, phủ bất tạc ư nhân, nhị lạc dã.*

Dịch-nghĩa. — « Mình tu được cái thân, ngửa lên trên chẳng hổ với trời, cúi xuống dưới chẳng thẹn với người, là hai sự vui vậy.

∴

樂之。教才下得
也。三育而英天

Dịch-âm. — « *Đắc thiên-hạ anh-tài nhi giáo-dục chi tam, lạc dã.*

Dịch-nghĩa. — « Được kẻ anh-tài trong thiên-hạ mà giáo-dục cho họ, thì đạo mình truyền ra được rộng, là ba sự vui vậy.

∴

焉。興下王樂。有君
存不天而三子

Dịch-âm.— « *Quân tử hữu tam lạc, nhi vương thiên-hạ bất dự tồn yên.*»

Dịch-nghĩa. — « Người quân-tử có vua ba sự vui như trên ấy, dẫu đến sự làm trị thiên-hạ, cái vui cũng chẳng thấm vào đâu với ba điều vui ấy. »

Chú-giải. — Đây là nói người quân-tử có ba điều chân-lạc. Điều vui thứ nhất là trời cho mình được hưởng phúc gia-đình, để hết lòng hiếu-đễ với cha mẹ anh em. Điều vui thứ hai là tại mình hay hết đạo làm người, xét mình không thẹn. Điều vui thứ ba là hay dạy được nhiều kẻ anh-tài để rộng

truyền đạo-học cho người. Ba điều vui ấy đều là khó được mà mình gồm có cả, thì dầu làm vua cũng không sướng bằng.

XXI

存樂之。子民。士曰。孟
焉。不所欲君衆廣子

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : « Quảng thổ chúng dân, quân-tử dục chi, sở lạc bất tồn yên.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Rộng đất nhiều dân, thi-hành ân-huệ được rộng, quân-tử cũng muốn thế. Nhưng cái sự vui, thì chẳng ở về thế mà thôi.

∴

焉。性樂民。四而中
不之。君海立。天
存所子之定下

Dịch-âm —« *Trung thiên-hạ nhi lập, định tứ-hải chi dân, quân-tử lạc chi, sở tính bất tồn yên.*

Dịch-nghĩa. — « Đứng giữa thiên-hạ mà trị, yên định được dân bốn bể, quân-tử cũng vui sự ấy. Nhưng cái sở-đắc về thiên-tính thì chẳng ở về sự ấy.

∴

故焉。居焉。行性。君
也。分不雖不雖子
定損窮加大所

Dịch-âm.—« *Quân-tử sở tính, tuy đại hành bất gia yên, tuy cùng cư bất tổn yên, phận định cố dã.*

Dịch-nghĩa. — « Cái sở-đắc về thiên-tính của người quân-tử, dầu lúc đạo mình được đại-hành cũng chẳng ích thêm gì cho bản-tính, dầu gặp cái cảnh cùng-khốn cũng chẳng tổn hại gì đến bản-tính, vì cái phận số của trời phú cho mình đã nhất định, cớ thế vậy.

Chú-giải. — *Đại hành* = Đạo mình thi-hành rộng khắp, tất cả dân trong thiên-hạ bốn bể đều được nhờ ơn. *Phận* = Cái phần toàn-thể lý-tính của trời phú cho mình.

∴

喻。體於盎然生根仁君
不四於見色於義子
言體。背。於也。心。禮所
而四施面。睟其知性。

Dịch-âm.— « *Quân-tử sở tính, nhân nghĩa lễ trí côn ư tâm ; kỳ sinh sắc dã, túy nhiên hiện ư diện, áng ư bối, thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ.* »

Dịch-nghĩa. — « Cái sở-đắc về thiên-tính của người quân-tử, thì có nhân, nghĩa, lễ, trí, bốn đức - tính ấy rễ bám ở trong tâm, rồi anh-hoa nó phát-sinh ra ngoài sắc, thì hòa-nhuận hiện ra trước mặt, đầy-đặn hình ra sau lưng, uy-nghi bày ra chân tay, chân tay chẳng đợi mình phải nói mà tự-nhiên cử-động hợp nghi cả.»

Chú-giải. — *Túy-nhiên* = Vẻ hòa-nhuận. *Áng* = Đầy đặn dồi-dào. *Thi* = Phô bày. *Tứ thể* = Hai chân hai tay, nói về cái uy nghi lúc hành-động. *Dụ* = Hiểu biết. *Tứ thể bất ngôn nhi dụ* = Chân tay chẳng đợi phải nói mà tự hiểu ý mình. Như cái tay chẳng đợi bảo phải cung-kính, mà tự biết cung-kính ; cái chân chẳng đợi bảo phải trọng-hậu, mà tự biết trọng-hậu, đó là bởi bốn đức tính uẩn-tích ở trong, tự-nhiên cử-động ra bề ngoài đều hợp-nghi cả.

Toàn-chương này là nói người quân-tử sở-đắc về thiên-tính là trọng hơn cả.

XXII

仁者。來。文辟西興北孟
人天吾王紂伯曰。海子
以下聞作。居善盍之曰。
爲有西興東養歸濱。伯
己善伯曰。海老乎聞夷
歸養善盍之者。來。文辟
矣。老。養歸濱。太吾王紂
聞老乎聞公聞作。居

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : « Bá-Di tị Trụ cư Bắc-hải chi tân, văn Văn-vương tác, hưng viết : « Hạp qui hồ lai, ngô văn Tây-bá thiện dưỡng lão giả. » Thái-công tị trụ cư Đông-hải chi tân, văn Văn-vương tác, hưng viết : « Hạp qui hồ lai, ngô văn Tây-bá thiện-dưỡng*

lão giả ». Thiên-hạ hữu thiện dưỡng lão, tắc nhân nhân dĩ vi kỷ qui hĩ.

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Bá-Di tránh đời loạn vua Trụ ra ở bến Bắc-hải, nghe vua Văn-vương dấy lên làm chức Tây-bá, vùng trở dậy mà rằng: « Sao chẳng đi về với quan Tây-bá, ta nghe quan Tây-bá khéo nuôi người già. » Ông Thái-công tránh đời loạn vua Trụ ra ở bến Đông-hải, nghe vua Văn-vương dấy lên làm chức Tây-bá, vùng trở dậy mà rằng: « Sao chẳng đi về với quan Tây-bá, ta nghe quan Tây-bá khéo nuôi người già. » Thiên-hạ ngày nay nếu có vua nào khéo nuôi người già như vua Văn-vương, thì kẻ nhân-nhân chắc lấy nơi ấy làm nơi mình về vậy.

Chú-giải. — *Hạp* = Sao chẳng. *Nhân-nhân* = Người có đức.

∴

之 田。無 失 五 老 以 五
家。匹 失 其 母 育 桑。畝
可 夫 肉 時。雞。足 匹 之
以 耕 矣 老 二 以 婦 宅。
無 之。百 者 母 衣 蠶 樹
飢 八 畝 足 彘。帛 之。牆
矣。口 之 以 無 矣。則 下

Dịch-âm. — « *Ngũ mẫu chi trạch, thụ tường hạ dĩ tang, sất phụ tàm chi, tắc lão giả túc dĩ ý bạch hĩ; ngũ mẫu kê, nhị mẫu trệ, vô thất kỳ thời, lão giả túc dĩ vô thất nhục hĩ; bách mẫu chi điền, sất-phu canh chi, bát khẩu chi gia khả dĩ vô cơ hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Khu nhà năm mẫu, lấy cây dâu giồng ở dưới tường, kẻ sất-phụ chăm việc nuôi tằm, thì người già đủ có áo lụa mà mặc vậy; nuôi năm con gà mái, hai con lợn nái, không làm mất cái thời sinh nở của nó, thì người già đủ được thịt mà ăn vậy, khu ruộng trăm mẫu, kẻ sất-phu chăm việc cày, thì cái nhà tám miệng ăn khả-dĩ không đói vậy.

Chú-giải. — Đây là kẻ ra cái nhân chính của vua Văn-vương thi-hành ra để nuôi dân.

∴

謂 凍 凍 飽。不 養 樹 者。所
也。餒 餒。不 煖。其 畜。制 謂
之 文 煖 七 老。導 其 西
老 王 不 十 。其 田 伯
者。之 飽。非 十 妻 里。善
此 民。謂 肉 非 子。教 養
之 無 之 不 帛 使 之 老

Dịch-âm. — « *Sở vị Tây-bá thiện dưỡng lão giả, chế kỳ điền lý, giáo chi thụ súc, đạo kỳ thê tử, sử dưỡng kỳ lão. Ngũ thập phi bạch bất noãn, thất thập phi nhục bất lão, bất noãn bất bão, vị chi đống nỗi; Văn-vương chi dân, vô đống nỗi chi lão giả, thử chi vị dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Ông Bá-Di ông Thái-công bảo rằng quan Tây-bá khéo nuôi người già đó, há phải là nuôi từng người đâu. Quan Tây-bá chế-định ra phép điền-lý, dạy dân nghề giồng-giọt nghề chăn nuôi, dạy bảo vợ con họ khiến nuôi lấy người già. Vì rằng người năm-mươi tuổi không lụa mặc chẳng ấm, người bảy-mươi tuổi không thịt ăn chẳng no, chẳng ấm chẳng no gọi là rét đói. Dân vua Văn-vương không có người già rét đói, bảo rằng vua Văn-vương khéo nuôi người già, ấy là thế vậy. »

Chú-giải. — *Chế kỳ điền lý* = Chia định ra khu ruộng trăm mẫu, khu nhà năm mẫu, v. v. *Đạo* = Dẫn bảo.

(Còn nữa)

Đông-Châu và Tùng-Vân *dịch*

TẤM GƯƠNG-TÌNH

Đoản-thiên tiểu-thuyết

Trai yểu-điệu gái anh-hùng

Ả Kiếm-Khí vốn là gái hào-hiệp, họ Bạch, tên là Như Hồng. Chàng Châu-Quang cũng là trai tài-tử, họ Tùy, tên là Chiếu-Thặng. Hai người đều sản-xuất ở đất Việt-đông, sinh ra đã cùng làng, thuở bé lại cùng học, đôi bên cùng là ý-trung - nhân cả, rất thương yêu nhau.

Nguyên họ Bạch, cha mẹ sinh ra có một ả Như-Hồng là con gái, tự thủa bé cha mẹ cho vận-mặc giả con trai, dùi một lỗ tai, sỏ một chiếc khuyên vàng nho-nhỏ, không bắt-chước thói tục bó chân, thường đi đôi giầy phẳng gót, mạnh - mẽ như hàng con trai. Người cha Như-Hồng làm nghề hành-thương, khi buôn nơi này, khi buôn nơi khác, dắt Như - Hồng đi khắp cả đất Tần, đất Sở, đất Ngô, đất Việt. Kịp Như - Hồng lớn lên, thân dài, hình-thể như hòn ngọc đề dựng, lông mày nét mặt như vẽ. Lại thiệp-liệp kinh-sử, bàn nói cũng tuấn-nhã. Và có thề giương nỏ bắn trúng con chim dương bay, nghề múa đao, nghề đánh quyền cũng đều khéo Khi tiếp-kiến khách-khứa thì tỏ ra cách bộ hào-sảng, chẳng giống thói nhi-nữ bẽn-lẽn thẹn-thùng. Những con gái đẹp ở các nơi Như-Hồng đến buôn-bán hoặc thuê trọ, đều tranh nhau đưa tình, chẳng ai biết Như-Hồng là con gái cả.

Chàng Chiếu-Thặng thì họ Tùy ba đời nối dõi, chỉ một con trai. Chiếu-Thặng khi sinh ra, người cha tuổi đã gần sáu-mươi, người mẹ sinh ra Chiếu-Thặng nguyên là kế - thất, tuổi mới trong ngoài ba-mươi. Tục Việt-đông hễ sinh con trai, sợ người quở-quang, thường thường nói dối là con gái, cho nên Chiếu - Thặng tiểu - tự là Oánh-nương, nghĩa là đặt tên con gái, cũng cho dùi một lỗ tai, đeo cái chỉ vàng, da nhuần như ngọc, tóc nhoáng như gương. Người mẹ tô-sức cho đồ nữ - trang, áo thêu hoa ngũ - sắc, cổ tay đeo xuyến ngọc, mũ đát hạt châu. Khi ra khỏi cửa thì bọn nữ-tì kẻ già người trẻ đỡ trước nâng sau, người ngoài đều bảo là con gái, ít kẻ biết là con trai. Ở trong nhà đón thầy dạy học, Chiếu - Thặng rất thông-minh, một liếc mắt coi thấu mười dòng chữ. Mười ba tuổi bắt đầu vào trường hương - thục, ai nấy đều kinh-ngạc, là một người con trai tuấn-tú ; các nhà thế-tộc tranh nhau muốn gả con gái cho. Người cha là Tùy-ông vì cớ tuổi già, muốn vì đính-định sẵn lấy một nơi thông-gia, đợi lớn lên sẽ cưới, để yên-ủi tấm lòng nguyện-vọng thuở sinh-bình. Người cha đính - định nơi nào, Chiếu - Thặng cũng chẳng thuận-nguyện, có bảo riêng với người mẹ rằng : « Con chỉ muốn được ả Bạch Như-Hồng làm vợ. » Song khốn thay ! Bạch - ông thì đi buôn xa vắng, đã năm năm chẳng về, tin-tức xa cách. Người mẹ bảo rằng : « Con ơi ! Sao con ngu - ngốc chẳng hiểu sự. Ả họ Bạch theo cha đi ra ngoài, tính đến nay tuổi đã mười-bảy mười-tám, trời nam đất bắc, chẳng biết ăn đâu ở đâu. Vì bằng nó đã kén được chồng, thì nó cũng đã ấm con rồi, mày là kẻ đọc sách nên biết lẽ. Nếu trước kia hai nhà đã có thành-thuyết thì chút đợi lấy ngày tháng cũng là phải. Nhưng mà chưa có thành-thuyết gì cả. Thế thì mày toan chung-thân làm kẻ lêu-đêu, như con

gà sống đứng gây một mình đấy hay sao? Mày chẳng thấy cha mày đầu trắng như bạc, lưng cong như cung, cái lòng mong-mỏi có cháu mà ấm rất thiết. Mày lại chẳng nghĩ lấy điều yên-ủi đấy ư? » Chiếu-Thặng nghe mẹ nói, chỉ cúi đầu nín lặng.

Chiếu-Thặng thừa khi thanh-vắng, lén trộm đến nhà Bạch-mẫu, nói thác ra rằng là vâng mệnh-lệnh mẹ mình đến thăm Bạch-mẫu mạnh-khoẻ và hỏi Bạch-ông với Bạch-nương lâu nay có tin báo gì không. Bạch-mẫu cầm lấy tay Chiếu-hặng nói rằng: « Ối chao! Cậu tiểu tú-tài, lâu nay chẳng trông thấy cậu, cậu đã lớn như vậy ư? Bạch-ông nhà tôi tuổi già tính trái, dắt cái em Như-Hồng nhà tôi đi, trôi giạt ở nơi nao, chẳng khác ì cánh bèo mặt nước. Ba bốn ngày trước mới đây, có người láng-diềng tôi tự chốn kinh-đô lại, thuật đến sự Bạch-ông nhà tôi mở điếm buôn bán ở xứ Lương-hương, đường sinh-hoạt cũng hơi thịnh-vượng. Lại nghe nói có người đàn-bà trạc tuổi trung-niên, và chàng con trai trạc tuổi mười bảy mười tám, cùng ở trong điếm như người nhà. Có lẽ Bạch-ông nhà tôi đã thú thiếp, mà cái em Như-Hồng đã có chàng đến gửi rể rồi đấy chăng? Chẳng biết vì cớ sao chẳng có một chữ gì báo tin về nhà, hay là có tin mà vì nước mây xa-cách, đến nỗi nổi chìm. Cho mấy năm vẫn cách-tuyệt, không tin tức gì cả. Hận rằng không có ai nên mạnh giỏi, vì già này đi một chuyến mà hỏi tận nơi. » Chiếu-Thặng chợt nghe Bạch Như-Hồng cành xuân đã có người bẻ, ruộng ngọc đã có người cầy, trong ruột đau như cắt ra từng khúc. Nhưng lại nghĩ rằng cái lời khẩu-truyền chửa tất đã đích-xác, chỉ có một kế là thân-hành đến tận nơi để quyết sự hư-thực. Chiếu-Thặng mới bảo với Bạch-mẫu rằng: « Cháu trong lòng sẵn muốn lên kinh ứng thí, chính có thể nhờ việc ấy hỏi thăm tin-tức Bạch-ông Bạch-nương cho đích-xác được. Nhưng cháu với em Như-Hồng cách-biệt nhau đã năm sáu năm, hoặc trông thấy mặt nhau mà chửa tất đã nhận biết được nhau. Thiết-nghĩ nên có một cái vật gì để trong mình, cầm làm chứng-thực » Bạch-mẫu nghe nói cả mừng, tức-khắc cởi cái đồ bội ở trong vạt áo, chạm khắc đôi con ly bằng ngọc trắng, trao cho Chiếu-Thặng mà nói rằng: « Cái vật này vốn là vật của em Như-Hồng thường đeo ở trong mình, khi nó lâm hành, lấy cái vật này trình với già này, để lại làm chút kỷ-niệm. Nay cậu đem cái vật này đi, thế nào? » Chiếu-Thặng cả mừng như được cái vật châu-báu lạ. Tức-khắc về nhà yết-kiến mẹ, nói thác ra rằng con có người đồng-học là kẻ lão-thành ở xứ Lương-hương, ước với con đến Lương-hương để cùng lên kinh ứng-thí. » Người mẹ tin là thực, bảo với Tùy-ông. Tùy-ông cũng lấy làm phải, mới vì Chiếu-Thặng sắm-sửa đồ hành-lý, cấp cho tiền lộ-phí ít nhiều.

Chiếu-Thặng đi thủy lên thuyền, gặp một gã thiếu-niên họ Tiết, bàn nói hao-nhã, cùng nhau trò chuyện rất tương-đắc, hận rằng biết nhau khi muộn. Trong khi đi đường thuyền, ăn uống nằm ngồi, sớm tối cùng nhau. Người cha gã họ Tiết buôn bán sâm quế các thức dược-liệu đất Xuyên đất Quảng, làm một bậc lái buôn giàu ở đất kinh-sư. Cho nên gã thiếu niên mang tiền rất phong, mỗi vì Chiếu-Thặng trả thay cho những số chi-phí hàng ngày, chẳng chút lận-tiếc gì cả. Chiếu-Thặng lấy làm cảm đức, nhân khi ở trong cửa sổ dưới mui bồng, thừa hứng đem giấy mài mực, viết ra một câu đối-liên để tặng gã thiếu-niên. Câu rằng:

Một vùng trước gió rung cây ngọc,
Muôn dặm trong mây hợp cánh bèo.

Câu trên là tả cái phẩm-cách người thiếu-niên, câu dưới là tả cái duyên lạ khi gặp-gỡ. Mà lối chữ kết-cấu hợp phép, tù-mị già-dặn chẳng khác tay thần.

Gã thiếu niên cả mừng, vâng lĩnh cất đi. Nhân bảo Chiếu-Thặng rằng: « Đại-huynh đủ có tài-bộ ấy, sự ngọc-đường kim-mã đành là sự trong ý-tưởng. Tiểu-đệ tự hồ phẩm-cách tầm-thường, chẳng đủ xứng cái thanh-nhã của đại-huynh »

Chiếu-Thặng cảm-tạ mà rằng : « Chửa thấy ai niên-thiếu mà đủ có con mắt xem thiên-hạ-sĩ như đại-huynh, chỉ sợ tiểu-đệ tài hèn không đáng là thiên-hạ-sĩ đấy thôi. »

Đến đất Nam-đài, hai người cùng lên cạn, ngày cùng đi xe, đêm cùng ngủ trọ. Khi lâm-biệt, gã thiếu - niên nắm tay Chiếu-Thặng, ân-cần dặn-dò, khi đến kinh-đô, nhận hỏi số hiệu vào chơi nhà, sẽ quét giường sẵn để đợi.

Khi ấy lại lấy ra một số tiền lớn, cưỡng bách gài vào trong tay áo Chiếu-Thặng, liền chia đường ruổi đi.

Chiếu-Thặng khi vào thành Lương-hương, đã chẳng biết Bạch - ông khai điếm ở chỗ nào, lại chẳng biết chiêu-bài là số-hiệu gì. Đi hỏi khắp cả các nơi phố chợ, vẫn mịt-mù không được mảnh-mối gì cả. Ngày đã chiều, đường đã cùng, vào nghỉ trọ ở một cái lữ - điếm, suốt đêm trằn - trọc, chẳng thành giấc ngủ. Sáng sớm trở dậy, đi dạo ra ngoài cửa, qua một cái điếm tạp - hóa hiệu Cốt-đồng, cửa kề ngay ra phố, thấy cửa sổ trên lầu nhoàng ra mở đôi cánh, có đứa xuẩn-tì bưng chậu nước hắt xuống, chợt hắt ngay vào giữa thân Chiếu-Thặng. Chiếu-Thặng áo mũ lướt mướt, đầu mặt đầm-đìa, vội-vàng lấy khăn lau qua đi, toan phát - ngôn để trách người trên lầu, thì cánh cửa sổ đã sập vào khép lại. Chiếu-Thặng lại nghĩ rằng mình đến đây là đất khách thân cô, trách chi kẻ trên lầu cho thêm việc, thôi cũng chẳng so kề gì cả. Làm thân kẻ danh-sĩ, cũng nên ngậm mùi phong-trần. Chiếu-Thặng đi lên mấy bước, chợt nghe ở đàng sau lưng có người lên tiếng gọi rằng : « Khách hãng dừng chân lại, chẳng hay là chàng họ Tùy ở đất Nam-hải đấy phải không ? » Chiếu-Thặng ngảnh lại trông kỹ, thì là Bạch-ông. Chiếu-Thặng kinh - ngạc mừng rỡ, lấy làm một sự chẳng ngờ. Bạch - ông mời vào trong điếm, trên điếm có tầng lầu, chính là cái lầu hắt chậu nước vào mình mới rồi, Chiếu-Thặng trong lòng lấy làm kỳ-dị. Chiếu - Thặng ngồi yên, bắt đầu hỏi Bạch - ông khởi - cư mạnh-khỏe, tức-khắc hỏi cô em Như-Hồng được bình-yên không. Bạch - ông thở dài, bèn lấy tay gạt đi mà đáp rằng : « Chớ nói đến nó ! chớ nói đến nó ! con ranh-con Như-Hồng nó là đứa bất-hiếu, động sự gì nó cũng trái ý tôi. Tháng trước vừa đây, tôi đã đuổi nó về phương nam, chừng độ này thì nó đã về đến nhà rồi. » Chiếu-Thặng mới nghe, chỉ biết vậy mà thôi. Sau dần dần hỏi ra mới biết rằng Bạch-ông lấy người thiếp, người thiếp là gái góa chồng, có người con trai riêng, tuổi cũng suýt- soát với Như - Hồng. Người thiếp thấy Như-Hồng đẹp, xui-giục Bạch-ông muốn ép lấy Như - Hồng làm con dâu mình. Như-Hồng chẳng thuận-nguyện, khăng-khăng ngang trái mệnh cha. Đứa con trai cậy thế chẳng kiêng-kị gì, thừa-cơ ghẹo bỡn Như-Hồng, Như-Hồng phát-nộ, lấy tay vả vào miệng người con trai thật đau, sưng miệng lên. Rồi trong nhà om-xòm, người thiếp của Bạch-ông lại hàng ngày càng cả tiếng lắm. Kẻ lân-lý ra vào biết sự ấy, ai cũng ngỏ lời bênh-vực Như-Hồng mà trách Bạch-ông là già mà ngu-lẫn. Cho nên Bạch-ông bất-đắc-dĩ, bắt Như-Hồng xuôi thuyền về phương nam nương ở với mẹ. Chiếu - Thặng nghe được sự ấy rất lấy làm hối - hận, chuyến đi này thật

là vô-ích mà phí công. Nhưng biết rõ được Như-Hồng còn chửa gả chồng, tấm lòng riêng cũng chút được yên-ủi Song-le kỳ thi mùa thu đã tới nơi, Chiếu-Thặng bất đắc-dĩ từ-biệt Bạch-ông lên kinh-đô để ứng-thi.

Chiếu - Thặng đi đến đô-môn, bắt đầu hỏi thăm vào nhà Tiết - sinh, là người gặp-gỡ kết - giao trong khi đi thuyền ngay nọ, tương-kiến rất mừng-rỡ. Chiếu-Thặng liền ở ngụ trong dược-điếm Tiết-sinh, nộp quyển vào trường, một phen ứng-thi, đỗ ngay hiếu-liêm (cử-nhân). Chiếu-Thặng liền viết một bức gia-thư gửi về báo tin cho cha mẹ mình hay, và nhờ cha mẹ mình lại hỏi thăm Bạch-mẫu với Như-Hồng ở nhà trạng-thái thế nào, gửi lời lên kinh cho mình biết. Hay đâu bức gia-thư của cha mẹ gửi đến, thì cha mẹ mình đành đã vô-sự, nhưng Bạch-mẫu thì biết tin Bạch-ông đã thú-thiếp, mà Như-Hồng thì chửa thấy về nhà. Bạch-mẫu một đàng nóng lòng vì con gái, một đàng đau ruột vì máu ghen, hiện đã thuê thuyền thẳng nẻo đi lên Lương-hương rồi. Chiếu-Thặng được tin ấy, như ngồi trên đống kim, không còn lòng nào đợi đến mùa xuân để thi tiến-sĩ nữa. Tức-khắc toan thu-xếp đồ hành-lý trở về, để dò-la tung-tích Như-Hồng ở đâu. Tiết-sinh thì cố lòng lưu lại, vì biết tài Chiếu-Thặng là tài khôi-giáp ở trong tay. Chiếu-Thặng khẩn-thỉnh nói rằng: « Cái ngày tiểu-đệ với đại-huynh còn dài, cái ngày tiểu - đệ với Như-Hồng hễ qua thời-kỳ này thì chung-thân để hận. Còn sự vinh-hoa phú-quí thì trong chí tiểu-đệ, thực coi như đám phù-vân. Đại-huynh là người tri-kỷ, nên biết cho tiểu-đệ cái chí ấy. »

Tiết-sinh lưu lại chẳng được, sáng ngày mai liền từ-giã tiến-phát. Chiếu-Thặng rẽ qua vào Lương-hương, tới nơi thì Bạch-mẫu cũng vừa mới đến, đương cùng với Bạch-ông cãi nhau, rách Bạch-ông sao được thú-thiếp, và bắt đền con gái mình ở đâu. Mẹ con người thiếp cả tiếng gầm-hét, Bạch-ông lại cùng về một hùa, ra sức bênh-vực. Bạch - mẫu tình ức thế cô, chỉ khóc-lóc mà thôi. May Chiếu - thặng khi ấy là vị tân-hiếu-liêm vừa đến, các nhà láng diềng đều bất-bình thay cho Bạch-mẫu, tranh nhau mách bảo với tân-hiếu - liêm. Chiếu - Thặng khi ấy cũng chẳng biết làm thế nào, chỉ bảo Bạch-mẫu rằng mẫu bất-tất tranh nhau bằng miệng lưỡi, sao chẳng đến huyện mà kêu tỏ, để quan xử-đoán cho lẽ phải-trái. Bạch - ông mới sợ-hãi, kịp nhờ người bạn đồng-nghiệp điều-đình phân-giải. Bạch-ông phải đưa ra một số tiền to cấp cho Bạch - mẫu, khiến Bạch-mẫu cùng tân-hiếu-liêm cùng về đất Việt-đông.

Chiếu-Thặng khi về đến nhà, là tân-hiếu - liêm về yết - kiến cha mẹ, thì thông già còn khỏe, huyên già còn tươi, gia-đình một cảnh mừng-rỡ. Duy Như-Hồng thì tuyệt-vời không thấy tin-tức gì, không biết ở đâu, Chiếu-Thặng trong lòng ngậm-ngùi, bằng dường mất cả hồn-tính. Bạch-mẫu thì vì cớ nhớ thương con gái, ngày đêm khóc-lóc, hai con mắt đều đã sưng đỏ. Chợt một hôm có một viên quân-quan cưỡi con bạch-mã, mặc đồ nhung-phục, mang đồ võ-trang, hỏi thăm đến nhà Bạch-mẫu, lấy roi ngựa gõ cửa. Bạch-mẫu kinh-hoàng ra mở cửa, thì thấy nghi-vệ quân-trang, kẻ hầu rậm-rịch, rất là khác thường. Viên quân-quan xuống ngựa bước lên nhà, hỏi Bạch-mẫu rằng: « Tôi có người nghĩa-đệ là Bạch-Hồ-Nhi, người ấy đối với Bạch-mẫu là người thế nào? » Bạch-mẫu kịp nói rằng: « Con gái tôi là Như-Hồng, Hồ-Nhi là tiểu-tự nó vậy, khách bởi sao mà biết, nay nó ở đâu? » Viên quân-quan cả cười lấy ra một phong thủ-thư đưa cho Bạch-mẫu và nói rằng: « Lạ thay! Thực là ả Hoa-Mộc-Lan lại hiện-thế đây. Tung-tích người ấy đều ở

trong thư, mẫu mở ra mà coi.» Bạch-mẫu đương khổ về bệnh mắt đau, vả lại biết ít chữ, xem không được hiểu cho lắm. Chiếu-Thặng ở nhà, nghe có vị tướng quân nào hỏi thăm đến nhà Bạch-mẫu, lấy làm lạ thường, kíp sang thăm Bạch-mẫu. Chiếu-Thặng thấy viên quan-quân, kíp tỏ lễ chào, mà còn đứng chắp tay. Bạch-mẫu vì giới-thiệu là tân-hiếu-liêm cho viên quan-quân hay, viên quan-quân cũng đứng lên tỏ lễ đáp lại. Rồi Chiếu-Thặng ngồi xuống, tiếp lấy bức thư coi giúp cho Bạch-mẫu, coi ra thì chính là thủ-bút Như-Hồng vậy.

Trong thư tự - thuật rằng : « Như-« Hồng này tự khi ở đất Lương-hương « bị cha đuổi, lại thay đổi ra nam-trang, « phụ vào chiếc hải-thuyền của thương-« khách, đi đường bể về phương nam. « Chợt ở giữa mặt bể, có một chiếc « thuyền láng-diềng bị quân cướp bể « lại cướp, trong thuyền ấy có hai mẹ « con người thiếu-nữ, và một đứa hầu « trai một đứa hầu gái, đều sợ hãi không « còn sắc người. Như-Hồng này nhảy « sang thuyền ấy, tay cầm thanh kiếm « vung ra đánh, quân cướp chạy giạt, « chém được ba đứa, còn đứa khác thì « đều trốn đi. Mẹ con người thiếu - nữ « mừng rỡ tái-sinh, cảm ơn cứu được « tính-mệnh, thỉnh Như-Hồng này bảo-« hộ cho về đến dinh người cha. Người « cha tức là chức Quảng-châu nam-« doanh tổng-nhung Lâm-công. Lâm-« công tiếp-kiến tạ ơn, rồi cho người « con trưởng là viên Nam-doanh tham-« nhung Lâm Đại - Du kết với Như-« Hồng này làm nghĩa huynh - đệ. « Người thiếu-nữ thì tức là em gái Lâm « Đại Du, tuổi mới mười bốn, tiểu-tự « là Lan-Tân. Bà Lâm-phu-nhân lại « hứa gả Lan-tân cho Như - Hồng này « để báo ân lớn. Như-Hồng này hai ba « lần từ-chối chẳng được, nói thác xin « về bẩm mệnh mẹ già, mới có thể hài « được. Bà Lâm-phu-nhân cố giữ lại « không cho về, đặc-mệnh con trưởng « là Lâm tham-nhung, cầm bức thủ-« thư của Như-Hồng này về bẩm với « mẹ, xin mẹ nói một lời để quyết-định « đi cho, chứ bấy lâu thì nhà họ Lâm « thực chửa ai biết Như-Hồng này là « nữ - nhi mà trang-sức nam-nhi đó « vậy.»

Chiếu-Thặng đọc xong hân-hỉ như cuồng, vì Bạch-mẫu kể rõ sự - trạng. Bạch-mẫu cười bảo Lâm tham-nhung rằng : « Thái-phu-nhân quả có thịnh-ý, chẳng bỏ kẻ hàn-vi. Song-le Hồ-Nhi nhà tôi nó vô-phúc, chẳng có thể chuyển-hóa con gái làm con trai được, sự ấy biết làm thế nào ! » Bạch - mẫu nói xong, ba người đều vỗ tay cả cười. Bạch-mẫu nhân bảo Chiếu Thặng rằng: « Tân-hiếu-liêm với Hồ-Nhi tuy chửa thành vợ chồng, nhưng đã có lời ước-nguyện, vậy xin phiền hiếu-liêm thay tôi đi đón Hồ - Nhi về. » Lâm tham-nhung đứng dậy nói rằng : « Tôn-mẫu sao chẳng hạ-cố đến tệ-doanh, khiến lão-mẫu tôi được tỏ hết lòng. » Bạch-mẫu lấy cớ già ốm từ chối. Lâm tham nhung nói rằng : « Thế thì tôi xin về báo-cáo với lão-mẫu để đưa em Hồ-Nhi về.» Lâm tham - nhung liền từ-biệt trở ra đi. Được vài ngày, Lâm tham-nhung với Thái phu -nhân thân-hành đưa Như-Hồng về, đều đến nhà Bạch-mẫu, đồ tiễn-tặng rất phong-hậu.

Như-Hồng khi ấy mẹ con lại được gặp nhau, khôn xiết vừa thương vừa mừng.

Chiếu - Thặng đem lời Bạch - mẫu hứa sự hôn-nhân về bẩm với cha mẹ, cha mẹ cũng đều yên-ủi mừng vui, rồi chọn ngày lành tháng tốt, đủ lễ nạp-thái vu-qui.

Như-Hồng với Chiếu-Thặng kết tóc được hơn nửa năm, một hôm Như-Hồng bảo với chồng rằng : « Thiếp tôi có nghĩ rằng cha già tôi ở phương ngoài, không phải là cuộc đã kết-liễu ; nếu có sự gì chẳng lành, thì mẹ con

người thiếp kia nó tất bỏ đi như không vậy. Khoa thi tiến - sĩ mùa xuân này sắp-sửa tới nơi, chàng nên tiện đường lên kinh ứng-thí, rồi thăm cha già tôi gần đây thái-trạng thế nào. Trong nhà thì đã có thiếp tôi xin thay chàng trên thờ cha mẹ, dưới trị việc nhà, chàng chớ phải lo ngại.» Chiếu-Thặng cười nói rằng : « Hai chữ công-danh tôi vốn đạm-nhiên không thiết gì cả. Ngày xưa tôi ở chốn đô-môn, là vì lên thăm tin-tức nàng, may đỗ được một chút hiếu-liêm mà lại chẳng gặp nàng, tôi liền ngậm - ngùi về phương nam. Nay phượng - loan kết bạn mới già nửa năm, sao đã vội nói sự xa - xôi ly - biệt. Vả lại nhạc - ông mê - hoặc người vợ sau, đối với nhạc - mẫu đã từng chẳng có một chút tình gì nữa, nàng thuở nọ khi bị đuổi ra khỏi cửa, há lại còn có tình cha con đó thay ! » Như-Hồng nói rằng : « Gia-tình thực có thế, nhưng cái ân lớn sinh ra mình, sao nỡ khá quên. Chàng lại chẳng hay ông Cồ - Tầu ngày xưa cũng mê-hoặc người vợ sau, mà toan giết ông Thuấn, ông Thuấn có từng quên ông Cồ-Tầu đấy dư ! »

Chiếu-Thặng cả thẹn, đứng dậy tạ lỗi hối-hận lời nói mình là lầm, nhưng lại nói rằng : « Đợi vài năm nữa, tôi sẽ cùng nàng cùng đi thăm nhạc ông, khuyên nhạc-ông trở về phương nam.» Như-Hồng tỏ giáng trần-trọc chẳng yên mà nói rằng : « Thiếp tôi tuy là nhi-nữ, nhưng cái bước hồ hải đã quen, chàng có thể để cho thiếp tôi lại cải-trang làm kẻ nam - tử đi một mình được không ? » Chiếu-Thặng lắc đầu nói rằng : « Nàng quyết muốn đi, thì tôi cũng không dám cố lưu lại. Nhưng nàng phải tiến cho tôi lấy một người tiểu-tinh, hiền-thục cũng như nàng, để thay nàng xử-trị việc nhà mới được.» Hai vợ chồng cùng mỉm cười, rồi cái sự đi thành ra bãi-luận.

Như-Hồng tự khi nghe Chiếu-Thặng nói, ngày đêm vẫn đinh ninh một dạ vì Chiếu-Thặng tìm lấy một người tiểu-tinh, để mình sẽ được thỏa nguyện đi thăm cha. Sau tìm được ả Lan - Tân, tức là con Lâm-phu - nhân, là người hàm-ân lớn với mình, mà toan gả cho mình khi mình giả dạng nam-nhi ngày trước. Bà Lâm - phu - nhân cũng vui lòng nói rằng : « Ta vốn muốn giả nghĩa Như-Hồng, mà chàng hiếu-liêm họ Tùy cũng là một kẻ giai-sĩ, thực cũng xứng-đáng là rể ta. » Như-Hồng thì ra sức kết-hợp, rồi Lan-Tân cũng về cửa Chiếu-Thặng làm vị tiểu-tinh. Lan-Tân cũng tốt số, liền sinh hai con trai. Ngày tháng thoi đưa, phút chốc đã ba bốn năm, mà cái sự đi thăm cha của Như-Hồng vẫn chửa được như nguyện. Chiếu-Thặng vì cớ lấy tư-cách hiếu-liêm lại làm rể nhà họ Lâm là nhà quan sang rực-rỡ, tức-khắc được bổ chức tri-huyện. Nấn-ná ít ngày, rồi một phen Chiếu-Thặng với Như-Hồng cùng đi đến chốn Lương-hương cũ hỏi thăm Bạch-ông. Hỏi khắp cả mọi người không ai biết tung-tích đâu cả. Vì Bạch-ông tự khi mê-hoặc người vợ lẽ, nghiệp buôn cũng sa-sút, nay đây mai đó, cho nên không ai biết tung-tích ở đâu. Vợ chồng Như - Hồng khi ấy, cũng chỉ ngao-ngán trở về mà thôi.

Từ đấy sai người đi mọi nơi dò - la tin-tức, sau có người khất-cái đàn bà biết trỏ bảo chỗ mà chôn Bạch-ông. Như Hồng khi ấy khôn xiết cảm-thương, nhân chở quan-tài Bạch-ông về làng cũ. Xét hỏi ra thì người khất-cái đàn bà ấy tức là người vợ lẽ Bạch-ông ngày nọ vậy.

Như-Hồng tự thuở bé học lối nam trang, thường thích nghề múa gươm, nghề đá cầu, lại tập lối viết đại-tự, chữ cũng khác người. Thường cùng với Chiếu-Thặng đi chơi núi Tây-tiêu, núi Đỉnh-hồ, núi La-phù mọi núi, đi đến

đâu phóng bút viết chữ, để thơ trên đá, để ghi lấy dấu vết đi chơi, lại sai thợ đục khắc vào đá sâu đến vài phân. Kẻ gần người xa yêu mến chữ Như-Hồng, tranh nhau đến hòn đá dập lấy chữ, châu-báu như ôm vàng bích-ngọc. Bạch Như-Hồng hiền-hiếu hào-hiệp, văn vũ kỳ tài, thật là một vị kỳ-nữ-tử. Người đất Việt-đông có kẻ biết rõ sự Như-Hồng, lịch-tự thuở bình-sinh, xếp đặt ra thành truyện để làm sự giai-hoại trong nghệ-lâm.

Nhờ tay tế-độ vớt người trầm-luân

Khoảng năm Đại-lịch nhà Đường, có một chàng Thôi-sinh, người cha từng làm quan chức lớn, cùng với một viên công-thần nhất đời là Nhất-Phẩm quen thân. Thôi-sinh lúc ấy làm kẻ học-trò đương dùi mài kinh-sử, một hôm người cha sai đi thăm bệnh Nhất-Phẩm. Nhất-Phẩm triệu Thôi-sinh vào nhà trong. Thôi-sinh tuổi trẻ, dung-mạo như ngọc, tái-bái truyền mệnh cha. Nhất - Phẩm vui-vẻ ái-mộ, bảo cho cùng ngồi nói chuyện. Khi ấy có ba người kỹ-nữ nhan-sắc đều tuyệt-trần, ở trước mặt Nhất - Phẩm giữ việc sai khiến. Nhất - Phẩm truyền lấy một hộp quả đào đựng vào chiếc kim-âu đem bổ ra, rội nước ngọt vào mà tiến lên ăn. Nhất - Phẩm sai người kỹ - nữ mặc áo lụa đỏ bưng một hộp tiến cho Thôi-sinh. Thôi-sinh tỏ ý thẹn-thùng chẳng ăn. Nhất - Phẩm sai người kỹ-nữ áo đỏ ấy lấy thìa tiến lên tận miệng cho Thôi - sinh, Thôi - sinh bất-đắc-dĩ mới chịu ăn. Người kỹ - nữ mỉm cười, là cười rằng kẻ trượng-phu mà đeo thói kẻ nhi-nữ. Khoảnh - khắc Thôi-sinh mới từ-tạ đi về. Nhất - Phẩm ân-cần dặn bảo rằng: «Thôi quân! nhà ngươi lúc nào nhàn-hạ, tất lại chơi thăm hỏi lão - phu, chớ để giản-cách nhé!» Thôi - sinh tái-bái vâng lời, rồi trở ra về. Nhất-Phẩm sai người kỹ-nữ áo đỏ ấy tiễn-tống Thôi-sinh ra khỏi viện.

Lúc ấy Thôi-sinh ngảnh đầu đoái trông, thấy người kỹ-nữ áo đỏ ấy giơ lên ba ngón tay, lại lấy bàn tay lật đi lật lại ba lần, cuối cùng trỏ vào cái gương soi bằng vàng nho nhỏ hình tròn đeo ở đàng trước ngực, mà nói rằng: « nhớ lấy nhớ lấy! » Còn thì không nói gì nữa.

Thôi-sinh về nhà đạt cái ý ân - cần của Nhất - Phẩm cho nghe, rồi lại trở về thư-viện chuyên nghề học - tập. Nhưng từ đấy hồn mê ý tảng, nói-năng một ngày một ít, dung-mạo một ngày một gầy, hoảng-hốt ngẩn-ngơ, hàng ngày chẳng tưởng đến ăn, chỉ ngâm một bài thơ rằng:

Tới cảnh bồng-lai hồ dễ đâu,
Người tiên mắt biếc động làn thu;
Vầng trăng trong chốn thâm-cung hỡi!
Soi thấu cây quỳnh một mảnh sầu.

Kẻ tả người hữu chẳng ai xét ra được ý-tứ thế nào. Khi ấy trong nhà Thôi-sinh có một kẻ lão-nô tên là Ma-Lặc, Ma - Lặc nguyên là người giống Tây - vực, sinh-sản ở núi Côn - luân. Người cha Thôi-sinh khi đi sứ Tây-vực thu-dụng đem về nuôi làm kẻ gia - nô coi như chân như tay, tự thuở thiếu - niên cho đến lúc lão-đại. Ma-Lặc đoái nhìn Thôi-sinh mà nói rằng: « Trong tâm công - tử có sở - hận điều gì, sao chẳng bảo cho lão-nô này hay? » Thôi-sinh nói: « Lũ chúng bay biết gì, mà hỏi đến sự viển-vông ở trong tâm-trí ta. » Ma - Lặc nói: « Công - tử cứ nói, lão-nô sẽ vì công-tử giải-quyết. » Thôi-sinh lấy làm kinh-dị, mới đem cái sự trong bụng mình bảo cho hay. Ma-Lặc nói rằng: «Sự ấy là sự nhỏ đấy thôi, sao công-tử lại tự mình làm khổ mình thế vậy?» Thôi-sinh lại đem cái sự-trạng người kỹ-nữ mặc áo đỏ giơ ngón tay ngày nọ bảo với Ma-Lặc. Ma-Lặc bảo rằng: « Ý ấy có khó hiểu gì, người kỹ-nữ giơ lên ba ngón tay, là ý bảo rằng: trong nhà Nhất-Phẩm có mười viện ca-kỹ, viện người ấy ở là viện thứ

ba vậy. Bàn tay lật đi lật lại ba lần đó, là số 15, vì bàn tay có 5 ngón, ba năm mười lăm, là để ứng vào cái số ngày rằm ; trỏ vào cái kính nhỏ hình tròn ở trước ngực, là ý định-ước cái thời-kỳ đêm rằm mặt trăng tròn như mặt kính là cái thời-kỳ công-tử với người ấy hội-họp vậy.»

Thôi-sinh cả mừng bảo Ma - Lặc rằng : « Vậy làm cái kế thế nào mà có thể dẫn được ta vào chốn ấy ? » Ma-Lặc cười nói rằng : « Đêm sau này chính là đêm hôm rằm, xin công-tử hai tấm lụa sắc thâm-thanh hòa lẫn với sắc ban đêm, tôi sẽ vì công-tử chế ra một cái áo để mặc vào mình. Vả lại nhà Nhất-Phẩm có một con mãnh - khuyển, thường giữ cửa viện ca-kỹ, chẳng phải người quen chẳng đường đột vào được, hễ vào thì tất bị nó cắn chết ngay, nó sáng như thần, mạnh như hổ, tức là loài khuyển trứ-danh ở đất Trào - châu bể Mạnh-hải vậy, phi lão-nô này chẳng ai có thể giết chết được con mãnh-khuyển ấy. Tối hôm nay tôi xin vì công-tử đánh chết nó đi trước đã.»

Ma-Lặc liền mang một cái dùi sắt bước ra đi, được một chốc về báo rằng con mãnh- khuyển ấy đã chết, thực không ngại gì nữa

Đến đêm sau là đêm rằm, về khoảng canh ba Ma-Lặc đưa cho Thôi-sinh cái áo sắc thâm-thanh, liền cõng Thôi-sinh ra đi, trèo qua mười lần tường, tới chỗ thập-viện ca-kỹ, đến cửa thứ ba, thì thấy cánh cửa gấm chẳng đóng, ngọn đèn hoa tù-mù, chỉ nghe tiếng người kỹ-nữ thở dài mà ngồi, dường như có ý chờ đợi, và ngâm mấy câu thơ rằng :

Đỗng biếc hoa còn đợi Nguyễn-lang,
Ấy ai dưới nguyệt tiếng châu vàng ;
Mây xanh mù-mịt tăm hơi dứt,
Sáo ngọc sầu chia ngón phượng-hoàng.

Lúc ấy kẻ hầu-hạ đều ngủ cả, bốn bề lân-cận đều im lặng như tờ. Thôi-sinh mới bước lên se-sẽ mở mành đi vào. Người kỹ-nữ vội-vàng từ trên giường bước xuống đi ra nắm lấy tay Thôi-sinh nói rằng : « Thiếp biết rằng lang-quân thông-minh, tất hiểu ngầm được ý thiếp, cho nên thiếp ngày nọ nói với lang-quân bằng bàn tay đó vậy. Nhưng lại chẳng biết lang-quân có cái phương-thuật quỉ-thần gì mà đến được đây? » Thôi-sinh đem cái mưu của Ma-Lặc nói hết cho người kỹ - nữ hay Người kỹ - nữ hỏi rằng : « Ma-Lặc ở đâu ? » Thôi - sinh đáp rằng : « Ở ngoài bức rèm.» Người kỹ - nữ liền thỉnh Ma-Lặc vào, lấy bình kim-âu rót rượu mời Ma - Lặc uống Người kỹ-nữ bảo với Thôi-sinh rằng : « Nhà thiếp vốn ở đất Sóc-phương, khi chủ-nhân đây làm chức quan võ ở đó, hiếp bắt thiếp đem về làm kẻ tì - bộc, thiếp chẳng có thể chết đi được, vả còn sống trộm đấy mà thôi. Thiếp tuy mình mặc áo gấm vóc, tay đeo châu-thúy, nhưng cũng chẳng khác gì là người ở ngục trầm - luân. Bậc hiền - lão - phu đã có cái phương-thuật thần - hóa, sao chẳng vì kẻ trầm-luân này cứu cho thoát khỏi cái vòng lao-lung. Nếu được như sở - nguyện, thì dẫu chết cũng xin cam.» Thôi-sinh tỏ ý buồn-rầu, nín lặng chẳng nói gì. Ma-Lặc nói rằng:«Qui-nương ý đã kiên-quyết, thì sự ấy cũng là sự nhỏ đấy thôi.» Người kỹ-nữ lấy làm mừng lắm.

Ma Lặc liền xin ghé hai vai cõng Thôi-sinh và người kỹ-nữ bay ra hơn mười lần tường cao, kẻ thủ - vệ nhà Nhất-Phẩm không người nào biết cả. Liền đem người kỹ-nữ về giấu ở nơi học-viện nhà Thôi-sinh. Sáng sớm mai nhà Nhất-Phẩm mới biết. Nhất-Phẩm cả kinh - hãi mà rằng : « Sự này tất là có kẻ hiệp-sĩ đem đi, nên cứ yên lặng, chớ làm vỡ tiếng ra e có tai-vạ về sau này.»

Người kỹ-nữ ẩn náu ở trong nhà Thôi-sinh hai năm. Nhân mùa thưởng hoa, Thôi-sinh cùng người kỹ-nữ cưỡi một cái xe nhỏ ra chơi sông Khúc-giang, bị người nhà Nhất-Phẩm lẳng-lặng nhận biết, về bạch với Nhất-Phẩm. Nhất-Phẩm lấy làm lạ, liền triệu Thôi-sinh đến trách hỏi việc ấy. Thôi sinh sợ hãi, chẳng dám ẩn giấu, mới nói là vì có kẻ gia-nô là Ma-Lặc. Nhất-Phẩm nói rằng: « Kẻ ấy thực là người lạ vậy! Ta nay cũng chẳng dám tiếc gì một người kỹ-nữ, chỉ muốn thu-dụng kẻ ấy làm gia-nô. Ta với công-tử cùng đem cái vật yêu trao đổi cho nhau, thế nào?» Thôi-sinh dạ dạ, về bảo với Ma-Lặc. Ma-Lặc cười mà nói rằng: «Lão-phu này vì điều nghĩa mà làm sự ấy, một là báo ơn công-tử, hai là vớt kẻ trầm-luân, chứ cái phú-quí của nhà Nhất-Phẩm, thì lão-phu này vốn coi như đám phù-vân vậy.» Ma-Lặc khăng-khăng không hịu đi làm kẻ gia-nô cho Nhất-Phẩm. Nhất-Phẩm cả giận, sai quân giáp-sĩ 50 người lập-nghiêm cầm binh-khí đến vây nhà Thôi-sinh để bắt Ma-Lặc.

Ma-Lặc khi ấy cũng không cự lại, chỉ cầm một thanh trủy-thủ bay ra khỏi tường cao nhanh như cái cắt. Quân giáp-sĩ đuổi theo, tên bắn ra như mưa mà chẳng thể nào trúng được. Trong khoảng phút chốc đã chẳng biết Ma-Lặc đi về nơi nào. Sau Nhất-Phẩm lấy làm hối và lấy làm sợ, ngày đêm ra vào thường bắt kẻ gia-nô cầm binh-khí để giữ mình, như thế hơn một năm mới thôi. Lại hơn mười năm sau, nhà họ Thôi có người trông thấy Ma-Lặc ngồi bán vị thuốc ở chợ Lạc-dương, dung-mạo nhan-sắc vẫn như ngày trước. Hỏi ra thì Ma-Lặc bấy lâu vào ở trong núi tìm hái các vị thuốc đem ra bán các chợ ở nhân-gian, để tiêu-dao ngày tháng, dường như một vị thần-tiên bất-lão vậy.

Trùng-phùng dầu họa có khi

Năm canh-tuất hiệu Kiến-viêm triều Nam-Tống, tên tướng giặc ở Kiến-châu là Phạm Nhữ-Vi, nhân dịp đói kém đồ-đảng tụ họp đến hơn mười vạn. Mùa xuân năm sau, có viên triều-quan là Lã Trung-Dực, người đất Quan-tây làm chức Phúc-kiến thuế-quan, khi đi nhiệm chức, đường đi qua đất Kiến-châu, có người con gái tuổi độ 17, 18 bị quân giặc bắt được đem đi. Tướng giặc Phạm Nhữ-Vi nguyên có người hàng châu trong họ tên là Hi-chu, vốn là kẻ học trò, tuổi độ 25, 26, còn chưa lấy vợ. Khi người con gái họ Lã bị bắt, Hi-Chu biết là con gái nhà quan có nhan-sắc, tính lại nhu-hòa. Hi-Chu mới chọn ngày kết-hôn, làm lễ cáo tổ, đủ lễ hẳn-hoi, dựng làm chính-thất.

Mùa đông năm ấy triều-đình sai tước quận-vương là Hàn Thế-Trung, thống-lĩnh đại-quân đến tiến-tiễu. Người con gái họ Lã bảo với Hi-Chu rằng: « Thiếp tôi nghe xưa nay kẻ trinh-nữ chẳng thờ hai chồng, lang-quân đã cáo tổ thành-hôn, thì thiếp tức là nàng dâu chính-thất của nhà họ Phạm. Bây giờ Kiến-châu cô-thành đã hãm vào trong vòng nguy-bách, cái thế tất vỡ. Lang-quân là người thân-đẳng trong đám giặc, há khỏi chết được ư? Thiếp tôi chẳng nỡ trông thấy lang-quân chết, thiếp tôi xin chết trước.» Nói xong, liền cầm giao toan đâm cổ tự-vẫn. Hi-Chu kịp ngăn lại nói rằng: « Ta lỡ bước hãm vào trong đám giặc, nguyên không phải là bản-tâm, nhưng không tự-giải với ai được, thì ta chết cũng là trách-nhiệm có thừa. Chứ như nàng là con gái nhà quan, bị hiếp bắt ở đây, thực là bất-hạnh. Tướng-sĩ của triều-đình đều là người phương bắc, cùng với nàng đã là người đồng-phương, hoặc nói-năng tương-hợp, hoặc họ hàng uyển-chuyển tương-thân, lại

có lẽ được tái-sinh.» Người con gái họ Lã nói rằng: «Quả như vậy, thì thiếp tôi cũng chung-thân không có lẽ nào lại đi lấy chồng. Chỉ sợ rằng bị quân-quan bắt được cưỡng-bách làm vợ, thì thiếp tôi khi ấy thế chẳng chịu nhục được nữa, chỉ thề có một sự chết mà thôi.» Hi-Chu nói rằng: « Ta vạn-nhất trốn thoát mà còn sống sót, thì cũng thề rằng chung-thân chẳng lấy vợ nữa để đáp lại cái tâm của nàng ngày nay.»

Trước kia Lã Trung-Dực cùng với tước Hàn-quận-vương có quen biết cũ. Khi Hàn-quận-vương tiến quân qua Phúc-châu, cử Lã Trung-Dực làm chức đề-hạt-quan cùng đi đến Kiến-châu giẹp giặc. Hơn mười ngày thành Kiến-châu vỡ, đảng giặc tan, Hi-Chu thì chẳng biết chạy đi nơi nào. Khi ấy người con gái họ Lã thấy binh-thế quân-quan cả thịnh, kịp chạy vào một cái nhà hoang tự thắt cổ. Lã Trung-Dực đi tuần-cảnh, vừa đi đến nơi, chợt trông thấy, sai người cởi xuống, nhận ra thì là con gái mình vậy. Người con gái hồi lâu mới sống lại, nói hết sự-tình mình trước sau cho cha hay. Cha con gặp nhau, vừa thương xót vừa mừng rỡ. Khi sự giẹp giặc ở Kiến-châu đã xong, Lã Trung-Dực theo quân Hàn-quận-vương về đất Lâm-an (là nơi quốc-đô, tức là chỗ Hàng-châu tỉnh Chiết-giang), toan đem người con gái gả cho người khác. Người con gái chẳng thuận-nguyện. Lã Trung-Dực mắng rằng: « Mày còn quyến-luyến với giặc đấy dư?» — Người con gái đáp rằng: « Kẻ kia tuy danh-hiệu là giặc, thực ra là người quân-tử vậy. Kẻ kia những vì người thân-thuộc bức-bách đi làm giặc, bất-đắc-dĩ mà theo đấy thôi, chứ kẻ kia ở trong đảng giặc, thường làm điều từ-thiện, nếu có lẽ trời thì người ấy tất không chết. Con nay xin phụng Phật tại-gia, cũng đủ vui thờ cha mẹ, hà-tất phải đi lấy chồng.»

Đến năm Thiệu-hưng là năm nhâm-tuất, Lã Trung-Dực làm một chức tướng-lĩnh ở Phong-châu. Một hôm có viên sứ-thần ở Quảng-châu là Hạ Thừa-Tín, đem tờ công-văn đến dinh quan tướng-lĩnh, Lã Trung-Dực tiếp đón ở trong dinh. Người ấy đã đi rồi, người con gái mới hỏi Lã Trung-Dực rằng: « Người lại đây rồi đó là người nào?» — Lã Trung-Dực nói rằng: «Đấy là viên sứ-thần ở Quảng-châu đó.» Người con gái nói rằng: « Người ấy nói-năng đi đứng rất giống như gã họ Phạm ở Kiến-châu.» Lã Trung-Dực cười nói rằng: « Mày đừng nói càn. Người kia vốn họ là họ Hạ, cùng với gã họ Phạm của mày tuyệt không chút gì can-thiệp với nhau.» Người con gái tỏ ý ngậm-ngùi, rồi thôi không dám nói gì nữa.

Sau nửa năm nữa, Hạ Thừa-Tín vì chức-sự lại đến dinh Lã Trung-Dực. Lã Trung-Dực thời hoặc mời uống rượu ăn cơm. Người con gái liền nghé dòm ra, biết rằng thực là Hi-Chu vậy, mới nằn-nì kêu với cha. Lã Trung-Dực nhân khi Hạ Thừa-Tín uống rượu đã say, sẽ hỏi dò quê-quán và lý-lịch xuất-thân. Hạ Thừa-Tín tỏ ra dáng-bộ xấu-hổ mà đáp rằng: « Tôi vốn là người Kiến-châu, thực là họ Phạm, bị người họ là Phạm Nhữ-Vi làm đầu đảng bạn-nghịch, tôi bị hãm ở trong đảng giặc. Khi đại-quân lại tiến-tiễu, thành Kiến-châu vỡ, quân-quan kéo cờ chiêu-an. Tôi sợ rằng tôi là thân-thuộc với giặc, nhất-luật bị tru-di, mới đổi tên là Hạ Thừa-Tín, ra hàng quan-quân. Sau được lệ-thuộc ở dưới quân-quan Nhạc Thừa-tuyên (tức Nhạc-Phi), khi bắt giặc Dương-yêu, tôi là người phương nam có tài thiện thủy, thường được ở đội tiên-phong, mỗi khi chiến-đấu, tôi càng hết sức, vả cũng có chút công-lao, quan chủ-tướng biết cho, nên chi sau khi giặc yên, mới cho tôi nhiệm chức

châu huyện, kỳ-thủy tôi nhiệm chức Hòa-châu chỉ-sử, lần thứ hai nhiệm chức Hợp-châu-giám, sau này mới nhiệm chức chỉ-sử ở Quảng-châu.»

Lã Trung-Dực lại hỏi Hạ Thừa-Tín rằng: «Qui phu nhân của ngài họ gì?» Hạ Thừa-Tín chợt nghe lời hỏi ấy, bất-cấm hàng lệ sụt-sùi nói rằng: «Tôi khi ở trong đảng giặc, có bắt được một người con gái nhà quan họ Lã lấy làm vợ. Mùa đông năm ấy thành giặc vỡ, vợ chồng đều phân-tán trốn chạy. Và có ước với nhau rằng nếu sau này được toàn tính-mệnh, thì kẻ kia người ấy đều chớ lấy vợ lấy chồng nữa. Tôi sau này lại tìm được lão-mẫu tôi ở Tín-châu, đem về phụng-dưỡng. Hiện nay thì tôi chẳng từng lấy ai làm vợ. Một nhà chỉ có mẹ với con hai người, và đứa nữ-tì thổi cơm là một người nữa mà thôi.» Hạ Thừa-Tín nói đến đấy, hàng lệ chứa-chan khôn xiết thương cảm, nói không ra tiếng. Lã Trung-Dực cũng vì cảm-động Thừa-Tín là người có ân có nghĩa, cũng vì chảy nước mắt khóc, mới dẫn Thừa-Tín vào nhà trong tiếp-kiến con gái mình. Vợ chồng lại được tái-ngộ, đều lấy làm lòng trời ngầm giúp cho. Hạ Thừa-Tín lưu ở nhà Lã Trung-Dực vài ngày. Sự tái-ngộ xong, Lã Trung-Dực cho con gái mình tức-khắc theo Thừa-Tín về Quảng châu bái yết lão-mẫu, rồi ở liền Quảng-châu. Sau một năm nữa Lã Trung-Dực ở Phúc-châu nhiệm mãn, quanh đường đi xuống Quảng-châu, đợi Thừa-Tín năm sau cũng nhiệm-mãn, cùng về đất Lâm-an. Khi ấy Lã Trung-Dực được lĩnh Đô-đốc Hoài-thượng, Hạ Thừa-Tín được lĩnh chức Thanh-tra Hoài-thượng thuế-vụ, hai người đều được hưởng thanh-phúc hơn người, mà Hạ Thừa-Tín tức là Phạm Hi-Chu vậy.

TÙNG-VÂN *dịch*.

VĂN-UYỂN

Ngủ ngày

Tang-bồng nửa túi tạm ngơ qua,
Cửa thánh theo-đòi dấu Tề-gia (1);
Chén mộng đìu-hiu song bắc tựa,
Gối tình thiêm-thiếp gió đông pha;
Vắn-dài giấc lẫn vầng xe quạ,
Say-tỉnh cơn êm khúc mõ gà;
Toan để đêm khuya rồi sẽ thức,
Đèn từ soi tỏ khách gần xa.

Thức đêm

Cái mước đêm khuya đứng lại ngồi,
Một mình một bóng chiếc trăng soi;
Ruột tằm tơ vướng hồn văn-tự,
Cánh nhạn thoi đưa dấu vãng-hồi;
Ma-quỷ đường mê nhiều khách lạc,
Thánh-hiền gương cũ nhẫn ta noi;
Hỡi đâu bác gió đưa lời tới,
Tiếng trống pha chuông lẫn tiếng còi.

Dậy sớm

Tiếng gà lóc-cóc bóng sao thưa,
Dậy dậy đêm nay sớm thế vừa;
Thỏ-thẻ đầu cành chim học nói,
Tờ-mờ mặt bếp lửa dần đưa;
Già ho trẻ quấy trời hơi rạng,
Dậm thẳng đường xa khách biết chưa;
Những món phong-lưu ta sẽ thử,
Chén trà cung địch tính hay ưa.

Thanh-minh

Mấy khúc cồn cao mấy khúc sông,
Gió đưa man-mát giọt mưa nồng;
Tổ-tiên dấu cũ mầu phương-thảo,
Sơn-thủy tranh nay nét văn-tùng;
Sực nức trầm hương văn khăn cổ,
Dập-dìu xe ngựa lối đường thông;
Ấy câu báo-bản là kia thế,
Hỡi khách đồng-tông nhớ đấy không.

Họa thơ ngẫu-thành của cụ Cúc-hiên

Cái ông xanh-tít thấu tình chưa,
Sao xử làng nho lắm ngón sơ;
Gan-óc trót in ngòi bút nhợt,
Nước-non thêm thẹn bóng trăng mờ;
Cũng liều tám thước thân cho vững,
Để chỏng hai hàng mắt nhẫn đưa;
Rút lại xuân nay còn trẻ ngắt,
Rồi ra mây-gió cũng là vừa.

Tặng ông K. L. ở Phương-đề

Sự-nghiệp công-danh chú thế nào,
Tôi đây sao cũng chửa ra sao;
Theo-đòi bút-nghiễn mười năm dở,
Khua-múa tâm-can mấy lúc tào;
Gió Sở mây Tần cơn ngẫu-nhĩ,
Cờ Gôi chén Tản giấc chiêm-bao;
Cánh bằng ba-vạn chờ xem đã,
Gặp buổi đoán-loan sẽ tính cao.

Tặng bạn hay tổ-tôm

Thấy bảo nhà nho thích cái tôm,
Chi-chi tam sách phỗng quen mồm;
Nước non giã lộn chầy cao thấp,
Năm tháng xoay tròn dịp sớm hôm;
Thủ tục con bìa ai khéo luyện,
Chiều xuân cây thỏ tớ còn ôm;
Sẵn đây đâu phải người xa lạ,
Tí-tắc mừng nhau mấy tiếng nôm.

Xem chèo

Trò đời sao khéo « bịp » thằng ta,
Thế cũng nên ông thế cũng bà!
Đai-mũ bảnh-bao khuôn phấn-mỡ,
Râu-mày nhẫn-nhụi đám trăng-hoa;
Hay hèn tỏm-cắc năm canh nhỉ,
Biến-đổi mô-tê mấy tiếng à;
Nhắn bảo đàn em cho nó biết,
Chơi-bời chi « khểnh » cái con ma!

Đêm xem quốc-sử

Bốn nghìn năm lẻ nước non xưa,
Xóa đặt bao nhiêu cái ván cờ;
Nét bút anh-hùng son vẫn tím,
Ngọn đèn phong vũ lửa chưa mờ;
Canh khuya nghĩ lại mình ngu thật,

(1) Ông Tề-gia là học-trò đức Khổng. Tính thích ngủ ngày.

Gác kinh trông ra khách ẩng tờ ;
Những nghĩ thân trung câu ý ngoại,
Cùng ai tham giảng lúc bây giờ.

Tặng người buồn

Ngày buồn ngồi nghĩ lại buồn tênh,
Nhắn bạn tương-tri chớ ngủ khềnh ;
Ngõ lợi tằm se tơ vướng-vít,
Bể trần bèo giạt gót lênh-đênh ;
Mắt xanh âu để ai vào lọt,
Vận đỏ y xem nó ngửa bềnh ;
Trăm sự thờ trời ta cứ vững,
Khối tình nay đã nhẹ thênh-thênh.

Nhớ bác Mai-am

Trò đời hết hạ đã xoay đông,
Nhớ bác đêm nay bác nhớ không ?
Thức-ngủ hồn quyên cơn gió lạnh,
Đi về bóng thỏ ngọn đèn trong ;
Mấy lâu gặp-gỡ từng quen mặt,
Bỗng chốc chia-phôi luống trạnh lòng ;
Ngồi rồi mở xem pho sách cũ,
Vẻ xuân cười nói mực còn nồng.

Cảm ông J. J. Rousseau

Non sông ngẫm lại cảnh trời Tây,
Tiếng cụ Lư-thoa thoảng tới rầy ;
Mở mối nhân-quyền bia đá tạc,
Treo gương quốc-túy vẻ hoa bày.
Thành cao vi họa chưa cài nguyệt,
Nghiệp lớn ôi là chịu bỏ tay ;
Ơn ả Hoa-liên (Warens) gì báo đáp,
Ba sinh trời biển rộng khôn lấy.

Giấc mộng đêm xuân

Bóng trăng chênh-chếch đỉa đầu vơi,
Giấc mộng đêm xuân nghĩ mực cười ;
Non biển lòng ghi câu ước cũ,
Mây râu mặt dạn đám trò đời ;
Yêu hoa vớm hỏi hoa bao tuổi,
Nhắn nhạn xa trông nhạn tuyệt vời ;
Chiếc gối Trang-sinh hồn Vọng-đế,
Canh tàn xao-xác tiếng gà ai.

Xem lại sách cũ

Rằm con sách cũ lúc thâu canh,
Xem lại ơ hay lại giật mình :
Tiễn bạn đau lòng câu khẳng-khái,
Cảm đời choáng mặt khúc phiêu-linh.
Bể bằng muôn dặm chưa tan giá,
Hồn quốc hai vai những nặng tình ;
Mực nọ, son kia, nghiên bút đó,
Ngang-tàng còn vững mái đầu xanh.

Khúc đêm đông

(Trường-thiên cổ-thể)

Đêm đông, đêm đông, lại đêm đông,
Ba tháng đêm đông trời lạnh-lùng ;
Gió gào bến nguyệt đàn lơ-lửng,
Tuyết dọi am mây trống thì-thùng ;
Ông già quyển sách trước ổ đọc,
Con trẻ ngọn nến bên thềm giong.
À thù đoàn-viên cũng bảnh nhỉ,
Chiếc lưng gật-gù, đôi đùi rung.
Ôi ngoài hoàn-cảnh đó ai biết,
Càng biết bao nhiêu càng bận lòng.
Thử khoác áo mền lồng ấp nóng,
Thử điện tắt « phin », khăn nhiều trùng ;
Rón-rén trông ra ngoài cửa sổ,
Mịt-mù đâu đó là non sông ;
Hỏi trời chắc hẳn trời không bảo,
Trời cứ im-phắc ngồi trên không :
Trên không trên không lắng nghe kỹ,
Gọi đàn bằng-lảng tiếng chim hồng ;
Một hai ba bốn người tri-kỷ,
Sáu bảy tám chín điều thẹn-thùng ;
Ở đời mỗi việc thôi mỗi khác,
Đã qua lúc cùng ấy lúc thông ;
Cho nên bộ máy « Đại-luân-chuyển »,
Chúa xuân loanh-quanh đã nối vòng.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ mồng 1 đến 31 tháng bảy năm 1930)

Mồng 1.— *Ở Anh, bản hiệp-ước hải-quân ký ở* Londres *bị* Lord Beatty *và* Lord Jellicoe *là hải-quân đô-đốc phản-đối kịch-liệt tại Thượng Nghị-viện.*

Mồng 2.— *Tại điện* Trocadéro *ở* Paris, *có một cuộc biểu-tình lớn do ông nghị-viên* Henry de Jouvenel *chủ-trương để cổ-động về việc tài-giảm quân-bị và việc giao-hiếu hai nước Pháp Đức.*

— *Tòa Nội-các thứ bảy nước* Finlande *từ chức sau một cuộc đầu-phiếu quyết-nghị tại Nghị-viện.*

Mồng 3.— *Ở Pháp, sau một cuộc thảo-luận rất lâu có thủ-tướng* Tardieu *và các ông* Doussain, Locquin, Groussau Lefas, Herriot, Bracke, Francois-Albert *can-thiệp vào, thì bản dự-án về việc kỷ-niệm ngũ-thập chu-niên « Thông tục học-đường »* (école laïque) *được 387 phiếu ưng đối với 164 phiếu phản-đối.*

— *Ông* Marinkovitch *làm Tổng-trưởng bộ ngoại-giao nước* Yougoslavie *và chánh hội-đồng Hội Vạn-quốc đã tuyên-bố nhiều điều rất quan-trọng về các vấn-đề ghi trong chương-trình của Hội-nghị* Genève.

Mồng 4.— *Ở bên Pháp hai nước Pháp-Mĩ làm lễ kỷ-niệm «Ngày độc-lập» của nước Mĩ* (Independence day) *ở trước mộ đại-tướng Pháp* La Fayette *là người đã có công to trong việc độc-lập của nước Mĩ, và ở trước đài kỷ-niệm ở* Place des États-Unis *(tên một nơi công-trường ở* Paris*).*

— *Chính-phủ Hòa-lan đại-khái biểu đồng-tình cái chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng* Briand *nước Pháp, chỉ tỏ ra không đồng-ý một vài điều.*

Mồng 5.— *Viện « Luân-lý chính-trị-học bác-sĩ » nước Pháp* (Académie des Sciences morales et politiques) *bầu ông* Politis *là Công-sứ Hi-lạp ở* Paris *và cựu thủ-tướng Anh là ông* Stanley Baldwin *làm hội-viên ngoại-quốc của viện.*

— *Quốc-vương và Hoàng-hậu Lỗ-mã-ni sắp xin thủ-tiêu bản án ly-dị trước.*

Mồng 6.— *Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao nước Hung-gia-lị* (Hongrie) *là ông* Walks *đã bày tỏ tại ban uỷ-viên Thượng-nghị-viện nước ấy cái ý-kiến của chính-phủ đối với chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng Pháp* Briand. *Hoàng-thân* Joseph, *bá-tước* Bethlen *và thủ-tướng* Berzevicky *có dự vào cuộc thảo-luận.*

Mồng 7.— *Vì ý-kiến chính phủ Pháp và Đức khác nhau, hiện-thời chưa hòa-giải được, nên đại-biểu của hai nước đồng lòng hoãn cuộc điều-đình về vấn-đề hạt sông* Sarre, *và sẽ trù-tính xem tháng mười này có thể lại tiếp-tục được cuộc điều-đình đó không.— Tờ quốc-thư của nước Ý trả lời về bản chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng Pháp* Briand *đã gửi đến bộ ngoại-giao Pháp.*

— *Chúng nghị-viện Anh chất-vấn ngoại-tướng* Henderson *về việc điều-đình của chính-phủ Anh với chính-phủ* Soviets, *thì ông trả lời rằng vấn-đề mở công-thái với vấn-đề các trái-khoản đối với dân nước Anh, không có liên-can gì với nhau.*

— *Nghị-viện nước Mĩ bắt đầu thảo-luận về bản hiệp-ước hải-quân ký tại* Londres.

Mồng 8. — *Thượng-nghị-viện nước Pháp chất-vấn thủ-tướng* TARDIEU *về việc cấm các viên-chức không được dự vào cuộc biểu-tình phản-đối Chính-phủ, nhưng khi bỏ vé quyết-nghị thì thủ-tướng thắng hơn được năm phiếu.*

— *Ban vỷ-viên ngoại-giao của Nghị-viện Đức đã nghe bác-sĩ* CURTIUS *thuyết-minh về việc nước Đức trả lời bản chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng* BRIAND *nước Pháp.*

Mồng 9. — *Thủ-tướng* TARDIEU, *ngoại-tướng* BRIAND *và nghị-viên* PERNOT *trình ban vỷ-viên ngoại-giao tại Thượng-nghị-viện Pháp biết cách-thức hai nước Pháp Đức điều-đình với nhau về vấn-đề sông* Sarre *như thế nào và các lẽ tại sao lại hoãn cuộc điều-đình ấy. Ngoại-tướng* BRIAND *lại cho đọc tờ trình của ông* TIRARD *tường-thuật về việc triệt-hồi các quân-đội đóng ở đất* Rhénanie.

— *Nghị-viện Pháp duyệt-y bản thương-ước của Pháp với Thuỵ-sĩ.*

— *Giáo-chủ* VINCENT VANNUTELLI *là chức Thánh-giáo viện-trưởng* (doyen du Sacré collège) *ở kinh-thành Giáo-hoàng tạ thế.*

Mồng 10. — *Ngoại-tướng* BRIAND *đã thuật rõ tại ban vỷ-viên ngoại-giao của Nghị-viện về tình-hình ngoại-giao nước Pháp.*

— *Chính-phủ Hi-lạp* (Grèce) *và Ba-lan* (Pologne) *trả lời ưng-thuận bản chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng Pháp* BRIAND.

— *Phái bảo-hoàng* (légitimiste) *nước Hung-gia-lị* (Hongrie) *đã đăng bài tuyên-cáo yêu-cầu cho hoàng-thân* OTHON, *đến tháng mười này trưởng-thành, được lên ngôi hoàng-đế.*

Ngày 11. — *Sau kỳ hội-đồng cuối cùng của Nghị-viện Pháp, một số nghị-viên thuộc các phái tả-đảng biểu-đồng-tình với tờ tuyên-cáo của các ông nghị* BLUM, HERRIOT *và* CHABRUN *tỏ ý phản-đối chính-phủ muốn đình-hoãn công việc của Nghị-viện.*

— *Tổng-lý Nội-các nước Lỗ-mã-ni là ông* MIRONESCO *đưa viên công-sứ mới Lỗ-mã-ni tại Pháp sang* Paris *và nhân tiện ngỏ lời đáp của Chính-phủ Lỗ-mã-ni về cái chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng* BRIAND.

— *Tờ phúc-đáp của Chính-phủ Đan-mạch* (Danemark) *về bản chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng Pháp* BRIAND *đã giao cho công-sứ Pháp ở* Copenhague (*kinh-đô Đan-mạch*). *Tờ đáp của Chính-phủ Đức* (Reich) *đã giao cho sứ-thần Đức ở* Paris *để chuyển-đệ cho Chính-phủ Pháp.*

— *Ở Đức có nhiều chuyện lôi-thôi do đảng quốc-gia gây nên đã xảy ra tại các thành* Duren *và* Maring. *Ở thành* Potsdam (Prusse) *người ta tìm thấy tại các nhà lãnh-tụ đảng quốc-gia nhiều nơi mật chứa những đồ binh-khí.*

— *Tổng-thống* HOOVER *nước Mĩ không thông-tư cho Thượng-nghị-viện các giấy-má về hiệp-ước hải-quân ở* Londres *để tỏ ý không muốn trả lời một câu hỏi của Nghị-viện.*

Ngày 12. — *Tờ đáp của chính-phủ Áo* (Autriche) *về bản chương-trình của ngoại-tướng* BRIAND *đã gửi đến bộ ngoại-giao Pháp.*

— *Quốc-vương* TUNISIE *sang Pháp dự hội kỷ-niệm Dân-quốc đã tới* Paris, *thành-phố tiếp đón long-trọng tại nhà Thị-sảnh.*

— *Chính-phủ* Lithuanie *giao tờ đáp bản chương-trình ngoại-tướng* BRIAND *cho công-sứ Pháp ở* Kovno *kinh-thành* Lithuanie).

— *Hội-đồng lập-pháp ở* Simla (*Ấn-độ*) *yêu-cầu cho* GANDHI *và* MOTILAL NEHRU

được tha và được đi dự Hội-nghị Ấn-độ tại Londres.

Ngày 13. — *Tòa Nội các* BRUNING *lại gặp nhiều nỗi khó khăn tại nghị-viện Đức.*

— *Đảng lao-động độc-lập nước Anh quyết-nghị trách cái chính-sách của nước Anh đối với Ấn-độ.* — *Hội-đồng lập-pháp ở* Simla (*Ấn-độ*) *phái một hội-viên đi khuyên-dụ* GANDHI *và* MOTILAL NEHRU *để đình cuộc vận-động bất-tuân pháp-luật.*

Ngày 14. — *Ngoại-tướng Pháp* BRIAND *tiếp đón bá-tước* MANZONI *nước Ý; bá-tước ngỏ lời chính-phủ Ý thuận theo chính phủ Pháp hoãn cuộc điều-đình hải-quân cho tới tháng chạp. Nước Ý đã ưng-thuận như thế này có lẽ may ra cuộc điều-đình của hai nước lại tiếp-tục được.*

— *Tờ đáp của chính-phủ Đan-mạch* (Danemark) *về bản chương-trình của ngoại-tướng Pháp* BRIAND *đã đem công-bố.*

Hội-đồng trị-sự nhà Thanh-trái quốc-tế Ngân-hàng họp ở Bâle (*Thụy-sĩ*).

Ngày 15 — *Chính-phủ Pháp tiếp được phúc-thư của các nước Đức, Thụy-điển* (Suède), Esthonie, Finlande *và Nhật-bản về bản chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng* BRIAND.

— *Chính-phủ nước* Finlande *bị kém phiếu tại Nghị-viện, đã tuyên-ngôn giải-tán Nghị-viện và định đến mồng 1 tháng 10 sẽ mở cuộc Tổng-tuyển-cử.*

— *Tại thành* Alexandrie, *xứ Ai-cập, có xảy nhiều cuộc xung-đột quan-trọng của bọn đình-công với cảnh-binh. Rút cục phải 16 người chết và 220 người bị thương, trong số đó có 50 người về bên cảnh-sát.*

Ngày 16. — *Tổng-trưởng bộ Dự-toán* (Ministre du Budget) *nước Pháp trù-tính, theo thể-lệ kiểm-sát của chính-phủ đã định, cho các bộ lục-quân, bộ hải quân và bộ hàng-không đủ kinh-phí về việc phòng-thủ trong nước.*

— *Tờ đáp của chính-phủ Hung-gia-lị* (Hongrie) *về bản chương-trình của ngoại-tướng* BRIAND *đã giao cho công-sứ Pháp ở* Budapest.

— *Tại Chúng-nghị-viện Anh, lời bàn của một nghị-viên xin khiển-trách cái chính-sách kinh-tế của chính-phủ bị 312 phiếu phản đối, chỉ có 241 phiếu ưng-thuận. Nghị-viện chất-vấn về các việc biến-động ở Ai-cập, thì thủ-tướng* MAC DONALD *nói đại-khái cái ý-nghĩa các mệnh-lệnh đã truyền cho các đại-biểu chính-phủ Anh và cho biết là đã phái hai chiếc chiến-hạm đến cửa* Port-Saïd.

Ngày 17. — *Bộ ngoại-giao Pháp đã tiếp được tờ phúc-đáp của các nước Anh, Tỉ, Bồ-đào-nha* (Portugal) *và* Yougoslavie *về bản chương-trình của ngoại-tướng* BRIAND.

— *Viên đại-tư-giáo* (grand mufti) *cùng các giáo-sĩ* (cheiks) *Ai-cập tuyên-bố lời hiểu-thị khuyên nhân-dân Ai-cập đừng nghe lời xui mà phản-đối chính-phủ.*

Ngày 18 — *Nghị-viện Đức bỏ 236 phiếu đối lại với 221 phiếu để ưng-chuẩn lời đảng xã-hội dân-chủ* (social dimocrate) *yêu-cầu xin bãi các sắc-lệnh thi-hành các luật về thuế của chính-phủ. Nội-các tổng-lý* BRUNING *phản-đối lại, đọc tờ sắc-lệnh giải-tán Nghị-viện và định đến 14 tháng 9 thì bầu lại Nghị-viện.*

— *Chính-phủ Ai-cập quả-quyết yêu-cầu độc-lập hẳn để trả lời một tờ thông-tư của chính-phủ Anh.*

— *Hội-đồng lập-pháp ở* Simla (*Ấn-độ*) *họp kỳ hội-đồng bế-mạc. Tổng-đốc Anh tiếp riêng một phái-bộ các nhà lãnh-tụ Ấn-độ.*

Ngày 19. — *Chính-phủ Pháp công-bố lời đáp của chính-phủ* Irlande *về*

bản chương-trình Liên-Âu của ngoại-tướng BRIAND.

— *Hội-nghị mưu cuộc hợp-nhất đảng xã-hội Ý đã lập ra « Ý-quốc xã-hội đảng », hỗn-hợp được cả các phái.*

— *Tờ đáp của nước Bảo-gia-lợi* (Bulgarie) *về bản chương-trình của ngoại-tướng* BRIAND *đã giao cho công-sứ Pháp ở* Sofia (*kinh-đô Bảo*).

— *Một việc bất-hòa mới xảy ra trong đảng quốc-gia ở Nghị-viện Đức. 18 người trong đảng này, cả bá-tước* WESTARP, *đã xin từ ra ngoài đảng.*

Ngày 20. — *Ông* PIÉTRI *thuộc-địa bộ tổng-trưởng diễn-thuyết tại thành* LA ROCHELLE *có giảng-giải về các phương-pháp cai-trị thuộc-địa của nước Pháp.*

— *Đảng quốc-gia Ai-cập* (whafdistes) *sau khi xét rõ tình-hình trong nước rồi, định cử một phái-bộ đến yêu-cầu vua* FOUAD *chiêu-tập Nghị-viện họp một kỳ hội-đồng bất-thường.*

Ngày 21. — *Bộ ngoại-giao Pháp công-bố tờ phúc-đáp của Hi-lạp và* Yougoslavie *về bản chương-trình Liên-Âu của ngoại tướng* BRIAND.

— TCHITCHÉRINE *à tổng-ủy-viên bộ ngoại-giao của chính-phủ Sô-viết từ chức.*

— *Tại* Port-Saïd *và* Le Caire (*Ai-cập*) *có xảy ra nhiều cuộc biểu-tình dữ-dội của đảng quốc-gia* (whafdistes), *lính cảnh-sát phải dùng khí-giới để chống lại với bọn biểu-tình.*

— *Ông* GANDHI *đàm-luận rất lâu cùng các nhà lãnh-tụ Ấn-độ.*

— *Thượng-nghị-viện Mĩ bỏ 58 phiếu đối lại với 9 phiếu để duyệt-y bản hiệp-ước hải-quân ở* Londres.

Ngày 22.— *Tờ trả lời của chính-phủ Bảo* (Bulgarie) *về chương-trình Liên-Âu đã công-bố tại Pháp.*

— *Ông* LITVINOF *thay chân cho ông* TCHITCHÉRINE *ở bộ ngoại-giao chính-phủ Sô-viết.*

— *Tại* Port-Saïd (*Ai-cập*) *lại có cuộc biểu-tình lưu-huyết. Thủ-tướng Ai-cập can vua* FOUAD *đừng nên chuẩn đơn cho Nghị-viện họp hội-đồng bất-thường.*

— *Phái Hồi dân ở Ấn-độ họp cuộc biểu-tình quyết-nghị công-kích tờ trình của phái-bộ* SIMON *và biểu-đồng-tình với cuộc vận-động của* GANDHI.

Ngày 23.— *Tại miền* Basilicate *và* Pouilles *nước Ý có động đất rất tai-hại.*

— *Ở Anh, ông* HENDERSON *trình Chúng-nghị-viện biết rằng ông không nhận được tờ thông-cáo nào của Nội-các Ai-cập và các quân-đội Anh không có dính-dáng gì đến việc dẹp loạn ở các nơi* Le Caire, Port-Saïd *và* Suez *bên Ai-cập cả*

— *Có tin bà* KOLLONTAY *sẽ được cử làm sứ-thần của chính-phủ Sô-viết tại* Stockholm, *kinh-đô Thụy-điển* (Suède).

— *Đảng quốc-gia xứ* Irak *ở Tiểu-Á-tế-á do Anh bảo-hộ) phản-đối bản hiệp-ước của Anh với* Irak *và nhất-định cổ-động để ngăn-cản sự duyệt-y bản ước đó.*

Ngày 24. — *Bản hiệp-ước của chính-phủ Pháp tại Đông-dương với chính-phủ Trung-hoa đã đem công-bố.*

— *Việc động đất bên nước Ý đã làm chết mất ngót 2.000 người, 4.264 người bị thương, 3.188 nhà bị phá tan và 2.767 nhà bị hư-hỏng.*

— *Tại Ấn-độ, ông* GANDHI *đã thương-thuyết một lần thứ hai về tình-hình trong nước cùng hai lĩnh-tụ* TY BAHADUR PAPRU *và* JYAKUR, *và có giao cho* JYAKUR *một bức thư chính tay ông viết cho hai ti-tướng ông hiện vẫn bị giam là* MOTILAL NEHRU *và* JAWAHARTAL NEHRU.

Ngày 25. — *Quốc-vương Ai-cập* FOUAD *tuy không thuận chiêu-tập Nghị-viện mà*

đảng quốc-gia Wafd *cứ nhất-định ngày 26 tháng này họp các dân-biểu Ai-cập.*

Ngày 26. — *Ông nguyên thủ-tướng Anh là* STANLEY BALDWIN *diễn-thuyết ở* Yorshire *tại quận* Brighouse *có nói trước rằng nội trong sáu tháng nữa tòa Nội-các* MACDONALD *tất bị đổ và sẽ phải khởi-hành tổng-thuyển-cử.*

— *Các đại-biểu Ai-cập ở Thượng-hạ Nghị-viện thuộc đảng quốc-gia* Wafd *đã họp hội-đồng, có* ADBEK SALAAM FAHUNG *chủ-tọa và quyết-nghị công-kích Nội-các Ai-cập.*

Ngày 27. — *Thủ-tướng Pháp* ANDRÉ TARDIEU *đọc ở* Nancy *một bài diễn-thuyết quan-trọng có bày tỏ cái chương-trình của Nội-các về đường kinh-tế.*

— *Bác-sĩ* WIRTH, *tổng-trưởng bộ nội-vụ nước Đức, tại Nghị-viện đọc diễn-văn có vô-tuyến-điện truyền-thanh, yêu-cầu xin cải-cách các tệ-tập trong Nghị-viện, bỏ hết tư-lợi của các đảng-phái mà mưu lấy sự công-ích cho quốc-gia.*

Ngày 28. — *Tổng-trưởng bộ Ấn-độ ở Anh thông-cáo Chúng-nghị-viện biết rằng cuộc hội-nghị Anh Ấn sẽ họp sau cuộc Đế-quốc Hội-nghị.* — *Đến mồng 2 tháng mười này ban ủy-viên Anh-Nga sẽ họp để thảo-luận các khoản nợ của người Nga.*

— *Ở Đức lập một đảng mới gọi là « Đức-quốc-đảng »* (Parti allemand d'Etat) *gồm cả các phái bình-dân, phái Cơ-đốc liên-hiệp, phái dân-biểu và phái « Tân-Đức »*

Ngày 29. — *Tại nhà Thị-sảnh thành* Paris *làm lễ Kỷ-niệm cuộc cách-mệnh năm* 1830 *và cờ tam-tài của Pháp* (les trois Glorieuses). *Trước mặt quan Tổng-thống đến dự-lễ, ông chánh Hội-đồng thành-phố và thủ-tướng* ANDRÉ TARDIEU *có đọc diễn-văn.*

— *Chính-phủ Anh trả lời Chúng-nghị-viện về các vấn-đề Ai-cập, Ấn-độ và các khoản cho vay chính-phủ Sô-viết.*

— *Kỳ tổng-tuyển-cử ở Gia-nã đại* (Canada) *đảng bảo-thủ được toàn-thắng. Tòa Nội-các về đảng tự-do đã từ chức.*

Ngày 30. — *Đảng dân-chủ ở Đức giải-tán để sáp-nhập vào với «đảng Đức-quốc» mới lập. Lãnh-tụ đảng bình-dân* (populiste) *mưu lập một liên-đoàn để vận-động việc bầu-cử* (bloc électoral), *nhưng không thành.*

— *Thủ-tướng Anh* MAC DONALD *thông-cáo cho Chúng-nghị viện biết rằng chính-phủ sẽ không để một người nào trong phái-bộ* SIMON *dự vào Hội-nghị Anh-Ấn sau này. Thủ-tướng lại tuyên-bố cả cái chương trình của kỳ Đế-quốc Hội-nghị sắp họp.* — *Tổng-đốc Anh ở Ấn-độ cho phép các nhà chuyên-trách được thương-nghị với* GANDHI *để tìm cách hòa-giải cho ổn-thỏa.*

Ngày 31. — *Chính-phủ Pháp đề-phòng nghiêm-ngặt để giữ trật-tự trong ngày 1er Août, là ngày bọn cộng-sản định đi cổ-động dấy loạn. Nhiều tay cộng-sản hăng-hái, trong số đó có ông* BONTE *làm chủ-bút tờ báo* Humanité, *bị bắt và bị truy-tố về tội xui giục binh-lính bất-tuân-lệnh.*

— *Bọn cộng-sản khởi thế công tại miền Nam nước Tàu khiến cho chính-phủ Nam-kinh đang phải khó-nhọc chống giữ quân Bắc, càng thêm bối-rối.*

. .

Thời cục nước Tàu. — Cuộc cờ Tàu thay đổi rất chóng, vừa mới ngày nào lưỡng-quân giốc-thắng chưa phân thắng-phụ, mà mới hơn tháng nay Tế-nam mất, ngựa Diêm đã phải lui; Lan-phong phá, xe Phùng đã phải chạy, tướng-sĩ quân Nam đã hò-reo qua sông Hoàng-hà, vượt đường Lũng-hải tiến lên miền Bắc ầm-ầm. Đương lúc Bắc-quân đã nguy núng, bọn Diêm

Tích Sơn, Uông Tinh-Vệ và Tạ Trì còn cố tổ-chức lấy một chính-phủ mới, nào là tôn Diêm lên làm quốc-trưởng, nhận chức chủ-tịch. Uông và Tạ cũng đều nhận chức ủy-viên chính-phủ mới ở Bắc-bình. Lại kê tên viên-chức nội-các đều nhường cả cho phái Trương Học-Lương, chứ phái Diêm phái Phùng đều không có ai; Diêm làm như thế là muốn cố lấy lòng Trương, mong Trương giúp sức cho. Vả Diêm nay mà lập ra chính-phủ, chẳng qua là một cái mưu của Diêm hô-hào bọn phản-động ở Mãn-châu theo về bắc-phương, mà bắc-phương từ nay đứng ra mặt độc-lập, chứ không phải là một phái khởi-nghịch nữa.

Ở Nam-kinh thì cho rằng Diêm lập chính-phủ mới cốt ý bó-buộc Trương Học-Lương phải quyết-đoán về bên nào. Nhưng Trương vẫn nhùng-nhẳng tuyên-bố trung-lập, không nhận chức chính-phủ mới của miền Bắc.

Trước kia vẫn đoán Trương Học-Lương thế nào cũng ra giảng-hòa. Nhưng thế nào cũng để cho đánh nhau đến kiệt-quệ rồi, chờ khi một bên sắp đổ, mới đứng ra điều-đình. Bởi vì Trương vốn chẳng ưa gì Tưởng, mà lại vốn ghét Diêm Phùng, nhưng nếu Tưởng đổ, thì Diêm Phùng tất chẳng tha Trương; mà Diêm Phùng diệt, thì Trương cũng không lành với Tưởng. Từ khi khai chiến hai bên đều cầu Trương vào phe với mình, bên Diêm thì lấy Bắc-bình và Thiên-tân làm lễ khấn, bên Tưởng thì lấy chức phó tổng-tư-lệnh làm mồi câu. Trương đều tuyên-ngôn trung-lập, bởi vì bấy giờ về với bên nào cũng là không lợi cho Trương. Nay hai bên đánh nhau đã đến bảy tháng trời, mà gần đây Diêm Phùng thua luôn mãi, sắp kiệt-quệ rồi, Trương mới tuyên-ngôn nhận chức Phó-tổng tư-lệnh, rồi đem quân vào giữ Bắc-bình và Thiên tân, đánh điện giảng hòa, thế là bề ngoài là về với Tưởng theo mệnh-lệnh trung-ương mà nhận chức, đem quân vào chiếm đất của bọn Diêm Phùng; bề trong là cứu cho bọn Diêm Phùng khỏi đến bại-diệt mà ngăn quân Tưởng không cho đánh nữa, vừa được bên nọ, vừa được bên kia, vừa được danh vừa được lợi, ấy cái tâm-địa của Trương Học-Lương là như thế.

Hiện nay quân của Trương Học-Lương đã tự Sơn-hải quan tiến vào Bắc-bình và Thiên-tân. Diêm Tích-Sơn đã hạ-lệnh cho đại-bản-dinh phải nghênh-tiếp quân Phụng-thiên cho khỏi sinh ra việc phân-tranh.

Trong khi quân Phụng và quân Tấn (quân Diêm) thay đổi nhau rất là êm đềm, các cơ-quan cũng vậy, tuyệt không có vẻ gì xung-đột cả. Vậy đủ biết rằng Trương Học-Lương chẳng có ý tốt với bên nào. Trương đem quân vào cửa quan chuyến này, chẳng qua có hai mục-đích: Một là chiếm lấy Bình Tân làm lợi cho mình; hai là bảo-toàn thực-lực cho bọn Diêm, Phùng, cho khỏi tiêu-diệt; tuy Trương vẫn ghét Phùng và chẳng ưa gì Diêm, nhưng nếu để cho hai người ấy bại-diệt thì Trương thành thế cô, khó lòng chống nổi với Tưởng vậy.

Trương lại muốn đem quân Phụng-thiên đặt một miền trung-lập ở giữa để tiện việc điều-đình, ý là muốn thực-hành dùng võ-lực để giảng-hòa, bắt hai bên phải bãi binh.

Ở Nam-kinh thấy việc hành-động của Trương Học-Lương rất lấy-làm lo sợ, vì việc hành-động của Trương trái với phương-châm của chánh-phủ Quốc-dân, như đã hạ-lệnh bắt các người trọng-yếu của Tưởng ở Bắc-bình, và giải-tán tất cả các địa-phương ủy-

hội quốc-dân-đảng, hành-động như thế thì vị-tất đã hẳn về bè với Tưởng.

Có người bảo rằng thời-cục nước Tàu sau này, không khéo lại do cái cuộc Tưởng Diêm chiến-tranh, mà xoay ra cái cuộc Tưởng Trương ám-đấu.

Nhưng cứ như tin gần đây thì Trương đã phát-biểu lời điện ủng-hộ Trung-ương Đại-ý nói công-cuộc kiến-thiết, ở việc tiễu-trừ nạn nội-tranh. Học-Lương này vẫn theo cái ý-chỉ hòa-bình trong bức thông-điện ngày tháng ba, xin các phương lập-tức đình-chiến, để cho dân được khỏi sự khốn-khổ, định cái kế vĩnh-viễn cho nước nhà, mà yên lòng người, các bạn đồng-chí nên hết lòng theo mệnh xử-trí của chính-phủ trung-ương, đều tỏ ý-kiến để mưu điều quốc-thị, Học-Lương cũng không tiếc sức hèn, xin thể ý dân để cứu nạn nước, khiến cho nhân-dân khỏi lưu-li và địa-vị quốc-tế khỏi phải chịu kém hèn.

Trương lại điện khuyên Diêm, Phùng bỏ binh-quyền xuất-dương đi nước khác, để được tập-trung võ-lực, hết sức trừ-tuyệt đảng cộng-sản, để cứu sự nguy-vong.

Nhưng Tưởng thì muốn thu cuộc toàn-thắng, tảo-trừ cho hết thực-lực của Diêm Phùng. Tưởng đã điện trả lời Trương Học-Lương rằng: Trung-ương vẫn muốn hòa-bình, đối với lời điện hòa-bình của Trương rất là tán-thành. Thế nhưng bọn Diêm Phùng là kẻ phản-nghịch, đảo-loạn hòa-bình, phá-hoại thống-nhất, bọn Diêm Phùng không trừ tất làm trở-ngại cuộc hòa-bình. Vậy nên Tưởng phải đánh kỳ cùng, không thể điều-đình với quân phản-nghịch.

Chính-phủ trung-ương cũng điện trả lời Trương Học-Lương giống như lời của Tưởng, lại khen Trương đã theo lệnh trung-ương vào thu-thập Bình Hàn, dẹp bọn phản-nghịch.

Chính-phủ trung-ương lại giục Trương nhận chức bải, lục, không quân phó tổng-tư-lệnh. Lại cử Trương làm ủy-viên thiên-hậu, để thu-thập thời-cục miền bắc.

Các tướng-lĩnh bộ-hạ Diêm, Phùng và Lý Tôn-Nhân cùng quân tạp-sắc tất cả là 69 người có điện cho Trương Học-Lương xin tán-thành cách chủ-trương của Trương, và bảo cho biết nên thế nào để theo con đường chính-đảng. Trương trả lời nói muốn được theo con đường chính-đảng, chỉ có cách là yên dợi lệnh xử-trí của chính-phủ trung-ương mà thôi.

Công-sứ-đoàn ở Bắc-bình bàn về thời-cục Trung-hoa, có nói sau khi Trương Học-Lương giúp chính-phủ Trung-ương, quân Quảng-tây nghe tin bỏ lui, Lư Hưng-Bang ở Phúc-kiến cũng lui, Lưu Văn-Huy đình-chỉ việc xuất binh, Trương Học-Lương làm việc ấy thực có ích-lợi cho đại-cục Trung-quốc rất to vậy.

Hiện nay quân Trung-ương đã họp cả ở đường Bình Hàn, đã hạ lệnh tổng công-kích, hiện đã chia từng toán bổ vây hai thành Trịnh-châu và Lạc-dương.

Có tin rằng Nam-quân đã đánh lấy Trịnh-châu và chiếm được Khai-phong rồi.

Tưởng Giới-Thạch có thông-điện cho các tướng-lĩnh tập đoàn quân thứ hai và thứ ba khuyên-dụ đầu hàng. Đại-ý nói: Các ngươi ở trong cuộc đại-bao-vi, lui ra đã không có lối nữa. Trung-Chính này sẵn lòng yêu mến các ngươi vẫn như ngày trước, dẫu vẫn phải dùng cái thế vây bọc, nhưng không nỡ lòng tiễu-diệt, khuyên các ngươi phải quả-

quyết phản-chính, ở đâu về đó, yên đợi lệnh Trung-ương xử-trí, Trung-ương tất coi như một. Nếu còn lần-quần theo quân nghịch cam làm hi-sinh, thế là tự mình làm nên tội, Trung-Chính dù có lòng yêu cũng không giúp được, hoạ phúc công tội, các ngươi nên tự chọn lấy.

Phùng Ngọc-Tường hiện nay ở khắp mặt trận bị thua luôn mãi, Phùng đã hạ-lệnh cho toàn-thể lui quân về phía tây Trịnh-châu. Quân lui một cách rối loạn, bỏ lại khí-giới và quân-lương rất nhiều ; bị bắt làm tù-binh đến hàng vạn.

Phùng lại hạ lệnh cho những bộ quân ở Củng-huyện, Hắc-thạnh-quan lui về Thiểm-tây, bọn Tống Triết-Nguyên, Điền Kim-Khải đã bắt đầu lui. Nhưng bọn Trương Tự-Trung, Cát Hồng-Xương và Bàng Bỉnh-Huân không muốn lui về Thiểm-tây, đã quyết đầu hàng quân Nam.

Lại có tin rằng quân Phùng nghĩ không thể lui về Thiểm-tây được, nên quyết nghị để Lộc Chung-Lân ra mặt, thử điều-đình với Tưởng xem sao.

Xem thế thì thực-lực quân Phùng đã suy kém, Phùng biết công cuộc sẽ hỏng, đã có ý lui.

Hai phái Cải-tổ và phái Tây-sơn sau khi bỏ Bắc-bình đến Thạch-gia-trang để họp bàn cách bổ cứu, nhưng vì ý-kiến không hợp, không có kết quả gì, nên Uông Tinh-Vệ cùng mọi người đã đến Thái-nguyên để cùng Diêm Tích-Sơn bàn kế cuối cùng.

Có tin ở Thái-nguyên nói rằng Diêm Tích-Sơn, Uông Tinh-Vệ, Trần Công-Bác sẽ từ Sơn-tây ra Tuy-viễn rồi qua Tây-bá-lợi-á đi sang *Paris*. Sau khi Diêm đi, việc quân giao cho Phó Tác-Nghĩa, việc chính giao cho Triệu Đái-Văn chịu trách-nhiệm xử-lý. Cứ như tin trên này thì cuộc chiến tranh nước Tàu có thể liễu-kết được chăng ?

Đàm Diên-Khải tạ-thế. — Quyền chức chủ-tịch chính-phủ Nam-kinh là Đàm Diên-Khải bỗng tạ thế hồi 10 giờ sáng ngày 22 tháng chín, thọ 55 tuổi. Các yếu-nhân nghe tin ai nấy đều thương xót, cả thành đều hạ cờ rũ để tỏ lòng thương. Điển-lễ tống-chung cốt làm cho rất long-trọng để tỏ cái chí-ý của chính-phủ báo đáp một vị kỳ-cựu và có công lớn. Cùng thời thông lệnh các cơ-quan, các đoàn-thể cả nước hạ cờ rũ để tỏ lòng thương xót.

Chính-phủ quốc-dân có mở cuộc hội-nghị khẩn-cấp lâm-thời, quyết nghị ba việc: 1° làm lễ quốc-táng Đàm Diên-Khải; 2° Cử Hồ Hán-Dân thay Đàm quyền chức chủ-tịch chính-phủ quốc-dân ; 3° Cử Tống Tử-Văn thay Hồ quyền chức trưởng viện hành-chính.

Các công-sứ và các đại-biểu các nước đều có thư chia buồn với chính-phủ Nam-kinh.

Anh giao trả Uy-hải-vệ — Uy-hải-vệ là một hải-cảng rộng 1505 dặm Anh, nước Tàu nhượng cho nước Anh từ năm 1898, đã được hơn 30 năm, nay Anh giao trả cho nước Tàu, làm lễ rất long-trọng để tỏ ý thân-mật. Tuy vậy người Anh còn được quyền dùng trong 10 năm ở các công-sở, như nhà thương và chỗ nghỉ của thủy-binh. Vương Chính-Đình tuyên-ngôn sẽ điều-đình với chính-phủ Pháp đòi lại Quảng-châu-loan.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Août đến 15 Septembre

Bắt được « bom ».— Đêm hôm 15 Août trong lúc thành-phố Sài-gòn rộn-rịp tiếp đón quan Tổng-thống quân-vụ Đông-dương mới BILLOTTE, lính cảnh-sát khám một chiếc xe bắt được một quả «bom» giấu trong vỏ bưởi khâu kín của bọn cộng-sản định thừa lúc đông mà thi-hành thủ-đoạn bạo-động.

Việc lôi-thôi ở biên-giới.—Hôm 16 ba người An-Nam bị bắt ở Vân-nam giải về đến ga *Hokéou* là nơi giáp-giới Bắc-kỳ với địa-phận Tàu, thì có một toán lính cảnh-sát Tàu và nhân-dân ra đón cướp-giựt, ba người này đến hôm 22 lại bị chính-phủ Trung-hoa bắt giao trả chính-phủ Pháp.

Hội-đồng đề-hình đi Hải-dương.— Hôm 20 Hội đồng đề-hình đã xuống Hải-dương để xét hỏi 250 người bị cáo về quốc-sự.

Thợ đình-công.— Chiều hôm 21 có chừng một nghìn thợ các nhà máy Bến-thủy họp nhau biểu-tình để cổ-động bãi công ở nhà Diêm. Sáng 22 tất cả chừng 800 thợ các nhà máy ở Vinh đều bãi công. Hôm 25 lại thêm 400 thợ nhà máy cưa hưởng-ứng mà đình-công nốt.

Mấy cuộc biểu-tình ở Nam kỳ.—Đêm hôm 22 chừng 1000 người có mang khí-giới đến biểu-tình ở tòa đại-lý *Sadec*. Lính bắn chết 5 người và 3 người bị thương. — Ba giờ sáng lại các nơi Hóc-môn, Tân-thành đông, Tân-thôn và Ba-điểm cũng có mấy đám tụ-họp.— Sáng 23 tại Thuận-kiều (Gia-định) cũng có mấy đám biểu-tình. Mấy nơi đều có lính đến giải-tán.

Việc phòng-thủ xứ Đông-dương.— Một toán 500 lính Lê-dương ở Pháp đã sang tới Đông-dương. Chính-phủ Pháp lại đang gửi sang 5 chiếc xe *tank* để phân-phát cho Trung Bắc-kỳ.

Tổng-thống quân-vụ mới.— Sáng 25 quan Tổng-thống quân-vụ Đông-dương mới BILLOTTE đã tới Hà-nội.

Biểu tình ở Trung-kỳ.— Hôm 30 có một bọn chừng 2000 người biểu-tình kéo đến huyện Nam-đàn gần Vinh phá rào nhà pha và các nhà lân-cận và bách viên tri-huyện phải ký vào tập yêu-cầu của họ. Các quan chức ở tỉnh được tin cho một toán lính đến đàn-áp, nhưng bọn biểu-tình đã giải-tán cả.

Một thứ thuế mới.— Tòa Đốc-lý Hà-nội mới lập ra một thứ thuế quảng-cáo. Các biển rao hàng của các nhà buôn kẻ vào tường mỗi năm phải chịu một đồng một thước vuông. Các biển gỗ to cắm xuống đất hay treo trên tường thì chịu mỗi năm 7 đồng một thước vuông.

Hội-đồng Bảo-hộ.— Hội-đồng Bảo-hộ họp hôm 2 Septembre đã bác đơn chống án của 55 người quốc-sự-phạm bị hội-đồng đề-hình kết án độ nọ. Vậy 55 người này sẽ phải đem đi phát-vãng.

Một cuộc kinh-lý.— Quan Khâm-sứ Trung-kỳ LE FOL cùng quan Hình-bộ thượng-thư Tôn-thất Đàn đại biểu viện Cơ-mật đã đi kinh-lý khắp địa-hạt Vinh để trù-liệu các phương pháp cho nhân-dân tỉnh đó được yên-ổn, và bài-trừ các việc biến-động.

Bắt mấy đảng-viên cách mệnh.— Sáng sớm hôm mồng 6 sở Mật-thám được tin có ba người đàn-ông và hai người đàn-bà thuộc đảng cách-mệnh trú ở trong một cái nhà thuộc làng Hậu-giám thì phái ngót hai mươi viên chức Tây Nam đến vây bắt. Một người đàn-ông trong bọn cách-mệnh tên là Hoàng Đình-Dị trúng đạn chết ngay, một người tên là Tiến bị thương nặng. Khi đem về giam tại sở Mật-thám cũng chết nốt, còn một người đàn-ông nữa với 2 người đàn bà thì bị bắt. Đem

giam ở sở Mật-thám, thì một người đàn bà trong bọn hai người bị bắt tên là Đỗ Thị - Tâm, là vợ Hoàng Đình-Dị, dùng cách làm cho ngạt hơi mà tự-tử. Hai người mật-thám ta bị thương. Các viên - chức mật-thám còn bắt được 3 khẩu súng lục và nhiều đạn. Cứ lời sở mật-thám thì mấy người này có can về việc ám sát Nguyễn Bình, đội Dương và nhiều cuộc ám-sát nữa.

Một bản nghị-định mới. — Quan Toàn-quyền mới ký nghị-định tuyên - bố thi - hành tại Đông-Pháp đạo sắc-lệnh ngày 5 Juillet 1920 và đạo luật ngày 24 Mai 1894 về việc giữ các súng ống và các đồ binh-khí.

Mấy việc xảy ra ở Nghệ-an và Hà-tĩnh. — Hôm mồng 7 ở Hà - tĩnh có chừng 500 người biểu - tình đến đánh huyện Can-lộc, sau lính khố-xanh đến giải-tán và bắt mấy người đầu đảng.— Sáng mồng 8, có hai bọn từ 600 đến 800 người biểu-tình từ huyện Can-lộc kéo lên tỉnh - lỵ Hà - tĩnh, cũng bị lính khố-xanh giải-tán. — Lại một bọn từ 6 đến 8 trăm người đến đánh đồn khố-xanh Đò - lương gần phủ Anh - sơn (Nghệ-an), bị lính ở đồn đánh đuổi. Sau lại có hai bọn biểu-tình nữa kéo lại đồn đều bị tàu bay giải-tán.

Ba giờ sáng hôm mồng 9 có 300 người biểu - tình chực chiếm huyện Cam-xuyên thuộc tỉnh Hà-tĩnh, sau kéo nhau lên tỉnh thì nửa đường gặp quan Sứ, quan Tuần và một toán lính. Bọn biểu-tình không chịu giải-tán, nên bị lính bắn chết 4 người và 4 người bị thương. — 9 giờ sáng, quan tỉnh được tin một bọn biểu-tình đánh phá huyện Kỳ-anh, cho lính kéo xuống thì gặp một nghìn người biểu-tình, lính bắn chết 1 người và 1 người bị thương.

Ba giờ sáng hôm 11 có một bọn cộng-sản đến phá ga Yên-xuân gần Vinh, đập gẫy máy đánh điện - tín. Lính đến can-thiệp bắt được 23 người. — Ngày hôm ấy một toán lính khố-xanh đang tập ở Bích-hoa thuộc huyện Thanh-chương (Vinh) bị bọn cộng-sản ập đến đánh. Lính bắn lại bọn biểu-tình vừa chết vừa bị thương mất 15 người. Ở Nam-định đã phái một toán lính Lê-dương vào giúp sức cho lính trong đó. — Hôm 12 có 8 nghìn người biểu-tình ở huyện Nam-đàn lên đánh phủ Hưng-nguyên cách Vinh 3 cây số. Được tin các toán lính khố xanh ra chặn đường, lại có tầu bay ném tạc-đạn xuống chết mất hơn một trăm người và nhiều người bị thương. Lính bắt được nhiều người.

Biểu-tình ở Nam-kỳ.— Đêm hôm 11 ở làng Vinh-lộc gần Gò vấp, tỉnh Gia định (Nam - kỳ) có một bọn 300 người biểu-tình Một toán lính khố xanh đến bắn bị thương nhiều người. — Hôm 12 ở Chợ-lớn có một bọn 300 người phá một cái cầu trên sông Rạch-cưa-cam và đình chợ làng Than-lưu. Bọn kỳ mục và lính khố xanh đến giải-tán được ngay. — Làng Long-hiệp ở giữa Gò-đen và Bến-lức bị một trăm người đến đánh phá. Lính khố xanh đến bắn vào thì bọn biểu-tình giải-tán ngay.

Hai vụ cộng-sản tại tòa Thượng-thẩm.— Sáng ngày 15 tòa Thượng-thẩm đã họp để xử lại hai vụ cộng sản ở Bắc-giang và Bắc-ninh. Vụ Bắc-giang 7 người trước bị tòa án tỉnh ấy phạt 3 năm tù và 10 năm quản-thúc nay tòa Thượng-thẩm kết án một người 7 năm khổ-sai, 10 năm quản-thúc; một người 5 năm tù, 10 năm quản-thúc; hai người 4 năm tù, 10 năm quản-thúc; hai người 3 năm tù, 10 năm quản-thúc và một người 3 năm tù án treo, 10 năm quản-thúc. — Vụ Bắc-ninh, một người trước bị tòa án tỉnh đó kết tội tử-hình, nay giảm làm khổ-sai chung - thân; hai người trước 5 năm tội đồ, nay một người tăng lên 20 năm khổ-sai và một người 10 năm; còn một người bị y án 20 năm khổ-sai.

Bài diễn thuyết của quan Thống-sứ đọc tại viện Dân-biểu Bắc-kỳ

Ngày 25 Septembre vừa rồi viện Dân-biểu Bắc-kỳ đã họp kỳ đại-Hội-đồng thường niên tại hội Khai-trí Tiến-đức. Quan Thống-sứ ROBIN *có đọc một bài diễn-văn để khai-mạc Hội-đồng, bài diễn-văn này thật dài và rất là quan-trọng, xin tóm lược các điều cốt-yếu như sau này :*

Trong lời nói đầu bài diễn-văn, quan Thống-sứ phàn-nàn về các việc biến-động xảy ra ở xứ này từ hồi đầu năm đến giờ. Những cái thảm-trạng thương-tâm của kẻ phiến-loạn đã gây ra trong chốn dân-gian tuy không có tay nước Nga trực-tiếp đứng chủ-trương, nhưng cũng là chịu ảnh-hưởng các cuộc vận-động của đảng quá-khích Nga qua nước Tàu mà sang đến đây vậy. Ngài lại phác-họa ra một bức chân-tướng của nước Nga Sô-viết ngày nay để cho dân-gian khỏi tưởng lầm rằng đảng quá-khích có thể mưu cuộc hạnh-phúc cho nhân-loại, mà bùi tai nghe những lời dỗ ngọt của bọn quấy rối. Về phần Chính-phủ, quan Thống-sứ quyết rằng từ trước đến giờ vẫn lưu-ý săn-sóc đến luôn. Xem như việc cho dân được tự-trị các xã-thôn, cho các quan-lại được khôi-phục quyền đứng với điều-ước Bảo-hộ Bắc-kỳ, lại nay mai sắp trù-tính mấy cuộc cải-cách to cho dân An-Nam được tấn-tới về đường tinh-thần và vật-chất thì đủ biết Chính-phủ một lòng thành-thực mà tin ở cái hậu-vận xứ này.

Sau khi đã thuật lại và ngợi-khen các công-việc của viện dân-biểu vừa mãn-hạn, quan Thống-sứ có nói đến mấy việc sửa đổi mới trong viện do nghị-định quan Toàn-quyền ngày mồng 3 tháng 3 và mồng 7 tháng 4 năm 1930 cho thi hành. Điều sửa đổi thứ nhất là từ nay trong viện ngoài số đại-biểu nhân-dân bầu, quan Thống-sứ lại chiếu lời tư của các quan công-sứ và đốc-lý các tỉnh mà lựa cử ra một số nghị-viên bằng chia tư một phần tổng-số các nghị-viên trong viện. Điều thứ hai là thời-hạn của Nghị-viện trước 3 năm nay tăng lên 4 năm. Điều thứ ba là các nghị-viên dân-cử trong khi tại-chức không được hưởng huy-chương phẩm-hàm gì cả. Điều thứ tư là ban trị-sự của viện cùng chức viện-trưởng mỗi năm bầu lại một lần. Quan Thống-sứ muốn sau này yêu-cầu được bên Bộ cho phép hỗn-hợp hai viện Dân-biểu Tây-Nam vào làm một, vì cả hai viện chức-vụ và quyền-hạn cũng như nhau, để cho các nghị-viên An-Nam được gần các nghị-viên Tây mà họp-tập công-việc thêm nữa.

Quan Thống-sứ nhắc lại mấy trận thiên-tai đã làm cho nhân-dân mấy tỉnh Bắc-kỳ bị đói kém, là trận bão hồi tháng 7 năm 1929, rồi kế đến vụ rét đặc-biệt làm cho các hoa mầu không lên được nữa, lại một nỗi cứ tháng 3 tháng 4 vừa rồi giá gạo cao quá làm cho dân các nơi đông-đúc phải một phen nguy-cấp. Đối với cái tai-nạn này, Chính-phủ đã dùng hết các kế-hoạch lâm-thời để giúp dân cho qua cơn đói, nào cấm xuất-cảng gạo, trích tiền công-quĩ mua thóc gạo cấp cho dân, nào ngăn cấm kẻ tích-trữ thóc gạo, lại lập các hội cứu-

tế và mở các cuộc chẩn-cấp. Tuy các phương-cách đó cũng tiềm-tiệm giúp cho dân qua kỳ giáp-hạt được, nhưng cũng phải đặt ra một cái cơ-quan bảo-hiểm chung để lâm-thời gặp sự tai-nạn có đủ tiền gạo chu-cấp cho nạn-dân ngay được. Cái cơ-quan bảo-hiểm quan Thống-sứ định xin lập là một cái quĩ riêng gọi là « kho cứu-tế xứ Bắc-kỳ ». Tiền gốc của kho cứu-tế là 10 vạn đồng do sổ chi-thu Đông-Pháp cấp cho, lại thêm các khoản thu-nhập thường và bất-thường nữa. Quĩ cứu-tế sẽ do một hội-đồng Tây Nam quản-trị, tiền quĩ không dùng đến đem đặt lãi, lại nhận cả các khoản lạc quyên của các nhà hảo-tâm cho nữa.

Muốn cho cách sinh-nhai của dân quê được rộng-rãi hơn, nên ngày 23 tháng 7 vừa rồi quan Thống-sứ ra nghị-định để riêng ngót sáu vạn mẫu tây đất bãi bể Bắc-kỳ cho các làng ở duyên-hải khai-khẩn giồng giọt, hoặc di-cư ra đó mà lập-thành xóm-mạc. Song ngài e dân quê nghèo mà việc kinh-lý các bãi bể phải tốn-kém, nên ngài định đặt ra một phần tư-điền cho những người An-Nam nào xuất tiền ra kinh-lý các ruộng đất mới cho làng

Về công việc trong các hương-thôn quan Thống-sứ lấy làm chú ý lắm. Các tổng-lý theo bản nghị-định ngày 25 tháng 6 năm 1922, thì do dân bầu-cử. Sự bầu-cử này sinh ra nhiều thói tệ-lạm, ai có nhiều tiền dù không xứng-đáng cũng được bầu, còn những người có tư-cách, không ưa cái lối mua chuộc, thì muốn tránh xa các cuộc bầu-cử. Muốn sửa-đổi cái tình-tệ đó quan Thống-sứ ký nghị-định ngày mồng 3 tháng 7 vừa rồi, có 3 điều cốt-yếu, một là tổng-lý từ nay do quan An-Nam bổ-dụng; hai là phải dùng cách tuyển-bổ mà cách bầu-cử là cách đặc-biệt; ba là các tổng lý làm việc trong một thời-hạn đã định mà không có trách-cứu gì thì tự-khắc được thưởng phẩm-hàm.

Ở mấy tỉnh trung-châu thường thấy dân-sự kêu ca rằng thuế-má phải nộp nhiều mà các việc công-ích nhà-nước làm trong hàng tỉnh không tương-đương với tiền phải góp. Muốn cho dân được mục-kích ngay cái tiền mình đáng góp dùng làm việc gì, Chính-phủ vừa thử thi-hành cái chính-sách địa-phương phân-quyền về đường tài-chính, nghĩa là đặt các sở chi-thu hàng-tỉnh để cho tỉnh nào cũng có thể đối-phó với những sự cần-dùng riêng của tỉnh ấy. Tiền thu của các sở chi-thu hàng tỉnh thì một nửa do sổ chi-thu Bắc-kỳ nhường lại cho, hoặc cả, hoặc một phần về các khoản thuế, một nửa do sổ chi-thu Đông-Pháp trợ-cấp cho. Còn khoản chi-xuất là toàn chi-tiền về các công-sở trong hàng tỉnh. Cái chế-độ mới về sổ chi-thu hàng tỉnh này không phải là đủ giải-quyết được hết các điều khó-khăn về tài-chính, muốn cho các khoản chi-thu được tương-đương, còn cần phải hết sức tiết-kiệm nữa.

Sự tiết-kiệm thật là rất cần, vì quan Thống-sứ đã xét cần phải tăng lương cho mấy ngạch trong các công-sở nhà-nước. Hiện ngạch lính khố-xanh là ngạch rất có công-lao với nhà-nước trong việc biến-động mới rồi, đã được

tăng lương. Khoản tăng này mỗi năm tới ngót tám vạn đồng. Thời buổi đắt đỏ muốn cho ngạch quan-lại có đủ lương ăn tiêu cho xứng đáng, quan Thống-sứ nói quyết phải tăng lương cho ngạch này, nhưng ngay một lúc mà tăng cho cả toàn ngạch thì tốn cho sổ chi thu mỗi năm tới 40 vạn đồng, không thể có ngay được. Vậy bắt đầu từ năm 1932 hãy tăng cho những ngạch dưới rồi mấy năm nữa đến bậc các quan phủ huyện, sau nữa mới đến các quan Tổng-đốc Tuần-phủ. Ngạch quan-lại từ năm ngoái lại được tăng rộng quyền. Các quan hành chính có quyền được phê vào lý-lịch và xét đoán cái thái-độ chính trị của các viên-chức các sở làm việc trong hàng tỉnh.

Về việc cải cách trong ngạch sơ-đẳng tiểu-học, quan Thống-sứ lấy làm chú-ý lắm. Ngài có nghiệm ra rằng trong cuộc biến-động mới rồi có nhiều giáo-viên và học-sinh theo chủ-nghĩa cách-mệnh. Việc này xảy ra được là tại từ trước đến giờ ngạch giáo-học không có người kèm-thúc luôn. Nay muốn cải-cách cái chế-độ cũ, quan Thống-sứ bắt ngạch này phải thuộc quyền các quan hành-chính. Ngài lại khôi-phục lại cái ngạch quan giáo-chức cũ. Ở mỗi huyện đặt một viên huấn-đạo hay giáo-thụ, chọn trong ngạch các giáo-viên sơ-đẳng tiểu-học, các viên huấn-đạo giáo-thụ không phải dạy học, nhưng phải đi săn-sóc luôn đến các giáo-viên ở các trường trong phủ huyện thuộc quyền mình. Ở mỗi tỉnh lại đặt một viên đốc-học hay điền học, chọn trong ngạch các giáo-viên cao-đẳng tiểu-học hay giáo-viên tiểu-học đã cao hàm. Đốc-học và điền-học trông nom cả các trường trong hàng tỉnh. Ngạch quan giáo chức này đứng sau ngay ngạch quan hành chính và quan tư-pháp. Việc cải cách này quan Thống sứ cho là rất chánh đáng và tỏ ra rằng Chính-phủ vẫn trọng cái phong tục tập-quán cũ của nước ta.

Từ đoạn này quan Thống-sứ thuật lại có công-việc của các sở Bảo-hộ trong năm vừa qua, thuộc về những công-cuộc kinh tế và xã hội. Việc đầu tiên là vấn-đề trị-thủy. Trong năm vừa qua đều là tu-bổ lại các đê và phòng bị những bờ sông ở vào chỗ xung-yếu. Các công-cuộc đó tốn tới ngót 2 triệu đồng và sang năm lại còn tiếp-tục nữa để cho từ rày dân nhà quê ta đỡ lo cái nạn nước lụt.

Việc Y-tế cũng tiến-bộ nhiều. Từ đây là đoạn quan Thống-sứ dùng các số mà chứng-giải các công-trình ngài thuật lại. Nào số người nằm chữa bệnh ở các nhà thương, số người đến khám bệnh, nào số các người đẻ do các bà mụ đỡ, đại-loại đều tăng-tiến hơn trước cả. Có hai việc quan-trọng đang làm là việc thuyên nhà thương Bắc-hộ xuống Bạch-mai, kinh-phí tới 1 triệu rưỡi hay 2 triệu đồng, và việc lập một nhà thương người điên ở Vôi, kinh-phí tổng-cộng tới 500.000 đồng. Nhà thương Bảo-hộ làm xong thì có thể chứa được 1400 bệnh-nhân và nhà thương người điên thì chứa được hơn 400 người.

Từ ngày Chính-phủ can thiệp đến việc mộ phu, hạn-chế việc nhân công xuất ngoại, lại kiểm soát cho thợ thuyền được đủ cách đảm-bảo, thì việc tuyển mộ nhân công đã được hoàn-hảo. Và

lại vài năm gần đây số nhân-công ứng-mộ ra làm ngoài giảm đi nhiều lắm, khiến cho trong xứ Bắc-kỳ vẫn còn dư nhân-công, đủ cho sự cần dùng để khởi các công-trình lớn về cuộc công-thái sau này. Quan Thống-sứ ân-cần khuyên các ông nghị chớ nên nghe những lời gièm-pha của bọn thợ bất-lương bị thải-hồi, nói xấu chủ cũ để gây mối thù-oán, khiến cho các người khác không chịu đi làm các đồn-điền nữa.

Các điền-thổ ở các nơi thôn quê trước kia phân chia mập-mờ khiến sinh ra nhiều sự tranh đành lôi-thôi. Muốn tránh sự lôi-thôi đó quan Thống-sứ đã cho các tỉnh đạc-điền vẽ thành bản-đồ. Hiện nay trong 15 tỉnh lớn nhất ở Bắc-kỳ đã đạc được 7026 làng và số các thửa ruộng đã đạc rồi tới 14.461.600 thửa. Việc đạc-điền đã xong, lại còn phải tổ-chức việc lưu-trữ các công-văn về điền-thổ. Hiện nay đã tuyển-dụng và huấn-luyện được một bọn chưởng-bạ có học-thức, đãi họ có lợi để cho họ giữ các sổ sách về điền-thổ. Việc này cũng đã được hoàn-hảo.

Ruộng đất đã được phân-minh Chính-phủ lại còn lập ra các nhà Nông-nghiệp ngân-hàng để giúp cho các nhà nông nhỏ khi cần tiền kinh-doanh có chỗ mà vay được nhẹ lãi không khó-khăn gì, chỉ một ủy-ban hàng xã đứng đảm-bảo cho là được. Hiện nay ở Bắc-kỳ đã lập được 6 nhà Nông-nghiệp ngân-hàng ở các tỉnh Hải-dương, Hà-đông, Bắc-ninh, Bắc-giang, Nam-định và Thái-bình. Cứ xem số tiền cho vay mỗi năm kể tới hàng mấy vạn, mà tính trung-bình mỗi người vay mỗi năm chỉ trên dưới một trăm thì biết việc lập các nhà Nông-nghiệp ngân-hàng này đã đạt tới mục-đích rồi vậy.

Việc thẩm-phán ở các tòa Nam-án xét ra cần phải chỉnh-đốn lại. Đạo nghị-định của quan Thống-sứ ngày 21 tháng 9 năm 1929 từ ngày đem ra thi-hành đã bổ được nhiều các viên quan thuộc về ngạch tư-pháp làm bồi-thẩm ở các tòa án sơ-cấp. Chức dự-thẩm đã có 1 viên quan tư-pháp và nhiều viên quan ngạch hành-chính đang xung. Đạo nghị-định ngày 18 tháng tư và 19 tháng 5 năm 1930 đã bổ hai viên quan hành-chính có tài-cán và lịch-duyệt xung vào chức phó chánh án tòa án tỉnh. Mấy việc cải-cách này thiên-hạ hoan nghênh lắm, vì việc án xét ở tòa-án sơ-cấp đúng phép hơn trước và mau chóng hơn, lại các quan đầu hạt bớt được việc về tòa-án sơ-cấp, có thể chuyên chủ được việc hành-chính thuộc phận-sự của mình. Ngạch tư-pháp sau này còn khuếch-trương cho rộng ra nữa.

Quan Thống-sứ lại còn lập một Hội-đồng Tư-vấn pháp-luật ra công sưu-tập các lề-tục ở chốn dân gian xứ Bắc-kỳ để biên-tập thành một bộ dân-luật mới có thể coi là một bộ luật phong-tục về cách tổ-chức gia-đình, về các di-sản, các của tế-tự, hương-hỏa của mỗi nơi để giúp cho các tòa Nam-án lấy làm tài-liệu mà tiện việc xét xử. Vì xét ra các bộ luật cũ của ta là bắt chước của Tàu từ thượng-cổ tới nay, giờ đem ra thi-hành thật là không thích hợp chút nào cả. Bộ luật phong-tục này khi nào xong hẳn đem truyền-bá rộng ra, còn

giúp được cho người An-Nam ở Bắc-kỳ biết được tường-tận về phong-tục xứ mình nữa.

Bọn học-sinh ta du-học bên Pháp vì xa nhà cửa, không ai khuyên ngăn nên dễ bị những bọn phiến-loạn xui giục làm càn. Như đầu năm nay có mấy người học-sinh Đông Pháp, nhất là người Bắc-kỳ, đua đòi tham dự vào những cuộc biểu-tình bậy-bạ ở bên Pháp, đã bị Chính-phủ khu-trục về nước rồi. Bọn học-sinh này làm như thế là lừa hại cha mẹ và tự huỷ-hoại cái tiền-đồ của mình đi, vì những người đã có những tì-tích như thế thì không được bổ vào các ngạch quan-chức của Chính-phủ Bảo hộ nữa. Nay muốn tránh những sự nguy-hiểm cho bọn học-sinh đi du-học bên Pháp, quan Thống-sứ khuyên các ông Nghị-viên nên chỉ dẫn cho những nhà có con em đi học ngoài biết rằng hiện có hai cái cơ-quan có thể đối-phó với các sự nguy-hiểm đó, một cái « cơ-quan bảo-trợ cho các học-sinh Đông-Pháp ở Pháp », hiện lập ở Paris *và một cơ-quan chỉ-dẫn cho các phụ-huynh ở đây, tức là ban « Bảo-trợ du-học-sinh » ở Hà-nội. Quan Toàn-quyền* PASQUIER *cũng có tuyên-bố một tờ huấn-dụ để chỉ-bảo những điều nên theo cho những nhà có con em đi học bên Pháp, lời huấn-dụ này ai cũng nên đọc và truyền-bá cho rộng ra.*

* * *

Trong đoạn kết quan Thống-sứ lại nhắc lại các công-cuộc của Chính-phủ Bảo-hộ đã làm cho dân cùng mục-đích của ngài là theo đuổi công-cuộc tiến-hóa đó mãi. Ngài nói là đối với những bọn phiến-loạn, ngài quyết ra tay trừng-trị rất nghiêm ngặt. Còn phần lương-dân hiền lành chăm-chỉ và các hạng thượng-lưu tri-thức hiệp-lực cộng tác với Chính-phủ — tức là các ông Nghị-viên Dân-biểu — thì có thể tin được ở cái lòng ân cần khoan hậu của ngài. Đoạn quan Thống-sứ chúc mừng các ông nghị mới và tuyên-bố khai kỳ Hội-đồng thường-niên viện Dân biểu Bắc-kỳ.

Nam-Phong tùng-thư

Mới xuất-bản :

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Địa-dư Hà-nội). Đông-kinh ấn-quán xuất-bản, giá 0p.40 ; ở xa tiền cước ngoài.

Xuất-bản trước :

1. — Văn-minh luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp, quyển thứ I, 5 hào, quyển thứ II	4 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.

Sắp xuất-bản :

Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE.